

Tuyển tập

NGUYỄN HÙNG

Nguyễn Bình

Huyền thoại & Sự thật

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

Nguyễn Bình, Huyền Thoại và Sự Thật

Tác giả: Nguyễn Hùng

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Nhà xuất bản Văn Học, Hà nội, 1995

Chịu trách nhiệm xuất bản Lữ Huy Nguyên

Biên tập: Hoàng Lại Giang

Trình bày sách: Trần Khoát

Bìa: Hoài Văn

Sửa bản in: Hằng Minh

Thay lời bạt

Nhớ về “anh Bình”

Bác sĩ Ngô Văn Quỹ

Trong những ngày đầu kháng chiến chống đội quân viễn chinh Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, tình hình ở miền Nam lúc đó thật sức rối ren phức tạp, đến mức nhiều người đã phải gọi đó là một “thời kỳ thập nhị sứ quân”. Tuy mẫu số chung của tất cả là một lòng yêu nước nồng nàn, một ý chí cương quyết vùng lên “đánh Tây, đuổi Nhật” để giành lại độc lập chủ quyền, nhưng có nhiều xu hướng khác nhau, nhiều hoàn cảnh khác nhau, nhiều điều kiện khác nhau làm cho các lực lượng bị phân tán, chia mỏng, đơn độc, thậm chí có nơi, có lúc còn đối lập với nhau nữa. Tình thế này là hết sức bất lợi trước một kẻ thù đã thiện chiến lại được trang bị vũ khí đầy đủ, nên nguy cơ các lực lượng kháng chiến còn trong trứng nước có thể bị kẻ thù xé nhỏ, tiêu diệt dần dần, là điều khó tránh khỏi.

Giữa lúc hiểm nghèo nghìn cân treo sợi tóc đó, thì Trung ương cử một đặc phái viên vào: Đó là ông Nguyễn Bình, tên thật là Nguyễn Phương Thảo, lúc đó đang là tư lệnh Đệ Tứ chiến khu ở ngoài Bắc và sau này là Trung tướng đầu tiên ở nước ta. Vừa đặt chân đến chiến trường

Miền Nam, với nhân quan của một vị tướng, đồng thời là một nhà chính trị, ông Bình đã có ngay một chủ định: Đó là trước tiên phải tìm mọi cách tập hợp các lực lượng kháng chiến dưới một sự chỉ huy chung và nhanh chóng tổ chức cuộc kháng chiến toàn lực, toàn diện của toàn dân. Đây là một công việc cực kỳ phức tạp, khó khăn và gian khổ.

Nhưng biết dựa vào Đảng, vào quần chúng, lấy chính nghĩa thu phục lòng người, ông đã thành công trong sứ mạng lịch sử này, góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến, kìm hãm, đẩy lùi bước chân xâm lược của kẻ thù, phá vỡ ảo tưởng của chúng “có thể chiến thắng một cuộc hành quân như đi diều bính nhanh chóng bình định được bọn phiến loạn”. Sau này, nhận định về việc Bác Hồ và Trung ương phái ông Nguyễn Bình vào Nam lúc đó, nhiều người đã cho rằng chủ trương này là hết sức sáng suốt và kịp thời, “đúng người, đúng lúc và đúng chỗ” nên đã góp phần thay đổi được cục diện chiến trường có lợi cho ta.

Ông Bình là một người quả cảm, dám nghĩ dám làm, không lùi bước trước gian nguy. Ông đã mấy lần mạo hiểm cải trang vào Sài Gòn lúc đó đang chiếm đóng bởi quân Anh, Pháp, Nhật và đầy nhóc những mật vụ, chỉ điểm. Chủ định của ông là muốn trực tiếp thị sát hang ổ địch và đặt kế hoạch đánh thẳng vào đầu não kẻ thù. Đánh giá sự kiện ấy, sau này có nhiều người cho đó là những hành động liều lĩnh, mang nhiều tính chất anh hùng cá nhân, mà một vị chỉ huy không nên và không được phép làm. Nhưng nếu đặt sự kiện vào trong tình hình và bối cảnh lịch sử lúc đó, thì lại có thể thấy đây là một việc làm cần thiết, tuy kết quả cụ thể rất hạn chế, nhưng mang nhiều ý nghĩa và có nhiều tác dụng về các mặt khác.

Sự kiện ông Bình bị kẻ địch bắt, rồi trong lúc bị chúng giải đi, đã mưu trí dũng cảm, ngay trước mũi súng của quân thù, tự giải thoát được và giải thoát cho người cùng đi, đã gây nhiều xúc động và cảm phục, lay động lòng người.

Trung tướng Nguyễn Bình là một người có vóc dáng vạm vỡ khỏe mạnh, có khuôn mặt cương nghị, cử chỉ chính xác, thái độ điềm đạm, ít nói, nghe nhiều. Từ ông toát ra một sự tự tin, một sức mạnh nội tâm được kiềm chế, gây ấn tượng mạnh mẽ cho người đối thoại.

Những ngày được sống và làm việc bên ông, tôi cảm thấy kính trọng và quý mến ông như một người anh cả trong gia đình. Trong đời thường, cách cư xử của ông hết sức bình dị và chân tình, dễ thu phục được nhân tâm.

Ngày nay, sau nhiều năm tháng, với tầm lùi của thời gian, lần theo những nẻo đường kháng chiến, để lộng lảng vào ký ức, tôi vẫn nhớ về “Anh Bình”, một người, trong khói lửa chiến tranh, đã dạy tôi những bài học khó quên về lòng yêu nước, về ý trí quyết thắng, về lạc quan cách mạng, về sự yêu đời và yêu con người. Anh mất đi quá sớm, trong khi mới đi được một quãng đường ngắn trong cuộc trường chinh vĩ đại - lớn nhất của thế kỷ này - mà dân tộc ta đã

trải qua. Công lao của Anh, tên tuổi của Anh, cũng như hằng hà sa số công lao và tên tuổi vinh quang khác của dân tộc, sẽ vẫn sáng ngời trên đài Tổ quốc ghi công.

Thành phố Hồ Chí Minh - Ngày 23 tháng 9 năm 1994

Bác sĩ Ngô Văn Quỹ

Chương 1

Luỹ tre làng cản ngang tầm mắt

Nguyễn Phương Thảo rời Bắc vô Nam

Trời mưa rả rích lê thê, gió thổi từng cơn hắt những giọt mưa rơi từ mái tranh vô nhà, mang theo khí lạnh ẩm ướt. Thảo ngồi co ro nơi trường kỷ: lắng nghe tiếng mưa rơi cùng tiếng ếch nhái ngoài đồng.

Trong nhà im lặng như tờ. Cha anh đi vắng, mẹ anh ngủ vùi sau một ngày lao động vất vả. Chỉ có một mình anh ngồi đối diện với ngọn đèn dầu. Cha mẹ anh có năm người con bốn trai, một gái, anh cả làm thông phán Bưu điện ở Hải Phòng. chị thứ hai lấy chồng ra riêng, anh thứ ba cưới vợ cũng ra riêng.

Thảo thứ tư và người em út kém anh vài tuổi. Thảo sinh năm 1908, nhằm năm Mậu Thân, năm nay mười bảy, đang học năm thứ hai trường học ở Hải Phòng.

Giữa niên học, Thảo bỗng đổi ý. Thay vì cố học để sau này làm công chức như anh Cả, Thảo lại thích dần bước giang hồ. Tuổi trẻ thích bay nhảy. Những chân trời vẫy gọi vô cùng quyến rũ.

Bên ngoài trời vẫn mưa rả rích, ếch nhái ván tấu bản nhạc đồng quê buồn muôn thuở. Thảo càng thêm cương quyết. Không thể chôn chân nơi chốn chiêm khô mùa thối này mãi, phải lên đường tìm tương lai.

Nam Kỳ là đất dụng võ của những kẻ quyết chí lập thân. Hôm nay Thảo về quê Yên Phú để xin phép cha mẹ. Anh biết trước cha sẽ không bằng lòng và sẽ khuyên anh không nên “thả mồi bắt bóng” như chó ngoạm miếng thịt chạy qua cầu trong sách Quốc văn giáo khoa thư. Nói làm sao đây để thuyết phục cha cho anh ra đi tìm chân trời mới? Khó lắm! Cách hay nhất là biên thư để lại. Khi cha đọc thư thì anh đã xuống tàu ra khơi.

Chiếc tàu Pélican của hãng Messagenés Maritimes nhổ neo từ từ tách bến. Thảo lâng lâng như uống mấy cốc rượu. Đàn hải âu bay lượn sau lái tàu là hình ảnh khắc sâu trong tâm

hồn chàng trai lần đầu tiên lao vào kiếp phiêu lưu vô định. Thảo đặc biệt chú ý một con hải âu nhỏ nhất đang xòe đôi cánh tơ mềm trong gió lộng, có lẽ nó mới rời tổ ấm để thử sức lần đầu. Cũng như mình háo hức, tràn đầy khát vọng. Tự nhiên Thảo ví mình với chú hải âu đáng yêu ấy.

Sau mấy ngày lênh đênh trên biển, tàu cập bến Nhà Rong, anh thợ giặt ủi bất đắc dĩ bắt tay từ biệt các bạn thuỷ thủ bước xuống Khánh Hội. Trước mắt anh, một cảnh tượng vui mắt: Tây, Tà, Chà, Chệt, người thì đủ sắc, xe thì đủ loại, xe hơi, mô tô, xe kéo, xe ngựa... Thảo xách gói hành lý nhỏ theo dòng người đi về chợ Bến Thành. Qua cầu Móng, đã thấy phố xá đông vui. Sài Gòn sầm uất hơn Hải Phòng của anh nhiều. Thảo đi về phía chợ, một biệt thự xuất hiện nguy nga tráng lệ như nhà Tây. Hỏi mới biết là nhà chú Hoả, một người Tàu giàu nhất Sài Gòn - Chợ Lớn. Theo chỉ dẫn của người bạn, Thảo tìm đến một nhà trọ ở trong hẻm gần nhà ga xe lửa. Ở đó anh được chủ nhà cho mượn ghế bố nghỉ trưa và nghỉ đêm. Cơm ngày hai bữa dọn chung cho tất cả mọi người ở trọ thuộc nhiều giới: thầy ký công tư sở, thanh niên học nghề. Mỗi mâm bốn người. Nhà nấu cơm tháng này chứa khoảng mười hai người, giá cả rất vừa túi tiền giới bình dân. Thảo rất vừa ý nơi này. Anh có đủ tiền để ở trọ lại đây trong một tháng thời gian vừa phải đi tìm việc làm. Hàng ngày anh thả rong khắp phố phường khám phá thành phố mà Pháp hãnh diện gọi là Hòn ngọc Viễn Đông. Phương tiện đi lại rất dồi dào: xe điện, ô tô buýt, xe thổ mộ. Thảo thích ngồi vắt vẻo trên xe thổ mộ. Tiếng móng ngựa gõ lộc cộc xuống đường nhựa nghe hay hay, thỉnh thoảng anh xà ích tra cán roi vô cảm tạo âm thanh giòn giã như một bản nhạc độc đáo của Sài Gòn. Thảo đi khắp nơi: Chợ Cũ, Cầu Muối, Cầu ông Lãnh, Cầu Kho, Chợ Quán, Chợ Lớn, Bình Tây. Đi xe điện cũng có cái thú của nó. Thảo thích ngồi ngắm thành phố chạy dài theo đường xe điện, ngồi ăn bánh mì ngọt thơm bơ gọi là bánh croissant, vừa thưởng thức mùi vị ngọt ngon vừa ngắm cảnh, còn vui thú nào hơn. Về đêm, những ánh điện sáng xanh với tiếng chuông leng keng mỗi khi qua các ngã tư đường là hai nét độc đáo của xe điện mà Tây gọi là “tramway” mượn của người Anh...

Cảnh chỉ là phụ, người mới là chánh. Thảo có óc quan sát về sinh hoạt của thành phố. Tất nhiên anh quan tâm trước nhất là cộng đồng người Bắc lập nghiệp trong Nam. Số này ở từng nhóm theo tập quán phố phường của Hà Nội. Ngành da tập trung mấy dãy phố đường Đết-pan. Ngó qua vách Khảm Lớn, ngành tơ lụa chiếm một khúc đường Catinat(1) là một trong những khu sang trọng nhất. Ở dưới dốc cầu Kiệu gần chợ Phú Nhuận là nơi hành nghề của các chị em cô đầu, trước nhà có gắn đèn xanh đỏ và bên trong vang lên tiếng đàn tiếng ngâm “Hồng Hồng, Tuyết Tuyết, mới ngày nào có biết cái chi chi...”

Còn cộng đồng người Tàu thì nắm trọn ngành thương nghiệp. Hầu hết các dãy phố trong Chợ Lớn đều do người Tàu mở tiệm buôn và ăn uống, từ bình dân như mấy tiệm Băng Gia bán hột gà chưng cho tới các nhà hàng sang trọng như Ngọc Lan Đình, Đại La Thiên.

Người Tàu và người Bắc có một điểm giống nhau là tình đoàn kết của những kẻ tha phương cầu thực. Người Tàu sống theo bang, Quảng Đông, Triều Châu, Phước Kiến, Hải Nam, Hẹ v.v... Quảng Đông buôn bán lớn, Hải Nam mở quán nước. Tiều làm rẫy, Phước Kiến dạy học... Thảo thích vô quán Tàu ăn cơm thối với thịt xá xíu, canh cải bẹ xanh nấu thịt hầm và đập lên trên một quả trứng vịt nửa sống nửa chín. Hồi ở Hải Phòng, anh học chút ít tiếng Quảng Đông, nhờ vậy có thể nói chuyện với đám phổ ky vui tính thích trò chuyện với khách. Câu nói đầu môi của họ là hỏi: “Lị xúc phàn chưa?”. Thảo ngẫm nghĩ và nảy ra một ý nghĩ hay hay: chỉ những người biết đói khát mới quan tâm tới chuyện cơm nước, mới hỏi thăm cuộc sống của những người bên nhau. Những kẻ lưu lạc nghèo đói dễ gần nhau đúng như khẩu hiệu Thảo thường thấy trong báo Pháp lén lút đưa vô thuộc địa “vô sản toàn thế giới, liên hiệp lại”.

Chú thích:

(1) D' Espagne nay là Lê Thánh Tôn. Catinat nay là Đồng Khởi.

Chương 2

Thích giang hồ, trọng người hảo hớn

Chợ Bến Thành kết bạn Sơn Vương

Bạn cùng nhà trọ với Thảo có một thanh niên học nghề máy nổ rất mê tiểu thuyết. Hễ về tới nhà là lật ghế bố đọc say mê. Có lúc Thảo bắt gặp anh ta cười một mình, rung rinh cả ghế bố. Thấy Thảo tò mò nhìn mình, anh ta đưa quyển sách cho Thảo, nói:

- Anh phải đọc nó mới được. Hay lắm!

Thảo nhìn quyển sách nhàu nát: đó là cuốn “Kim thời dị sử” của nhà văn Ngũ Biên Nhi, xuất bản vào tháng 8-1921. Trong năm năm qua không biết bao tay người đọc sách, lem luốc bẩn thỉu nhưng còn đọc được. Thảo liếc sơ qua lời giới thiệu của Nguyễn Kiệu Đính, tổng lý Công Luận Báo: “Chuyện đạo tặc mà không hại cho phong hoá”. Tò mò Thảo mượn đọc và thật bất ngờ anh bị lôi cuốn ngay tức khắc. Câu chuyện thật hấp dẫn: Ba Lâu làm nghề đạo tặc, lấy của nhà giàu chia nhà nghèo. Anh ta cứu một người có máu mê cờ bạc tự vẫn vì thua cháy túi, rồi cho tiền khuyên y làm lại cuộc đời. Sau đó Ba Lâu dùng kế đánh chà “Siết-ty” đoạt sáu muôn(1) đồng. Trận đánh xảy ra ở Takeo rất ly kỳ. Xe chà Siết-ty chở tiền đi Takeo để cho vay bị Ba Lâu tráo tài xế, tới chỗ phục kích, tài xế ngưng xe để Ba Lâu tấn công giật cặp da đựng tiền...

Thảo đọc say mê đến hết tập một, hỏi mượn tập hai. Anh bạn cười nói:

- Mê rồi phải không? Rất tiếc là tập hai thất lạc... Nếu anh muốn đọc loại này thì tôi cho

anh mượn cuốn khác còn hay hơn nữa. Đó là cuốn Tướng cướp hào hoa của Sơn Vương. Hể đọc là mê, tôi dám cam đoan mà!

Đây là là loại trường thiên tiểu thuyết đọc ròn rã một ngày là xong. Cốt chuyện ly kỳ, văn chương trau chuốt: một tay hảo lớn thấy chuyện bất bình ra tay nghĩa hiệp. Để có tiền làm việc “cứu dân độ thế”, y nghĩ ra sách “làm tiền” đánh cướp các chủ đồn điền cao su, đánh cai tổng, Huyện hàm(2). Cách đánh cũng mới: xe hơi, súng lục, tạc đạn... truyện hấp dẫn như coi chiếu bóng...

Đọc xong, Thảo hỏi:

- Sơn Vương là ai mà viết hay vậy?
- Muốn làm quen hả? Vậy thì sáng mai đi với tôi. Ông ta ở gần mình thôi.
- Ở đâu mà gọi là gần?
- Chợ Bến Thành chớ đây. Tám giờ sáng ngày mai, tôi sẽ giới thiệu anh với ông ta.

Sáng hôm sau Thảo theo bạn ra Bến Thành. Trên vỉa hè đường De la Somme (nay là Hàm Nghi) đám thầy bói ngồi một dãy dài. Ông nào cũng mang kính râm, trước mặt bày mu rùa hoặc bộ bài cào. Giang sơn mỗi người là chiếc chiếu manh bấy tấc. Đến góc đường Monlau (nay là Huỳnh Thúc Kháng) người bạn đường lại chỉ một người dong dỏng cao mặc bộ bà ba lụa Tân Châu ngồi trên tấm vải ka-ki, trước mặt là một chồng sách khổ nhỏ, loại tiểu thuyết từng thiên mà Thảo vừa đọc xong.

- Nhà văn Sơn Vương của chúng ta đó.
- Thật không?

Thảo không tin một nhà văn ngồi vỉa hè bán sách của chính mình viết. Lâu nay anh nghĩ nhà văn sống trong tháp ngà - cách gọi văn vẻ để tả cái gác trọ - tuy không giàu sang thì cũng phong lưu...

Anh bạn cười nói:

- Lạ lắm phải không? Nhưng dân Sài Gòn không lạ mấy chuyện này đâu. Ông Nguyễn An Ninh, đường đường là chủ báo La Cloche Felée(3) mà còn dám ôm cả xấp báo rao bán ngoài đường. Vậy thì Sơn Vương bày sách của mình trên vỉa hè rao bán có gì lạ. Chuyện này chắc ngoài Hà Nội, Hải Phòng không có?

- Hà Nội thì tôi không biết chứ Hải phòng thì làm gì có chuyện này. Nhưng anh hãy giúp tôi làm quen với nhà văn bình dân này đi.

Hai người bước tới ngồi trước Sơn Vương, cầm lên các cuốn sách bày bán ngấm ngấm.

Sơn Vương vui nói:

- Có cuốn này mới nè hai chú: Luật rừng xanh. Có chữ ký của tác giả tặng cho một trăm độc giả đầu tiên.

Thảo nhìn chữ ký cười nói:

- Đọc không ra chữ Sơn Vương. Giống như chữ gì bắt đầu bằng chữ Th...

Sơn Vương gật lia:

- Chú em tinh mắt lắm. Bút hiệu là Sơn Vương nhưng qua tên là Thoại: Trương Văn Thoại. Chú em biết chữ nho không? Chữ Thoại gồm ba chữ Sơn, Vương và Nhi. Cho nên qua lấy bút hiệu Sơn Vương.

Thảo thích thú:

- Đó là lối chiết tự. Ai biết chữ nho thì thấy trò chơi chữ này hay hay.

Sơn Vương nhìn Thảo cười nói:

- Chú em ở Bắc mới vô phải không? Vô đây ở đâu? Có bà con quen biết?

Thảo chỉ người bạn:

- Tôi ở trọ cùng anh này. Chính anh này cho tôi mượn sách của ông. Đọc rồi muốn làm quen với nhà văn...

Câu chuyện tới đây bị đứt ngang vì có nhiều người tới mua sách. Chừng họ đi rồi. Sơn Vương cho sách vô bao kiêu “sắc marin” của lính thủy, cuốn mảnh ka-ki dùng lên. Thảo ngạc nhiên:

- Ủa sao không bán nữa?

- Bán sách chỉ là một cách giao du tìm bạn tri âm. Sáng nay làm quen với chú em, anh thích lắm: một người từ phương Bắc mà mẫn mọ một kẻ ở trời Nam thì thật là một điều lý thú đáng được đánh dấu bằng một tiệc sơ giao. Mời hai bạn trẻ qua bên kia đường. Ta vô quán đàm đạo.

Hai bạn trẻ theo Sơn Vương băng qua bồn binh tới đường Colollet Grinlaud (nay là Phạm Ngũ Lão), bước vô một tiệm nước một người Tàu:

- Ba tô hủ tiếu đặc biệt. Sơn Vương bảo lão Chệt bụng bự đứng bên thùng nước lèo nghi ngút khói. Đặt bao sách lên ghế kê sát tường, ông kéo ghế ngồi ngó ra đường. Thảo và anh bạn nói:

- Gọi một tô cho ông thôi. Chúng tôi ăn sáng rồi.

- Có sao đâu! Ăn rồi thì ăn nữa. Ăn với tôi để đánh dấu ngày sơ ngộ. Tôi chưa ra Bắc lên không có dịp nào làm quen với chú em, người mới chân ướt chân ráo vô đây.

Thảo cười:

- Ông muốn tìm hiểu gì?

- Những gì còn nguyên chất, chưa pha tạp. Chớ người Bắc vô Nam lâu đời thì đường Đết-pan thiếu gì!

Phổ ky bưng ba tô hủ tiếu tới. Sơn Vương kêu thêm:

- Một thau xiu quách, ba chai la-ve.

- Sáng sớm không bán xiu quách... Phổ ky lắc đầu nhưng Sơn Vương cười lớn:

- Ký tổ, ký tổ(4)! Cứ đem ra rồi tính bao nhiêu cũng được. Tao đang đãi khách quý, không thấy sao?

Phổ ky nói nhỏ với lão bụng bự. Lão này cau mày nhưng rồi cũng gật. Phổ ky đem xiu quách đầy một thau vớt từ thùng nước lèo tới:

- Ông chủ nói chỉ bán cho khách đặc biệt thôi...

- Cứ ăn tự nhiên nghe, hai anh bạn trẻ, chớ có khách sáo gì hết!

Sơn Vương ăn xong tô hủ tiếu, bóc cục xương chấm giấm ớt gặm ngon lành. Ông hút tuỷ nghe ròn rột, rồi hớp một ngụm la ve rất điệu nghệ. Mặt ông không đỏ mà tai tái, dấu hiệu một kẻ có tử lượng cao.

- Chú em đã đọc truyện nào của qua? Tướng cướp hào hoa? Thấy thế nào? Dân Nam Kỳ thích nói thẳng, không úp mở nể nang.

Thảo có chút men bia gật gù:

- Hay lắm thưa ông.

- Hay thiệt không đó! Đừng khen vì bụng nghe! À mà gọi qua bằng anh, đừng gọi ông, nghe khách sáo quá!

Thảo nhớ lời bình của chủ bút Nguyễn Kim Đính về cuốn Kim thời dị sử nói:

- Hay thiệt mà, viết về tướng cướp mà đọc không thấy sợ, trái lại người đọc khâm phục kẻ giang hồ kỳ hiệp. Chính vì vậy mà hai chúng tôi tới đây làm quen với ông... với anh.

Sơn Vương nốc cạn chai la ve, rút khăn lau mặt, lấy trong túi xách hai quyển sách, quơ cây Kaolo đề tặng.

Sơn Vương cười lớn:

- Qua quên dặn chú là qua luôn luôn đổi chỗ bởi vì việc bán sách chỉ là thứ yếu. Nó lệ thuộc mục đích của mình...

Thảo nhú mảy suy nghĩ về câu nói đó, mong nhà văn giải thích mục đích gì thì Sơn Vương hỏi:

- Sao! Đọc xong Luật rừng xanh chưa? Thấy thế nào?

Thảo nêu ngay điều mình thắc mắc:

- Nhân vật chánh trong chuyện có phải là anh không?

Sơn Vương cười hỏi ngược lại:

- Nếu qua nói nhận xét của chú đúng thì chú nghĩ sao?

Thảo vui mừng nói:

- Em nghe nói trong Nam có nhiều hảo hớn kiểu Lương Sơn Bạc. Anh đúng là một trong 108 vị anh hùng Thủy Hử. Em may mắn được làm quen với anh. Mong được đi theo con đường của anh.

Sơn Vương chỉ quyển sách Thảo cầm trên tay:

- Thì hôm qua chúng mình đã làm lễ đào viên kết nghĩa rồi đó!

Thảo nói thêm:

- Hôm qua kết bạn là vì mến văn tài của anh. Sáng nay mới biết thêm một điều quan trọng hơn văn tài: anh là một giang hồ kỳ hiệp. Có bạn nhà văn là điều hay, có bạn giang hồ kỳ hiệp còn hay gấp mười lần... Em muốn được anh dìu dắt...

Sơn Vương thân ái siết tay Thảo:

- Ngay phút đầu qua đã chấm chú rồi. Tại sao? Một chú bé dám đơn phương độc mã từ Bắc vô Nam, nội đầu óc phiêu lưu mạo hiểm đó đáng mặt giang hồ rồi. Huống chi chú lại hâm mộ văn chương nghĩa hiệp...

Đồng hồ Tổng Ngân khố điểm mười giờ, Sơn Vương cho sách vô bị nói:

- Thôi, mời chú em về nhà qua cho biết. Cũng gần đây.

Thảo theo Sơn Vương đến phía cầu Móng. Ngay ngã ba Lefebvre - Guynemer (nay là Nguyễn Công Trứ - Hồ Tùng Mậu) Sơn Vương nói:

- Đây là chủ nhà, ông Tư Chiêu, cũng được gọi theo tên bảng hiệu là ông Nam Chấn Hưng,

ông Tư ngụ tại đây, số 2 Lefebvre mấy chục năm rồi... Thảo cúi chào ông chủ tiệm may và được Sơn Vương giới thiệu tiếp:

- Còn đây là chú em từ Bắc vô Nam, mới kết nghĩa với tôi.

Sơn Vương đi thẳng lên gác, chỉ một vòng tròn cười nói:

- Giang sơn của mình chỉ có hai mươi thước vuông thôi. Nhưng ông bà mình có câu: “khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Mà ăn thì nhiều chớ ở bao nhiêu.

Vừa nói ông lấy tấm ka ki trong bị ra giăng võng nằm đu đưa hút thuốc:

- Chú có mệt thì nằm trên ghế bố mà nghỉ. Còn qua thì nằm võng quen rồi.

Thảo thích thú trước tính đa dụng của tấm ka ki, lúc là chiếc chiếu trải ở vỉa hè chung bán sách, lúc là cái võng đung đưa ru ngủ, lúc là cái mền đắp ấm trong đêm. Với Sơn Vương, không có cái gì thừa. Do vậy mà gác nhỏ bằng bụm tay cũng vừa đủ cho ông.

Hút tàn điếu thuốc, Sơn Vương nhìn đồng hồ:

- Mời chú em ăn trưa. Mình ăn cơm thố óc heo chung thuốc Bắc. Tiệm ăn sát một bên. Chú làm một chung rượu thuốc được chớ?

Thảo gật:

- Cha tôi, bữa ăn nào cũng uống một chung rượu thuốc. Tôi có nếm thử...

Sơn Vương cao hứng:

- Lại thêm một điểm hai anh em mình giống nhau. Ông thân của qua là thầy thuốc Nam mỗi bữa ăn làm một chung rượu thuốc. Quê mình ở Gò Công, sát bờ sông Soài Rạp. Do vậy mà tâm hồn mình cũng cuồn cuộn sôi nổi như con sông cái chảy ra Vàm Láng. Sông Soài Rạp chảy bạo hơn sông Lòng Tàu. Nhưng mà chú có biết hai con sông này đâu...

Thảo vội nói:

- Sông Soài Rạp thì tôi chưa biết, nhưng sông Lòng Tàu thì tôi có biết. Vô bến Nhà Rồng, tàu phải đi ngược dòng sông Lòng Tàu...

- Té ra chú đi đường biển. Vậy mà tôi tưởng chú đi xe lửa. Chuyện tâm tình hãy để đó. Bây giờ đi ăn cơm. Mình quen ăn quán đúng như lời thơ: “kiếp phong sương ăn quán ngủ đình”. Nếu chú thấy thích dọn về đây ở với qua. Qua mời thiệt đó.

Sau bữa ăn, Thảo theo Sơn Vương trở về gác trọ nghỉ trưa. Lúc Sơn Vương ngáy vang trên võng, Thảo quyết định dọn về ở với nhà văn giang hồ này. Anh muốn tìm hiểu thêm về con người miền Nam mà Sơn Vương có lẽ tiêu biểu hơn hết.

Chú thích:

(1) Muôn: Tiếng trong Nam đồng nghĩa với vạn

(2) Huyện hàm (huyện homoraire): có chức mà không có quyền

(3) Tiếng chuông rè

(4) Tiếng Tàu: bao nhiêu cũng được

Chương 3

Theo Sơn Vương nếm mùi ăn cướp

Kẻ thư sinh dẫn bước giang hồ

Sơn Vương nói với Thảo:

- Chú Ba nó đang tìm việc mà chưa có. Theo ý qua, thì ta nên kiếm vốn làm ăn buôn bán hơn là làm thơ ký cạo giấy. Để qua làm xong cú này sẽ giúp vốn cho chú Ba nó lập tiệm giặt ủi có thể kiếm ăn được.

- Cú này là cú gì vậy?

- Nói theo mấy cha ghiền truyện Tàu là “làm lục lâm thảo khấu”.

Thảo kinh ngạc:

- Chuyện động trời mà Sơn Vương nói nghe như không. Làm ăn ở đâu vậy anh Hai?

- Gần đây thôi. Chú có muốn theo coi chơi không?

- Muốn. Nhưng có chắc ăn không anh Hai?

- Chắc như bán rang. Không chắc làm sao dám mời chú theo? Lâu nay qua ngồi bán sách ngoài lề đường là để điều tra con mồi. Nó tới nhà băng vào ngày nào, giờ giấc ra sao, đi xe gì, chạy đường nào. Tất cả chi tiết qua nắm chắc trong tay, hễ kỳ khai là đắc thất - mã đáo là thành công!

Thảo vẫn chưa hiểu:

- Nó là ai vậy?

- Nó là con mồi mình đi săn. Chuyến này là thằng Tây, phó giám đốc sở cao su. Hằng tuần nó tới Kho bạc lãnh tiền lên sở phát lương cho thầy thợ. Tuần nào cũng vậy, mình nắm chắc rồi.

- Chắc nó có súng...

- Có là cái chắc. Nhưng mình đánh “xuất kỳ bất ý” nó biết đâu mà lường. Khi mình đã tới sát một bên thì súng sáu chỉ là cục sắt.

Thảo vẫn lo:

- Chắc có vệ sĩ giỏi võ...

- Cái đó cũng là cái chắc. Nhưng mình cũng có võ. Mà lại có gồng nửa. Chú muốn xem qua biểu diễn không? Xuống nhà dưới hỏi mượn cây dao yếm lên đây.

Sơn Vương cầm lấy con dao, đưa mấy ngón tay rà lưỡi dao bén ngót rồi cởi áo phình bụng căng cứng, xĩa mấy ngón tay vô thử mấy cái rồi thẳng tay chém ba nhát vô bụng. Lưỡi dao bật ra, để lại trên da bụng ba vết lằn đỏ.

Trước cặp mắt tròn tròn kinh hãi của Thảo, Sơn Vương nói:

- Nội công này qua học của Đại lão sư trên núi ở Long Hải. Dao mác không chém đứt, chỉ có súng đạn mới đáng sợ. Nhưng súng trong tay kẻ chủ động mới ăn tiền. Để chứng minh điều này, qua để cây súng thiệt ở nhà chỉ mang theo cây súng giả. Cam đoan vẫn đánh lấy valy bạc của thằng Gaillard cho chú xem.

Một chiếc xe du lịch bóng lộn đậu trước nhà, Sơn Vương kéo Thảo bước lên ngồi băng sau. Sơn Vương hỏi:

- Năm Đường, mày thay bằng số chưa?

- Dạ rồi anh Hai!

- Máy ngon lành không?

- Ngon hết chỗ chê!

- Ghé Chợ Cũ kiếm gì bỏ bụng cái đã. Còn sớm mà!

Điểm tâm xong, Năm Đường lái xe trực chỉ lên Tân Sơn Nhất. Trên khúc đường queo ra Bà Quẹo, xe ngừng lại tại cầu sắt nhỏ. Năm Đường xuống dỡ nắp xe lên, làm như xe hỏng máy.

Sơn Vương xem đồng hồ nói:

- Một khắc nữa là xe nó tới. Vừa đủ thời giờ cho mình hút một điếu thuốc.

Thảo ngồi trong xe ngắm nhìn hai thầy trò Sơn Vương và Năm Đường đóng kịch. Không bao lâu đã thấy bụi bốc lên từ phía Tân Sơn Nhất. Tức thì Năm Đường vờ lom khom sửa gì đó trong đầu máy xe còn Sơn Vương thì đi tới đi lui làm như sốt ruột lắm, cứ nhìn đồng hồ tay mãi. Vài phút sau chiếc xe thẳng giám đốc sở cao su chạy tới. Nó bóp kèn inh ỏi đòi qua nhưng

chiếc xe của Năm Đường nằm chình ình ở giữa đường. Thằng Tây mở cửa xe bước xuống nạt lớn:

- Đẩy xe qua một bên cho người ta đi!

Sơn Vương chỉ Năm Đường nói:

- Tài xế đang sửa, sắp xong, xin đừng nóng!

Thằng Tây hống hách:

- Chừng nào xong? Người ta đang gấp. Đẩy xe vô sát lề đi? Mau lên!

Bất ngờ Sơn Vương quay lại, nạt lớn:

- Mày là thằng nào mà dám ra lệnh cho tao?

Nhanh như chớp ông chĩa súng vô ngực thằng Tây:

- Haut les mains! (Đưa tay lên!)

Thằng Tây run bắn người, ngoan ngoãn đưa tay lên. Sơn Vương thò tay tước ngay khẩu súng sáu trong túi nạn nhân. Một tay cầm súng, Sơn Vương xách valy bạc trong xe ném vô xe mình, cười khanh khách:

- Cho mình mượn kỳ phát lương này nghe mon cher Monsieur Gaillard? Cho mon cher cây súng của tôi làm kỷ niệm.

Sơn Vương ném khẩu súng của mình vô xe thằng Tây rồi bước lên xe mình. Năm Đường chỉ chờ có thế để rồ ga vọt qua cầu.

Thảo nhìn về phía sau, thấy thằng Tây hối tài xế đuổi theo. Nó chĩa súng bóp cò, chừng đó mới biết súng giả, bực mình ném xuống gầm xe. Hai chiếc xe xả hết tốc độ đuổi nhau, quây bụi bay đỏ trời. Xe Năm Đường là loại xe đời mới nên máy móc tối tân, tốc lực cao hơn nên càng phút càng bỏ xa xe sau. Cứ chạy sau hít bụi, thằng Tây thối chí bỏ cuộc.

Về tới Hoà Hưng, Sơn Vương và Thảo xuống xe, bao xe thổ mộ về Chợ Cũ. Năm Đường lái xe về nhà chủ Tây, gỡ bảng số giả giấu kỹ để chờ dịp khác, lau bụi đỏ rồi rửa xe để “phi tang” chuyến “ăn hàng” cực kỳ táo bạo của Sơn Vương. Cú này “canh ta lê” thật kỹ, thừa dịp thằng Tây chủ đi về Pháp, Năm Đường mới mượn xe của chủ trong chuyến “đi hát” táo bạo này.

Ngồi trên xe thổ mộ hai anh em bao nguyên chiếc, Thảo cứ tủm tỉm cười. Sơn Vương hỏi:

- Chú nó cười gì vậy?

- Trước đây có đọc “Tướng cướp hào hoa”, nay mới biết, nhân vật trong truyện lại chính

là tác giả ngoài đời.

Sơn Vương cười:

- Biết rồi chú nó có còn muốn kết nghĩa nữa không?

Thảo xiết chặt bàn tay Sơn Vương thay lời đáp.

Ngay chiều đó Năm Đường tới nhận tiền “đi hát”. Thảo cũng được Sơn Vương tặng một số tiền để “túng” một căn phố ở Đakao mở tiệm giặt ủi. Căn phố này là căn bìa, có một sân rộng để đặt sào phơi phóng.

Từ ngày “ra riêng” Thảo vẫn theo dõi các hoạt động của Sơn Vương về hai phương diện: Văn chương và giang hồ. Thỉnh thoảng Sơn Vương cũng ghé tiệm giặt ủi để xem chú Thảo làm ăn ra sao, nếu cần thì giúp thêm vốn.

Chương 4

Năm Đường phản, Sơn Vương bị bắt

Mê nhà báo Thảo gặp Nam Kiều

Mất trọn kỳ phát lương, Ren Gaillard bực lắm.

Mất tiền không đáng kể nhưng bị một thằng điếm thúì dùng súng giả cướp súng thiệt của mình mới là đau. Dòng máu anh chị của thằng Tây gốc đảo Corse này là máu nóng, không thể chịu người ta làm nhục nên hấn cấp tốc tới gặp giám đốc Mật thám Sài Gòn là cò Bazin nhờ tung hết nhân viên “rờ-sọc” truy bắt kẻ cướp mà hấn tả rõ hình dạng dấu riêng: “người cao khoảng một thước bảy mươi, mình dầy, nói tiếng Tây cỡ “cours supérieur” (lớp nhất tiểu học).

Bazin nghe xong, gật gù nói:

- Đánh cướp kiểu đó phải là kẻ có học, từng mê tiểu thuyết của Phú Đức với các nhân vật Bách-si-ma và Hoàng Ngọc Ẩn lái diều Xi gà và Khúc Dồi phóng như bay trên đường nhựa. Được rồi! Tôi sẽ ra bố cáo cho các nơi truy tìm hung thủ. Nhưng tốt nhất là ông nên treo một giải thưởng để khêu gợi lòng tham những kẻ biết tung tích hung thủ.

Gaillard gật:

- Tôi treo giải thưởng một phần mười số tiền đã bị cướp. Tức là năm ngàn đồng.

Vài ngày sau có bố cáo khắp nơi treo giải thưởng năm ngàn đồng cho ai chỉ bắt bọn cướp lái xe du lịch Clément Bayard.

Tiền thưởng quá lớn thúc dục đám mật thám đua nhau truy tìm kẻ gian. Nhờ chi tiết về

hiệu chiếc xe mà công việc săn bắt trở nên dễ dàng. Hiệu xe này mới quá. Cả Nam kỳ chỉ có chừng chục chiếc. Riêng Sài Gòn chỉ có năm chiếc. Cứ quần năm chủ xe thì thế nào cũng ra mỗi. Tội nghiệp Năm Đường đã bỏ của Sơn Vương mười ngàn đồng mà ăn ngủ không yên. Mỗi lần đám rờ-séc tới làm “ăn kết” về chiếc xe Clément Bayard là hấn nổi da gà. Sau mấy đêm không ngủ, Năm Đường đành tới bót thú tội đã cho Sơn Vương mượn chiếc xe để đi ăn cướp. Mặc dầu Sơn Vương đã rời nơi trú ẩn, nhưng không sao tránh lọt khỏi “thiên la địa võng”. Rồi một ngày nọ Thảo đọc trên báo một cái tin hết sức giật gân: Sơn Vương, nhà văn - tướng cướp đã sa lưới. Mấy đêm liền Thảo mất ngủ. Người anh em kết nghĩa và là ân nhân của mình đã xộ khám. Vào tù ra khám là chuyện tất nhiên của kẻ cướp dù tài ba đến mức nào. Biết vậy mà Thảo không khỏi ngậm ngùi cho Sơn Vương. Anh theo dõi vụ xử trên báo hàng ngày, gọi là chia buồn cũng như trước đây đã chia vui với tay giang hồ mã thượng gốc Gò Công này.

Bắt được Sơn Vương, Bazin điện ngay cho Gaillard tới Catinat dự cuộc thẩm vấn:

- Trước khi điều tra, tôi giao nó cho ông trong mười lăm phút. Nó cướp của ông năm chục ngàn, ông có thể làm gì nó cho đáng số tiền đã mất. Dân giang hồ chơi nhau bằng luật giang hồ trước đã. Pháp luật sẽ tính sau. Đây, roi gân bò sẵn đó.

Gaillard chụp roi gân bò quất trót trót trong không khí rồi nhìn trừng trừng con mồi, nói từng tiếng:

- Tao tính rẻ mặt: một ngàn là một roi. Mà chịu nổi năm chục roi?

Sơn Vương ôn tồn đáp:

- Chỉ sợ ông mỏi tay thôi!

Gaillard ngạo nghễ:

- Mà chưa gục ngã, tao chưa mỏi tay!

Hấn thẳng tay quất roi gân bò vô mình Sơn Vương đang bị còng hai tay. Ngọn roi đầu xé rách chiếc áo sơ mi lụa lèo. Mấy roi sau biến chiếc áo rách thành mớ bụi nhùi. Máu rịn theo các vết hằn trên da.

Sơn Vương cắn răng ván nội công, hai mắt trợn trừng nhìn Gaillard như thôi miên.

Mới có trên mười roi, Gaillard đã thấm mệt. Hấn vút roi hỗn hển nói:

- Tao cho mày thiếu số còn lại.

Sơn Vương bật cười khanh khách:

- Ông quen cho vay với bao nhiêu phân lời? Mà dù ông cho vay không lấy lời tôi cũng cảm ơn. Sơn Vương không có thói quen vay hỏi. Khi cần thì mượn tạm của nhà giàu như bọn ông.

Tánh tôi thích sông phẳng. Ông nên cầm roi lên đánh cho đủ số đi.

Gaillard khoát tay:

- Tao cho mày luôn đó. Mà tao không thêm kiện thừa mầy để mất thì giờ đi hầu toà.

Quay lại Bazin, Gaillard nói:

- Tôi muốn nói chuyện riêng với ông.

Bazin nhấn chuông cho lính đưa Sơn Vương ra ngoài.

Gaillard hỏi:

- Ông làm mật thám lâu đời, có bao giờ ông gặp một thằng cướp như thằng này không?

Nó hiên ngang, nó anh hùng quá, phải không ông?

Bazin im lặng nghe, Gaillard nói tiếp:

- Đảo Corse quê tôi nổi tiếng sản sinh những tay tướng cướp sừng sỏ nhất thế giới, nhưng so với thằng này thì ít ai hơn được.

Bazin hỏi:

- Vì vậy mà ông tính tha cho nó?

Gaillard gật:

- Đảo Corse chúng tôi có câu: anh hùng phải trọng anh hùng.

Bazin nhún vai:

- Đó là chuyện của ông. Còn tôi thì phải tôn trọng luật pháp. Nó phải ra toà lãnh án.

Gaillard bắt tay Bazin:

- Chuyện ai nấy làm. Nhưng tôi nói trước là tôi sẽ không đi hầu toà trong phiên xử hẳn.

Dù sao cũng cảm ơn ông đã giúp tôi giáp mặt một kẻ giang hồ hảo hớn.

Tên phó giám đốc sở cao su Mimot đi rồi, Bazin ngồi thù khá lâu. Thái độ kỳ lạ của Gaillard làm tên trùm mật thám ngạc nhiên. Và phản ứng của tên mật thám là sưu tra lai lịch. Hắn nhận chuông cho nhân viên sưu tra tìm hồ sơ của tên Ren Gaillard, phó giám đốc sở cao su Mimot. Chỉ nửa giờ sau, Bazin có trước mặt hồ sơ cần xem. Lai lịch vẫn tắt mấy dòng: Ren Gaillard là em của Charles Gaillard. Cả hai đều là tù vượt ngục khám La Santé ở Paris, trốn qua Mỹ chuyên đánh cướp các ngân hàng. Vụ sau cùng đánh một xe bạc, trốn qua Đông Dương mua cổ phần đồn điền cao su Terres Ronges.

Bazin gật gù: “Thảo nào! Cùng một húi với nhau cả mà!”

Làm tiểu chủ chỉ vất vả lúc đầu, về sau có một số thân chủ, tiền thu nhập đủ sống, Thảo sống nhàn hạ. Thú vui của anh là uống trà đọc báo. Sài Gòn có nhiều cái hấp dẫn mà đứng đắn là báo. Chỉ cầm tờ báo lên là ta biết đủ thứ chuyện trên đời. Chuyện trong nước, chuyện thế giới. Ngoài tin tức thời sự, chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội, còn có tiểu thuyết để thay đổi không khí. Tiểu thuyết đăng báo hằng ngày nhiều cái rất hấp dẫn, đã đọc thì ghiền, cứ trông chờ báo hôm sau để biết tình tiết diễn ra làm sao. Các tác giả viết theo lối chương hồi của chuyện Tàu “câu chuyện ra sao, hồi sau phân giải”.

Một trong những tiểu thuyết đăng trên tờ Đông Pháp thời báo ký tên Nam Kiêu. Thảo chưa gặp ông ta lần nào, nhưng đọc văn thấy hay. Anh đoán Nam Kiêu là người miền Bắc vô Nam đã lâu vì giọng văn rõ ràng là ngôn ngữ Bắc Hà nhưng có pha lời lẽ Nam Bộ. Nội cái tên Nam Kiêu cũng chỉ rõ tác giả là kẻ từ xa đến miền Nam. Nam Kiêu đã chinh phục tình cảm của Thảo. Với vài bạn thích văn chương tiểu thuyết, Thảo thường bàn chuyện và đa số đồng ý nhận xét sau: Bắc giỏi văn, Trung giỏi thơ còn Nam giỏi báo.

Quyết tới toà soạn làm quen với nhà văn Nam Kiêu, Thảo được chủ bút tờ Đông Pháp thời báo tiếp.

Thảo đi thẳng vô đề:

- Cho tôi gặp nhà văn Nam Kiêu.
- Nam Kiêu là tôi đây.

Thảo ngẩn ngơ:

- Ông là chủ bút Trần Huy Liệu mà...
- Viết báo tôi ký tên Trần Huy Liệu, viết văn tôi ký nhiều tên, ở đây là Nam Kiêu, trên các báo khác là Đầu Nam, Côi Vị, Hải Khách, Hải Thu, Kiếm Bút, Âm Hận...

Thảo bật cười:

- Người sao mà nhiều tên quá! Viết nhiều báo chắc ông giàu lắm?

Liệu cười lớn:

- Giàu lắm! Giàu hay không, hãy xem cách ăn mặc của tôi đây. Cuộc sống của nhà văn An Nam mình, bậc tiền bối Tản Đà đã nói rõ rồi: “văn chương hạ giới rẻ như bèo”, Nguyễn Vỹ than “nhà văn An Nam khổ như chó”... Nhưng hãy bỏ qua chuyện giàu nghèo. Nhà văn chúng tôi viết là vì sứ mạng của người cầm bút. Những bút hiệu của tôi đã nói quá rõ tâm tư của nhà văn nhà báo một nước bị mất, quyền độc lập tự do...

Cuộc gặp gỡ này đưa Thảo tới một khúc quanh mới. Đi tìm nhà văn Nam Kiều, Thảo lại gặp nhà báo Trần Huy Liệu. Những lần đi lại với nhau sau đó gắn hai kẻ đồng hương. Trần Huy Liệu là Đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng hoạt động ở miền Nam. Nhờ khả năng nói và viết rất hùng biện, Liệu được giao nhiệm vụ tuyên truyền. Những ai đã nghe ông nói, không sớm thì muộn đều xin gia nhập Đảng, dù biết “dấn thân vô là phải chịu tù đầy” nhưng tinh thần dân tộc là truyền thống bất khuất của dân Nam. Thảo trở thành đảng viên tích cực.

Chương 5

Gây quỹ Đảng, đi tìm họ Mạnh

Đất Gò Đen. Thảo gặp ông Tồn

Một hôm Liệu tới bàn với Thảo:

- Đảng ta đang cần tiền để hoạt động. Số tiền đóng góp của anh chị em đảng viên không được nhiều vì đa số là dân lao động, tay làm hàm nhai. Mình phải đi tìm các Mạnh Thường quân. Đất Nam kỳ rất nhiều nhà giàu có tinh thần yêu nước. Một trong những số này có ông Võ Công Tồn, một nghiệp chủ ở Gò Đen. Hôm nay tôi và cậu đi thăm ông ta, mời ông ta đóng góp chút ít vào việc lớn.

Thảo thay đồ đi ngay với Liệu. Trên đường đi anh hỏi:

- Gò Đen là đâu? Gần hay xa? Mình đi bằng xe gì?

- Cậu vào Nam lâu rồi mà không am tường địa dư Nam kỳ. Gò Đen là một quận trong Chợ Lớn, nằm dọc hai đường xe hơi và xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho. Từ đây xuống đó chừng ba mươi cây số. Mình đi xe lửa...

- Ông Tồn là người thế nào mà anh gọi là Mạnh thường quân?

- Ông ta là nghiệp chủ. Nói rõ hơn là có đất điền ruộng lúa, về sau mở lò gạch. Ông Tồn quê xã Long Hiệp, tổng Long Hưng, Chợ Lớn, cưới vợ xã Phước Vân. Ông có con học bên Tây và giao du với các trí thức lớn ở Sài Gòn như chủ báo La Cloche Felée (Tiếng chuông rè) là cử nhân luật Nguyễn An Ninh.

Thảo gật gù:

- Nguyễn An Ninh tôi có biết. Tờ báo Tiếng chuông rè tôi có đọc. Đây là tờ báo song ngữ vừa viết tiếng ta vừa viết tiếng Tây. Tôi nhờ đọc báo đó mà ôn lại ba mớ tiếng Pháp.

Xe lửa Mỹ chạy không nhanh như xe lửa Biên Hoà. Ngồi bên cửa sổ nhìn phong cảnh hai bên đường sắt thật là thích thú. Ra khỏi Chợ Lớn xe chạy qua những cánh đồng. Thảo nhớ Quốc văn giáo khoa thư:

“Đồng quê thì đâu đâu cũng giống nhau, không mấy nơi có phong cảnh lạ. Nhưng đồng quê miền Nam có nhiều nét khác, mà nổi bật nhất là không có làng nào bị rào kín trong lũy tre xanh. Không khí đồng quê miền Nam thoáng hơn, dễ thở hơn. Xóm làng mọc dài theo hai bên đường nhựa chạy song song với đường sắt. Cứ cách khoảng năm cây số xe lửa dừng lại một ga: An Lạc, Bình Điền, Bình Chánh rồi Gò Đen.

Hội đồng Tồn tiếp nhà báo Trần Huy Liệu rất trịnh trọng. Thảo đóng vai quan sát viên. Anh thấy ông Tồn ở miệt vườn mà am hiểu tình hình trong nước và thế giới không kém dân Sài Gòn. Đó là nhờ báo chí hàng ngày do xe lửa và xe hơi đưa tới tận các quận. So sánh người điền chủ miền Nam với các hào lý miền Bắc, Thảo thấy khác một trời một vực.

Về nhận xét này, anh Liệu nói: “Nam Kỳ hưởng chế độ thuộc địa, còn Trung Bắc là xứ bảo hộ. Thuộc địa do Pháp cai trị trực tiếp, còn Bảo hộ thì do triều đình Huế nắm. Về nhiều mặt Nam kỳ được rộng rãi hơn. Một trong những tiến bộ đó là báo chí”.

Theo dõi cuộc nói chuyện giữa chủ và khách, Thảo nhìn nhận hội đồng Tồn đúng là Mạnh thường quân như Trần Huy Liệu đã nói. Sau khi nghe anh Liệu trình bày dự án hoạt động của Đảng, ông Tồn gật gù nói:

- Nhà báo các anh là những người học sâu hiểu rộng. Các anh lo việc mở mang dân trí là điều rất phải. Chúng tôi phải ủng hộ các anh. Mới rồi mấy anh trên Sài Gòn có xuống đây, bàn chuyện sắm nhà in, ra báo. Tôi cũng giúp một số tiền.

Chủ nhà mời khách ở lại dùng cơm, chiều hãy về:

- Từ ngày có xe lửa, việc đi Sài Gòn dễ dàng như đi chợ. Cứ một tiếng là có một chuyến xe lên, một chuyến xe xuống. Bận hàng tập trung tại các nhà ga rất đông. Đi buôn trên xe lửa tiện lợi hơn trên xe đò vì chở được nhiều hơn.

Trong khi ăn cơm, anh Liệu mới vô đề:

- Vừa rồi có anh Nguyễn Ngọc Sơn đặc phái viên Việt Nam quốc dân đảng vào Nam gây cơ sở. Tôi được chỉ định làm tỉnh bộ trưởng. Anh Nguyễn Phương Thảo đây là Trưởng ban cảnh bộ về tổ chức. Hôm nay tôi đưa anh Thảo xuống đây để giới thiệu với ông.

Thảo cúi đầu chào và bắt tay chủ nhà. Liệu nói tiếp:

- Lâu nay anh em chúng tôi xem ông là Mạnh thường quân, vừa rồi có người đề nghị mời ông vô Ban chấp hành, với chức Vụ trưởng ban Tài chánh ông nghĩ thế nào?

Ông Tồn cười:

- Anh em tín nhiệm, tôi xin cảm ơn. Nhưng tôi chỉ muốn đứng ngoài. Khi nào anh em cần

giúp đỡ như hôm nay thì tôi xin sẵn sàng. Tôi đốt chánh tri nên không dám nhận chức vụ gì. Chỉ làm cảm tình viên thôi.

Liệu đành hài lòng với kết quả đó. Sau bữa ăn, chủ trải chiếu lên bộ ván mời khách nghỉ trưa. Chiều mát trời hai anh em mới ra ga đón xe lửa. Hội đồng Tồn trao cho Liệu một bao thư dày cộm:

- Chúc các anh dồi dào sức khỏe để hoạt động.

Sau chuyến đi này, Thảo càng gần bó với Liệu mà anh xem như người anh kiêm người thầy. Dem so sánh với Sơn Vương, Thảo thấy mỗi người một nét.

Sơn Vương là nhà văn tướng cướp còn Trần Huy Liệu là nhà văn cách mạng. Hai người gặp nhau ở một điểm: không chấp nhận nổi nhục mất nước. Nhưng tướng cướp đi vào bước đường cùng vì đơn độc còn cách mạng có tương lai hơn nhờ biết tập hợp mọi giới trong đó có các Mạnh thường quân như Võ Công Tồn.

Trần Huy Liệu làm chủ bút báo Pháp Việt nhứt gia chống chủ trương Pháp Việt đề huề của bọn thân Pháp. Báo gây tiếng vang trong dư luận. Pháp lo ngại, chúng bắt ngay chủ bút. Tin này khiến Thảo bàng hoàng. Anh thăm dò dư luận và mượn luật sư biện hộ cho Liệu. Toà kêu án sáu tháng tù.

Ra tù Liệu sáng lập Cường Học thư xá chuyên xuất bản sách cổ vũ lòng yêu nước. Tất cả sách này, Liệu đều tặng Thảo để rèn luyện ý chí. Cũng trong năm 1928 ấy, chi bộ Việt Nam Quốc dân Đảng Nam Kỳ thành lập do Trần Huy Liệu làm bí thư. Thảo chánh thức được bầu vào Ban chấp hành. Năm ấy anh đúng hai mươi tuổi.

Chi bộ hoạt động được một năm. Thảo là cánh tay đắc lực của Liệu. Hai anh em rất tâm đắc khẩu hiệu Tam dân chủ nghĩa của Tôn Dật Tiên, người mà dân Trung quốc suy tôn là “quốc phụ”. Thảo miệt mài nghiên cứu tinh hoa của thuyết Tam dân: dân tộc độc lập dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Độc lập Tự do và Hạnh phúc chính là điều mơ ước của mọi người. Dân một nước thuộc địa như Việt Nam lại càng mơ ước ba điều đó nhiều hơn ai hết.

Lần đầu tiên được sinh hoạt Đảng, Thảo thích thú vô cùng. Anh biết cách điều khiển một cuộc họp như thế nào theo đúng khoa học như tuyên bố lý do, chương trình nghị sự, bầu chủ toạ, thư ký điều khiển và ghi biên bản các cuộc thảo luận. Sôi nổi nhất là lúc tranh luận. Bản lãnh của vị chủ toạ là ở tiết mục này, phải nắm bắt và tóm gọn những ý phát biểu và kết luận thoả đáng. Nến hai bên chưa đồng ý thì phải biểu quyết lấy đa số... Thảo chưa hài lòng với nguyên tắc thiểu số phải phục tùng đa số. Theo anh chưa hẳn đa số luôn luôn đúng. Nhưng các cuộc tranh luận này chưa đi tới đâu thì xảy ra biến cố quan trọng nhất trong đời anh. Không rõ

do sơ xuất nào mà mật thám bao vây trong khi chi bộ đang họp. Hai anh em Liệu, Thảo bị đưa vô bót Catinat điều tra, sau đó giải qua Khám Lớn Sài Gòn. Vài tuần sau ra toà lãnh năm năm tù, xuống tàu ra Côn Đảo.

Trong cái rủi có nhiều cái may. Thời gian lưu đầy đã rèn luyện một anh chàng cách mạng tài tử trở thành một nhà cách mạng thật sự. Vốn sống được nhân lên trong thử thách ác liệt. Nhà tù Côn Đảo chỉ đứng sau địa ngục trần gian khét tiếng thế giới là khám đường Cayenne trên xứ Guyane cũng là thuộc địa Pháp nằm sát ranh xứ Ba Tây. Nguyễn Phương Thảo vượt qua “thập diện” Côn Đảo như thế nào? Xin đón xem hồi sau phân giải.

Chương 6

Ra Côn Đảo, Phương Thảo chuyển hướng

Bị thanh trừng, mất hồng một con

Tù Quốc dân Đảng được giam chung một dãy dài. Đôi bạn Liệu, Thảo được ở chung một salle (phòng). Nhất nhất Thảo đều noi theo Liệu. Nhà báo kiêm nhà văn đã tỏ ra xứng đáng là đàn anh của Thảo. Là cánh Tây học nhưng Liệu cũng thâm Nho rộng Hán nhờ lúc thiếu thời cũng bỏ bụng ba chữ thánh hiền. Cái vốn “Tam Tự Kinh” đó lại đóng một vai trò quan trọng trong việc nhồi nặn tâm hồn kẻ sĩ: “uy vũ bất năng khuất, phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di”. Trong tù Trần Huy Liệu vẫn ung dung như lúc làm báo viết văn ở Sài Gòn. Với thầy chú, cặp răn anh rất lịch sự nhưng không khúm núm. Với miếng ăn anh rất tự trọng, không vì cái gọi là “đệ nhất tứ khoái” dịch tung ra mà tách riêng, xa rời tập thể. Nhờ có Liệu mà Thảo nương theo, không ngả nghiêng trước cuồng phong bão tố.

Vài tháng sau lại có thêm một chuyến tù Quốc dân đảng ra đảo. Căng tù thêm đông thêm vui. Trong số bạn tù mới có anh người Bắc to cao vạm vỡ. Anh ít học nhưng hơn các bạn tù ở đức hạnh. Những chuyện nặng nhọc như khiêng vác ai cũng ngại anh xung phong. Chuyện săn sóc tù bệnh truyền nhiễm, ho lao, tù hủi ai cũng gớm, anh tình nguyện. Trong một vụ tranh đấu đòi cải thiện chế độ lao tù, Tây đàn áp mạnh: huy động thầy chú dùng “ma trắc” đánh đập tù tui bụi. Lập tức anh nông dân này xông tới, đưa tấm lưng “ba vùng” ra đón đỡ đòn cho anh em tiểu tư sản thành thị. Xong trận khùng bố, lưng anh nông dân bầm tím những vết roi gân bò và “ma trắc”, nhiều mảng da tróc ra để lộ bầy nhầy. Thảo cùng anh em hết lòng chăm sóc người dũng sĩ đáng yêu này. Anh tìm hiểu:

- Anh tên gì, quê ở đâu?

- Độ. Trần Xuân Độ, quê Hải Phòng.

Thảo mừng rỡ xiết tay: “Tôi cũng sống ở Hải Phòng đây. Tha phương ngộ cố tri. Còn gì vui bằng”. Độ lớn hơn Thảo chừng mười tuổi, tánh trầm lặng, khiêm tốn: chỉ nói khi thật cần thiết. Thảo hỏi tới đâu Độ nói tới đó. Ông bị kết án chung thân và có vẻ cam phận. Nhưng Thảo đã đánh giá lầm ông Độ. Tâm hồn người nông dân ít nói này là một đáy biển có nhiều lượn sóng ngầm. Lúc các vết thương kéo da non sáng nào ông cũng tình nguyện quét lá bàng ngoài sân.

Thảo tò mò tình nguyện theo và được biết vì sao ông Độ khoái quét lá bàng.

Bagne 2 (trại 2) gồm hai dãy khám dài đối diện nhau, cách một sân rộng. Bên này ngó thấy bên kia.

Bên này là tù Quốc dân đảng, bên kia là tù Cộng sản. Khi quét lá bàng, tù hai căng có thể trao đổi vài câu là không sợ thầy chú hay bạn tù cùng căng nghe được.

Đi quét lá bàng ngoài sân: Thảo và Độ thường nói chuyện với anh em bên cộng sản, tìm hiểu tình hình bên đó để xem căng nào “dễ thở” hơn. Anh bạn tù cộng sản cười:

- Tù chánh trị thì Cộng sản hay Quốc dân đảng gì, Tây cũng coi là tù hết nó chỉ phân biệt tù chính trị với tù thường phạm. Bagne 2 mình đây tương đối “dễ thở” hơn bagne 1 là nhờ anh em mình biết tổ chức biết đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau, người mạnh làm choàng người yếu, người biết chữ dạy người không biết, người chánh trị cao dạy người chánh trị thấp. Hột muối cắn làm đôi...

Đó là chuyện lạ đối với Thảo. Ở đây anh làm gì có chuyện đó. Ở tù mà còn phân biệt giai cấp. Anh thấy chuyện lạ đời: ăn cơm có người hầu, người quạt. Hỏi Liệu mới biết đó là nhóm Đại Việt quan lại, cũng theo chủ nghĩa tam dân nhưng phần lớn là quan lại hoặc con ông cháu cha, làm cách mệnh mà chưa bỏ được thói quen ăn trên ngồi trốc.

Những khám phá về căng bên kia Thảo đều thì thầm cho Liệu biết. Thế là vài ngày sau Liệu tập hợp một số anh em trẻ trong salle lại nói chuyện tình hình “nghe đỡ buồn”. Tất nhiên trong số này có Thảo. Anh kéo theo ông Độ là người rất ham học. Với tài kể chuyện hấp dẫn, Liệu thu hút hầu hết anh em trong salle. Một số anh em khác salle cũng tham gia. Không khí căng có phần sinh động hơn trước.

Theo gợi ý của Liệu, Thảo cũng mở lớp dạy văn hoá, vì có văn hoá- học chánh trị mới dễ hiểu hơn. Không biết năm châu bốn biển thì làm sao hiển được tình hình thế giới!...

Ông Độ tuy lớn hơn Thảo gần một con giáp nhưng ông vẫn chịu khó ngồi học một người non trẻ hơn mình. Có người chế nhạo, ông Độ cười: “Nó nhỏ mà nó giỏi, còn mình lớn mà mình dốt, hể dốt thì phải học. Tự ái là dốt suốt đời”.

Một hôm người quét lá bàng căng bên kia cho biết: “Tối nay có diễn kịch mừng ngày lễ quốc tế lao động Một tháng Năm”. Thế là bộ ba Liệu, Thảo, Độ lén qua bên kia xem văn nghệ. Núp bên ngoài mà xem. Càng lén lút càng say mê, như ăn vụng bao giờ cũng ngon. Trong tù mà sân khấu cũng có sơn thủy như các gánh hát ngoài đời. Đào kép cũng son phấn hia mảo, gương áo, không thiếu thứ gì. Thảo rất mê cô đào trong vở tuồng đêm ấy. Ở tù lâu quá, mắt không thấy đàn bà, huống chi đây là đàn bà đẹp, môi son má phấn, đi đứng yếu điệu.

Từ đó mỗi khi nghe căng bên kia có diễn kịch là Thảo trốn qua xem. Đêm nào có “cô đào” trên sân khấu là Thảo vui thú làm. Lòng mến mộ trẻ con đó không qua được cặp mắt tinh đời của Liệu. Có hôm Liệu nói đùa: “Coi chừng cô đào đó là cộng sản”. Thảo thành thật tâm tình: “Tại sao lại phân biệt như vậy? Tôi chỉ thấy hai bên có một nét đẹp chung: lòng yêu nước. Còn đi sâu thêm về chánh kiến thì tôi không đủ trình độ như anh. Với tôi thì lòng yêu nước là đỉnh cao của con người. Tây bắt chúng ta đày ra hải đảo này là vì chúng sợ lòng yêu nước của chúng ta, còn phân biệt cộng sản với quốc dân đảng là chuyện thứ yếu”

Liệu im lặng khá lâu dường như chìm trong suy nghĩ. Hôm sau Liệu kéo Thảo ra chỗ vắng nói nhỏ:

- Lâu nay mình suy nghĩ nhiều về cộng sản và quốc dân đảng. Mình nhận ra điều này: Cộng sản là một phong trào quốc tế, còn quốc dân đảng nằm trong phạm vi quốc gia. Xu thế cách mạng hiện nay mở rộng ra các nước ngoài tìm đồng minh để có thêm sức mạnh chống đế quốc thực dân. Quan niệm bế quan toả cảng các triều vua Nguyễn đã lạc hậu lỗi thời rồi. Ra đây, được gần các anh em cộng sản mình nên học hỏi thêm.

Thảo góp ý:

- Anh học nhiều hiểu rộng thấy xa, còn tôi thì chỉ thấy sinh hoạt bên kia dân chủ hơn, tiến bộ hơn, vui vẻ hơn...

Độ chùng nhận thấy như vậy. Và còn có một số người cũng đồng tình với bộ ba này.

Không chỉ có bộ ba Liệu, Thảo, Độ hướng tầm mắt về căng bên kia mà còn có vài nhóm khác như nhóm anh Tưởng Dân Bảo cũng xung phong quét lá bàng để bí mật tiếp xúc anh em bên kia.

Được tôi rèn trong lò lửa cách mạng. Thảo thấy mình có ít nhiều tiến bộ, nhưng Liệu mới là người hăng hái trong hoạt động chuyển hướng. Từ tam dân anh chuyển sang quốc tế vô sản. Những cuộc nói chuyện trong salle, anh nói rõ xu thế ấy.

Một hôm ông Độ cho Thảo một tin quan trọng. Những người cầm đầu căng Quốc dân

đảng đã thấy sự chuyển hướng của nhóm Trần Hny Liệu. Họ quyết định lập ban thanh trừng bọn phản đảng. Độ khuyên Thảo nên ăn nói thận trọng. Thảo báo ngay cho Liệu, nhưng Liệu vẫn tiếp tục bày tỏ quan điểm của mình như trước. Đúng Liệu là một tay tuyên truyền trong máu, không có gì có thể ngăn chặn tài hùng biện của anh được. Thế rồi chuyện phải đến đã đến; vào nửa đêm trong lúc cả salle chìm trong giấc ngủ, một bóng đen di động. Hấn thủ một lưỡi dao “con chó” đã mài bén như dao cạo. Đã rình rập tư trước, hấn mò đến nơi “tên phản động” nằm. Nhanh như chớp, hấn quỳ xuống, choàng chân ngồi lên ngực nạn nhân, tay trái nắm đầu, tay mặt lia dao cắt cổ. Nạn nhân chỉ kịp kêu lên một tiếng, máu chảy đỏ cả ngực... Tiếng kêu ấy đã cứu nạn nhân: thầy chú gác đêm nghe động bám đèn pin chạy tới. Hung thủ vội vàng bỏ con mồi chạy thoát thân. Cả salle giật mình thức giấc. Họ phát hiện người bạn tù bị cắt cổ đang quằn quại, máu me đầy mình. Lập tức nạn nhân được đưa đi cấp cứu. Nạn nhân cuộc thanh trừng đầu tiên năm đó là nhà báo kiêm nhà văn Trần Huy Liệu. Rất may vết thương không sâu và được điều trị kịp thời. Mọi người trong salle vui mừng được biết nhà báo họ Trần đã thoát chết đồng thời nguyên rửa bọn chủ trương giết người không cùng một chánh kiến với mình.

Dù bị lên án, bọn quá khích vẫn tiếp tục “thanh toán mấy tên phản Đảng”. Nạn nhân thứ hai cũng bị cắt cổ vào nửa đêm. Và cũng rất may là thầy chú tới kịp hung thủ bỏ chạy và nạn nhân được cấp cứu kịp thời. Không chết nhưng mang vết sẹo to ở cổ như nhắc nhở mọi người phải hết sức cảnh giác khi quyết định gia nhập một Đảng nào đó. Nạn nhân này là Tưởng Dân Bảo. Cũng là người miền Bắc.

Hai vụ cắt cổ xảy ra trong vòng một tuần khiến cả dãy lo sợ. Nạn nhân thứ ba sẽ là ai đây? Thảo nghĩ thầm: “Mình là cái bóng của anh Liệu. Chúng đã nhắm vào anh Liệu thì chắc chắn không bỏ sót mình. Phải đề phòng và cẩn thận”. Nhiều đêm anh thức suốt luôn luôn nằm trong thế thủ, hề thấy động là tấn công ngay. Anh rất mê bóng đá và nhớ một huấn luyện viên đã chủ trương “công là thủ hay nhất”. Nhưng thức ròng rã ba đêm mà kẻ “thi hành kỷ luật” không dẫn xác tới. Đến hôm thủ tư thì quá mỏi mòn, vừa đặt lưng xuống là ngủ vùi như chết. Kẻ thi hành kỷ luật như một tay thợ săn lành nghề, biết lúc nào giăng lưới, lúc nào buông tên. Và lần này hấn không dùng dao con chó mà dùng bàn chải đánh răng. Bản án thi hành cho Nguyễn Phương Thảo không phải là tử hình mà “lấy một tròng mắt” tên phản đảng.

Trong bóng đêm một bóng ma xuất hiện. Đến bên Thảo, bóng đen nhắm ngay mắt đâm mạnh bàn chải xuống. Thảo rú lên một tiếng làm cả salle náo động.

Hung thủ nhanh chân biến mất. Thầy chú đưa Thảo tới bệnh xá. Dù được chăm sóc tận tình, con mắt trái đã hỏng. Đành phải chịu tật suốt đời.

Lạ lòng thay, mất một mắt mà từ đó Thảo thấy mình sáng hơn trước. Sáng ở thuật đối nhân xử thế, sáng ở thuật gạn đục khơi trong. Anh đã trả một giá rất đắt khi chọn Đảng. Chủ nghĩa tam dân rất đẹp với tôn chỉ độc lập tự do, hạnh phúc là đỉnh cao của dân tộc, dân quyền, dân sinh, nhưng đó chỉ là khẩu hiệu suông để mê hoặc thiên hạ, còn bọn cầm đầu thì chỉ theo mục đích hèn hạ là vinh thân phì gia và không ngần ngại thủ tiêu những đồng đảng khác chính kiến. Anh nhất định phải học người xưa ở điểm quay lưng bầy lùn trước khi nói. Chọn Đảng chính trị cũng phải động não bầy lùn trước khi quyết định.

Từ bệnh xá trở về bagne 2, Nguyễn Phương Thảo đã biến thành người khác về nhân dạng cũng như về tâm hồn. Trước kia, Thảo đẹp trai với đôi mắt sáng rõ, tánh tình hồn nhiên: bây giờ xấu xí chột mắt u uất trầm ngâm kiêu lòi.

Anh thất vọng về quốc dân đảng đã cướp đi của anh một con mắt nhưng anh không trách người đã đưa anh vào Đảng này. Trần Huy Liệu cũng là nạn nhân của những cụm mỹ từ “tam dân, dân tộc độc lập dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc”. Cái sọ to nơi cổ là một tấm biển cảnh giác “đừng mắc bẫy những mỹ từ trống rỗng”. Hãy nhớ mãi câu nói: “thùng rỗng khua to” để thận trọng trong mọi nhận xét người và việc.

Năm 1935, tù Côn Đảo được trục xuất về nguyên quán, bộ ba Liệu, Thảo, Độ trả xong bản án năm năm tù được “quy hồi cố hương”.

Chương 7

Đoạn đường mới, tên phải đổi mới.

Nguyễn Phương Thảo “cải hiệu” Nguyễn Bình.

Trở về quê Bần Yên Phú, Thảo tính sổ: thối thoát đã tám năm anh rời quê cha đất tổ. Trong tám năm lưu lạc miền Nam, anh đã học được rất nhiều, đúng như người ta nói: “đi một ngày đàng, học một sàng khôn”! Điều anh tâm đắc nhất là đã biết được miền Nam cả về đất nước và con người, cả trên đất liền đến ngoài hải đảo. Dân miền Nam sao mà dễ thương dễ mến, hào hiệp, cởi mở, chân thật, hiếu khách... Đất miền Nam trên cơm dưới cá, làm chơi ăn thiệt.

Sau những ngày đoàn tụ gia đình, Thảo tự thấy không thể sống thúc thủ ở Bần Yên Phú được. Như một cánh chim di trú đã biết những chân trời xa lạ không thể ru rú một cụm rừng, Thảo bắt đầu đi đó đi đây. Anh lên Hà Nội tìm Trần Huy Liệu. Khi chia tay, Liệu đã dặn Thảo: “Muốn tìm tở cậu hãy đến các nhà báo. Làm báo viết văn là nghề của chàng”.

Thảo tìm Liệu không khó. Liệu báo tin vui:

- Đã được kết nạp vào Đảng Cộng sản, còn cậu thì sao? Có muốn vào Đảng không? Tớ giới thiệu cho.

Thảo lắc đầu:

- Con chim bị tên sợ cây cong...

Liệu cười:

- Tớ cũng vậy! Nhưng thất bại là mẹ thành công. Mỗi lần vấp ngã là một bước tiến trên con đường mình tự nguyện dẫn thân. Về phần cậu, nếu không thích thì thôi, tớ không rủ rê vì mỗi khi nhìn mắt cậu, tớ thấy hối hận: chính tớ đã đưa cậu vô con đường bất hạnh...

Nguyễn Phương Thảo khoát tay:

- Chuyện đã qua, không nên nhắc lại. Nhưng đã lỡ nhắc lại thì tôi cũng nói để xoá tan nỗi ân hận của anh. Tôi hận kẻ quá khích trong tù đã chủ trương thanh trừng những tên mà họ cho là phản Đảng, nhưng tôi không hề trách anh. Vì chính anh cũng là nạn nhân của những kẻ quá khích ấy. Vết sẹo trên cổ anh cũng như con mắt chốt của tôi là dấu vết của một kinh nghiệm trả bằng xương máu... Ngày nay anh đã tìm được con đường để thực hiện lý tưởng của anh, tôi lấy làm mừng cho anh. Còn về phần tôi thì xin cho một thời gian suy nghĩ đã. Khi nào thấy cần tham gia, tôi sẽ nhờ anh giới thiệu.

Năm 1940 tình hình chính trị sục sôi với cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ, đầu năm 1941 tới Khởi nghĩa Đô Lương... Giữa năm 1941 Mặt trận Việt Minh ra đời. Đây là một thời sự lớn. Thảo liền tìm Liệu và được Liệu giới thiệu công tác:

- Thời cơ sắp đến cho cách mạng Việt Nam. Chiến tranh thế giới nổ ra, hiện nay trục phát xít Bá Linh - La Mã - Đông Kinh tấn công ồ ạt, nhưng rồi đồng minh ngũ cường Anh Mỹ Pháp Nga Tàu sẽ phản công. Tình hình biến chuyển, cách nào mình cũng có lợi. Nhân dịp Pháp Nhật đấu đá nhau ta củng cố lực lượng võ trang. Hiện giờ ta rất cần súng. Cậu ở Hải phòng có nhiều chiến hạm. Làm sao ngoại giao chơi bời với đám thủy thủ vận động mua súng của chúng. Cậu có thể làm được không?

Thảo gật:

- Được chứ! Tôi nhận công tác mua sắm vũ khí cho dân quân. - Trầm ngâm một lúc Thảo nói tiếp - giai đoạn mới mình cũng phải có một cái tên mới. Nguyễn Phương Thảo còn hơi hướng Quốc Dân Đảng, mình không muốn nhắc tới. Tôi đã chọn được một tên mới...

Liệu cười hỏi:

- Tên gì có ghê gớm lắm không?

- Nguyễn Bình. Hai chữ thôi. Nguyễn là dòng họ còn Bình là...

Liệu cướp lời:

- Mình hiểu ý cậu rồi - tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Tu-tề-trị-bình, đó là bốn bước của kẻ sĩ. Hay lắm? Cái tên đó nói lên chí lớn của cậu: bình thiên hạ.

Thảo bắt tay Liệu:

- Chịu thầy! Anh đi guốc trong bụng tôi.

Cảng Hải Phòng, chiến hạm Pháp đậu nghỉ ngơi sau những chuyến hải hành. Chiều chiều trong nhóm thủy thủ lên bờ dạo phố, vào quán giải khát và tán tỉnh các cô gái trong quán. Thảo nay là Nguyễn Bình cũng la cà các quán ấy tìm cách làm quen với đám thủy thủ. Một hôm anh tình cờ gặp một bạn học cũ nay là thủy thủ. Tên anh là Lê Phú.

- Ê Thảo. Lâu quá mới gặp!

- A, Phú. Mười năm mới thấy mặt nhau.

Hai bạn bắt tay. Bình nhìn anh bạn trong bộ đồ hải quân Pháp. Trên mũ vải có mấy chữ tên chiến hạm Commandant Bourdais.

- Sao anh bạn? Vợ con gì chưa? Bình gọi bia đãi bạn.

- Đời lính như cánh hải âu, nay đây mai đó. Vợ con làm gì cho thêm bận bịu. Còn Thảo?

- Mình cũng ham bay nhảy nên chưa dừng chân nơi nào. Có lẽ mình phải xin vô hải quân mới thoả chí tang bồng.

Lê Phú cười lớn:

- Trong Nam có câu: “con cá trong lò đỏ lò con mắt, con cá ngoài lò ngúc ngắc muốn vô”. Thói đời là đứng núi này trông núi nọ. Mình đã chán hê cái đời bèo bọt rong biển, thế mà có người lại mơ ước cái mà người ta muốn vứt đi.

Bình khai thác ngay:

- Sao mà bi quan chán đời vậy?

Lê Phú hất hàm về phía chiến hạm nói:

- Nhật đổ bộ lên Đông Dương, ngày càng lấn lướt Pháp. Paris đã đầu hàng nhục nhã, tuyên bố thành phố bỏ ngõ để giữ nguyên vẹn các đền đài di tích lịch sử. Pháp ở đây hết sức

nhân nhượng, nhưng được đăng chân lên đăng đầu, Nhật càng làm già. Mấy cha hạm trưởng hăng tiết vịt đòi đánh nhưng mấy tướng lục quân chỉ tìm đường rút chạy. Càng thất thế chúng càng cay cú. Giận cá chém thớt, mấy cha hạm trưởng hành hạ bọn này ghê quá!

- Có định nhảy không? Bình gợi ý.

- Cũng có ý đó, nhưng đang chờ xem đã...

- Nếu muốn nhảy thì mình giúp cho. Trong khi chờ đợi nên tìm hiểu tình hình.

Lê Phú gật:

- Đó là chuyện đương nhiên. Bọn này đang theo dõi tình hình hàng ngày tin chiến sự các mặt trận...

- Vậy mà có một mặt trận cực kỳ quan trọng mình cam đoan các anh không biết. - Bình cười vẻ bí hiểm.

- Mặt trận nào?

- Mặt trận Việt Minh! Có bao giờ nghe nói mặt trận đó chưa?

Lê Phú lúng túng:

- Có nghe loáng thoáng. Chỉ biết họ ở trong rừng sâu...

- Nếu họ có người xuống Hải Phòng này, Phú có dám tiếp họ không? - Bình nửa đùa nửa thật.

- Làm gì có chuyện đó!

- Nhưng nếu có thì Phú có dám gặp họ?

- Sợ gì chứ?

Bình hài lòng với cuộc gặp gỡ này.

Mới ngày đầu, không nên hấp tấp. Phải điều tra cẩn thận đã. Phải nắm chắc mới xúc tiến công việc.

Sau khi biết chắc Lê Phú là người tốt, Bình đặt vấn đề: cách mạng cần súng, nhờ Lê Phú tổ chức mua lên súng lấy cắp trong kho dưới tàu. Lính Hải quân ăn chơi quen thói cần tiền nên sẵn sàng lấy trộm súng đi bán cho bất cứ ai mua.

Lập tức Bình gặp Liệu để tìm người chuyển số súng đó. Liệu giới thiệu Bình với đồng chí Nguyễn Văn Tuệ là bạn tù năm xưa. Liệu cho địa chỉ: chùa Phương Mỹ, huyện Thủy Nguyên.

Bình tới nơi. Anh xiết đổi ngạc nhiên khi một nhà sư ra tiếp:

- Chào sư thầy. Tôi muốn gặp ông Tuệ.
- Tuệ là tôi đây.
- Tôi được anh Trần Huy Liệu giới thiệu tới chùa gặp anh.

Nhà sư mời Bình vô sau liêu bàn chuyện:

- Trụ trì này là sư cụ tên là Trụ. Sư cụ rất có cảm tình với cách mạng. Về đồng chí thì anh Liệu đã có nói với tôi rồi. Hai anh chàng hoạt động ở Sài Gòn và cùng ra Côn Đảo năm 30...

- Chuyện ấy xưa rồi. Tôi đã đoạn tuyệt với Quốc dân đảng. Bây giờ xin bàn chuyện hiện tại: theo sự phân công của anh Liệu, tôi đã mua được một số súng, đồng chí cho người xuống Hải Phòng đem về.

- Được bao nhiêu súng?

- Sáu súng trường cả đạn nữa. Chuyển tới sẽ quan trọng hơn. Tôi đang vận động anh em tháo gỡ hai cây đại liên trên tàu.

Nhà sư ngạc nhiên:

- Làm sao dám gỡ súng trên chiến hạm?

Bình tươi cười:

- Mình lợi dụng mâu thuẫn Pháp - Nhật. Nhật đòi Pháp giao các chiến hạm để nó lo phòng thủ Đông Dương. Thằng Pháp đang dùng dằng làm kế hoãn binh. Tôi có bạn học cũ trên chiến hạm Commandant Bourdais. Anh này có tinh thần yêu nước. Nghe cách mạng cần súng, anh bạn này vận động anh em lấy cắp súng dưới tàu bán cho ta. Thấy Tây không thiết tha tới chiến hạm, mình bước thêm bước nữa: gỡ hai cây cây-đơ.

Công tác mua súng thành công. Bình phấn khởi làm binh vận tại đồn Cửa Ông: Một đồng chí tên Tư Thành được Bình giao liên lạc với anh công nhân Phan Mạnh Hà đưa cả tiểu đội ở đồn Cửa Ông vô chiến khu Đông Triều ôm theo cả súng.

Như vết dầu loang, thắng lợi này kéo theo thắng lợi khác. Tổ binh vận thị xã Kiến An mang vô khu sáu súng trường, ba súng lục. Khí thế cách mạng ngày càng dâng cao. Nguyễn Bình làm một cú lớn: Nhật tổ chức một lực lượng vũ trang gọi là Đại Việt Quốc gia liên minh để chống Việt - Minh. Chỉ huy Liên Minh này là một cán bộ Đại Việt tên Bùi Sinh. Nguyễn Bình cho trinh sát tìm hiểu về Bùi Sinh, biết anh là người yêu nước nên tìm cách tiếp xúc. Bùi Sinh hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh, đưa hai tiểu đội Đại Việt Quốc gia liên minh vô chiến khu để làm nòng cốt cho ta đánh thị xã Uông Bí.

Tri phủ Nguyễn Quang Tạo bí mật ngả theo phong trào cách mạng. Nguyễn Bình gọi ý

cho Tào lên Tỉnh xin thêm súng để về phòng thủ huyện Thủy Nguyên. Lãnh được súng đạn rồi, Tào đưa hết vô chiến khu: 15 súng trường, 500 viên đạn.

Chương 8

Chùa Bắc Mã trở thành căn cứ

Huyện Đông Triều mở rộng chiến khu

Công tác bình vận và mua sắm vũ khí của Nguyễn Bình được xứ uỷ Bắc Kỳ đánh giá cao. Nhờ súng đạn nhiều, Đông Triều trở thành chiến khu vững vàng. Bấy giờ sư Tuệ chuyển về chùa Bắc Mã.

Nguyễn Bình đến đó bàn củng cố căn cứ. Chùa Bắc Mã là ngôi chùa cổ khá lớn, vị trí thuận lợi, trước mặt là đồng lúa giáp đường cái, đường 18, phía sau là rừng chồi, trong sâu là rừng già. Từ trong chùa có thể kiểm soát địch hành quân trên lộ 18. Nếu cần rút lui thì rừng che cả đại đội du kích. Trong chùa có nhiều Bụt to, cán bộ có thể ngủ ngay dưới chân Bụt. Gác chuông, gác chếp kinh có thể dùng làm nơi giấu tài liệu Hai dãy nhà ngang có thể làm nơi hội nghị, mở lớp huấn luyện.

Sư Tuệ giới thiệu Nguyễn Bình với sư cụ trụ trì:

- Đây là sư Nguyệt, một nhà sư dám vứt áo cà sa khoác chiến bào...

Nguyễn Bình vui vẻ nói:

- Tôi chưa hân hạnh thấy sư cụ khoác chiến bào nhưng đã thấy sư cụ in truyền đơn kêu gọi dân chúng chống Nhật và xây dựng chiến khu Đông Triều.

Sư Nguyệt nói:

- Dân trong vùng rất tốt. Thấy người lạ lảng vảng là họ bắt nạt cho chùa. Tới nay họ bắt hai người, một của địch và một của ta. Một tên tay sai của bọn Đại việt quốc gia liên minh lò mò vô đây bị tóm bắt ngay. Còn người kia là anh Sơn Vỹ, một thanh niên đi tìm cách mạng. Ta đã cho Sơn Vỹ dự khoá huấn luyện quân chính, nay Sơn Vỹ đang chỉ huy du kích Đông Triều.

Từ khi Nguyễn Bình về đây, chùa Bắc Mã trở thành tổng hành dinh quân giải phóng chiến khu Đông Triều. Sáng chiều tiếng đại hồng chung ngân nga. Nghe tiếng chuông quen thuộc, dân chúng vững lòng làm mùa: họ biết Việt Minh vẫn hoạt động bình thường. Tài năng quân sự của Nguyễn Bình đã gặp đất dụng võ. Anh lập đội võ trang tuyên truyền Đông Triều. Đội gồm 5 người: Sư Tuệ, Hải Thanh, Vũ Đình Thiệp, Thiệu và Lê Hải. Hải Thanh tới chùa Bắc Mã sau Nguyễn Bình. Vũ Đình Thiệp là thanh niên tháo vát được anh Bình chọn làm thư ký

riêng. Mỗi sáng Thiệp dùng nước nóng rửa mắt cho Bình. Xong rồi, gợn gàng trong bộ áo nâu bạc màu, súng sáu nhét lưng, Nguyễn Bình cỡi xe đạp đi công tác. Thiệp nhớ rõ chuyến võ trang tuyên truyền tại Mạo Khê. Anh và Lê Hải có nhiệm vụ bảo vệ hai diễn giả là sư Tuệ và Hải Thanh. Còn Thiệu thì canh gác vòng ngoài. Sự đột nhập táo bạo ấy gây tiếng vang lớn. Dân rất phấn khởi được thấy cán bộ Việt Minh về làng. Còn địch thì hoàn toàn bất ngờ, không can thiệp kịp.

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp 9-3-1945, Đông Triều sục sôi khí thế. Binh lính của Đội Hiền ở Đông Triều gồm 30 tên hoang mang không dám phá phách như trước. Do ta tuyên truyền, Đội Hiền lung lay và sau cùng ngã theo ta. Nhờ vậy mà chỉ có bốn súng trường, ta cướp đồn do nội ứng của Đội Hiền, lính đồn mở cửa cổng và nạp súng. Quần chúng ào theo phá kho thóc chia cho dân nghèo. Trong lúc địch chạy toán loạn, ta chia nhau bắt sống Trưởng Khiết và tri huyện Đông Triều, chiếm luôn Bưu điện huyện.

Kể từ tháng 5-1945 Bắc Mã đã trở thành trung tâm hoạt động quân sự quan trọng. Bộ chỉ huy gồm ba người: Nguyễn Bình, Hải Thanh và Đội Hiền. Do chuyển hướng theo cách mạng và lập công trong trận đánh Đông Triều vừa qua, Đội Hiền được Nguyễn Bình tin dùng. Sư Tuệ lo tổ chức các Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời khắp 54 làng trong huyện.

Không khí phấn khởi trong vùng, làm nô nức mọi người. Một Mạnh thường quân tên Lý Bá Sinh cống hiến tài sản nuôi cán bộ trong huyện. Họ Lý được bầu chủ tịch huyện Đông Triều.

Ngày 6-6 có tin bọn phản động sẽ chiếm đồn Bảo an Chí Linh vào ngày 8-6. Ban lãnh đạo khởi nghĩa ở Bắc Mã quyết định ra tay trước. Theo kế hoạch đã định, sáng sớm ngày 8-6, đội võ trang nổ súng trên một tuyến đường dài 24 km trên lộ 18. Ta diệt bốn đồn, phá kho thóc phát cho đồng bào. Bốn đồn này là đồn Đông Triều chiếm trước đây do công nội ứng của Đội Hiền. Đồn Mạo Khê chỉ giải quyết trong vòng hai tiếng. Đồn Tràng Bạch ta chiếm bằng kế giả lính Nhật tiến thẳng vô đồn bắt sống trưởng đồn, chiếm kho vũ khí. Đồn Chí Linh, ta trương cờ đỏ sao vàng kéo vô đồn, phá kho thóc phát cho dân. Chiều hôm ấy ta họp mít tinh ở Hồ Lao, tuyên bố chánh thức lập chiến khu Đông Triều. Ủy ban quân sự cách mạng gồm các đồng chí Nguyễn Bình, Trần Cung, Hải Thanh. Trần Cung tên thật là Nguyễn Ngọc Cư, bút hiệu Hoả Mai, quê tỉnh Thái Bình. Đỗ khoá sinh, Cung về quê dạy học. Năm 1929 anh gia nhập Đảng cộng sản, năm 1932 anh bị bắt lãnh án 20 năm khổ sai, đày Sơn La rồi Côn Đảo. Được phóng thích, anh về chùa Bắc Mã, giả sư để hoạt động. Anh làm bài thơ tự trào:

Tránh Tây ta phải giả thầy tu

Súng súng nâu sồng bộ pháp sư

Không đạo đóng vai người mẫn đạo

Chẳng tu làm bộ kẻ chân tu

Hai mươi thu trải năm nhà ngục

Bôn chục xuân qua năm độ tù

Chiến sĩ mấy phen nương bóng phật

Tụng kinh mác xít, niệm nam mô.

Phát huy khí thế, chiến khu Đông Triều mở rộng các vùng lân cận, đổi tên là chiến khu Trần Hưng Đạo. Từ ngày mang tên vị anh hùng ba lần đánh thắng quân Nguyên, chiến khu Đông Triều thu nhiều chiến thắng vang dội. Trận phục kích trên Kinh Thầy đánh thuyền vận tải địch thu nhiều lương thực và vũ khí. Kế là trận tấn công đồng loạt năm đồn Thanh Hà, Kinh Môn, Thuỷ Nguyên, Uông Bí và Bí Chợ. Riêng đồn Bí Chợ ta thu trên trăm súng, phá kho thóc đồn điền xếp Sâm chia cho dân. Lực lượng vũ trang trong lúc này vọt lên 400 tay súng chia làm bốn đại đội. Đó là các đại đội Hoàng Hoa Thám, Phạm Hồng Thái, Hoàng Văn Thụ và Ký Con. Ngoài ra còn một đội thuỷ quân gồm công nhân mỏ Mạo Khê. Đội này đã đánh cướp tàu Diamant của chủ mỏ. Trận Quảng Yên khiến tên tuổi Nguyễn Bình nổi như cồn. Tỉnh lỵ Quảng Yên nằm trên trục giao thông thuỷ bộ giữa Vàng Danh, Uông Bí và Hải Phòng. Bốn đại đội đi thuyền từ Đông Triều theo sông Kinh Thầy tiến đến thị xã Quảng Yên. Khí thế cách mạng áp đảo bọn địch. Năm trăm lính bảo an khiếp vía ném súng đầu hàng, ta thu năm trăm súng. Bọn Nhật cũng hốt hoảng phóng tàu chạy về Hải Phòng. Chiến lợi phẩm chở đầy mười xe bò gồm 600 súng trường, 40 trung liên. Lập tức ta tổ chức mít tinh triển lãm chiến lợi phẩm. Đó là ngày đẹp nhất của quân giải phóng Đông Triều. Nguyễn Bình mặc bộ quân phục tên quan tư Nhật ta giết ở Uông Bí, mang cả kiếm, súng lục và dao găm của tên này. Trông thật là oai!

Không dừng lại ở đây, Nguyễn Bình chỉ huy hai ca nô chở đầy lính đi yểm trợ cuộc khởi nghĩa Hải Phòng, sau đó giải phóng Tiên Yên, Ba Chẽ, Hòn Gai, Cẩm Phả, Cát Bà...

Tháng 8-1945 có nhiều biến cố quan trọng tác động đến cả nước. Đại hội Tân Trào họp ba ngày 13, 14, 15-8-1945 cử Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và ra lệnh Tổng khởi nghĩa. Ba ngày sau ta cướp chính quyền tại Hà Nội.

Cũng trong những ngày nóng bỏng này, quân Tàu Tưởng tiến chiếm thị xã Quảng Ninh. Đó là sư đoàn 82 của tướng Lư Hán. Đồng thời giặc Pháp ngoài đảo Cô Tô rục rịch đánh chiếm thuộc địa cũ. Tình thế thêm căng khi bọn Việt Cách núp bóng quân Tàu ngang nhiên cướp phá các thị trấn chúng đi qua. Rồi thêm bọn thổ phỉ người Hoa nổi lên.

Tình thế này khiến Nguyễn Bình không thể nghỉ ngơi sau thời gian “đánh Đông dẹp

Bắc”. Đó chỉ là bước đầu. Bọn phỉ của tên tướng Lương Đại Bân chiến huyện Hoàn Bồ. Bọn Việt Cách chiếm Hòn Gai. Nguyễn Bình cử người thương lượng nhưng tên Việt Cách không chịu, cứ tiếp tục lấn chiếm các vùng Tiên Yên, Đình Lập. Nguyễn Bình áp dụng chiến thuật vừa đánh vừa đàm. Việc đánh do anh phụ trách, việc đàm do sư Tuệ lo.

Sư Tuệ cho trình sát điều tra nội bộ tên tướng phỉ Tàu Lương Đại Bân. Tên này có một tình nhân người Việt, tên Xập Nhi, con gái Bang Xà ở phố Đông Triều. Bang Xà là người có cảm tình với cách mạng. Nhà ông là cơ sở bí mật. Sư Tuệ cho người gặp cô Xập Nhi thuyết phục họ Lương thoả hiệp với cách mạng. Nhờ mỹ nhân kế mà ta hạn chế được đám phỉ Lương Đại Bân.

Các trận đánh giữa Việt Minh và Việt Cách diễn ra khắp vùng biên giới. Quân Tàu ở Đông Hưng yểm trợ bọn Việt Cách khiến chúng càng hung hăng. Có nơi hai bên quần nhau tới 23 ngày đêm. Mãi đến khi. quân Tàu rút, Việt Cách mới bỏ chạy.

Chương 9

Chiếm Hải Phòng, đặt đại bản doanh

Tiếp sứ giả, Nguyễn Bình phần nộ

Ngày 23-8 Nguyễn Bình chỉ huy hai đại đội Phạm Hồng Thái và Ký Con cùng cánh quân thứ hai gồm hai đại đội Đề Thám và Hoàng Văn Thụ từ Thuỷ Nguyên về chiếm Hải Phòng. Địch hoảng sợ bỏ chạy.

Nguyễn Bình chọn nhà băng Năm Sao làm trụ sở Bộ Tư lệnh Đệ Tứ Quân Khu. Tên này được đặt theo quyết định của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ họp từ ngày 15 đến 20-4-1945 tại Hiệp Hoà, Bắc Giang.

Hội nghị quyết định cả nước chia làm bảy quân khu. Bắc Bộ có bốn quân khu Lê Lợi, Hoàng Hoa Thám, Quang Trung, Trần Hưng Đạo cũng gọi là Đệ tứ Quân Khu. Trung Kỳ có hai chiến khu Phan Đình Phùng và Trưng Trắc. Nam Bộ có một chiến khu: Nguyễn Tri Phương.

Đệ Tứ Quân Khu có các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Hải Phòng, Quảng Yên, Hòn Gai, Móng Cái và Lạng Sơn. Cũng có người gọi theo xưa là chiến khu Đông Triều hay chiến khu Duyên Hải.

Đóng tại Hải Phòng, tư lệnh Nguyễn Bình thay đổi cách ăn mặc cho thích ứng tình thế. Ông thay bộ nâu sồng bạc màu để mặc quân phục ka ki may kiểu Nhật. Vóc dáng to cao, mặc nhà binh xem ra rất vẻ tướng lãnh.

Tin từ miền Nam cho biết quân Anh Ấn tới Sài Gòn giải giới quân Nhật. Bọn Pháp được tên tướng Anh Gracey thả từ các khám giam. Bọn này thừa lúc quân Pháp từ chánh quốc sang bắt đầu gây hấn dưới sự yểm trợ của quân Anh. Nghe tin này tim Nguyễn Bình sôi lên. Miền Nam là quê hương thứ hai của anh: Anh nhớ lại bao kỷ niệm tưởng đã nằm im dưới lớp bụi thời gian. Hai mươi năm trước, một trang thiếu niên mười bảy đã bước lên cảng Khánh Hội, qua Cầu Móng đi về Chợ Cũ. Tất cả đều xa lạ. Ngôi nhà đồ sộ có vòng rào kiên cố đập vào mắt: nhà chú Hoả. Rồi căn phố nuôi cơm thánh trong hẻm với những chiếc ghế bố và những bữa cơm ồn ào vui vẻ.

Nổi bật nhất là căn gác trọ ngôi nhà số 2 đường Lefebvre với bảng hiệu Nam Chấn Hưng. Đó là nơi anh chung sống với nhà văn - tướng cướp Sơn Vương. Thời gian tuy ngắn nhưng ghi đậm cảm tình... Rồi căn nhà ở Đakao, nơi anh mở tiệm giặt ủi với số tiền Sơn Vương cướp của tên phó giám đốc sở cao su Minot ở biên giới. Và sau cùng là bagnie 2, căng tù Quốc dân Đảng, nơi anh phải trả giá quá đắt cho việc chọn lầm lý tưởng. Ký ức nung nấu lòng căm thù: không thể ngồi yên nhìn quân cướp nước dày xéo đồng bào trong Nam. Phải làm gì đây?

Nguyễn Bình đang xốn xang vì tình cảm gắn bó với miền Nam thì có đặc phái viên của Bộ quốc phòng tới. Nguyễn Bình đọc giấy giới thiệu: Xin giới thiệu đồng chí Lê Quang Hoà là đặc phái viên Quốc phòng... Ký tên: Võ Nguyên Giáp.

Chờ Nguyễn Bình đọc xong, phái viên nói:

- Anh Trần Cung có nói về anh. Anh đã hoạt động trong nam, bị thực dân dày ra Côn Đảo. Khi được phóng thích, anh về Hải Phòng, xây dựng chiến khu Đông Triều, tiền thân của Đệ Tứ Quân Khu ngày nay...

Nguyễn Bình cắt lời:

- Đồng chí đi hẳn vào đề đi?

- Hiện nay Tổng bộ Việt Minh đặc biệt quan tâm tới việc củng cố các chiến khu để bảo vệ chính quyền cách mạng. Tôi đang làm bí thư Ban cán sự tỉnh Sơn Tây thì được điều động vào quân đội. Anh Võ Nguyên Giáp phân công tôi về làm công tác chính trị trong lực lượng vũ trang ở đây.

Nguyễn Bình nhìn khách không chớp. Đây là chuyện lạ. Ngày chiến đấu gian lao, sống chết chẳng thấy người này tới giúp mình, nay bỗng nhiên tới đòi chia quyền lãnh đạo. Nguyễn Bình gật gù cười nhạt. Đoán biết ý chủ, khách nói:

- Xin nói rõ thêm. Anh vẫn là tư lệnh. Còn tôi chỉ làm công tác chính trị...

Nguyễn Bình cắt ngang:

- Tôi chưa thông về việc này. Cho tôi có thì giờ suy nghĩ đã!

Tự biết mình không đủ uy thế để thuyết phục vị tư lệnh Đệ Tứ Quân Khu, Lê Quang Hoà đành rút lui, ông sẽ về báo cáo với cấp trên. Phải là người thế nào mới được Nguyễn Bình nghe. Vì đây là một tay hảo hớn “dọc ngang nào biết trên trời có ai”.

Chương 10

Được Bác gọi. Bình lên Hà nội

Lần thứ hai khăn gói vào Nam

Sau cuộc gặp gỡ phái viên Bộ Tổng một tuần, Nguyễn Bình được thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi về Thủ đô. Tư lệnh Đệ Tứ Quân Khu nửa mừng nửa lo. Mừng là từ lâu mong được gặp vị chủ tịch nước từng là một nhà cách mạng bôn ba khắp thế giới tranh đấu giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho nước nhà. Còn lo là về chuyện chống lại Bộ Tổng, không nhận chia quyền chỉ huy cho người xa lạ chưa từng đóng góp xương máu cho mảnh đất Đông Triều thân yêu. Chuyển về thủ đô ngàn năm văn vật giữa tháng chín năm ấy Nguyễn Bình nhớ mãi. Anh suy nghĩ nhiều về cách ăn mặc khi vào Bắc Bộ Phủ gặp vị chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Phải ăn mặc thật đàng hoàng. Phải đúng phong cách một tướng lãnh, một tư lệnh quân khu. Ông mặc quân phục ka ki, mang giày boots da lấy của Nhật, đeo cả súng lẫn gươm của Nhật, đội kết cũng là chiến lợi phẩm của Nhật. Tất cả trang sức đó vừa đẹp vừa nói lên chiến công hiển hách vừa qua. Theo ông, đó là gián tiếp báo cáo với thượng cấp thành tích cách mạng của chiến khu Duyên Hải mà anh là người đại diện.

Từ Hải Phòng Nguyễn Bình đi xe hơi về Hà Nội.

Nước nhà đã tuyên bố độc lập rồi, nhưng đường phố lênh nhênh bọn lính Tàu Tưởng đáng ghét. Nếu chúng dẫn xác vào giang sơn của ông thì chắc chắn là sẽ có lăm tên đi châu Hà Bá.

Đến Bắc Bộ Phủ, một bất ngờ lớn đang chờ ông thay vì một vị chủ tịch ăn mặc đúng thời trang, cô-lê cà vạt, giày da bóng láng, ông được một cụ già giản dị trong bộ quần áo mặc thường ngày, chân đi dép.

Thấy vị chủ tịch nước “phú quý bất năng dâm” như thế, tự nhiên Nguyễn Bình đâm ngượng về cách ăn mặc diêm dúa của mình. Nhưng Bác không quan tâm tới chuyện nhỏ nhặt mà đi thẳng vào chuyện quốc gia đại sự:

- Chú là Nguyễn Bình, tư lệnh Đệ Tứ Quân Khu đấy ư?

Bác vừa hỏi vừa đưa tay ra bắt. Nguyễn Bình nắm lấy bàn tay Bác xúc động. Ông hoàn toàn bất ngờ trước cử chỉ thân ái. Vị chủ tịch nước tiếp một tư lệnh quân khu không theo nghi thức “triều đình” mà theo lối thân tình bác cháu:

- Thưa Bác, cháu là Nguyễn Bình. Về đây theo thư Bác gọi.

Bác Hồ chỉ ghế mời khách ngồi, chìa gói thuốc thơm ra mời. Bình rút một điếu. Bác lại bật quẹt cho Bình.

Hai bác cháu cùng hút vài lời trước khi vào chuyện:

- Bác có nghe báo cáo về các hoạt động của cháu ở chiến khu Đông Triều. Bác có lời khen... Máy ngày qua chú có nghe tình hình trong Nam?

- Thưa Bác có. Ngày 23-9 vừa qua, Pháp đã gây hấn. Đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn đã nhất tề đứng lên kháng chiến.

Bác nói:

- Cũng như một trăm năm trước, giặc nhăm vào miền Nam đánh trước. Nhưng ngày nay khác hẳn ngày xưa. Triều đình Huế cắt đất, cầu hoà, còn chúng ta nhất định không để mất một tấc đất. Nam Bộ là máu của chúng ta, là xương của chúng ta. Nam Trung Bắc một nhà, không ai có thể chia ly được. Nguyễn Bình gật lia. Ông Cụ nói đúng tâm trạng của mình quá. Ông toan nói nhưng ông Cụ nói tiếp:

- Máu chảy ruột mềm. Rất nhiều đồng chí tình nguyện vào Nam chiến đấu. Các đoàn Nam Tiến đang chuẩn bị lên đường. Bác có nghe đồng chí Trần Huy Liệu nói chú trước kia có hoạt động trong Nam. Bác nghĩ rằng các lực lượng vũ trang trong đó đang cần một chỉ huy có tài năng để tập hợp cán bộ đội địa phương lại, nếu không sẽ có thể xảy ra nạn thập nhị sứ quân rất tai hại trong lúc này. Người chỉ huy đó phải là người đã biết rõ miền Nam, lại phải là một người có đủ bản lĩnh thu hút những tay giang hồ kiểu Bình Xuyên. Chú có thể đảm trách vai trò đó không?

Nguyễn Bình hoàn toàn bất ngờ trước câu hỏi ấy. Ông định ninh Bác sẽ thuyết phục ông chia quyền với phái viên Bộ Tổng mà ông đã một lần từ chối. Chưa có lúc nào ông ngờ Bác chọn mình để phái vào Nam. Ông đang lúng túng thì Bác nói tiếp:

- Chú có đủ điều kiện nói trên. Chú đã sống trong Nam, am hiểu nhiều loại người. Không ai xứng đáng hơn chú để lãnh trọng trách tập hợp các giáo phái trong Nam để đương đầu với địch. Chú nghĩ thế nào?

Nguyễn Bình đã có lần mơ ước chuyện vào Nam thăm lại người xưa cảnh cũ, nhưng ông

không thể vào Nam như một khách nhàn du vì nay ông là tư lệnh một quân khu quan trọng: quân khu duyên hải, là yết hầu của thủ đô Hà Nội. Nay chính vị chủ tịch nước chánh thức giao công tác vào Nam cho anh. Vậy là đúng lý hợp tình. Ông gật ngay:

- Bác đã tin nhiệm cháu, cháu xin nhận.

Bác vui vẻ nói:

- Bác giao miền Nam cho chú đó. Chú hãy tỏ ra xứng đáng với lòng tin yêu của Bác và của đồng bào miền Nam. Hãy về thu xếp vào Nam ngay. Tình hình trong đó như nước sôi lửa bỏng. Nhớ ghé qua chú Giáp lấy giấy tờ. Bác đã bảo chú Giáp làm giấy giới thiệu đặc phái viên Bộ Tổng cho chú rồi. Bác xiết thật mạnh bàn tay Nguyễn Bình thời nói:

- Chúc chú thượng lộ bình an.

Rồi thật bất ngờ Bác hôn choàng luôn lên hai má Nguyễn Bình. Đây là cách biểu lộ tình cảm của người phương Tây. Pháp gọi là: “accolade” ông Bình chỉ thấy trong phim thời sự mà thôi. Nay không ngờ vị chủ tịch nước đã “accolade” mình. Theo phản ứng tự nhiên, Bình cũng hôn đáp lễ những chỉ kịp áp má vào râu Bác. Chùng xuống tam cấp Bắc Bộ Phủ, ông vẫn còn nghe nhột nhột trên má, dường như râu Bác còn cạ vào má ông.

Ghé Bộ Quốc phòng lấy giấy giới thiệu, Nguyễn Bình về Hải Phòng thu xếp hành lý vào Nam. Dù chuyển đi được quyết định một cách đột ngột, thành phố Hải Phòng cũng cấp tốc làm tiệc tổng biệt vị tư lệnh bách chiến bách thắng của mình. Đại diện thành phố Cảng trao tặng khu trong khẩu súng lục hiệu Wicker để làm kỷ niệm, mong rằng khẩu súng mang trong người sẽ nhắc nhở Khu trưởng rằng dân Hải Phòng luôn luôn theo dõi từng bước chân của Khu trong trên đường vào Nam thi hành trọng trách mà Bác Hồ đã giao. Rất xúc động, Nguyễn Bình đưa cao khẩu súng nói lớn:

- Bác đã giao miền Nam cho Nguyễn Bình. Thành phố Cảng tặng Nguyễn Bình khẩu súng này để hoàn thành nhiệm vụ Bác giao. Nguyễn Bình thề với khẩu súng này: Nếu để Nam Bộ mất, Nguyễn Bình sẽ chết theo khẩu súng này.

Cả hội trường xúc động cao độ với lời thề son sắt ấy. Việc chuẩn bị tiến hành nhanh gọn. Khu trưởng làm lễ bàn giao cho người thừa kế và sau đó khăn gói lên đường. Trên đường thiên lý, đơn thương độc mã, Nguyễn Bình có nhiều thì giờ để nghĩ ngợi chuyện đời: ngày xưa, khi ngỏ ý cùng cha nguyện vọng vào Nam tìm đất sống thay vì tiếp tục học để giạt mảnh bằng sư phạm, ông thân khuyên: “Chớ nên thả mồi bắt bóng”. Đây có phải là thả mồi bắt bóng không, chắc chắn là không phải. Tất cả chỉ vì tổ quốc Việt Nam thân yêu. Phong cảnh đẹp hai bên đường đánh thức tâm hồn nghệ sĩ trong ông. Tới Đèo Ngang bất giác ông ngâm:

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà

Cỏ cây chen lá, lá chen hoa

Nhưng thơ Bà Huyện Thanh Quan nghe hiền lành quá mà tâm hồn nhà tướng đang bùng bùng khí thế. Bình chuyển sang bài thơ “tráng sĩ hề” với hình tượng kiếm cung, kỵ mã:

Tráng sĩ hề, gặp thời loạn

Như cá gặp nước hề, ta vẫy vùng

Một ngựa một gươm hề, một cây cung

Ta xông pha hề, trong chốn lao lung

Chương 11

Theo gả Tây Nguyên tới miền Đông

Dừng chân tỉnh Thủ, nhà giáo Chương

Đúng là một cuộc chạy đua nước rút. Thực dân Pháp đã nổ súng tái chiếm Nam Bộ. Sài Gòn là mục tiêu đầu tiên. Đó là ngày hăm ba (23 tháng 9 năm 1945). Tin này bay tới thủ đô Hà Nội như tiếng sét giữa trời quang. Thật bất ngờ nhưng không gây hoang mang. Trước đó tướng De Gaulle đã tuyên bố tại Brazzaville, thủ đô nước Congo, là Pháp sẽ củng cố các lãnh thổ hải ngoại để xây dựng Liên Hiệp Pháp hùng mạnh hơn xưa. Lời rêu rao này được các đài bá âm phát đi từ đầu năm 1944 và mỗi ngày qua cho thấy Pháp nỗ lực tái chiếm các thuộc địa cũ ở Bắc Phi và Đông dương.

Hà Nội sục sôi căm phẫn trước tin Sài Gòn bị xâm chiếm. Phong trào đầu quân vào Nam tiếp viện nổi lên gần như tự phát: máu chảy ruột mềm là truyền thống nhiều điều phủ lấy giá gương của dân tộc Lạc Long. Chánh phủ Hồ Chí Minh tuy bận rộn với nạn thổ phỉ do quân đội Lư Hán có nhiệm vụ giải giới quân Nhật ở miền Bắc Việt Nam gây ra vẫn cấp tốc gọi các đoàn quân Nam tiến chống xâm lăng. Một trong những đoàn quân này do Nam Long chỉ huy. Vì đường giao thông bị phá hoại, quân Nam Tiến mất khá nhiều thì giờ trên đường hành quân. Vào tới miền Đông, Nam Long đưa thẳng lực lượng tới sát thành phố Sài Gòn. Tại cầu Bình Lợi, bộ đội miền Đông đã lập một tuyến phòng thủ, không cho địch nống ra lấn chiếm các tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hoà. Dân quân ở đây được một phân đội đồng bào thiếu số từ Biên Hoà xuống tăng cường. Đây là một binh chủng đặc biệt mà bọn Tây và quân Anh-Ấn khiếp sợ vì họ đánh địch một cách âm thầm lặng lẽ: đánh bằng cung nỏ. Những mũi tên tẩm thuốc độc không nổ ồn ào như súng mót nhưng lại gieo khủng khiếp hơn: cái chết kéo dài trong nhức nhối chứ không

nhanh gọn như những cái chết “bình thường”. Ngày đoàn quân Nam tiến của Nam Long tới Bình Lợi là một ngày trọng đại. Lực lượng tăng viện không đông nhưng mang ý nghĩa rất lớn: tình đồng bào ruột thịt Bắc Nam là một sức mạnh tinh thần vô địch. Đó là một thông điệp gửi tới bọn thực dân: “Chớ động tới Nam Bộ”. Ngày 20 tháng 10, sau ngày giặc Pháp gây hấn gần một tháng, nhờ tinh thần chiến đấu cao của các bộ đội miền Đông mà hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hoà vẫn còn trong tay chánh quyền cách mạng.

Trong khi ấy, Nguyễn Bình từ cao nguyên Ban Mê Thuột vượt vùng Ba Biên Giới (Trois Froncières) xuống Thủ Dầu Một.

Do đi một mình nên Nguyễn Bình tới miền Đông trước đoàn quân Nam Tiến của Nam Long. Thị xã Thủ Dầu Một đang trong khí thế sẵn sàng tử chiến trước mọi đợt tấn công của bọn Pháp có quân Anh-Ấn yểm trợ. Rõ ràng là quân Anh đã làm sai chức năng giải giới quân Nhật tại miền Nam Việt Nam như Đồng minh đã uỷ quyền. Nguyên văn chỉ thị của Đồng Minh cho lực lượng tướng Gracey vốn vẹn có một câu ngắn gọn: “sole mission: disarm the japanese don't get involved in keeping order” (sứ mạng duy nhất: giải giới quân Nhật, chớ can thiệp vào việc giữ trật tự).

Tướng Gracey ngay từ đầu đã làm sai chức trách chìa mình, mở đường cho Pháp trở lại xâm lược Việt Nam.

Tới thị xã Thủ Dầu Một, Nguyễn Bình đến nhà ông giáo Chương là một Mạnh thường quân nổi tiếng trong vùng. Tên ông là Đoàn Hữu Chương. Gia đình ông giáo Chương với lai người con là Đoàn Hữu Hoà và Đoàn Hữu Thanh và người con rể là Võ Bá Nhạc đều theo kháng chiến ngay từ đầu. Vừa tới nơi, Nguyễn Bình bắt tay vào việc phòng thủ thị xã cùng với chánh quyền sở tại. Công việc chuẩn bị rất khẩn trương vì có tin quân Pháp cùng bọn Anh-Ấn đã đánh chiếm Gò Vấp sau khi mặt trận An Phú Đông bị phá vỡ.

Ngày 22-10 quân Anh-Ấn đánh thị xã Thủ Dầu Một. Súng nổ vang trời, nhưng dân quân chỉ làm chậm trễ bước tiến của địch chớ không đủ sức đánh bật chúng. Xe nôi đồng, Tây gọi là auto-mitrailleuse, xả súng liên thanh dọn đường cho bộ binh. Nhà của ông giáo Chương chỉ cách chúng có 300 mét. Lúc đó Nguyễn Bình ẩn trong nhà, thủ khẩu Wicker chờ địch tới. Nhưng xe nôi đồng chỉ bon bon trên đường nhựa. Lính bộ binh thận trọng bám sau xe, không dám xông xáo lục lạo.

Thị xã mất rồi, Nguyễn Bình cùng hai anh Hoà, Thanh và ông Nhạc dời về Bưng Cầu. Cuối tháng 10 Nguyễn Bình họp với Cò Trương và một số nhân vật lãnh đạo tỉnh Thủ Dầu Một để tổ chức lại lực lượng quân sự. Địa điểm cuộc họp này là đồn điền cao su Võ Bình Tây. Cuộc họp này dọn đường cho hội nghị quân sự Nam Bộ vào ngày 15-11-1945.

Chương 12

Theo bộ đội lên tới Phú Cường

Cô cứu thương trở thành liên lạc

Chiến cuộc ngày càng ác liệt khi viện binh từ Pháp đổ bộ lên bến Sài Gòn. Đây là đội quân viễn chinh dưới quyền chỉ huy của đại tướng Leclerc từng giải phóng Paris và vượt qua hai sông lớn Rhin và Danube giải phóng các nước Tây Âu thoát ách Đức Quốc Xã. Các tiểu đoàn dưới quyền Leclerc đều hãnh diện với phù hiệu “Thieu ét Dauube” may dính nơi cánh tay áo ka ki của mình. Các cuộc giao tranh ngày càng bùng ra xa ngoại vi Sài Gòn Gia Định. Một trong những mặt trận ta giữ được khá lâu là mặt trận An Phú Đông. Có nhiều đơn vị tham gia phòng thủ chiến khu nằm sát Sài Gòn này. Trong số này có bộ đội Hứa Văn Yển, bộ đội Nguyễn Đình Thâu. Đặc điểm của phân đội Nguyễn Đình Thâu là rất đông phụ nữ phần lớn các chị em là người miền Bắc sanh sống tại Phú Nhuận. Chị em làm nhiều nghề như buôn bán ở các chợ, làm thợ thêu, đan. Nhưng được nổi tiếng nhất là một số chị em làm nghề ả đào, cô đầu. Dãy phố dưới dốc cầu Kiệu trên đường Louis Berland sát chợ Xã Tài (Chợ Phú Nhuận) nay là đường Phan Đình Phùng - là giang sơn của các chị em. Đêm đêm, đi ngang qua đây, ngoài hàng hiên có gắn đèn xanh hoặc tím, khách bộ hành nghe rõ tiếng ngâm “Hồng hồng tuyết tuyết, mới ngày nào có biết cái chi chi, mười lăm năm thấm thoát có ra gì, ngoảnh mặt lại đã tới thời tơ liễu”. Nhưng khác hẳn với đám “ca nữ” bất tri vong quốc hận bến Tầm Dương bên Tàu, các cô đầu Phú Nhuận lập tức vớt đàn phách phấn son để lên đường cứu nước. Hiên ngang không kém giới sinh viên đã xếp bút nghiên tòng quân giết giặc. Trong số chị em này có Hoàng Thị Thanh vốn là dân Hải Phòng. Người phốp pháp nhưng rất xinh đẹp, mái tóc dài chải bông lên, theo kiểu “tăng gô”. Khi nhập bộ đội, Thanh được học khoá cứu thương và sau một tuần thực tập đã có thể băng bó các vết thương hay tiêm thuốc cho thương binh. Các cô cứu thương với các túi thuốc có thêu chữ Thập đỏ lui tới các phòng tuyến là những đoá hoa tô điểm cho mặt trận đàng đàng sát khí.

Mặt trận An Phú Đông vỡ sau những ngày đương cự dũng mãnh. Dân quân rút vô các chiến tuyến ngoại vi chân đường tiến địch về phía Biên Hoà hay Thủ Dầu Một. Đội cứu thương của Hoàng Thị Thanh cũng rút về phía Lái Thiêu. Ngày kia đội cứu thương của Thanh được chỉ huy bởi:

- Có ai rành đường phố Sài Gòn Chợ Lớn?

Các cô y tá nhìn nhau. Một người chỉ chị Thanh nói:

- Chị Thanh rành đường phố Sài Gòn hơn ai hết.

Chỉ huy nhìn Thanh gật gù:

- Chị Thanh qua đây với tôi.

- Đi đâu vậy anh? - Thanh ngạc nhiên hỏi.

Đội đi khỏi tầm nghe của đơn vị, anh chỉ huy nói:

- Ông phái viên Trung ương muốn có một liên lạc thành. Người này phải là dân Sài Gòn chính cống, trẻ đẹp, lanh lợi mới có thể đảm trách nhiệm vụ quan trọng liên lạc giữa bộ chỉ huy với các đơn vị nội thành.

Thanh hơi chột dạ. Khi ra đi, Thanh không hề nghĩ tới việc trở về thành. Câu hát Chính Khí Ca bắt đầu với lời lẽ hào hùng: “Một ra đi là không trở về”. Lòng mình cũng quyết giả biệt kinh kỳ... Rồi hình dung bao nhiêu đồn bốt, nút chặn ghê gớm mà người liên lạc phải vượt qua, Thanh sợ mình không có đủ bản lĩnh để đương đầu với bao thử thách không thể đoán lường trước được.

Đang nghĩ ngợi miên man, Thanh đã tới ngôi nhà ông phái viên Nguyễn Bình đóng. Lần đầu tiên Thanh thấy người mà đôi khi chị có nghe nói. Ấn tượng đầu tiên anh Ba gây cho Thanh là một người cao lớn vạm vỡ, mặc đồ xá xẩu như người Tàu, mắt mang kính râm, lưng đeo súng nòng dài và chiếc sắc cốt tài liệu luôn luôn sát bên tầm tay.

- Chào đồng chí!

Nguyễn Bình bắt tay Thanh tự nhiên như người Âu. Cử chỉ này khiến chị lúng túng, chỉ có Tây mới bắt tay, còn người Việt mình thì nam nữ thọ thọ bất thân chỉ chấp tay xá.

- Mời đồng chí ngồi. Ta bàn chuyện có hơi lâu.

Thanh ngồi xuống ghế đối diện. Anh chỉ huy kín đáo rút lui vì không muốn nghe chuyện cơ mật.

- Tôi đang cần liên lạc thành. Anh chỉ huy giới thiệu đồng chí. Xin đồng chí cho biết trước kháng chiến đồng chí ở đâu, làm gì... Hình như đồng chí quê ở miền Bắc?

Thanh nói:

- Dạ đúng. Tôi quê Hải Phòng, vào Nam theo người cô có hiệu ảnh ở Thị Nghè. Đang theo nghề ảnh dụng kháng chiến. Tôi theo đội cứu thương ở Gò Vấp.

Nguyễn Bình gật gù, giọng nói thân ái hơn:

- Rất vui mừng khi gặp đồng hương trên đất Nam Bộ này. Đồng chí có nhận công tác mới

là làm liên lạc thành cho chúng tôi?

- Tôi mới nghe nói lần đầu, chưa biết mình có khả năng hay không. Xin ông phái viên nói rõ thêm...

Nguyễn Bình cười:

- Cứ gọi tôi là anh Ba như mọi người. Phái viên là chức vụ để dễ làm việc, không nên xem đó là một danh xưng... Người Nam Bộ có cách gọi độc đáo mà miền Bắc ta không có. Gọi nhau bằng thứ: Chị Hai, anh Ba. Nghe thân mật gần gũi làm sao! Khi nào muốn cho rõ không nhầm lẫn thì kèm theo tên như Ba Bình hay Tư Râu... Tôi nói rõ thêm về công việc mà đồng chí đảm trách: Tôi từ Bắc mới vào đây, dù hai mươi năm trước tôi có ở Sài Gòn, nhưng lâu quá rồi, nay không thông thạo đường phố. Tôi cần một người liên lạc để giúp tôi đi đây đi đó. Công việc chỉ có vậy thôi. Liên lạc phải hết sức bình tĩnh trong mọi tình huống. Một người dân Sài Gòn đã tham gia các mặt trận ác liệt Thị Nghè, Cầu Bông như đồng chí có khả năng lắm. Nhưng phần quyết định phải là đồng chí. Làm cách mạng là chuyện tự nguyện của từng người.

Trong khi Nguyễn Bình nói, chị Thanh lắng nghe và nhận xét. Giọng nói đúng là dân Hải Phòng “quê ta”. Cử chỉ điềm đạm, khoan thai khác hẳn bộ tướng nhà binh. Có thể nói đây là văn võ kết hợp trong một người. Cách làm việc mới lạ, không quyết đoán, không chỉ định mà để cấp dưới tự nguyện.

- Thế nào? đồng chí có nhận công tác đó không?

Chị Thanh gật. Anh Ba nói tiếp:

- Tôi có mấy ý này giúp đồng chí hoàn thành công tác. Trước hết, đồng chí nên sắm hai bộ đồ xấu xấu như tôi đây. Không phải mình lập dị đâu. Hoạt động nội thành nên hoá trang thành người Tàu để dễ qua mắt bọn lính kín. Hải Phòng ngoài Bắc và Chợ Lớn trong Nam là hai thành phố người Trung Hoa đông đảo hàng chục vạn dân, ta dễ trà trộn để hoạt động. Đồng chí thấy thế nào?

Thanh bật cười: nàng là chúa ăn diện, kiểu nào mới ra nàng cũng may sắm, nhưng chưa hề có ý nghĩ hoá trang người Tàu.

Anh Ba cũng cười theo:

- Chắc đồng chí ngại mặc đồ Tàu sẽ làm xấu mình đi chăng? Không đâu? Chiếc áo không làm nên thầy tu. Đẹp xấu là do người, chứ không do áo quần. Mà xinh đẹp như đồng chí thì mặc kiểu gì cũng đẹp.

- Tôi đang nghĩ tới tiền để may sắm hai bộ đồ Tàu...

Anh Ba khoát tay:

- Đồng chí làm việc cho Bộ chỉ huy thì Bộ chỉ huy phải sắm những thứ cần thiết cho đồng chí. Sẽ có thợ may tới lấy ni tắc cho đồng chí.

Chuyến liên lạc đầu tiên của chị Thanh là đi Bưng Cầu. Nguyễn Bình và chị đóng vai hai người Tàu cùng chủ nhà là thầy giáo Chương mượn nguyên một chiếc xe ngựa của người quen trong xóm. Anh Ba lên Bưng Cầu để nghiên cứu địa điểm có thể dùng để gặp các nhân vật tên tuổi miền Đông. Trước khi lên đường, anh Ba giao chị Thanh khẩu súng và một số tài liệu. Chị Thanh giấu súng một bên đùi và tài liệu nơi đùi bên kia. Tới Bưng Cầu bình an vô sự. Vì cuộc họp không đông đủ nên anh Ba mời họp lần thứ hai cũng tại Bưng Cầu sau đó vài ngày. Lần sau không đi xe ngựa mà đi xe hơi, mượn một xe đồ nhỏ chở mười hai người. Trên xe có các ông Tám Chùa, Dương Bạch Mai, Huỳnh Văn Nghệ... Không may lần này chuyến đi bị bọn Nhật đi tuần tiểu chặn xe đồ lại lục xét giấy tờ lẫn hành lý. Anh Ba nhăn mặt vì không kịp thủ tiêu giấy phái viên của Bộ Tổng. Bọn Nhật tịch thu chuyển cho nhau xem. Một tên Nhật nhìn anh Ba, gọi là “tài hồ”. Chị Thanh đoán chữ tài là đại, có nghĩa là to, còn chữ hồ thì chị không biết. Nhưng chị hiểu là chúng đặc biệt để ý đến anh Ba trong số hành khách trên xe. Chúng lừa tất cả đến một trạm gác có bốn lính Nhật giữ cả đêm. Sáng hôm sau, chúng hỏi cung từng người. Chúng hỏi chị Thanh qua một thông ngôn:

- Chị là người Tàu. sao lại đi chung xe với Việt Minh?

- Tôi đi tản cư, gặp xe nào đi xe nấy, làm sao biết trên xe có Việt Minh.

Bọn Nhật gật gù không hỏi nữa. Một lúc sau chúng đưa một rá gạo và một rổ đậu đũa bảo nấu cơm.

Anh Ba nói:

- Trả lại đi? Mình tuyệt thực phản đối!

Bọn Nhật giải tất cả về thị xã Thủ Dầu Một. Xe chạy một hồi, anh Ba hội ý nhanh với chị Thanh. Chị hiểu ý, vỗ bụng, nhăn mặt đòi xuống xe đi tiểu. Tài xế cũng cần mức nước mương đổ vào thùng xe cho bớt nóng máy. Chị Thanh đi tới bụi rậm thì anh Ba hô to:

“Chạy đi anh em ơi!” Tất cả phóng nhanh, mỗi người một hướng. Bọn Nhật nổ súng rầm rầm. Tiếng súng càng làm anh em chạy “chết bỏ”.

Chạy khỏi bọn Nhật, chị Thanh rơi vào tay du kích. Họ thấy chị là người Bắc, lại ăn mặc theo xẩm nên nghi gián điệp, bắt giải cho chỉ huy điều tra. Chỉ huy là một người mặc quần soóc

trắng, đeo súng trước bụng. Chị Thanh nói gì cũng mặc, ông ta cứ nhất quyết chị là chỉ điểm cho Pháp hay là cho Nhật.

Trong khi hỏi cung ông ta thường móc súng cầm tay hăm: “Cây súng này đã xử không biết bao nhiêu Việt gian”. Về sau chị Thanh mới biết ông ta là Trịnh Khánh Vàng.

Tối chiều, chưa kịp ăn cơm thì có thư hỏa tốc của Nguyễn Bình gửi đồng chí Trịnh Khánh Vàng đòi người con gái mặc áo xắm. Vàng đọc xong cự chị Thanh:

- Sao không nói là người của Nguyễn Bình? Rủ tôi nóng tôi bắn thì sao? Thôi qua bên đi!

Về gặp anh Ba, chị Thanh mừng vô cùng. Đây là thử thách đầu tiên trong công tác liên lạc của chị: hết bị Nhật bắt tới bị Việt mình giữ. Chủ nhà đem ra một ổ khoai lang nóng. Chị Thanh ăn ngấu, chưa bao giờ thấy khoai ngon ngọt, thơm tho như vậy.

Nhưng ăn chưa hết củ khoai thì có tin Nhật vô. Hình như chúng biết anh Ba ẩn trong xóm này. Lập tức anh Ba bỏ cặp kính râm vô tủ, mặc vội bộ đồ chủ nhà đưa - một bộ bà ba đen mốc cời có vá mấy miếng.

Cải trang xong, anh ung dung đi ra. Chị Thanh cũng bỏ bộ xắm, giả làm con gái miệt vườn trốn thoát.

Giữa ông đặc phái viên Trung ương và cô liên lạc thành dần dần nảy sinh một tình cảm đặc biệt, vừa là đồng hương vừa là đồng chí. Chị Thanh nhớ lại lúc còn ở Hải Phòng, có lúc hai người ở cùng dãy phố. Bấy giờ Nguyễn Bình còn là Nguyễn Phương Thảo từ Nam Kỳ về. Để sanh sống, Thảo đã hùn với người bạn nấu dầu gió theo toa thuốc gia truyền nhãn hiệu dầu Phúc Thảo. Nhưng đó chỉ là bình phong để Thảo hoạt động cách mạng. Chị Thanh nhắc lại chuyện cũ, anh Ba gật “có lúc nấu dầu gió” còn chuyện hai người ở cùng dãy phố thì anh không nhớ.

Vài ngày sau anh Ba mở cuộc họp thứ hai tại sở cao su Võ Bình Tây. Cuộc họp kéo dài ba ngày.

Nguyễn Bình truyền đạt chủ trương thống nhất chỉ huy các lực lượng quân sự. Đây là vấn đề khó vì tâm lý các “lãnh chúa” muốn làm vua một vùng, không thích ai chỉ huy mình. Nhưng nghe phái viên Trung ương trình bày đường lối của Bộ Tổng có hệ thống mạch lạc từ trên xuống dưới, từ Trung ương tới địa phương, và nhất là bản lãnh của người thuyết trình; hội nghị nhất trí chịu sự lãnh đạo của Trung ương mà đại diện là khu trưởng Nguyễn Bình.

Cũng trong hội nghị này, các đại biểu quyết định triệu tập cuộc hội nghị chính thức tại An Phú Xã.

Chương 13

Gặp Nguyễn Bình, Cò Trương hiến kế

Mở hội nghị quân sự miền Đông

Tại Bung Cầu, Nguyễn Bình gặp Cò Trương. Trương là một thanh niên hai mươi lăm tuổi, tên thật là Huỳnh Kim Trương, quê làng Kim Sơn, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang). Địa danh Kim Sơn nổi tiếng với trận thủy chiến Rạch Gầm, nơi Nguyễn Huệ đánh tan năm vạn quân Xiêm đánh thuê cho Gia Long. Ông thân của Trương là Huỳnh Kim Lâu, cơ sở mật của đồng chí Ngô Gia Tự. Do truyền thống cách mạng mà Trương sớm có ý thức chính trị. Đậu đíp-lôm với số điểm cao nhất tại trung tâm Mỹ Tho, Trương được học bổng lên học ban tú tài tại trường Pétrus Ký. Đậu tú tài, định ra Hà Nội học kiến trúc nhưng gia đình không đủ tiền, đành đi làm thư ký kiếm sống. Trương làm việc tại phòng quản thủ điền thổ Thủ Dầu Một mà trưởng phòng là ông Nguyễn Minh Chương, một trí thức có tinh thần quốc gia tiến bộ. Trương rất tích cực trong phong trào truyền bá quốc ngữ dưới sự lãnh đạo của các thầy cũ như Giáo sư Phạm Thiều, Nguyễn Văn Chì, Lê Văn Chí, Đặng Minh Trứ, Hồ Văn Lái... Anh đi dạy thêm tại hai trường tư Thanh Trước và Tân Ánh Mai. Do hoạt động tích cực mà anh được cử đại diện sinh viên trong Nam, tuy chưa ra Hà Nội học ngày nào. Trong cương vị này, Trương giao du mật thiết với các trí thức như kỹ sư Trương Công Phòng, trưởng ngành canh nông Bến Cát, Nguyễn Khắc Cần, Phan Văn Phổ, Nguyễn Văn Liệu...

Ngày Nhật đảo chính Pháp, chúng cướp trụ sở Hội truyền bá quốc ngữ Thủ Dầu Một. Anh em rời vô xóm Mươn, tá túc trong chùa thầy Mười Trận. Ông thầy chùa này đặc biệt ở chỗ đã từng hành hương qua xứ Phật là Ấn độ, nhưng có tinh thần chống thực dân triệt để.

Lúc Việt Minh ra công khai ở Thủ Dầu Một vào tháng 5-1945, Trần Quốc Quân làm thủ lĩnh Thanh niên tiên phong tỉnh. Ông Trần Văn Giàu giới thiệu Trương nắm lực lượng Thanh niên tiên phong. Lúc đó trong tỉnh còn có hai người hoạt động hăng hái trong giới thanh niên, đó là sinh viên Trịnh Kim Ảnh và Kiều Đắc Thắng. Trịnh Kim Ảnh quê Lái Thiêu, từng tham gia tích cực trong đoàn SÉT (Section d' Excursion ét de Tourisme) - một tổ chức tập hợp thanh niên học sinh các trường mà nòng cốt là trường Pétrus Ký. Còn Kiều Đắc Thắng là một công nhân gốc miền Trung vào Sài Gòn hoạt động trước 1945. Họ Kiều có nhiều hành động quân phiệt nên Trần Văn Giàu giao Trương “kèm” Thắng. Lúc cướp chánh quyền tỉnh Thủ có ba đại đội dân quân, do bộ đội cảnh sát Cộng hoà vệ binh do Ách Lân (Lê Văn Lân là adjudant trong quân đội Pháp) chỉ huy, thứ hai là bộ đội Dân quân Cách mạng (cũng gọi là bộ đội xung phong Đề Thám) và thứ ba là bộ đội công chức đa số là thầy giáo do Quách Văn Trở chỉ huy. Khi cướp chánh quyền, bộ đội Cộng hoà vệ binh đóng gần khám, bộ đội Đề Thám đóng trên dốc Toà Tập

tụng, bộ đội Công chức đóng ở Bung Cải.

Cũng trong lúc này, các anh Trương Văn Giàu chỉ huy trưởng Cộng hoà vệ binh Nam Bộ kiêm tư lệnh Bảo An Đoàn cùng hai phụ tá là hai adjutant Nguyễn Văn Quan và Nguyễn Văn Hoặc được quân Nhật giao trọng trách quản lý sở cao su Lộc Ninh là nơi chúng quản thúc toàn quyền Decoux, thống đốc Nam Kỳ Hoeffel, tướng Delsuc, tổng tư lệnh quân đội Đông Dương và tỉnh trưởng Biên Hoà Larivière.

Nhật hăm chặt đầu ba anh Giàu, Quan và Hoặc nếu để mất bốn tên nguy hiểm này. Một đặc điểm của thời kỳ 1945: các tay quân nhân trong cơ lính Brigade Mobile (Lữ đoàn cơ động) và Garde Civile Locale (Bảo An Đoàn) lên tới cấp cao là công ách (adjutant) đều chạy theo cách mạng. Đứng đầu là Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quan, Nguyễn Văn Hoặc, ách Theo (sau lấy tên là Nguyễn Sơn Xuyên), ách Lê Văn Lân, ách Năm Râu tức Nguyễn Hữu Nam. Cao cấp hơn có ông Một Thời, Trịnh Văn Thời là thân sinh anh Trịnh Kim Ảnh cũng theo cách mạng. Cũng như ông Một Khôi là thân phụ anh Bùi Khánh Ngươn (sau này lên cấp tướng). Treo chỉ thị của Trần Văn Giàu, các anh Trương, Lân, Quan, Hoặc, Nguyễn Văn Thi, Hồ Văn Nâu, Vạn Công Khai cướp chánh quyền tỉnh Thủ Dầu Một. Trừ Hồ Văn Nâu là dân Tân An lên, tất cả đều là người hoạt động ở tỉnh Thủ. Khí thế tỉnh trái cây trong những ngày tháng tám vô cùng sôi nổi. Trong cuộc biểu tình lớn ở Sài Gòn ngày 25-8 thanh niên Thủ Dầu Một đều kéo xuống tham gia.

Chánh quyền đã về tay ta, Trần Văn Giàu điện phong bác sĩ Trần Công Vị làm chủ tịch tỉnh, phó là Vạn Công Khai và Nguyễn Minh Chương. Huỳnh Kim Trương nắm Cảnh sát và Cộng hoà vệ binh, từ đó có cái tên Cò Trương.

Đến khi quân Anh-Ấn của tướng Gracey từ Rangoun bay qua Sài Gòn giải giới quân Nhật, tình hình Nam Bộ bắt đầu gay cấn. Tướng Gracey công khai yểm trợ bọn thực dân Pháp trước đây bị Nhật bắt giam trong thành Ong-dèm (II ème RIC tức Trưởng đoàn 11 Bộ Binh thuộc địa). Chúng mở cửa thành này và Khâm Lớn thả một số sĩ quan đầu não ra chuẩn bị thời cơ chiếm lại thuộc địa Nam Kỳ. Tất nhiên chúng cũng nghĩ tới bốn tay đầu sỏ đang bị quản thúc ở Lộc Ninh. Gracey hạ lệnh cho tổng tư lệnh Thái Bình Dương Nhật là thống chế Tra-Chi phải giải thoát toàn quyền Decoux, tướng Delsuc, thống đốc Hoeffel và tên Larivière đang nằm trong tay Việt Minh. Nếu không hoàn thành sứ mạng thì coi chừng đầu rơi xuống đất. Lúc đó ta phong toả kinh tế, bãi thị, cấm tiếp tế quân Nhật đóng trong tỉnh Thủ. Với sáng kiến của Cò Trương, ta tiến hành chủ trương trao đổi hai chiều: một trái dưa leo đổi một trái lựu đạn. Bọn Nhật chịu ngay. Chúng đang đói rau quả còn súng đạn có nghĩa gì một khi Thiên Hoàng đã tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Một mặt đổi hàng bông lấy lựu đạn, một mặt chặn đường giạt súng. Kiện tướng trong nhóm giạt súng là anh Tư Ốm. Kỹ thuật của anh là ném bột ớt vô mắt lính Nhật rồi

nhảy tới chụp súng. Bị mất vũ khí kiểu đó nhiều lần, Nhật khoá súng vào cườm tay lính. Muốn cướp súng phải chặt tay mới lấy được. Dù địch lo xa vậy, du kích Thủ cũng giật được súng bằng cách không chặt tay mà chặt đứt cườm tay bọn Nhật.

Trở lại chuyện Nhật giải thoát bốn tay đầu sỏ Pháp bị giam lỏng ở Lộc Ninh. Trước nhất, phải bắt Cò Trương để vô hiệu hoá các bộ đội có nhiệm vụ canh giữ nhóm Decoux. Tình báo Nhật biết Cò Trương đóng quân ở một nhà gần mé sông, nửa đêm chúng cho lính vây bắt. Tên quan ba Nhật đưa Cò Trương vô dinh tỉnh trưởng quản thúc, cho phép vợ con anh đưa mọi thứ cần thiết. Cũng trong lúc đó quân Nhật bắt cả đại đội xung phong Đề Thám giam trong thành sắt-đá mang tên Tây là caserne Vassoigne (Dân Thủ gọi là Hầm Đá). Cò Trương liền tuyệt thực phản đối Nhật xen vô nội tình Việt Nam, đồng thời kêu gọi thả 400 binh sĩ thuộc đại đội Đề Thám. Đến ngày thứ ba, Đồng Minh lên chiếm thị xã Thủ Dầu Một. Lúc đó Nhật đã làm xong nhiệm vụ giải thoát bốn tên đầu sỏ ở Lộc Ninh nên đại tay Nhật chịu thả Cò Trương ra. Tuyệt thực đến ngày thứ ba, Cò Trương kiệt sức, anh em binh sĩ phải khiêng ra đưa về cho y sĩ Gắt chăm sóc. Để an toàn, anh xuống xuống qua sông qua Mỹ Bình. Tại đây Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà giao cho Trương bốn xã An Phú, Mỹ Bình, Bình Tân, Tân Mỹ thuộc quận Hoè Môn để làm đất hoạt động. Từ nơi đóng quân, Cò Trương cho lính bắn qua Chợ Thủ uy hiếp tinh thần bọn Pháp. Du kích có sáng kiến cắm cọc treo mũ sắt đối bằng dừa leo trước đây. Bọn Tây tưởng bộ đội Cò Trương trang bị đầy đủ - có cả mũ sắt - nên có phần lo ngại mỗi khi hành quân nống ra ngoài vi thị xã.

Cuối tháng 10-1945 Kiều Đắc Thắng nắm trọn quyền hành, tự xưng là chỉ huy trưởng Trung Đoàn kháng chiến miền Đông đóng quân ở Bưng Cầu. Họ Kiều xưng bá đồ vương đúng lúc Cò Trương bị Nhật bắt. Trong thời gian ngắn này, hắn đã giết nhiều người. Một trong những người chứng kiến tận mắt là anh Ngô Văn Quỹ, một sinh viên ngành y người Bắc đã tranh đấu chống tên viện trưởng Pháp có đầu óc khinh thường sinh viên Việt Nam. Bị đuổi và truy lùng, anh Quỹ chạy vô Sài Gòn. Cách mạng tháng Tám như chớp cánh cho anh, Ngô Văn Quỹ xếp bút nghiên lên đường kháng chiến. Kiều Đắc Thắng chọn anh sinh viên biết cả hai thứ tiếng Pháp và Anh làm thư ký riêng. Một hôm anh cùng Thắng đi công tác. Họp liên miên và đi nhiều nơi, người tài xế mệt mỏi tựa đầu lên tay lái ngủ ngon lành. Chừng Thắng ra xe, thấy tài xế ngủ quên, nổi quạu văng tục đồng thời rút súng nổ vào đầu anh tài xế xấu số. Chứng kiến hành động dã man này, Ngô Văn Quỹ không thích làm việc với họ Kiều nữa. Chừng Nguyễn Bình tới Thủ, Ngô Văn Quỹ tìm về đầu quân dưới trướng ông phái viên Trung ương.

Cò Trương gặp Nguyễn Bình như cá gặp nước.

Nguyễn Bình chỉ tự giới thiệu là phái viên Trung ương chứ không xuất trình giấy giới

thiệu. Nguyễn Bình không có giấy tờ gì, nhưng Cò Trương nhắm tướng thấy rõ ràng là một tay hảo hớn, vóc dáng vạm vỡ, phong thái chững chạc, ăn nói uy nghiêm, đúng là con nhà tướng.

Sau khi nghe Cò Trương trình bày tình hình trong tỉnh, Nguyễn Bình giao cho anh trọng trách chuẩn bị địa điểm cho cuộc hội nghị quân sự đầu tiên ở miền Đông quy tụ các chỉ huy quân sự. Cò Trương đề nghị lấy An Phú Xã làm địa điểm hội nghị lịch sử này.

Chương 14

Lãnh trọng trách đưa vàng ra Bắc

Trở vào Nam, Quý gặp tai ương

Thời gian sinh viên trường Thuốc (Đại học Y khoa Hà Nội) Ngô Văn Quý làm thư ký riêng của phái viên Bộ Tổng Nguyễn Bình không lâu nhưng có nhiều sự kiện khó quên. Trước nhất là tuần lễ vàng, đồng bào đóng góp vàng bạc cho kháng chiến mua sắm súng đạn đánh Tây. Tất cả số vàng lạc quyền của tỉnh nào thì tập trung về Ủy ban kháng chiến của tỉnh đó. Tại miền Đông, Bộ chỉ huy được các tỉnh chuyển vàng về.

Lúc đó anh Ba Bình cùng một vài anh em văn phòng đóng trong nhà một chủ tiệm vàng ở xã Chánh Lưu, gần thị xã Thủ Dầu Một (nay là Sông Bé). Chính chủ nhà cân giùm số vàng lạc quyền. Tất cả là 32 ký. Có thêm vài chỉ. Anh Ba Bình quyết định để vài chỉ lẻ đó lại để văn phòng chi dùng còn trọn ba mươi hai ký kia thì đưa ra Bắc nhờ Trung ương mua súng đạn đưa vào Nam đánh Tây. Quyết định thì dễ, nhưng thi hành mới khó. Giao cho ai đưa số vàng này ra Bắc?

Đường xa vạn dặm, có nơi Tây chiếm, phải cắt đường rừng, băng rừng vượt núi. Nhưng khó khăn mấy cũng phải vượt qua. Đánh Tây là lẽ sống. Súng đạn là cần thiết. Nhìn quanh quẩn, không thấy ai có đủ khả năng lãnh sứ mạng này tốt hơn sinh viên Ngô Văn Quý. Anh Ba nói:

- Anh phải đưa số vàng này ra Bắc đổi lấy súng đưa về đây. Không ai biết rõ Hà Nội bằng anh sinh viên y khoa...

Ngô Văn Quý bất ngờ trước sự tín nhiệm đó. Anh hơi lo vì trách nhiệm quá nặng, nhưng không thể thoái thác. Số vàng được đúc lại thành khối từng ký, cho vào bao để bộ đội tải trên lưng mỗi người năm ký.

Anh Quý chỉ huy một tiểu đội đặc biệt với ba tay súng, còn những người tải vàng thì võ trang lựu đạn.

Ngày lên đường, anh Ba dặn kỹ:

- Trên đường đi, tuyệt đối giữ bí mật. Không được nổ súng, trừ trường hợp bị phục kích. Tới nơi phải trao thư của tôi và vàng tận tay Bộ trưởng Quốc phòng. Có súng đạn thì tổ chức đưa về đây càng sớm càng tốt. Nên nhớ miền Đông là mục tiêu số một của tướng Leclerc.

Trên đường thiên lý, anh Quý không ngớt động viên anh em chân cứng đá mềm, cứ đi rồi sẽ tới. Chớ có sốt ruột hay nôn nóng.

Thấm thoát ngày tháng trôi qua, sau cùng tiểu đội tải vàng cũng tới thủ đô Hà Nội. Ngô Văn Quý trao thư và vàng tận tay Bộ trưởng Quốc phòng lúc đó là ông Hoàng Văn Hoan. Anh thở phào nhẹ nhõm: “mission accomplie” (sứ mạng đã hoàn thành).

Nghỉ ngơi vài ngày, anh và tiểu đội lại đưa số vũ khí Bộ Quốc phòng chi viện cho miền Nam. Trên chuyến trở về có anh Mã Thành Lợi cùng đi với đoàn.

Tới Quảng Ngãi, Quý và Lợi gặp chuyện bất ngờ.

Tướng Nguyễn Sơn, chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Nam gồm các tỉnh Nam Trung Bộ và cả Nam Bộ tịch thu số vũ khí của hai anh. Theo dò hỏi, Quý được biết tướng Nguyễn Sơn đã từng tham gia cuộc Vạn Lý Trường Chinh của giải phóng quân Trung Hoa, rất được Bác Hồ tín nhiệm. Nguyễn Sơn có ý xây dựng Quảng Ngãi thành thủ đô Kháng chiến như Diên An của Hồng Quân. Theo khẩu hiệu của nước bạn “chánh quyền trên nòng súng”. Nguyễn Sơn tịch thu tất cả vũ khí chi viện cho Nam Bộ đi ngang qua Quảng Ngãi và Liên Khu V.

Tất nhiên là Ngô Văn Quý không chịu khoanh tay. Anh nhiều lần xin gặp tướng Nguyễn Sơn, nhấn mạnh số súng đạn anh áp tải về Nam là súng đạn của khu trưởng Nguyễn Bình nhờ Trung ương mua với giá 32 ký vàng do chính anh đưa từ Nam ra Bắc.

Nhưng không ăn thua gì. Trái lại càng lãnh lấy tai vạ. Quý và Lợi bị giam lỏng tại trường Trung học Quảng Ngãi. Ngày ngày ăn không ngồi rồi giữa lúc tình hình chiến sự càng lan rộng ở miền Nam. Quý và Lợi rất sốt ruột... Không biết ngày nào mới được trở về Nam.

Thế rồi một bất ngờ lại đến. Lần này là một bất ngờ thú vị. Giáo sư Bác sĩ Hồ Đắc Di đánh điện gọi Ngô Văn Quý ra học năm thứ hai trường Y vừa được mở trong vùng tự do.

Như vậy là sinh viên Y khoa Ngô Văn Quý đã để ba năm đi một vòng từ Bắc vào Nam rồi từ Nam ra Bắc để trở lại mái trường Đại học Y. Nhưng anh không có gì phải hối tiếc. Anh đã được tham gia kháng chiến ở Nam Bộ ngay từ ngày hăm ba lịch sử và nhất là đã được làm việc với vị tướng lãnh mà Bác Hồ đã tin tưởng giao trọn miền Nam trong cơn khói lửa ngất trời.

Về Tân Tịch. Tám Nghệ lập cứ

Tới Bưng Cầu, gặp được Nguyễn Bình

Trong cuộc hội nghị quân sự An Phú Xã, Nguyễn Bình vui mừng được tiếp xúc với các “tướng tá” đang nắm trong tay các lực lượng vũ trang đóng rải rác khắp nơi trên chiến trường miền Đông. Người mà Nguyễn Bình đặc biệt chú ý là Tám Nghệ, chỉ huy trưởng bộ đội Tân Uyên.

Tám Nghệ là ai vậy? Đây là vài nét về nhân vật này:

Huỳnh Văn Nghệ quê Tân Tịch, một xã nằm ven sông Đồng Nai, cách thị trấn Tân Uyên khoảng ba cây số. Cha anh là thợ mộc mất sớm, mẹ anh buôn bán tần tảo nuôi anh ăn học. Anh học giỏi, được học bổng lên trường trung học Pétrus Ký. Đậu thành chung, anh làm việc tại sở Hoả xa. Tân Uyên có ba bạn chí thân cùng học từ trường làng lên tới trường Sài Gòn. Đó là ba bạn Tô Văn Cửa (Sáu Cửa), Cao Văn Bể (Ba Bể) và Huỳnh Văn Nghệ (Tám Nghệ).

Trước cách mạng tháng Tám nhiều năm, ba anh đã có tinh thần dân tộc bí mật hoạt động chống Pháp trong giới trí thức và công chức. Tám Nghệ liên lạc thường xuyên với anh Chín Quỳ, một nhà cách mạng làm công trong nhà máy xay ở Tân Hoà. Trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11-1940, tiểu đội du kích của Chín Quỳ định chụp đồn Cây Đào rồi đánh ra Tân Uyên, nhưng kế hoạch đổ bể, Tây phòng thủ kỹ và đánh bật du kích vô rừng. Chín Quỳ với khẩu súng săn đã nuôi tiểu đội mấy năm ròng với tài thiện xạ.

Đạn săn hết, Chín Quỳ nhả Tám Nghệ cung cấp đạn. Anh Tám ngoại giao với bọn lính Tây mua đạn gởi về Tân Uyên. Đi nhiều chuyến trót lọt, nhưng rồi nội vụ đổ bể. Tây xét nhà trọ, thấy đạn giấu trong rương, chúng đòi bắt tất cả những người ở trọ. Tám Nghệ phải nhận số đạn đó của mình. Anh vận động được đóng tiền để “tại ngoại hầu toà”. Vừa được tự do tạm là anh vọt. Trốn đâu? Hệ thống lính kín địch như rươi. Anh vọt sang Xiêm hoạt động theo các nhóm Việt Kiều yêu nước. Trong mấy năm sống xa quê anh đã làm những bài thơ tha hương rất truyền cảm mà nổi bật nhất là bài Tết quê người.

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, Tám Nghệ về nước và được bí thư Xứ uỷ Sáu Giàu phân công trở qua Xiêm mua súng đạn chuẩn bị cướp chánh quyền trong tay Nhật khi thời cơ đến. Thời cơ ngàn năm một thuở là Đồng Minh sẽ đánh bại phe Trục. Thừa lúc Nhật đầu hàng trong khi Pháp chưa kịp trở tay, ta tranh thủ phát cờ độc lập. Tám Nghệ hoàn toàn đồng ý nước cờ thần diệu của Sáu Giàu, ôm vàng sang Xiêm mua súng đạn. Sáu Giàu chọn Tám Nghệ rất đúng người đúng việc. Xiêm là chợ trời súng đạn nổi tiếng Đông Nam Á. Còn Tám Nghệ là người đã hoạt động trong các nhóm Việt Kiều yêu nước ở Xiêm trong nhiều năm. Rất tiếc là chuyển đi

đổ thất bại thảm thương: Tám Nghệ đã bị bọn cướp núi chặn tại dãy núi Tà Lơn ở biên giới Việt Miên cướp sạch tiền và vàng. Không mất mạng là may. Tám Nghệ trở về Sài Gòn nhận tội với Sáu Giàu. Vào thời buổi vô cùng nghiêm trọng, các đảng phái, các chánh khách thân Nhật, thân Tàu, thân Pháp thi nhau giành thế lực, Sáu Giàu phân công Tám Nghệ gia nhập nhóm Lương Văn Tương, trụ sở tại đường Verdun (nay là Cách mạng tháng Tám) gần Ngã Sáu, Sài Gòn. Đây là nhóm chính trị gồm nhiều xu hướng khác nhau thuộc đủ thành phần trong xã hội: Tám Nghệ gặp tại đây khá nhiều nhân vật tên tuổi như hai anh em Diệp Ba, Diệp Tư, Hoạ Đồ Trình, Vũ Tam Anh, Huỳnh Phú Sổ và Năm Lửa... Một chi tiết buồn cười về bộ vó bên ngoài của Tám Nghệ: Anh mới từ Xiêm về ăn mặc tóc tai giống như người Nhật. Đầu hớt trọc, y như các sĩ quan quân đội Phù Tang.

Lương Văn Tương là một Mạnh Thường Quân trong nhà luôn luôn có cả chục “tân khách”. Com nước ngày hai bữa do em họ của Tương là cô Lương Thị Thành đảm trách. Cô Ba Thành quê Nha Môn, một làng ở giữa hai tỉnh Sa Đéc và Vĩnh Long nổi tiếng sản sinh nhiều cô gái đẹp. Đặc điểm này đã đi vào ca dao tục ngữ vùng đồng bào sông Cửu Long: “Thóc nào ngon bằng thóc Cao Lãnh, gái nào bảnh bằng gái Nha Môn”. Ngày Tám Nghệ gia nhập đám tân khách của Lương Văn Tương; cô Ba Thành nhìn anh với cặp mắt dừng dừng. Cô tưởng anh là dân “trôi sông lạc chợ”, nhưng dần dần thái độ xa lạ đó biến đi và chuyển thành một thứ cảm tình có phần lãng mạn.

Số là cô Ba Thành rất khoái văn thơ mà Tám Nghệ là một thi nhân thích ngâm nga. Giọng anh không hấp dẫn nhưng tứ thơ rất truyền cảm. Từ yêu thơ tới yêu người khoảng cách không xa. Cô Ba Thành yêu Bảy Thái - tên thường gọi của Tám Nghệ lúc đó - từ lúc nào cô cũng không nhớ. Chừng đã lỡ yêu rồi thì đã muộn: Bảy Thái quê Biên Hoà, có vợ và ba con. Thế rồi “một liều ba bảy cũng liều”...

Đầu 1945, Tám Nghệ bị PSE (Police Spéciale de Est) tức Ty Đặc cảnh miền Đông bắt. Dích thân tên cò Mai Hữu Xuân khai thác Tám Nghệ. Tám Nghệ chơi ván bài lật ngửa. Khi Quan hỏi: “Giữa Pháp và Nhật anh chọn ai?”. Nghệ đáp: “Cả hai đều là quân cướp nước. Chúng tôi đánh cả hai để giành độc lập”. Xuân lại hỏi: “Nếu giành độc lập thất bại, anh chọn ai, Pháp hay Nhật?”. Tám Nghệ: “Không thể thất bại được. Nhất định giành được độc lập. Còn như thất bại như ông nói thì chúng tôi chọn mối quan hệ Việt-Pháp đã có từ lâu rồi. Nhật là kẻ tới sau, chưa có quan hệ gì sâu về mọi mặt”. Mai Hữu Xuân là tay sai của Pháp nên gật gù ý đó. Những ngày mất tự do trong khám Catinat của Tám Nghệ không lâu, tình hình diễn biến nhanh, Nhật đảo chánh, Tám Nghệ lại được tự do bay nhảy như cá gặp nước.

Hãy trở lại công việc xây dựng căn cứ địa Tân Uyên tháng 9-1945. Tân Uyên lập Ủy ban

nhân dân trong tháng 10-1945. Anh Lê Thái bí thư. Công cuộc chuẩn bị kháng chiến tiến hành rất khẩn trương.

Trong ba ngày 23, 24, 25-10-1945, Tây đánh chiếm Biên Hoà. Ủy ban Kháng chiến miền Đông của Lương Văn Tường rút ra Xuân Lộc rồi Phan Thiết. Bấy giờ tại Tân Uyên, Tám Nghệ gặp Chín Quý. Hai bên tập hợp lực lượng, được 40 dân quân với 30 súng. Đất Cuốc, một xóm giữa rừng của xã Tân Hoà được chọn làm căn cứ. Vài ngày sau, lực lượng kháng chiến của Cao Văn Bồ (Ba Bồ) kéo về Đất Cuốc. Lại thêm các học viên quân chính do Nguyễn Xuân Diệu, Phạm Thiều huấn luyện ở Vĩnh Cửu kéo về. Thêm nhóm tốt nghiệp khoá quân sự của anh Phan Đình Công ở Dốc Bà Nghiêm nữa. Tám Nghệ tập hợp tất cả lại được bốn phân đội (hồi đó phân đội là trung đội bây giờ).

Số súng được tăng lên nhờ binh vận và nhất là các nhóm thợ lặn mò súng từ các tàu Tây, Nhật chìm trước đó. Số súng anh Võ Bá Nhạc lấy trên tàu Tourane kẹt đá hàn tại Bến Vĩnh trước ngày Nhật đảo chánh là một đóng góp quan trọng với lực lượng bốn phân đội, Tám Nghệ thành lập bộ đội Biên Hoà, những hoạt động chủ yếu trong quận Tân Uyên. Phân đội I hùng hậu nhất có nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ căn cứ gồm các xã Tân Hoà. Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lan, Lạc An.

Đầu tháng 11-1945, Nguyễn Bình vào tới Nam Bộ. Từ Thủ Dầu Một, đặc phái viên Trung ương qua Tân Uyên. Đây là một ngày lịch sử, Nguyễn Bình gặp Tám Nghệ. Đang gặp một chỉ huy địa phương để làm tham mưu thì vớ đúng Tám Nghệ. Qua phút trao đổi đầu tiên, hai bên đã hân hoan xem nhau như là “anh hùng tương ngộ”. Tám Nghệ trình bày tình hình Nam Bộ từ khi Nhật đảo chánh Pháp cho đến lúc Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện và ta cướp chánh quyền đúng thời cơ: Nhật mất khí thế trong khi Pháp chưa sang. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở mà bí thư xứ uỷ Trần Văn Giàu đã tiên đoán và chạy đua nước rút để về đích trước thực dân Pháp.

Tám Nghệ đưa Nguyễn Bình đi khảo sát căn cứ Tân Uyên. Núi rừng trùng điệp ăn thông tới dãy Trường Sơn là một vị trí quân sự cực kỳ quan trọng, công thì tiến tới Sài Gòn, thủ thì lên tận cao nguyên Trung Bộ. Thật là căn cứ lý tưởng. Nguyễn Bình đánh giá Tám Nghệ cao về khả năng quân sự: ngay từ đầu Tám Nghệ đã có ý thức xây dựng một căn cứ quân sự trong quận Tân Uyên là nơi có rừng núi hiểm trở ăn thông tới Ba Biên Giới nối liền với dãy Trường Sơn. Thật ra thì đây là sáng kiến của Bí thư Xứ uỷ Trần Văn Giàu đã gợi ý cho Bảy Thái ngay từ khi rời Bangkok về Sài Gòn. Tám Nghệ hăm hở bắt tay vào việc vì Tân Uyên chính là quê hương yêu dấu của anh.

Tám Nghệ đưa Nguyễn Bình về Tân Uyên, trước nhất về ngôi nhà của anh tại Tân Tịch,

nằm sát con đường đất đỏ chạy cặp con sông xanh biếc với hàng dừa, vườn bưởi xen kẽ đồng ruộng và rẫy mía bạt ngàn. Đi một vòng qua các xã Tân Hoà, Mỹ Lộc, Thường Lang, Lạc An từ sông Đồng Nai tới sông Bé, băng qua những khu rừng bát ngát, Nguyễn Bình đã chấm nơi này để xây dựng căn cứ cho Bộ chỉ huy miền Đông. Vị trí Tân Uyên thật lý tưởng vì thị trấn này chỉ cách tỉnh lỵ Biên Hoà và Thủ Dầu Một khoảng 30 km. Tân Uyên cũng cách Sài Gòn chừng ấy thôi, tính theo đường chim bay.

Nguyễn Bình càng đặc ý với vị trí của Tân Uyên khi nghe Võ Bá Nhạc hiến kế:

- Nếu anh Ba - ông Nhạc gọi Nguyễn Bình như thế từ khi Nguyễn Bình đến ở trong nhà ông giáo Chương là cha vợ của ông - chọn Tân Uyên thì anh Ba phải chọn Bến Vành nằm ngay vàm sông Bé đổ ra sông Đồng Nai, thuộc xã Lạc An.

- Bến Vành như thế nào? Nguyễn Bình lắng tai nghe, thích thú. Võ Bá Nhạc thao thao kể chuyện đời xưa.

Chương 16

Sợ Nhật cướp, Tàu Tây chạy trốn

Lên bên vành, nạp súng cho ta

Vàm Bến Vành là nơi con sông Bé đổ ra sông Đồng Nai. Nơi đây là xã Lạc An. Sở cao su Bến Vành là nơi khỉ ho cò gáy dân cạo mủ cao su ở đây ném về hạng nghèo nhất miền Đông Nam Bộ. Quanh năm chỉ có bộ đồ dính da. Tối ngủ không mừng mền, trước khi ngủ phải móc bùn non thoa đều khắp mình để muỗi chê không thèm cắn. Quản đốc Sở cao su này là Võ Bá Nhạc. Lúc thiếu thời, Nhạc là một thanh niên hiếu học. Không tiền ăn học, Nhạc tình nguyện sang Pháp trong đội lính không nghề, Tây gọi là ONS (Ouvriers Non Spécialisés) vào thời thế chiến 2 (1940 - 1945), Tây đầu hàng quá nhanh, Nhạc không phải ra trận làm bia đỡ đạn cho Nước Mẹ (Mẫu quốc), có thì giờ nhàn rỗi chăm chú học hành. Đêm đêm anh thắp đèn dầu - khi trại lính đã tắt đèn, để tự học.

Chừng Tây cho lính thợ về nước sau chiến tranh, Nhạc đã có một mớ hành lý văn hoá, nhất là Pháp văn. Nhưng hay không bằng hên: một trong số đồng đội của anh là con một chủ sở cao su ở Nam Kỳ. Do người con giới thiệu, Nhạc được người cha nhận làm quản đốc sở cao su Bến Vành. Chỉ là quản đốc thôi, nhưng ông Nhạc được dân trong vùng “tôn” lên hàng ông chủ. Dòng đời cứ lạng lẽ trôi như dòng sông Bé đổ ra Đồng Nai qua vàm Bến Vành. Thế rồi xảy ra một biến thiên dữ dội: đám phát xít lùn đảo chánh thực dân Pháp. Đó là ngày Nóp Mạc (9-3-1945). Nhưng nơi bùn lầy nước đọng này, chỉ có quản đốc Nhạc hay tin đảo chánh nhờ báo chí Sài Gòn lên trễ cả tuần, còn anh em cạo mủ thì không hề hay biết.

Ngày kia có chiếc tàu nhà binh mang tên Tây Tourane (Đà Nẵng) chạy lên, phóng ngược dòng sông Bé. Đây là một hiện tượng lạ vì khúc sông này rất nhiều đá hàn. Chuyện phải đến đã đến: tàu rấn lên đá ngầm, mắc kẹt. Tây thả ca nô lên gặp quân đốc Nhạc xin cho thuyền đưa lính trên tàu vào bờ, đồng thời cho xin một bữa ăn, sẽ đền ơn xứng đáng. Ông Nhạc ra lệnh cho em vợ là xếp “săn-chê” Hoà lo ghe đưa lính lên bờ và lo cơm nước. Số lính trên tàu độ 400 người Việt, chỉ huy Tây chừng một chục. Thằng Tây xếp tự giới thiệu là “chen de bataillon” (tiểu đoàn trưởng) còn chiếc Tourane là “canonnière” (pháo hạm) có bố trí đại bác trước mũi và sau lái. Chúng lên rừng là có ý không cho Nhật tước súng và bắt làm tù binh.

Tất cả tiểu đoàn ăn uống thoải thích: lâu ngày mới được bữa cơm thịnh soạn, có thịt heo tươi, có rượu chất đỏ. Rượu chất lấy ở dưới tàu lên. Vừa ăn tên xếp Tây nói:

- Cám ơn các ông đã tiếp đón niềm nở chúng tôi. Tôi sẽ trả tiền sông phẳng buổi tiệc hôm nay. Ngoài ra tôi còn tặng các ông tất cả đồ đạc trên tàu. Chúng tôi chỉ mang súng lên rừng mà thôi. Cái gì quý nhất đối với người lính bằng khẩu súng? Đồ đạc trên tàu trị giá bạc triệu: đó là quần áo binh sĩ cả kho. Chúng tôi thân ái tặng các anh với điều kiện các anh cho người địa phương đưa chúng tôi theo đường rừng lên Ban Mê Thuộc. Được không?

Ông Nhạc bắt tay tên Tây nói:

- Xin các ông yên chí. Chúng tôi sẽ giúp các ông: dù có thù lao hay không. Tôi lấy một câu cách ngôn của người Pháp các ông làm phương châm xử thế: “Một việc làm phải không bao giờ mất”.

Anh bảo anh Hoà chọn ba người thông thạo đường rừng đưa tiểu đoàn lính trên pháo hạm Tourane vượt rừng đi về phái Tây nguyên Trung Bộ.

Đám lính Pháp và Việt đi rồi, ta cho người lên tàu thu chiến lợi phẩm: Kho quân phục được đưa hết lên bờ. Còn thức ăn trong các tủ lạnh như xúc xích, anh em chưa hề thấy, cứ đưa lên cắn. Không ngờ thịt lạnh để lâu trong tủ lạnh đã đông lại, cũng như củi. Anh em suýt gãy răng vì những cây xúc xích oái ăm đó, ném xuống sông như ném củi. Số quần áo quá nhiều, anh em đang rách rưới mỗi người quơ hai bộ. Một bộ mặc liền tại trận, một bộ cất để dành. Ai nấy đều vui tươi cho đây là của trên trời rớt xuống giúp vận con nhà nghèo. Nhưng niềm vui của họ không được lâu vì Võ Bá Nhạc thấy công nhân mặc đồ nhà binh Pháp trắng rừng lấy làm lo sợ, ra lệnh cho Hoà phải thu hồi tức khắc các bộ đồ ka ki đó đem cất giấu cũng như số súng Tây để lại làm quà:

- Nội trong ngày nay, thế nào tụi Nhật cũng lên tới đây truy bắt tiểu đoàn Tây chạy vô rừng, nếu chúng thấy mình đã tiếp tế cho Tây để lấy quần áo, súng ống thì nó tàn sát hết cả

đám.

Quyết định của ông Nhạc làm anh em công nhân không vui. Qua ngày sau, bọn Nhật lên Bến Vính.

Chúng thấy chiếc Tourane mắc cạn, đổ lên sở cao su của quản đốc Nhạc. Nhưng Nhạc đã nhanh chân về Sài Gòn hôm trước. Chỉ có Hoà ở lại. Nhật lên bắt năm người buộc dẫn chúng băng rừng tìm bắt bọn Tây đã trốn. Đi quần nát mà không gặp bọn Tây, bọn Nhật nổi khùng chôn sống năm anh em công nhân xấu số này.

Giới thiệu lịch sử Bến Vính với sở cao su Bô-mua xong, Võ Bá Nhạc cùng hai em vợ là Hoà và Thanh đưa anh Ba tới tận nơi. Các cơ sở văn phòng, nhà kho đều còn nguyên, có thể làm nơi đặt bộ chỉ huy rất thuận tiện. Nguyễn Bình rất hài lòng có được một nơi đóng quân giữa chốn rừng xanh hiểm trở.

Chương 17

Mất giấy tờ khi tới Mỹ Hạnh

Nhờ bản lãnh, thuyết phục Ba Trà

Sau vụ bị Nhật bắt ở Bưng Cầu, Nguyễn Bình tiếp tục đi khắp nơi để gặp các vị chỉ huy quân sự, bàn chuyện thống nhất lực lượng vũ trang để chống Pháp hữu hiệu hơn. Ngày kia liên lạc đưa ông tới Mỹ Hạnh là một làng trong quận Đức Hoà. Liên lạc cho biết đây là nơi đóng quân của một bộ phận Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà. Anh Ba Bình lắng bầm:

- Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà, tên sao mà dài thế?

Liên lạc giải thích:

- Có ba đơn vị nhập lại. Đơn vị nào cũng muốn giữ cái tên của mình. Cho nên đặt tên mới dài như vậy.

Hóc Môn và Đức Hoà là quận, còn Bà Điểm là một làng trong mười tám thôn vườn trầu của Hóc Môn. Nhưng đây là làng tiêu biểu cho cả quận Hóc Môn về truyền thống Cách mạng, cho nên phải gọi chung là Hóc Môn - Bà Điểm như cặp anh em sanh đôi.

Nguyễn Bình thích thú hỏi tiếp:

- Như vậy ban chỉ huy phải đông?

- Đông chứ? Bên Hóc Môn - Bà Điểm có anh Ba Tô Ký, Huỳnh Tấn Chùa. Bên Đức Hoà có anh Huỳnh Văn Một...

- Còn bộ phận Mỹ Hạnh này ai chỉ huy?

- Anh Trần Văn Trà, thường gọi là anh Ba Trà. Anh là Tổng thư ký của Giải phóng quân liên quận.

- Ba Trà thuộc quận nào? Đức Hoà hay Hóc Môn?

- Trường hợp anh Ba Trà thì khác. Anh Ba Trà là người Quảng Ngãi. Trước cách mạng anh học trường kỹ nghệ thực hành Huế, nửa chừng bỏ học hoạt động cách mạng. Hai anh em ông vô Sài Gòn hoạt động lấy tên là Thắng và Châu. Thắng là anh Ba Trà phụ trách tờ báo bí mật của Đảng, tờ Giải phóng. Ra được mấy số thì cả nhóm bị Tây bắt đưa vô Khám Lớn. Cách mạng tháng Tám giải thoát các anh để tham gia bộ đội ngay từ đầu.

Nguyễn Bình gật gù:

- Đúng Nam Bộ là đất Yên Triệu thu hút được nhân tài. Còn đất Hóc Môn - Bà Điểm đúng là cái nôi cách mạng. Các đồng chí trong Xứ uỷ Nam Kỳ đều chọn mười tám cái thôn vườn trầu là căn cứ hoạt động.

Liên lạc ghé lại một nhà đầu xóm hỏi thăm rồi nói:

- Tới rồi. Anh Ba Trà đóng quân trong cái nhà kia kìa. Mình đi vô đó đi.

Một thanh niên tầm vóc trung bình mặc quân phục tươm tất bước ra chào khách lạ.

Gương mặt sáng láng thông minh của một người trí thức:

- Tôi nghe nói Trung ương gởi một phái viên vô Nam. Có phải đồng chí là phái viên của Bộ Tổng?

Nguyễn Bình gật:

- Đúng Tôi là Nguyễn Bình, phái viên của Bộ Tổng vào Nam để giúp các đồng chí thống nhất các lực lượng vũ trang...

Nhìn ánh mắt của anh Ba Trà, Nguyễn Bình cười nói:

- Lẽ ra thì tôi phải xuất trình giấy giới thiệu của Bộ Tổng, nhưng trong lúc đi đường, tôi bị bọn Nhật chặn xe tịch thu hết. giấy tờ.

Anh Ba Trà nhìn khách lạ kỹ hơn. Vóc dáng tầm thước, người vạm vỡ rắn chắc trong bộ đồ xá xẩu đen, vai mang xắc cốt da, mắt đeo kính râm gọng đồi mồi to bản. Tượng đi đứng, cách ăn nói, tất cả toát ra cốt cách oai phong凛冽.

Anh Ba Trà gật đầu:

- Đồng chí phái viên đi đường đã mệt, hãy nghỉ ngơi tắm rửa cho khỏe. Cơm nước xong

ta sẽ bàn công việc.

Khi nghe Nguyễn Bình trình bày vắn tắt mục đích yêu cầu của Bộ Tổng, anh Ba Trà thấy rõ mình phải giúp phái viên Trung ương hoàn thành sứ mạng. Những điều mà Nguyễn Bình dự định làm, chính anh Ba Trà cũng đang suy tính. Ba nhiệm vụ cấp bách trước mắt của người có trách nhiệm về quân sự là tập hợp các cán bộ đảng viên lại. Thứ hai là tập hợp các bộ đội địa phương lại. Và thứ ba là thống nhất các lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Anh Ba Trà không rõ phái viên của Trung ương có phải là Đảng viên hay không vì không nghe ông ta tự giới thiệu về điều đó, nhưng anh nghĩ rằng người đã được Cụ Hồ giới thiệu vào Nam phải là người xứng đáng với niềm tin cậy. Cách trình bày khúc chiết và tác phong chững chạc đường hoàng có sức mạnh thuyết phục được người đối thoại. Anh Ba Trà tin rằng Nguyễn Bình làm được nhiệm vụ Trung ương giao.

Nguyễn Bình nói:

- Tôi đã tiếp xúc được nhiều anh em đồng chí trong Nam. Thật là phấn khởi vì ai cũng sẵn sàng dẹp bỏ riêng tư để lo cho đại cuộc. Càng tiếp xúc nhiều với các đồng chí Nam Bộ tôi mới thấm thía chân lý mà Bác Hồ đã nói với tôi khi giao nhiệm vụ: thực dân ra sức chia rẽ ba kỳ, lập ra ba chế độ cai trị khác nhau, nhưng dân tộc Việt Nam ta là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng chân lý đó đời đời sống mãi. Hội nghị An Phú Xã tới đây sẽ cụ thể hoá việc thống nhất các bộ đội địa phương thành một sức mạnh đủ sức đương đầu với giặc Pháp. Đồng chí đến dự nhé?

Chương 18

Theo cách mạng Bình Xuyên chuyển biến

Dương Văn Dương kháng chiến đánh Tây

Bến xe đồ Nam vang nằm trên đường Schneider (Nay là Phan Châu Trinh) bên hông chợ Bến Thành là nơi tụ tập đám du côn đâm thuê chém mướn. Ngày nào cũng có đâm chém làm nhọc lòng cò bót. Nhưng từ ngày Ba Dương từ Nhà bè tới thì “đâu đó êm re”. Ba Dương là ai mà trị được đám chằn ăn trăn quắn, ông Trời không sợ mà chỉ ngán ông Cò Tây thôi?

Chắc phải là ba đầu sáu tay thở ra khói, nói ra lửa, mình cao bẩy thước lưng lớn ba vùng? Gặp Ba Dương rồi ai nấy đều té ngựa. Anh Ba nhỏ thó như thư sinh, khiêm tốn trong bộ bà ba lụa lèo hay hàng Tân Châu.

Anh ăn nói lễ phép, vậy mà du côn không dám hỗn láo, thầy chú không dám coi thường. Cò Tây vung gậy đập đầu du đảng quen tay vẫn phải nói chuyện đường hoàng với Ba Dương vì

Ba Dương nói tiếng Tây đúng mẹo luật, biết chia “verbe” hần hoi. Còn Tây trọng người có văn hoá nhưng không phải vì vậy thôi đâu. Nó trọng Ba Dương vì Ba Dương đem lại trật tự an ninh ở bến đò Nam Vang mà trước đây cả tiểu đội cảnh sát không làm nổi. Ba Dương đứng bến được không phải nhờ bộ vỏ học trò lễ. Đây là đấu trường đẫm máu, là nơi bạo lực nói lên tiếng nói cuối cùng.

Tất nhiên là đã xảy ra những trận thử lửa ác liệt. Có thể nói là Ba Dương đã thủ đài, lần lượt đấu với các tay anh chị sừng sỏ nhất trong làng dao búa. Và sau khi hạ hết đám này, anh mới được công nhận đại ca ngự trị tại bến xe Nam Vang.

Văn phòng trùm bến xe đóng tại Phòng số 1 nhà ngủ Trung Châu, ngay góc đường Schreider – Colonel Boltdonnet (Phạm Hồng Thái), ngang ga xe lửa Mỹ Tho. Hồi đó dân anh chị khoái xài tiếng Tây nên gọi là phòng “permanent” (tức có người mượn dài hạn, có nghĩa là dành riêng, không cho thuê). Còn trong Chợ Lớn Ba Dương cũng có một phòng “permanent” đó là Phòng số 2 Khách sạn Đồng Bang trên đại lộ Tổng đốc Phương (Châu Văn Liêm). Hồi còn hàn vi, Ba Dương đi chăn vịt đồng cả ngàn con, tới đâu học võ tới đó nên quen lối sống “kiếp phong sương ăn quán ngủ đình” chùng lên chân làm “anh chị bụi” ở giữa Sài Gòn, anh vẫn tiếp tục ăn quán ngủ đình nhưng quán và đình loại sang. Quán Ba Dương vô ăn là các tửu quán cao lâu còn đình là các khách sạn phòng ngủ. Phòng ngủ thì chủ dành cho một phòng đặc biệt. Còn các cao lâu không đời nào lấy tiền của anh Ba, dù anh Ba ăn một mình hay kéo theo cả đám. Nhưng sông có khúc, người có lúc. Thời vàng son của Ba Dương ở bến xe đò Nam Vang kết thúc đột ngột vào giữa năm 1939. Đứng trước nguy cơ Nhật đổ bộ Đông Dương, Pháp ra tay trước, bố ráp các nhà cách mạng, bắt luôn các chánh khách, các đạo giáo, tóm cả các tay anh chị, du đảng, lưu manh.

Ba Dương bị Tây bắt đánh đập mười đầu ngón tay, ngón chân. Nhưng hình phạt tên Đốc phủ Cần và Cai Tổng Nhì dành cho Ba Dương mới dễ sợ. Theo lệnh hai tên này, lính cắt tóc Ba Dương từng khúc ngắn, bắt uống. Đây là điều thiên hạ sợ nhất; tóc sẽ phá nát “bộ đồ lòng”, kẻ xấu số không thoát khỏi cái chết lần mòn vì chứng bệnh do tóc gây ra. Ba Dương thất thế không cách nào khác hơn là phải uống loại thuốc độc gớm ghiếc này. Anh thề sau này khi có dịp sẽ trả mối hận “sống để bụng, chết mang theo”. Biết chắc Ba Dương sẽ chết dần mòn, đốc phủ Cần và Cai tổng Nhì tha cho về nhà.

Ba Dương là thầy nghề võ có nhiều môn đệ trong hai quận Nhà Bè và Cần Giuộc. Một trong những học trò cưng của Ba Dương là Nguyễn An Nhơn tức Ba Nhơn. Khi Ba Dương ngộ nạn, Ba Nhơn đứng ra bảo lãnh. Ông đem Ba Dương về Chợ Núi, xã Đông Thạnh, quận Cần Giuộc. Ông đi khắp nơi xin thuốc gia truyền phục được mấy tháng trường. Chùng hết bệnh, Ba

Dương trở lại nghề nuôi vịt để sống qua ngày, quanh năm chỉ ở trong đồng sâu, không dám ra xóm đông sợ làng lính bắt lại. Ba Nhon luôn luôn ở bên ngoài canh gác, hễ thấy làng lính báo động thì Ba Dương rút vô sâu.

Sau khi Nhật đảo chánh Pháp, Ba Nhon học tiếng Nhật rồi tham gia Thanh niên tiền phong. Khi anh làm đoàn trưởng, Ba Dương giúp anh dạy võ cho thanh niên. Đến ngày 25-8 các quận nội ngoại thành nô nức kéo nhau đi biểu tình biểu dương lực lượng do Việt Minh tổ chức, Ba Dương mới tái xuất giang hồ. Cùng đi với anh Ba là lực lượng Thanh niên tiền phong xã Đông Thạnh do Ba Nhon cầm đầu. Tại Vườn Bờ-rô (Tao đàn) anh em được biết bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, thủ lĩnh Thanh niên tiền phong. Sau cuộc mít tinh, hai anh em Ba Dương và Ba Nhon ghé khách sạn Đồng Bang ở Chợ Lớn nghỉ đêm, sáng hôm sau mới về nhà. Rồi tới cuộc biểu tình ngày 2-9 mừng Độc Lập. Hai anh em cùng tham gia trong hàng ngũ quận Cần Giuộc...

Tới lúc này, bọn dựa hơi Tây, hơi Nhật không còn tác oai tác quái nữa. Ba Dương trở về Tân Quy thăm nhà ở gần cầu Rạch Đĩa. Ba Nhon cũng theo sát đề phòng bắt trắc. Để an toàn, hai anh em đi ngả ga-ra Nguyễn Văn Hảo theo đường Marchaise (Ký Con) qua đò nhà máy Nguyễn Thanh Liêm. Anh Ba tránh hăng đóng tàu Nhật Nichinan ở dưới cầu Rạch Ông vì trước đây anh có làm bảo vệ các bè cây giá-tị dưới rạch. Lúc đó thầy Ba Hanh làm xếp hăng. Tên Nguyễn Văn Thành đấu thầu lãnh đóng một tàu cây. Thành thấy Ba Dương và đám em út có uy trong giới giang hồ nên ân cần mời anh Ba gia nhập Cao Đài. Ba Dương từ chối cho nên sau đó cố tránh Nguyễn Văn Thành.

Ngày ta cướp chánh quyền, Ba Nhon làm chủ tịch xã. Tây đánh Cần Giuộc, Ba Nhon xin anh Ba súng và lựu đạn để cố thủ được một ngày một đêm. Lúc đó anh Ba đã là chỉ huy bộ đội Bình Xuyên gồm các đại đội Tân Quy, Tân Thuận và Phú Xuân, dưới trướng có cả trăm binh sĩ. Làm lớn rồi Ba Dương vẫn mặc bà ba đen như lúc chăn vịt. Về súng thì bộ đội Bình Xuyên rất nhiều: ba bao cà ròn súng lục đủ loại. Lúc này là lúc ân oán giang hồ. Ta vây bắt hai tên có nợ máu với nhân dân trong vùng: đốc phủ Cần và Cai tổng Nhì. Hai tay này như gà rút, lạy lục xin được toàn mạng. Biết Ba Nhon đã cứu mang Ba Dương, hai tên này năn nỉ Ba Nhon nói giùm Ba Dương cho họ chuộc. Dù hiến hết gia sản để được sống, họ cũng chẳng từ. Nhưng thái độ Ba Dương làm cho cả hai kính phục.

Anh Ba nói:

- Tội ác của hai người, trời không dung, đất không tha. Nếu trả thù thì chặt một chục cái đầu của hai người cũng không vừa. Nhưng mà thôi. Bây giờ cách mạng đã nổi lên rồi. Không ai còn nhỏ mọn tính chuyện trả thù trả oán.

Anh Ba ra lệnh cởi trói tha cho về. Cả hai xá lia lịa, chân bước trên đường đất mà tưởng

như bay trên mây. Không ai nghĩ là mình còn sống trong cõi đời này. Thái độ quân tử của Ba Dương tác động mạnh: Phủ Cần từ đó tu tâm sửa tánh. Tây trở lại, kêu gọi các công chức cao cấp về thành hợp tác, cho lãnh “rappel” (truy lãnh lương đủ kể từ khi Nhật đảo chánh, gồm mười tháng). Nhưng Phủ Cần nhất định không hợp tác với Tây. Con cái cho theo kháng chiến.

Ngày Tây gây hấn, Ba Dương chỉ huy bộ đội Bình Xuyên đánh mấy trận đột nhập nội thành Sài Gòn gây hoang mang cho bọn Tây và đám Việt gian dựa hơi quân Anh Ấn giữ mặt trận cầu chữ Y.

Chương 19

Thay Ba Dương, Hai Trọng phó hội

Gặp Nguyễn Bình, kết bạn đồng hương

Kháng chiến bùng nổ, Hai Trọng lập tức tấp vô bộ đội Bình Xuyên của Ba Dương ở cầu Rạch Đĩa, chỉ cách Sài Gòn có con Kinh Tế. Hai Trọng tên thật là Lương Văn Trọng là thợ điện, quê Hải Phòng vào Nam từ lúc còn trẻ. Anh hoạt động trong công đoàn thợ điện Gia Định trước 1945. Khi chánh quyền về tay cách mạng, Hai Trọng được uỷ nhiệm tổ chức Trại công nhân thất nghiệp, lo chỗ ăn chỗ ở cho làng ngàn thợ thầy đang lâm cảnh túng bấn. Hai đồng chí Hoàng Đôn Văn và Kha Vạn Cân bấy giờ là đô trưởng Sài Gòn chỉ định Hai Trọng làm tổng giám đốc các trại này. Gọi là tổng giám đốc vì lúc đó thành phố có ba trại: Sài Gòn, Thị Nghè và Bà Chiểu. Trại ở Sài Gòn chiếm một ngôi trường huấn luyện của Sở Cứu hoả trên đại lộ Norodom, đối diện với thành Ong-dèm (II è RIC). Hoạt động sát cánh với Hai Trọng có Nguyễn Văn Hội cũng là thợ điện làm việc tại Sở Mộ, nhà ở Xóm Gà. Hội là bí thư Chi bộ nghiệp đoàn thợ điện. Tánh tình thẳng thắn, hào hiệp của Hội khiến Hai Trọng cảm mến ngay từ đầu, hai anh em làm việc rất hăng say trong công tác được phân công.

Tiền chợ cạn dần, hai anh đang lo thì hay tin Trần Văn Giàu họp quân sự trên Tân Phú Trung.

Lúc đó Sáu Giàu là chủ tịch Lâm uỷ hành chánh Nam Bộ. Cả hai tức tốc lên gặp Sáu Giàu để xin tiền cho trại. Địa điểm họp là nhà giám đốc sở cao su ở sát đường. Khi tới nơi, hai anh thấy Sáu Giàu ngồi ở bộ xa lông có trải da cạp. Một chân Sáu Giàu đạp lên đầu cạp, trông rất oai. CỬ toạ là các chỉ huy các bộ đội. Nội dung trao đổi là chuyện đánh Tây. Sau phần thuyết trình đến phần tài chánh: các bộ đội được cấp phát tiền để hoạt động. Theo sát bên Sáu Giàu là thư ký giữ tiền. Sau khi phát tiền xong, Sáu Giàu lên xe đi. Lập tức Hai Trọng và Hội nhào tới: “Còn tụi tôi? Tôi là tổng chỉ huy lo cho anh em công nhân thất nghiệp...” Sáu Giàu rút giấy ra

viết ngay: “Hai ông tới gặp Lương Văn Tương lãnh tiền”. Lương Văn Tương là chủ tịch Ủy ban Kháng chiến miền Đông, văn phòng đặt tại một căn phố lâu đường Vedrun, gần ngã sáu Sài Gòn... Khi Tây đánh chiếm Sài Gòn ngày 23-9-1945, ông Tương cùng Ủy ban Kháng chiến miền Đông chạy về Biên Hoà. Hai Trọng và Hội cũng già biệt thành đô để theo kháng chiến.

Hai Trọng tấp vô Bình Xuyên ở cầu Rạch Đĩa, xã Tân Quy, Nhà Bè. Gặp lãnh tụ Bình Xuyên lần đầu, Hai Trọng đã nhận định “đây là tay có bản lĩnh”. Ba Dương vóc dáng bình thường nhưng được cặp mắt, nhỏ mà sáng. Tánh tình trầm lặng, suy nghĩ nhiều hơn nói. Mà nói thì như đinh đóng cột.

Một hôm anh Ba hỏi Hai Trọng:

- Nghe nói ngoài Bắc phái Nguyễn Bình vô Nam, anh nghĩ thế nào?

- Tôi có nghe tin đó. Tôi chưa biết Nguyễn Bình ra sao. Nhưng đã là phái viên Trung ương chắc là phải thế nào...

Hai Trọng nói tới đó, Ba Dương gật đầu nói lời:

- Tôi cũng nghĩ như anh. Trong này đang gặp khó khăn mà được ngoài đó phái người vô giúp thì đỡ lắm. Theo tôi nghĩ thì anh Hai nên tìm gặp Nguyễn Bình cho biết rồi về đây báo cáo cho anh em rõ về ông phái viên Trung ương đó.

Ý của Ba Dương rất đúng với tâm tư Hai Trọng. Anh vô Nam đã lâu, cần biết tin tức ngoài Bắc. Nguyễn Bình từ Bắc mới vào Nam, chắc nắm tình hình ngoài ấy rất rõ. Một công hai việc. Vừa là việc chung vừa là việc riêng, nên đi liền. Thế là Hai Trọng nhận công tác lên Thủ Dầu Một tìm gặp Nguyễn Bình. Anh đến thật đúng lúc, Nguyễn Bình đang tìm hiểu về cán bộ địa phương ở miền Đông mà anh có nhiệm vụ tập hợp lại để thành một lực lượng quân sự hùng hậu sẵn sàng đương đầu với Tây. Trong số các bộ đội này, Bình Xuyên đứng hàng đầu về quân số, súng ống, nhưng cũng là đơn vị có nhiều vấn đề nghiêm trọng như vừa đánh Tây vừa xách nhiễu dân chúng.

Bấy giờ Nguyễn Bình đóng trong một nhà gần thị xã Thủ Dầu Một. Hai Trọng tới vào xế chiều. Hai người ngồi nói chuyện ngoài sân. Thoạt tiên, Hai Trọng nghĩ rằng cuộc hội kiến chỉ ngắn thôi, không ngờ sau khi anh giới thiệu là sứ giả của anh Ba Dương tới gặp ông phái viên Trung ương để tìm hiểu tình hình, anh được anh Ba Bình tiếp đón niềm nở và đãi cháo gà. Hai anh em ngồi nói chuyện tới khuya, hết chuyện công tới chuyện tư. Cả hai đều là dân Hải Phòng vào Nam trước cách mạng. Do cùng mang chí lớn nên mới gặp lần đầu đã mến nhau. Đêm ấy, Hai Trọng giới thiệu bộ đội Bình Xuyên mà anh nắm được. Anh Ba Bình đặc biệt muốn biết về Ba Dương:

- Ba Dương có đúng là tay hảo hớn như thiên hạ đồn?

- Tôi chỉ mới biết anh Ba Dương thôi, nhưng trong thời gian sống với anh Ba tại tổng hành dinh Rạch Địa, tôi có vài nhận xét như sau: Ba Dương học tới tiểu học rồi đi giang hồ, mượn nghề nuôi vịt mà trau dồi võ nghệ và quy tụ anh hào. Khi được em út tôn lên làm đại ca Ba Dương không chỉ xưng hùng trong vùng Nhà Bè mà còn đứng bến xe đò Nam Vang ở bên hông chợ Bến Thành. Anh có một “lô can” (tiếng lóng có nghĩa là trụ sở hay văn phòng) ngay bến xe. Đó là phòng dành riêng cho anh trong một nhà ngủ tại góc đường hông chợ và ga xe lửa, gọi là khách sạn Nhà Ga (Hôtel de la Gare) Đáng lưu ý điều này: làm anh chị đứng bến xe, Ba Dương không giống những tay du côn láu cá, mặc áo bạch ngực khoe rồng rắn bùa ngải xâm trên lưng, hể mở miệng là đù mẹ đéo bà. Không, Ba Dương bao giờ cũng nho nhã thư sinh, quanh năm mặc bà ba, nói chuyện lễ phép, y như thầy giáo làng. Vậy mà không thằng em út nào dám hỗn láo... Khi Nhật cần người bảo vệ hăng đóng tàu Nichinan ở cầu Rạch Ông, Ba Dương làm cho Nhật để tạo uy thế.

Ba Bình tỏ ra thích thú trước cá tính độc đáo của Ba Dương. Anh nói:

- Vài ngày nữa tôi sẽ triệu tập tất cả chỉ huy trưởng bộ đội miền Đông họp tại An Phú Xã. Anh về chuyển thư mời của tôi cho anh Ba Dương. Tôi rất muốn gặp vị chỉ huy Bình Xuyên.

Hai Trọng trao thư mời của Nguyễn Bình cho Ba Dương sau khi báo cáo chuyển gặp gỡ vị phái viên Trung ương. Ba Dương hỏi:

- Theo anh thì Nguyễn Bình là người thế nào?

Hai Trọng cười nghĩ thầm: “Rõ ràng là hai tay hảo hớn đang dò dẫm tìm hiểu nhau. Cũng bình thường thôi. Sách có chữ: biết mình, biết người: trăm trận trăm thắng”. Anh nói:

- Nguyễn Bình tầm thước, mang kính râu dù là ban đêm vì hư một con mắt, thích mặc áo xá xẩu như người Tàu. Đó là hình dáng bên ngoài...

- Còn bên trong - Có một điểm hai anh Ba Dương và anh Ba Bình giống nhau: rất ít nói. Suốt đêm qua, hầu như chỉ có một mình tôi nói. Anh Ba Bình chỉ hỏi. Đúng là tác phong của một người chỉ huy. Hỏi thật nhiều, hiểu cho rõ, nắm cho chắc...

Ba Dương gật gù, một lúc sau mới nói:

- Tôi rất muốn lên An Phú Xã dự cuộc họp đầu tiên do Nguyễn Bình triệu tập nhưng rất tiếc là mấy ngày nay tôi bị cảm. Vậy anh Hai thay tôi đi dự cuộc họp. Nhớ chuyển lời tôi hỏi thăm Nguyễn Bình.

Trong khi Hai Trọng lên Thủ Dầu Một tìm Nguyễn Bình, ở nhà có chuyện đáng tiếc: Ba Dương cho lính bắt đồng chí Ba Bang. chủ tịch quận Cần Giuộc, tịch thu súng ống sổ sách và tiền bạc. Lý do là Ba Bang để Tây đánh chiếm thị trấn Cần Giuộc.

Ba Bang tên thật là Trương Văn Bang, là Cộng sản 30, từng là xứ uỷ viên Nam kỳ.

Ba Bang bị giải về Rạch Giá, chưa biết số phận ra sao thì tình cờ Hai Vĩnh đi ngang qua trông thấy. Hai Vĩnh (Mai Văn Vĩnh là rể ông Tám Mạnh, chỉ huy bộ đội Chánh Hưng về sau là Chi đội 7), hai cha con Tám Mạnh - Hai Vĩnh cũng là Bình Xuyên nhưng khác phe Ba Dương. Ông Tám Mạnh được ông Bảy Trân kết nạp vô Đảng Cộng sản năm 42. Đây là tay giang hồ được kết nạp sớm nhất trong vùng Bình Xuyên. Do là Đảng viên nên ông Tám Mạnh rất thân với anh Ba Bang. Hay tin dữ, Hai Vĩnh liền ghé vô tổng hành dinh Rạch Giá xin bảo lãnh cho anh Ba Bang. Anh Ba Dương không có ở nhà. Hai Vĩnh một mặt viết thư cho Ba Dương nhờ Tư Hoành cấp tốc chạy tìm Ba Dương. Mặt khác Hai Vĩnh báo động với ông Tám Mạnh và ông Bảy Trân để can thiệp trong trường hợp Ba Dương thủ tiêu Ba Bang. Lúc đó ông Bảy Trân là uỷ viên trưởng quân sự Mặt trận số 4 chạy từ Bến Đá - Cầu Sập tới cầu Tân Thuận. Nhờ sự can thiệp đúng lúc đó mà Ba Dương thả Ba Bang, nhưng súng ống và tiền bạc thì không trả đủ. Dù vậy Ba Bang cũng hú hồn thoát chết.

Nhân vụ này cộng với nhiều vụ bê bối khác như Bình Xuyên bắn chết một bác sĩ Pháp từ Sài Gòn đi xe hơi qua Chánh Hưng coi mạch trị bệnh cho một thân chủ. Bác sĩ này bị lính bắt giải về Chánh Hưng toan cho mò tằm. Gặp ông Bảy Trân, bác sĩ này vui miệng như chết đi sống lại vì Bảy Trân hứa sẽ thả ông, nhưng một tay Bình Xuyên xách súng Mút tới làm dữ “bắt được Tây thì phải giết, Tây là kẻ thù của mình mà”. Ông Bảy Trân đứng chặn người này, giải thích “có Tây tốt, Tây xấu. Mình chỉ đánh Tây xấu thôi” Nhưng ông chưa dứt lời thì tay Bình Xuyên kia đã chĩa súng qua nách ông bóp cò: bác sĩ xấu số ngã gục xuống chết ngay. Trước tình trạng vô kỷ luật của đám Bình Xuyên, sẵn súng đạn, muốn giết ai thì giết, ông Bảy Trân rất khổ tâm, nhưng không cách gì khác hơn là báo cáo cấp trên là Lâm uỷ hành chánh Nam Bộ mà chủ tịch Sáu Giàu là bạn thân của ông.

Trên đường tới An Phú Xã, Hai Trọng gặp đồng chí Hà Huy Giáp đang đi công tác lưu động. Ông này tâm tình với Hai Trọng:

- Đồng chí ở đơn vị ông Ba Dương, chắc biết ông Bảy Trân báo cáo về vụ Ba Dương bắt Ba Bang chớ? Ý đồng chí như thế nào?

Hai Trọng nói:

- Lúc đó tôi đi Thủ Dầu Một tìm khu trưởng Nguyễn Bình. Chùng về Rạch Giá mới nghe nói. Vì nắm không rõ nên không có ý kiến.

Hà Huy Giáp nói:

- Mình đang ở trong thời Thập nhị sứ quân, cá lớn nuốt cá bé, bộ đội lớn tước súng bộ đội nhỏ. Thật là đáng phiền. Nhưng theo tôi thì trong lúc này Tây đang đánh ta, chuyện vô kỷ luật là chuyện nhỏ, chuyện nội bộ. Ta nên tạm lờ đi để lo đánh Tây trước đã, rồi sẽ giải quyết chuyện nội bộ sau.

Hai Trọng gật gù đồng ý.

Trong cuộc họp tại An Phú Xã, có mặt gần hết các chỉ huy quân sự. Chỉ thiếu Ba Dương. Nguyễn Bình bắt tay Hai Trọng nói:

- Rất tiếc là người tôi cần gặp mặt lại vắng mặt. Hẹn sẽ gặp sau vậy. Đồng chí nhớ chuyển lời thăm hỏi của tôi tới đồng chí Ba Dương nhé.

Chương 20

Lính Bình Xuyên vô cớ giết người

Thầy Bảy Trân đệ đơn từ chức

Trong cuộc hội nghị quân sự tại An Phú Xã có một chuyện bất ngờ khiến Nguyễn Bình ngạc nhiên: Ủy trưởng quân sự Mặt trận số 4 Nguyễn Văn Trân (Bảy Trân) xin từ chức. Bảy Trân vóc người nhỏ thó, mình dầy, hót tóc cao có vẻ là một thầy giáo hơn là một chỉ huy quân sự. Giữa hội nghị ông nói:

- Tôi được Sáu Giàu phân công phụ trách Mặt trận số 4 chạy dài từ Bình Đông tới cầu Tân Thuận. Lực lượng quân sự vùng này là Bình Xuyên. Đại bộ phận là anh em lao động ngoại thành nhưng chỉ huy là các tay giang hồ đã từng làm nghề lục lâm thảo khấu. Ngày nay có người tu tỉnh theo cách mạng, nhưng cũng có người tánh nào tật nấy, sẵn súng đạn đi ăn cướp thay vì đánh Tây. Vừa rồi chúng giết một bác sĩ Pháp từ Sài Gòn qua Chánh Hưng khám bệnh. Tôi đã đích thân điều tra và ra lệnh cho bác sĩ đó về: nhưng ông ta chưa kịp mừng thì một tay Bình Xuyên chọc súng qua nách tôi bóp cò làm ông ta chết, làm sao tôi chỉ huy được những kẻ ngu dốt không biết phân biệt Tây tốt với Tây xấu lại mang nặng tánh tự do vô kỷ luật?...

Mọi người im lặng chưa có ý kiến gì. Ông Trân nói tiếp:

- Từ việc nhỏ đó suy ra việc lớn. Có nên phát súng cho Bình Xuyên không? Theo tôi thì coi chừng lợi ít mà hại to. Không khéo có ngày Bình Xuyên cắt cổ mình đó. Cho nên tôi xin từ

chức uỷ trưởng quân sự mặt trận số 4 để lãnh công tác khác thích hợp với khả năng hơn.

Nguyễn Bình ngẫm nghĩ rồi nói:

- Làm cách mạng là tự giác tự nguyện. Nếu đồng chí tự thấy không thích hợp với nhiệm vụ hiện nay thì tôi chấp nhận sự từ chức của đồng chí. Để danh chánh ngôn thuận, đồng chí nên họp ban chỉ huy Mặt trận số 4 lại, tuyên bố từ chức để anh em bầu người thay thế.

Đêm đó Nguyễn Bình tìm hiểu thêm về ông Bảy Trân. Con người nho nhỏ ấy lạ thay lại có một quá trình hoạt động cách mạng độc đáo. Cha mất sớm, mẹ ở vậy nuôi con. Đậu tiểu học, Trân trốn xuống tàu qua Pháp học. Tại Pháp, Trân học nghề vô tuyến điện và gia nhập thanh niên cộng sản, đêm đêm rải truyền đơn chống thực dân khủng bố trắng ở Đông Dương (tàn sát Việt Nam Quốc dân Đảng). Anh được kết nạp vô Đảng Cộng sản Pháp và được giới thiệu qua Nga học trường Đông Phương đại học đường (trường Staline) khoá 1927-1930. Trong khoá này có các đồng chí Trần Phú lấy tên Lý Quý phiên âm là Lít-vay, Ngô Đức Trì, Bùi Công Trừng, Bùi Lâm, Nguyễn Khánh Toàn, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Dương Bạch Mai, Trần Đình Long, Bùi Ái, Nguyễn Văn Trân...

Đến năm thứ hai thì Bảy Trân đã nói và viết tiếng Nga thông thạo. Anh lấy vợ Nga, được đưa tới các hãng xưởng nói chuyện với công nhân Nga. Nhờ làm phiên dịch anh được khá nhiều tiền. Cứ dịch một trang lấy 12 rúp. Chùng về nước sau mãn khoá, anh tặng lại nhà nước Nga 120 rúp bằng cách mua lại tờ quốc trái mỗi tờ 60 rúp. Bận về cũng như bận đi. Bảy Trân được các đồng chí các nước Nga, Đức, Bỉ giúp vượt biên giới. Tại Marseille về Sài Gòn cũng trốn dưới hầm tàu, các bữa ăn đều được bí mật đưa xuống. ăn xong ném đĩa xuống biển. Về nước, anh Bảy giả làm tín đồ Cao Đài lên Toà Thánh Tây Ninh làm thư ký cho giáo tông Lê Văn Trung, mượn Toà Thánh làm vỏ bọc để hoạt động. Sau đó theo chỉ thị của Xứ uỷ anh Bảy phụ trách Đặc uỷ Hậu Giang, mở lớp huấn luyện đào tạo đảng viên tại Chợ Mới, Long Xuyên. Năm 1931, Tây khủng bố ác liệt, phần lớn các đồng chí đi học ở Nga về đều bị bắt như Bùi Công Trừng, Bùi Lâm, Bảy Trân. Lần đó Tây bắt được một mẻ lớn: 201 tù Cộng sản ra toà, hai người cùng chung một còng. Sau 19 tháng 9 ngày, Bảy Trân được thả vì bị bắt không có tài liệu trong mình, chỉ do kẻ khác khai. Mỗi tuần phải trình diện chủ quận, mỗi tháng trình diện chủ tỉnh Chợ Lớn. Vậy là được thả nhưng anh vẫn bị quản thúc tại gia (Bình Đăng, Chợ Lớn).

Dù bị quản thúc, Bảy Trân vẫn đi bán dầu cù là với Nguyễn An Ninh. Đây là hình thức tuyên truyền lưu động độc đáo của hai nhà cách mạng trí thức. Ông Ninh nấu cù là theo toa thuốc gia truyền. Hai ông Ninh và Trân cỡi xe đạp đi khắp nơi, trước bán cù là để gây quỹ hoạt động, sau là tuyên truyền tinh thần quốc gia dân tộc. Những năm tháng đạp xe khắp miền Nam bán dầu cù là để lại một kỷ niệm khó quên trong đời hai ông. Tây biết “tấy” nên cho lính kín

đạp xe theo dõi đồng thời lính các nơi được lệnh xét giấy thuế thân hai ông. Để không mất thì giờ móc ví trình giấy, hai ông đeo thuế thân trước ngực, lính hỏi thì chỉ vô ngực, khỏi tốn nước miếng. Trong ba năm bán cù là dạo khắp Nam Kỳ lục tỉnh, hai ông thu hút vô số thanh niên vô Đảng Thanh niên Cao Vọng của Nguyễn An Ninh. Với nhà nông, hai ông cũng khuyến khích họ đoàn kết tranh đấu nâng cao đời sống bằng cách đòi chủ ruộng trả công cho họ cao hơn. Trước gặt 12 bó một công, sau chỉ còn 10 bó.

Trong hai người, ông Ninh “cộc” hơn. Có lần trên đường Bà Rịa ra Long Hải, hai ông bị một thằng lính kín bám sát như bóng với hình. Không kèm được cữu bực, ông Ninh bảo ông Trân dừng xe lại để ông chặn đường, thộp ngực tát tai tên lính cho bỏ thói rình mò... Trong những đêm ngủ nhà trọ, ông Ninh tâm tình với ông Trân: “Tao suy nghĩ và thấy mình là trí thức tiểu tư sản theo chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi thì sẽ không bao giờ giải phóng được dân tộc. Chỉ có Cộng sản mới giải phóng được dân tộc. Cho nên tao giao đảng Thanh niên Cao Vọng lại cho mày.

Bảy Trân bị bắt lần thứ hai, bị giam sáu tháng ở Khám Lớn, ra toà được xử trắng án nhờ khai có lý có tình. Vụ án này được gọi là vụ “complot Giàu - Dực”, xảy ra năm 1934-1935. Giàu là Trần Văn Giàu, từng học trường Đông Phương đại học đường ở Mốt-cu khoá 1930-1933. Về nước Sáu Giàu được bầu bí thư Xứ uỷ. Còn Dực còn có tên là Long là con đại hương cả ở Kỳ Sơn (Tân An) cũng đi học ở Nga về. Theo lời giới thiệu của Giàu, Trân rước Dực về, bố trí ở nhà cô mụ Trinh (Trần Kim Trinh) để hoạt động. Lúc đó Xứ uỷ được Đảng Cộng Sản Pháp gọi báo, sách, tài liệu theo các chuyến tàu khách và tàu hàng. Dực bị bắt và khai làm Tây bắt khá nhiều đồng chí trong đó có thuyền trưởng Deschamps và Sáu Giàu. Có người tố Sáu Giàu khai Deschamps, nhưng sự thật là Dực đã khai.

Bảy Trân bị bắt lần thứ ba vì Tây nghi Trân giấu Nguyễn An Ninh đang bị truy nã trong năm 1935. Trân biết chỗ Ninh ẩn trú nhưng chịu đòn không khai để Ninh có thì giờ dời chỗ né tránh. Nhờ thầy Bảy Cù là đóng vai khổ nhục mà ông Ninh rời nhà thầy thuốc Bắc ở Phú Thọ trốn về lò gạch ông Hội đồng Võ Công Tồn ở Gò Đen. Ông Ninh ở ẩn tại đó khá lâu cho tới ngày con Hội đồng Tồn là Võ Công Phụng chỉ cho Tây bắt.

Bảy Trân có biệt tài gây quỹ cho Đảng bằng cách “móc túi” các Mạnh thường quân như Hội đồng Tồn, bà Ba Bàu ở Phú Nhuận, thầy giáo Mong ở Quán Tre. Mỗi lần thấy Bảy Trân tới toà soạn thì các ông Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nguyễn vỗ tay kêu to: “Kalinin tới, có tiền rồi” (Kalinin là lãnh tụ Nga. Ở đây có nghĩa là nông dân - một nét nổi bật của Bảy Trân).

Cuối năm 40 sau Nam Kỳ khởi nghĩa, Bảy Trân: bị bắt lần nữa dù đã “lặn” lên Đà Lạt. Anh

bị quản thúc tại gia nhưng vẫn giúp hai đồng chí Trần Văn Giàu và Châu Văn Giác vượt ngục Tà Lài tá túc trong nhà rồi mượn ghe đưa xuống Rạch Giá đổi vùng hoạt động. Trong những năm 1940 ông Trần nắm được giới giang hồ Tám Mạnh nên được phân công nắm Bình Xuyên.

Đêm ấy anh Ba Bình giữ Hai Trọng lại bàn chuyện Bình Xuyên.

- Anh có nghe ông Bảy Trần xin từ chức không?

Lý do là không thể chỉ huy được mấy tay Bình Xuyên? Đưa dân giang hồ theo cách mạng, lợi ít mà hại nhiều. Chưa quen đường cũ, sẵn súng ống, các tay ấy đi ăn cướp, những nhiều dân lành. Anh có ý kiến gì?

Hai Trọng nhắc lại ý Hà Huy Giáp:

- Tôi đồng ý với đồng chí Hà Huy Giáp là không nên quan trọng hoá chuyện bê bối nội bộ. Lo đánh Tây trước đã. Sẽ giải quyết chuyện vô kỷ luật sau.

Ba Bình lắc đầu:

- Tất nhiên ưu tiên một phải là đánh Tây. Nhưng không thể trì hoãn việc củng cố nội bộ. Một quân đội mạnh trước nhất phải có kỷ luật. Thuật cầm binh dạy trước nhất là phải nắm tổng binh tướng. Tướng phải gương mẫu, lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ. Phải thực hiện cho được tinh thần “huynh đệ chi binh” trên dưới một lòng, đồng cam cộng khổ... thì mới cò khai đắc thắng; mã đáo thành công...

Ngay trong đêm đó anh Ba Bình viết một lá thư cho Ba Dương và anh em Bình Xuyên. Dưới ánh nến, Hai Trọng thấy Nguyễn Bình cặm cụi viết, chốc chốc lại ngừng lên suy nghĩ. Nội dung bức tâm thư như sau:

“Đồng chí Ba Dương, anh em binh sĩ Bình Xuyên,

Tôi đã nghe báo cáo về tình hình nội bộ trong đơn vị các đồng chí. Đại diện cho Trung ương, tôi có vài ý kiến sau.

Các đồng chí nên lập Liên khu Bình Xuyên, tập hợp lại để thành một khối vững chắc. Chớ để lẻ tẻ Tây sẽ đánh nát. Chừng đó anh em sẽ trở lại kiếp giang hồ.

Nhiệm vụ Trung ương giao cho tôi là thống nhất các lực lượng võ trang ở miền Đông Nam Bộ để đương đầu với địch. Để giúp tôi hoàn thành sứ mạng, trong từng đơn vị, các đồng chí hãy tiến hành thực hiện chủ trương đoàn kết để chiến thắng.

Ký tên Nguyễn Bình, Khu bộ trưởng Khu 7

Gặp Nguyễn Bình tại An Phú Xã

Huỳnh Văn Một kể chuyện miền Đông

Tại hội nghị quân sự An Phú Xã, Nguyễn Bình rất vui mừng được gặp hầu hết các nhân vật tên tuổi miền Đông. Một trong những nhân vật này là Huỳnh Văn Một, chỉ huy phó Giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà. Chỉ huy trưởng là Tô Ký, dân Hóc Môn, còn Huỳnh Văn Một là dân Đức Hoà.

Trong những ngày tại An Phú Xã, anh Ba thường tiếp từng nhân vật vào những giờ ngoài hội nghị để tìm hiểu thêm đất nước và con người ở miền Đông Nam Bộ mà anh có nhiệm vụ lãnh đạo. Huỳnh Văn Một hào hứng kể vắn tắt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Cố tổ Huỳnh Văn Một là Trần Lãnh, tên thật là Trần Bình Nguyên, làm lãnh binh dưới quyền quan kinh lược Phan Thanh Giản. Trong gia phả còn ghi mấy câu thơ nói về ý chí bất phục nhà Nguyễn bán nước cho Tây:

Nguyễn Ánh mặt dày mày vắn

Cống rắn về cho cắn gà nhà

Đau lòng thất quốc vong gia

Ai mà không xót, ai mà không cay...

Về sau Nguyễn Ánh thắng, tru di tam tộc những kẻ chống đối, họ Trần đổi ra họ Huỳnh. Cha Huỳnh Văn Một làm hương thân, còn Võ Văn Tần làm biện cho Xã Vui để làm bình phong hoạt động quốc sự.

Lúc còn nhỏ, Một đã làm liên lạc cho chú Võ Văn Tần ở các vùng lân cận như Giồng Lốt, Giồng Cám, Bình Hữu và Mỹ Hạnh. Đường xa, Một phải cỡi ngựa. Mẹ mất sớm, cha làm không đủ ăn, Một phải thôi học làm việc làm giúp gia đình. Một chịu ảnh hưởng của ông Nguyễn An Ninh. Mấy chục năm sau, anh vẫn còn nhớ bài thơ “Sống và chết” của nhà chí sĩ trí thức nổi danh của miền Nam:

Sống mà vô dụng, sống làm chi,

Sống chẳng lương tâm sống ích gì

Sống trái đạo người, người thêm tủi

Sống quên ơn nước, nước càng khi

Sống tai như điếc, xem càng khổ,

Sống mắt như đui, sống cũng kỳ

*Sống sao cho phải nên kiếp sống,
Sống mãi ai muôn đời sử còn ghi.*

*Chết sao danh tiếng vẫn còn dài
Chết vậy gọi người đủ mắt tai,
Chết dựng dựng hình danh chứ mục
Chết đem vào sử, chữ không phai
Chết đó rõ ràng danh sống mãi
Chết đây chỉ chết cái hình hài
Chết còn nhân nghĩa, người đời khen ngợi
Chết cho thế hệ đẹp tương lai.*

Năm 40, Nam Kỳ khởi nghĩa. Huỳnh Văn Một và Trần Văn Mậu làm binh vận ở thành Ô-ma. Hai anh phổ biến bài thơ kêu gọi binh lính bỏ trốn. Bài thơ có tên là “Một ngày lính, chín ngày tù” như sau:

*Ở civil, tôi chẳng phải nghèo
Vào cơ lính nhiều điều nguy hiểm
Rương quần áo mỗi ngày mỗi điểm
Bộ nút chùi có bóng sáng ngời
Lúc bình thường chẳng được thanh thoi
Lúc nằm ngủ nơi không an giấc
Nghe kèn thổi anh em lật đật
Lấy áo choàng đứng gác-đờ-bu
Trễ l'appel lấy sổ ở tù
Nếu nhẹ, rửa cầu một tuần lễ.*

Theo kế hoạch thì anh em binh lính trong thành Ô-ma cướp súng tham gia khởi nghĩa trong thành phố, nhưng do có người phản, Tây biết trước vào giờ chót, ra lệnh cấm trại, cất súng vô kho. Ta chuyển kế hoạch đánh bọn ác ôn ở Đức Hoà, giết tên Quản Nên đã từng bắt Nguyễn An Ninh tại cầu Bến Lức. Địch phản công, bắt bớ đốt nhà. Nhà Huỳnh Văn Một bị đốt,

cha anh Một là Huỳnh Văn Bãi bị địch giết chết... Mấy ngày sau Một mới biết vì sao kế hoạch đánh chiếm thành Ô-ma (cam des Meres) bị bể: một người bồi có chân trong tổ chức khởi nghĩa ngày ấy không đi làm mà không khai bệnh, không xin phép. Tây sanh nghi bắt điều tra thì lôi ra các đồng chí cầm đầu Mậu, Tót, Vinh. Trần Văn Mậu bị bắt sáu giờ trước cuộc khởi nghĩa. Mậu nhất định không khai, địch đánh anh tới chết. Một mặt địch cấm trại tân Đông Dương, một mặt còng chân cả đơn vị bị tình nghi... Dù vậy các nhóm vẫn khởi nghĩa. Bộ đội Đức Hoà do Huỳnh Văn Cảnh, Huỳnh Văn Một chỉ huy giết Quản Nền. Bộ đội Tân Phú Trung giết chủ sở cao su Cầu Khói Ameaux vì lầm lẫn là cò Bataille, đốt dinh quận Hóc Môn, thu bốn súng. Bộ đội Gò Vấp, Bà Quẹo do Hai Chối chỉ huy đánh bót Ngã Năm lấy ba súng. Bộ đội liên quận do Chín Bính, quê Đức Hoà chỉ huy rút vô rừng, đánh địch truy kích tại Truong Dừa (xã Lộc Hưng - Trảng Bàng) rồi kéo qua Bời Lời lại đụng độ tại xã Lợi Thuận. Anh Bính ở Tân Phú Trung bị thương chân và bị bắt sống. Tám Cảnh lên thay anh Bính, rút bộ đội về Giồng ông Hoà (Đức Lập) qua Bời Lời để về Mũi Lớn (Tân An Hội) rồi rút vô bí mật. Bị giải về dinh quận Hóc Môn, Chín Bính tỏ thái độ hiên ngang, bất khuất khiến chủ quận Thọ kính nể địch thân đem ghế mời Chín Bính ngồi. Địch xử bắn Chín Bính tại quận Hóc Môn.

Suốt cả năm trời, địch càn quét truy bắt những người tham gia khởi nghĩa. Huỳnh Văn Một chạy lên các sở cao su trà trộn trong dân các làng, làm thầy giáo đồng thời hoạt động trong giới công nhân cạo mủ. Do nằm trong các sở cao su mà anh Một biết chỗ Tây giấu súng phòng khi Nhật đảo chánh. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, anh tìm được trên trăm súng Pháp giấu trong rừng, có mười FM và mấy tấn đạn. Cùng tham gia tìm hầm vũ khí của Pháp có chị Mười Thập (Nguyễn Thị Thập). Chuyện bất ngờ khó chịu là Kiều Đắc Thắng tự xưng là tư lệnh miền Đông tới tước đoạt số súng đạn này. Họ Kiều lớn lối nói:

- Vị tình đồng chí, tao chia cho mày mấy cây stíng với 500 viên đạn và hai mươi cây ná. Dem về Đức Hoà mà khoe với đồng bào. Chớ tụi bây mà đánh giặc cái gì!

Về nhân vật Kiều Đắc Thắng, cần giới thiệu sơ vài dòng: Họ Kiều là công nhân quê miền Trung, vô Sài Gòn làm ăn. Tánh tình giống như cha mẹ đặt tên: háo thắng. Thời Tây cai trị, không rõ Thắng làm gì mà bị Tây bắt đày ra khám Vũng Tàu. Thời may gặp Năm Bé là tay anh chị Xóm Chiếu bị Tây bắt giam ở khám lớn Sài Gòn mấy năm rồi giải ra Vũng Tàu. Năm Bé xuất thân công nhân Hải Phòng, ham đi giang hồ cho biết đó biết đây nên tình nguyện sang Pháp theo nhóm ONS - chữ tắt của Ollvriers Non Spécialisés - tức thợ không rành nghề. Pháp tuyển nhóm này đưa sang Pháp để phục vụ chiến trường chống Đức tặc. Nhưng tàu vừa tới Sài Gòn là Năm Bé nhảy lên bờ nhập vào giới bụi đời. Nhờ là thợ sửa chữa lật vật trong nhà nên vào tù, Năm Bé được thầy chú trọng dụng như sửa vòi nước, sửa khoá nước... Nếu nhà thầy chú không có việc gì cần sửa thì Năm Bé được phân công quét đường chung quanh khám và dần dần quét

con đường trước Grand Hôtel du Cap (Khách sạn lớn ở Bãi Trước). Mỗi sáng quét đường, Năm Bé để ý một sĩ quan Hải quân Pháp lái xe hơi tới khách sạn ăn sáng. Tên này đậu xe sát lề rồi vô khách sạn, không hề khoá công tắc và bỏ chìa khoá vào túi quần như đa số tài xế.

Nghe Kiều Đắc Thắng tâm sự muốn vượt ngục, Năm Bé liền hiến kế: “Sáng mai, xin quét đường với tôi. Tôi chỉ cho cách tháo cũi sổ lồng”.

Năm Bé chỉ chiếc xe tên sĩ quan Hải quân đậu trước khách sạn cho Thắng để sớm hôm sau Thắng đánh cắp chiếc xe ấy trốn về Sài Gòn. Tới Bà Chiểu, Thắng bỏ xe, đón xe đò lặn về Lái Thiêu.

Khi ta cướp chánh quyền, Thắng tự xưng tư lệnh miền Đông. Trong mấy tháng đầu, Thắng làm trời, ai anh ta cũng cho là Việt gian, dù có đủ giấy tờ. Còn nhà máy nào ông ta cũng xung công. Ai cự nự thì bắn bỏ. Danh sách nạn nhân của hung thần Kiều Đắc Thắng dài sọc. Rất may đặc phái viên Trung ương Nguyễn Bình tới tỉnh Thủ sớm để chấm dứt một thời tác oai tác quái của họ Kiều.

Chương 22

Hội nghị Bình Hoà cuối bốn lăm

Nguyễn Bình được bổ nhiệm Khu trưởng

Sau hội nghị An Phú Xã, Nguyễn Bình quyết định lập các chi đội Giải phóng quân, đưa tất cả các bộ đội đã có trước đó vô nền nếp. Đây là một việc khó thực hiện vì tâm lý các chỉ huy bộ đội địa phương đều ít nhiều muốn làm “đầu gà hơn đuôi phụng”. Mỗi “tướng vùng” là một Từ Hải “dọc ngang nào biết trên đầu có ai”. Trong hội nghị An Phú Xã, Nguyễn Bình đã nhấn mạnh: Muốn đánh thắng thằng Tây chúng ta phải tập hợp thành một khối. Đừng bao giờ để chúng xé lẻ chúng ta mà diệt gọn. Bài học bẻ dừa từng chiếc lẻ nào chúng ta không biết? Tôi đề nghị từ nay bộ đội các đồng chí chọn một cái tên chung để gọi. Chẳng hạn như Giải phóng quân hay Vệ quốc quân. Nghe hay hơn là bộ đội của ông A, bộ đội của ông B... Để không lẫn lộn, ta cho mỗi đơn vị một con số như chi đội 1, chi đội 2, vân vân.

Các chỉ huy gật gù tán đồng ý kiến Nguyễn Bình.

Vấn đề đổi tên chẳng làm thiệt gì cho họ, bởi họ vẫn nắm quyền chỉ huy. Tuy mang tên chung là Giải phóng quân, nhưng “hồn ai nấy giữ” Lúc đó ngồi kể Nguyễn Bình có Huỳnh Kim Trọng, Lương Văn Trọng. Nguyễn Bình cười bảo:

- Tôi đề nghị đặt phiên hiệu theo thứ tự như sau: Bộ đội tỉnh Thủ Dầu Một của anh Huỳnh Kim Trọng là Chi đội 1, bộ đội Bình Xuyên do anh Lương Văn Trọng đại diện là Chi đội 2 và 3 vì lực lượng Bình Xuyên khá đông. Bộ đội anh Huỳnh Văn Trí là Chi đội 4, bộ đội anh Phạm

Hữu Đức là chi đội 5...

Tuy Nguyễn Bình chỉ đề nghị nhưng các chỉ huy đều coi đó là quyết định và họ chấp nhận vì thấy hợp lý.

Sau Hội nghị An Phú Xã không bao lâu thì Nguyễn Bình được mời dự hội nghị Xứ uỷ mở rộng tại Bình Hoà ngày 15-12-1945. Hội nghị quyết định chỉ định ba khu trưởng cho ba khu 7, 8, 9. Đó là Nguyễn Bình, khu 7, Đào Văn Trường, khu 8 và Vũ Đức, khu 9. Hội nghị cũng quyết định đổi tên Giải phóng quân thành Vệ Quốc đoàn.

Trở về miền Đông, Nguyễn Bình ra thông tri huỷ bỏ các nghị quyết của Hội nghị An Phú Xã để thi hành nghị quyết của Hội Nghị Bình Hoà. Các chi đội được mang tên chung là Vệ quốc Đoàn. Danh sách các chi đội ở miền Đông như sau:

- Chi đội 1 của Huỳnh Kim Trương, tỉnh Thủ Dầu Một
- Chi đội 2 của Huỳnh Văn Nhị, quận Nhà Bè
- Chi đội 3 của Từ Văn Ri, quận Nhà Bè
- Chi đội 4 của Huỳnh Văn Trì, Bà Quẹo
- Chi đội 5 của Phạm Hữu Đức, tỉnh Tân An
- Chi đội 6 của Nguyễn Văn Dung, tỉnh Gia Định
- Chi đội 7 của Nguyễn Thanh Bạch, tỉnh Tây Ninh (Cao đài)
- Chi đội 8 của Nguyễn Hoài Thanh, tỉnh Tây Ninh (Cao đài)
- Chi đội 9 của Lê Văn Viễn, Phú Thọ.
- Chi đội 10 của Huỳnh Văn Nghệ, tỉnh Biên Hoà
- Chi đội 11 của Trịnh Khánh Vàng, tỉnh Tây Ninh
- Chi đội 12 của Tô Ký, Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà
- Chi đội 13 của Mười Thìn, Tổng Công Đoàn
- Chi đội 14 của Trần Văn Trà, tỉnh Tân An
- Chi đội 15 Huỳnh Văn Một, Đức Hoà

...

Vài tháng sau có vài thay đổi:

- Hai Nhi (Huỳnh Văn Nhị) bị địch bắt, Nguyễn Văn Chưởng (Năm Chưởng) lên thay ở chi đội 2.

- Từ Văn Ri tử trận tại Long Thành, Mười Lực năm chi đội 3.

- Hai chi đội 2 và 3 gọi là Liên Chi Bình Xuyên.

- Hai Chi đội Cao đài 7 và 8 của Nguyễn Thanh Bạch và Nguyễn Hoài Thanh chạy ra toà thánh Tây Ninh, Nguyễn Thanh Bạch đổi tên là Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Hoài Thanh đổi tên Nguyễn Văn Thành. Chi đội 7 sau đó là tên của bộ đội Nguyễn Văn Mạnh và Mai Văn Vĩnh (Tám Mạnh - Hai Vĩnh) gốc Chánh Hưng.

Ba Chi đội 12, 14, 15 gốc là giải phóng quân Liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hoà.

- Chi đội 16 là bộ đội Bà Rịa với các chỉ huy, Hứa Văn Yển, Phan Đình Công.

- Chi đội 21 của Tư Hoạch ở cầu ông Thìn (Cần Giuộc).

- Chi đội 25 vốn là bộ đội An Điền (Thủ Đức) của Bảy Quai bị Lâm Văn Đức (Tư Tị) ở Cầu Bót (Chợ Lớn) chiếm đoạt.

Điểm qua thực lực các lực lượng võ trang miền Đông Nam Bộ, Nguyễn Bình thấy rõ nhóm Bình Xuyên trội hơn hết. Giữa các chi đội 2, 3, 4, 7, 9, 21 và 25 có một liên hệ chặt chẽ: các chỉ huy bảy chi đội này đều xuất thân giang hồ vùng Nhà Bè, Cần Giuộc gọi chung là Bình Xuyên. Còn hai chi đội 7 và 8 trước đó là gốc Cao Đài Tây Ninh. Với các lực lượng này phải hết sức khéo trong việc lãnh đạo...

Trong dịp này Nguyễn Bình cũng tìm hiểu về các sư đoàn 1, 2, 3, 4 đã có trước khi ông tới miền Đông Nam Bộ. Ông Huỳnh Văn Một và các chi đội trưởng cho anh Ba biết một số chi tiết về các sư đoàn “hữu danh vô thực” trên như sau:

Sư đoàn 1 được gọi là Đệ nhất sư đoàn hay là Cộng hoà vệ binh phần lớn gồm Garde Civile Locale (GCL) (cảnh sát mã tà) của Tây trước đây và một số lính Heiho (Hải Hồ) của Nhật. Đây là lực lượng chủ lực của Lâm uỷ hành chánh Nam Bộ. Chỉ huy trưởng là Kiều Công Cung. Trong hàng ngũ chỉ huy có quan hai Đang, quan một Lê Văn Ty. Ở cấp adjutant (ách hay là vệ) có các anh Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quận, Nguyễn Văn Hoạch...

Sư đoàn 2 gọi là Đệ nhị sư đoàn do Nguyễn Ngọc Nhẫn tức Vũ Tam Anh (Ba chữ N là Tam Anh) cầm đầu. Vũ Tam Anh là con địa chủ, bất mãn vì cách mạng chia ruộng cho nông dân nên dựa vào Bình Xuyên của Bảy Viễn để chống Việt Minh.

Sư đoàn 3 gọi là Đệ tam sư đoàn do Nguyễn Hoà Hiệp là cường hào quê ở Lái Thiêu chỉ huy. Hiệp thi rớt đúp-lôm (thi tốt nghiệp cấp hai) làm thư ký Bưu điện Lái Thiêu, sau bỏ sở làm mật thám cho Pháp rồi cho Nhật. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đệ tam sư đoàn trở thành thổ phỉ cướp của giết người gây điêu linh thống khổ cho dân các vùng chúng đi qua, nhất

là trị trấn Cao Lãnh. Lính đa số là công nhân cao su.

Sư đoàn 4 gọi là đệ tứ sư đoàn của Lý Huê Vinh. Vinh là người Tàu lai, lưu lạc giang hồ sang Thái Lan và đã theo quân Nhật trở về Sài Gòn, lính là công nhân Cao Đài và tự vệ của Nhật.

Bốn sư đoàn trên tan rã nhanh chóng khi Tây trở qua. Chỉ có Cộng hoà vệ binh dưới sự chỉ huy của hai anh Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quan là theo kháng chiến tới cùng...

Ngoài bốn sư đoàn chánh quy nói trên còn có lực lượng Quốc gia tự vệ Cuộc.

Đầu kháng chiến, Nam Bộ có ba bộ chỉ huy ba khu 7, 8, 9. Khu 7 Kiều Đắc Thắng tự xưng tư lệnh. Khu 8 có Đào Văn Trường và khu 9 có Vũ Đức. Kiều Đắc Thắng là công nhân miền Trung vô Sài Gòn trước cách mạng tháng Tám. Đào Văn Trường là công nhân mỏ than Hòn Gai ở Quảng Ninh còn Vũ Đức là người Tày, từ miền Bắc.

Khi Nguyễn Bình vào Nam với danh nghĩa đặc phái viên Trung ương, Kiều Đắc Thắng rút đi ra Bắc theo ngã Ba Biên Giới theo quốc lộ 13 lên Ban Mê Thuộc. Nguyễn Hoà Hiệp kéo Đệ Tam sư đoàn xuống Đồng Tháp Mười, còn Lý Huê Vinh kéo Đệ tứ sư đoàn tên Dầu Tiếng chiếm núi Cạn làm căn cứ.

Chương 23

Giết rắn độc, phải đập nát đầu

Đánh thực dân sâu sào huyết

Sau khi bố trí các chi đội theo hệ thống tại hội nghị An Phú Xã, Nguyễn Bình trở về Tân Uyên kiện toàn bộ chỉ huy Khu. Bấy giờ có mấy nhà trí thức bỏ Sài Gòn đi kháng chiến từ “mùa thu rồi ngày hăm ba”. Một trong các vị này là giáo sư Phạm Thiều biệt hiệu là “ông đồ xứ Nghệ”. Họ Phạm dự cuộc thi cuối cùng của Triều Nguyễn rồi theo tân trào học chữ quốc ngữ và chữ Tây. Trước Nam Kỳ khởi nghĩa năm 40, họ Phạm dạy chữ Hán tại trường Trung học Pétrus Ký. Trường này lớn nhất Sài Gòn, chỉ đứng sau trường Chasseloup dành cho con Tây và những người vô dân Tây. Trường lấy tên nhà thông thái Tây học Trương Vĩnh Ký, thường được gọi tắt là Pétrus Ký.

Pétrus là tên thánh của ông Ký. Tuy là trường do Pháp lập ra, dạy theo chương trình Pháp, cả tiếng Việt và chữ Hán (cũng gọi là chữ Nho) cũng phải giải nghĩa bằng tiếng Pháp, nhưng trường Pétrus Ký lại là cái nôi đào tạo những người yêu nước. Trong số mấy chục giáo sư dạy trường này có hơn phân nửa mang truyền thống bất khuất của nòi giống Tiên Rồng. Họ Phạm là một trong những vị đó. Ông phát động phong trào Truyền bá chữ quốc ngữ, kéo đám học trò của ông đi xoá nạn mù chữ. Lúc bấy giờ không khí học đêm của người lớn tuổi rất sôi nổi. Đâu đâu cũng nghe nghe ngao mấy câu ca dao: “I tờ có móc cả hai: i ngắn có chấm, tờ dài

có ngang”, và “O tròn như quả trứng gà, Ô thì đội mũ, Ơ thời mang râu...”.

Khi ta cướp chánh quyền ngày 25-8-1945, họ Phạm là thủ lĩnh Thanh niên tiền phong vùng Thị Nghè, cũng phóng xe đạp đi họp, cũng xách gậy đi biểu dương lực lượng trong cuộc mít tinh vĩ đại ngày tuyên bố Độc Lập 2-9-1945 giữa trung tâm Thành phố.

Ngày 23-9, Tây đánh chiếm Sài Gòn, họ Phạm rút ra ngoại thành làm liên lạc cho đoàn quân Nam Tiến của Nam Long, sau đó trụ lại tại chiến khu Bình Đa, dọc sông Đồng Nai. Tuy không được nhanh nhẹn như đám thanh niên, họ Phạm cũng dám đạp xe lộn về Sài Gòn cùng với hai anh cán bộ trưởng quân chính Nguyễn Xuân Diệu và Mạnh Liên để nắm tình hình trong vùng địch tạm chiếm. Số là hàng ngày anh em trong chiến khu muốn biết cuộc sống của đồng bào bị kẹt lại Sài Gòn như thế nào. Tất cả đều trông vào họ Phạm đọc báo Hoa Văn xuất bản ở Chợ Lớn. Nhưng tin tức trong báo vẫn chưa đủ thỏa mãn yêu cầu nắm dân tình và địch tình nên hai anh Xuân Diệu và Mạnh Liên quyết định đột nhập Sài Gòn để nắm tình hình. Hai anh nghĩ rằng khi Tây bung ra đánh chiếm các tỉnh miền Đông và miền Tây thì lực lượng chúng ở Sài Gòn sẽ không còn nhiều, việc canh phòng sẽ lỏng lẻo. Hai anh rủ họ Phạm cùng đi, mỗi người một chiếc xe đạp và năm đồng giần túi để cơm nước trong ba ngày. Hẹn sẽ trở về Biên Hoà vào ngày thứ ba.

Mời lơi thôi, không ngờ họ Phạm chịu mạo hiểm về thành. Tới Thị Nghè, ông giáo già tách ra, từ từ đạp về ngôi nhà cũ đã bỏ hoang từ ngày hăm ba. Không thấy thằng địch nào, ông mở cửa chui vào nằm lắng nghe tiếng động xung quanh. Cho đến lúc bụng đói, mới lần ra định mua khoai ăn đỡ, thay cơm. Bất ngờ gặp người láng giềng đã hồi cư. Họ đem cơm cho ông ngày hai bữa. Ban đêm ông giáo vi hành ra chợ Thị Nghè quan sát tình hình. Bất ngờ thoáng thấy một tên quen làm thông ngôn cho Tây. Lập tức ông rút nhanh về nhà. Đến ngày thứ ba, ông đạp xe về Biên Hoà, chờ hai bạn tại bến đò. Cả ba đều về đến chiến khu bình an vô sự.

Người trí thức thứ hai sống bên cạnh Khu trưởng Nguyễn Bình là luật gia Lê Đình Chi. Ông Chi người miền Bắc nhưng vào Nam đã lâu, làm việc tại pháp đình Sài Gòn. Giới thẩm phán luật sư Sài Gòn chia làm hai phe sau ngày Nhật đảo chánh (9-3-1945). Số thân Pháp có toà áo đỏ do Trần Văn Tử cầm đầu. Số này ít thôi, phần lớn là những người già, từng hưởng ơn mưa móc của Tây. Số trẻ đứng hẳn về phía Việt Minh. Sôi nổi nhất là các anh Thái Văn Lung, Phạm Ngọc Thuần Gaston, Trần Công Tường... Ngoài ra có một số “trùm chặn đứng ngoài chờ xem gió chiều vào để xoay sở”. Luật sư Lê Đình Chi nhớ rõ cuộc tranh luận giữa hai phe già trẻ. Toà Tử tuyên bố trắng trợn là không bỏ Tây được vì cả đời ông đã bú sữa Tây.

Gaston Phạm Ngọc Thuần tuy tuổi tác đáng cháu ông toà áo đỏ thân Tây số 1 đã thẳng thắn lên án bậc chú bác: “Ông nói vậy thì chúng tôi không coi ông là người Việt Nam nữa”.

Ngày Nam Bộ kháng chiến, ông Lê Đình Chi bỏ hết sự nghiệp lại thành phố để ra đi “đáp lại lời sông núi”. Ngày ấy, anh Ba Bình bàn với hai nhà trí thức thân cận:

- Giết rắn phải đập đầu. Tôi muốn đánh vào đầu não của chúng trong Sài Gòn. Muốn đánh phải nắm tình hình thật chính xác. Tôi định đột nhập vào sào huyệt chúng nó, hai ông thấy thế nào?

Giáo sư Phạm Thiều gật gù:

- Tôi đã về Thị Nghè trong ba ngày. Thấy cũng không nguy hiểm lắm.

Luật gia Lê Đình Chi lắc đầu:

- Thị Nghè là vùng ngoại ô. Còn khu trưởng thì lại muốn vô tận trung tâm Sài Gòn. Nguy hiểm hơn nhiều...

Anh Ba Bình cười:

- Hai ông mỗi người một ý, tôi biết nghe ai đây. Riêng tôi thì biết chuyển đi này rất nguy hiểm, nhưng không vào hang cọp thì làm sao bắt được cọp con! Vấn đề là phải chuẩn bị thật kỹ, dự đoán nhiều tình huống bất ngờ nhất và nghĩ cách ứng phó. Phương châm hành động của tôi là không bao giờ để mình rơi vào tình thế hoàn toàn bị động do những bất ngờ mà mình không tiên liệu trước.

Im lặng một lúc lâu, ông Chi vỗ trán kêu lên:

- Đã có cách. Tôi sẽ cùng đi với Khu trưởng về Thị Nghè. Đó là ngoại ô nên Tây không đặc biệt chú ý như ông Thiều vừa nói. Tại đó ta sẽ gặp bạn đồng nghiệp của tôi là luật sư Nguyễn Thành Vĩnh. Ông này có thể giúp khu trưởng đột nhập Sài Gòn tương đối an toàn.

Cả Nguyễn Bình và Phạm Thiều đều chăm chú nghe ông Chi nói. Ông Bình hỏi:

- Ông Vĩnh là người thế nào, xin nói rõ thêm...

Ông Chi nói tiếp:

- Anh Vĩnh quê gần Ngã ba Trung Lương, tỉnh Mỹ Tho. Nhà giàu đại điền chủ. Anh đi Pháp học luật tốt nghiệp rồi qua Nam Vang mở văn Phòng luật sư. Trước ngày Nhật đảo chánh, anh về nước hành nghề. Trong cuộc họp ngành tư pháp sau đó, anh Vĩnh được đa số bầu làm chánh án Toà án Sài Gòn có sự nhất trí của đại diện Mặt trận Việt Minh là đồng chí Trần Công Tường.

Sau ngày 25-8-1945 ông Vĩnh tiếp tục giữ chức vụ chánh án Toà án Sài Gòn.

Đến ngày hăm ba tháng chín, vào sáng sớm, dân chúng vùng Đa Kao tới đập cửa báo tin

Tây đang bao vây bắt các luật sư theo kháng chiến như Thái Văn Lung, Phạm Ngọc Thuần. Lập tức anh Vĩnh ôm đồ tể nhuyển chạy qua Thị Nghè, bỏ lại hai cái vila ở đường Pierre ở Đất Hộ (đường Phạm Đăng Hưng, nay là Mai Thị Lựu). Anh Vĩnh có hai xe hơi, một xe ngựa kiểu gentleman - farmer (chủ nông trại) để chiều chiều ra ngoài ô dạo mát...

Anh Ba Bình gật gù cười:

- Giàu như vậy, sang như vậy mà bỏ hết đi kháng chiến, dân Sài Gòn có khác!

Ông Chi vui miệng kể tiếp:

- Anh Vĩnh đang tính cất nhà theo kiểu tân thời. Đã nhờ kiến trúc sư Pháp vẽ kiểu, tính đập phá ngôi biệt thự số 35 đường Pierre cất lại mới. Nhưng thời cuộc làm vỡ kế hoạch.

Tới đây ông Thiều mới chen vào:

- Kể ra thì ông Vĩnh cũng hên. Nếu cất rồi thì cũng phải đập phá theo chủ trương tiêu thổ kháng chiến, không cho Tây có chỗ sung công cư ngụ.

Sau khi bàn bạc kỹ, anh Ba theo luật gia Lê Đình Chi từ An Phú Đông theo liên lạc về Thị Nghè gặp ông Vĩnh.

Nghe ông Chi trình bày, ông Vĩnh nói:

- Có anh Danh là tài xế của tôi đây. Tôi có rất nhiều bồi bếp, nhưng chỉ giữ lại có hai người. Anh Danh là một, còn chị bếp Tám Sương là hai. Hai người này như người nhà. Anh Danh sẽ báo cáo tình hình Sài Gòn cho anh Ba nắm.

Anh Danh được ông Vĩnh giới thiệu với ông Bình:

- Đây là anh Ba ở ngoài bung muốn vô Sài Gòn liệm tình hình. Tôi tính đưa anh Ba về nhà mình. Lâu nay không thấy tui nó dòm ngó tới. Anh thấy có được không?

Danh gật, mắt vẫn nhìn khách lạ mặc đồ xá xẩu đen, mang kính râm gọng đồi mồi, bộ tướng rất lẫm liệt.

- Tôi thấy bọn Tây tà không còn theo dõi ngôi nhà của mình. Chúng đã biết chủ nhà đã bỏ ra bung từ ngày hăm ba.

Ông Vĩnh nói:

- Tôi giao anh Ba cho anh. Anh lấy xe hơi của mình đưa anh Ba đi các nơi anh Ba muốn. Anh vừa là sếp phơ vừa là gác-đờ-co cho anh Ba, nghe không?

Danh lại nhìn khách lạ:

- Dạ được! Nếu có ai hỏi tôi nói anh Ba là “tàng khạo” của ông chủ ở Mỹ Tho mới lên.

Anh Bình cười:

- Tầng khạo là cai điền phải không?

Ông Vĩnh cười nói:

- Anh Ba rành ngôn ngữ Nam Bộ quá!

Anh Bình tiết lộ:

- Tôi vào Nam lúc mười bảy tuổi, sống ở Sài Gòn và có đi vài nơi trong Nam Kỳ lục tỉnh và cả Côn Đảo nữa...

Trong ba ngày, tài xế Danh lấy xe đưa Nguyễn Bình đi khắp nơi trong thành phố Sài Gòn, Chợ Lớn.

Vẫn mặc bộ đồ xá xấu, anh Ba ngồi băng sau, chễm chệ như một xì thẩu chủ hãng lớn đi chạy áp phe. Anh đặc biệt quan tâm tới các trại lính, đồn bót, các cơ quan quân sự. Ngay ngày đầu, anh Ba bảo anh Danh lái xe từ nhà thờ Đức Bà, chạy từ từ với tốc độ 30 km/giờ. Theo đúng luật giao thông công lộ, đi ngang bót Catinat nơi tên trùm mật thám Bazin có thể đang tra tấn để khai thác các chiến sĩ không may sa vào tay giặc. Xe từ từ lướt qua nhà hàng La Pagode sang trọng, qua nhà sách Albert Portail mà những năm cuối thập niên 20 anh Ba thường vô mua sách, loại chính trị thường thức. Rồi xe đi ngang qua Nhà hát Tây, từ tiền đình nhà hát ngó ra chợ Bến Thành thẳng nhất kẻ chỉ. Anh Ba đặc biệt quan sát toà soạn báo Journal Officiel phía bên tay mặt. Đây là tờ công báo đăng tất cả nghị định của nhà nước thực dân mà Trần Huy Liệu khuyên anh nên đọc để tìm hiểu thêm về xứ Nam Kỳ... Xe tới toà soạn báo La Dépêche, cùng một dãy với rạp chiếu bóng Majestic và khách sạn Majestic ở cuối đường. Đây là tờ báo phản động nhất. Chủ báo là một tên thực dân già có vườn cao su bạt ngàn ở miền Đông. Cho nên nó dám bỏ tiền ra mướn một đơn vị - một trung đội - tới đóng ngay trên đồn điền của nó để bảo vệ tài sản. Tên nó là Hen ri de Lachevrotière...

Kế bên toà soạn có một hiệu hớt tóc. Anh ba chợt vỗ vai anh Danh:

- Dừng lại cho tôi vô cắt tóc trong hiệu này. Anh chạy xe ra bến tàu giải khát. Chừng hai mươi phút sau anh trở lại rước tôi.

Anh Danh dừng lại sát lề, bước xuống xe, vòng ra sau lái mở cửa xe cho anh Ba xuống, cúi đầu chào, đúng kiểu cách của sếp-phơ làm việc cho các ông chủ triệu phú. Trong khi anh Ba ung dung bước vô hiệu cắt tóc anh sếp-phơ đảo mắt nhìn quanh xem có ai dòm ngó vị khách quý mà ông chánh án đã giao phó cho anh. Không thấy một tên nào mang kính râm đội nón nỉ

ở ngã tư này. Anh yên tâm lái xe ra bờ sông đậu dưới bóng cây chờ đợi. Chưa bao giờ anh thấy kim đồng hồ nhích chậm đến thế. Đúng hai mươi phút anh lái xe chạy ngược lên đón anh Ba. Chừng anh Ba bước lên xe, anh Danh mới thở phào nhẹ nhõm.

Ba ngày thắm thoát trôi qua. Hai ông khách quý đã về An Phú Đông an toàn. Chừng ấy ông Vĩnh mới thấy yên tâm. Trong ba ngày, ông lo lắng, hồi hộp, có lúc như ngợp thở. Ông đã gánh trên vai trách nhiệm quá nặng. Nếu vị khu trưởng có bề gì thì ông lãnh đủ.

Nghe anh sếp-phơ kể chuyện anh Ba vô hiệu cắt tóc trên đường Catinat, ông kêu trời. Chưa thấy ai gan lì như vậy. Ngồi hớt tóc trên đường Catinat, chỉ cách bót thẳng Bazin có mấy trăm thước. Đó là ấn tượng nổi bật nhất Nguyễn Bình để lại cho ông vào đầu năm 1946.

Sau chuyển về thành, Khu trưởng Nguyễn Bình bàn với anh Tám Nghệ là vị chỉ huy quân sự mà ông đã chấm trong cuộc họp ở An Phú Xã.

Sau hội nghị ở Bình Hoà ngày 15-12 Nguyễn Bình được chánh thức giao chức tư lệnh Khu 7 và chuyển bộ tư lệnh về Tân Uyên, mối giao du giữa hai ông Bình và Nghệ càng thêm khăng khít. Anh Tám Nghệ thường mời anh Ba về nhà mình ở Tản Tịch, kế bên cầu Rạch Ró để bàn chuyện quân lẫn chuyện thơ. Cả hai đều say mê văn thơ nên đàm luận rất tâm đắc.

Một hôm có anh Nguyễn Xuân Diệu và Phan Đình Công tới nhà anh Tám Nghệ bàn chuyện mở lớp quân chính ở Dốc Bà Nghiêm trong xã Tân Hoà. Ngày ấy anh Ba cũng có mặt tại đó.

Anh Ba Bình liền thực hiện ý đồ của mình:

- Trong những năm học quân sự, tôi nghiên ngẫm khá nhiều binh thư, từ Tôn Tử tới Napoléon. Về vị anh hùng của Pháp, tôi nhớ mấy câu có thể dùng làm kim chỉ nam cho các tướng lãnh. Một trong những câu này là: “Hai đòn bẩy chánh để huy động nhân dân là sự lo sợ và cái lợi”. Nói rõ ra là cây gậy và củ cải. Các đồng chí thấy có đúng không?

Mọi người gật gù tán thưởng. Anh Ba nói tiếp:

- Sau chuyện đột nhập Sài Gòn, tôi quyết định áp dụng câu đó. Với đồng bào mình trong thành, tôi sẽ đem sự an ninh và lòng tự hào cho họ. Còn với kẻ thù tôi sẽ gieo sự khủng khiếp cho chúng ăn không ngon, ngủ không yên...

- Bằng cách nào? - Tám Nghệ cười hỏi.

- Tôi sẽ lập một đội quyết tử gồm các chiến sĩ thông minh, dũng cảm, chuyên thọc sâu, đánh hiểm, nhắm vào đầu não của địch.

Xuân Diệu và Phan Đình Công cùng kêu lên:

- Giết rắn phải đập đầu.

Anh Ba quay sang hai anh nói:

- Tôi đã được báo cáo về các lớp huấn luyện quân chính của hai anh ở Bình Đa, Vĩnh Cửu. Hai anh tập trung một trung đội để lập tổ cảm tử đầu tiên đưa về nội thành. Có làm được không?

Xuân Diệu nhìn Phan Đình Công rồi gật:

- Dạ được. Xin khu trưởng cho thời hạn...

Anh Ba cắt lời:

- Càng sớm càng hay.

Chấp hành lệnh của Nguyễn Bình, anh Xuân Diệu liên lạc ngay các học viên các khoá trước lập ra một đội cảm tử. Anh Ba Bình đặt tên là Ban trinh sát Quân chính và chọn ba anh tương đối chững chạc làm chỉ huy. Đó là anh Nguyễn Ngọc Sớm, Nguyễn Đình Chính và Trần Phong. Sớm là thợ quần mô tơ ở Gò Vấp, Chính là lính Marine (Hải quân) bỏ ngũ theo cách mạng. Phong cũng là công nhân. Ngày 6-1-1946, ngày toàn dân bầu Quốc Hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, cũng là ngày Ban Trinh sát Quân Chính làm lễ ra mắt với cái tên mới: Ban Công Tác số 1.

Chương 24

Làm liên lạc kiêm luôn thư ký

Tình đồng hương đồng chí keo sơn

Những ngày sống trong khu với Nguyễn Bình là thời gian tươi đẹp nhất đời cô liên lạc Hoàng Thị Thanh. Chị đi liên lạc là chính, nhưng những lúc không có việc thì chị làm mọi việc trong nhà như một người nội trợ. Bếp núc, tiền nong, giao dịch, một tay chị quán xuyến. Sống với vị tư lệnh khu, chị Thanh có nhiều kỷ niệm khó quên.

Hồi cuối năm 1945 có sáu lính Nhật ôm súng chạy theo ta. Anh em cho chúng gác trước văn phòng anh Ba. Bọn này rất có kỷ luật. Ai ra vào chúng cũng bồng súng chào. Đến liên lạc như chị Thanh chúng cũng chào. Chị Thanh sợ lắm, nói với anh Ba bảo chúng đừng chào vì chị chỉ là liên lạc. Vả lại cách chào của lính Nhật bậm trợn quá, thấy mà phát sợ. Anh Ba Bình cười nhưng cũng bảo bọn Nhật bớt chào.

Rồi thêm bốn lính lê dương chạy vô khu cũng được đưa về văn phòng Khu trưởng. Bốn

tay này thêm ăn cơm cháy chảo mà chúng gọi là bánh mì ba-ghệt (baghette là đũa, bánh mì ba-ghệt nhỏ, và giòn như que đũa). Được chị Thanh cho ăn cơm cháy với trứng chiên, chúng rất thích. Lúc đầu anh em không cho lính Tây với Nhật mang giày. Không quen đi chân không, nhất là trong rừng, chúng có vẻ khổ sở, anh Ba cho phép chúng mang giày trở lại. Súng ống là vật bất ly thân, bị mình tước, chúng buồn lắm.

Anh Ba bảo trả lại súng cho chúng. Anh nói; “Người chiến sĩ có cây súng là bạn đồng sanh đồng tử, có thể nói họ quý súng hơn quý vợ”.

Anh Ba không phải nói suông, bản thân anh cũng rất quý súng đạn. Trong buổi đầu ta rất thiếu súng đạn, một mặt Khu cho người đi mua, một mặt khuyến khích bộ đội đánh địch và cướp súng.

Nghe anh Ba nói người lính quý súng hơn quý vợ, chị Thanh cười hỏi nhỏ: “Anh Ba đâu có vợ mà nói như vậy!”. Anh Ba cười không nói gì nhưng vài ngày sau khi vui miệng, anh tiết lộ bí mật: Sau khi từ Côn đảo về anh đã hăm chín (anh sinh năm 1908) mẹ anh muốn cưới vợ để cột chân anh lại, nhưng các mối mẹ anh chọn, anh không ưng mối nào. Mẹ thắc mắc, anh giải thích: “Con thích có vợ đẹp. Không đẹp thì cũng phải xinh. Kém văn hoá thì có thể học tập trau dồi thêm. Chứ xấu thì làm sao đẹp được?”.

Nghe xong chị Thanh cười thầm chỗ yếu của anh Ba là ở chỗ đó, nhưng cũng là chuyện bình thường, ông bà mình đã từng nói “traoi tài gái sắc”. Anh Ba có cách dùng người đặc sắc. Trước nhất là chọn người thích hợp với công tác. Chẳng hạn như về liên lạc thành, anh chọn phụ nữ thích hợp hơn thanh niên. Mà là phụ nữ đẹp và phải thông minh để ứng phó với bọn lính kín ở các trạm kiểm soát ven đô. Khi đã chọn xong phải giáo dục nghiệp vụ cẩn thận. Anh chọn chị Thanh làm liên lạc thành cũng theo tiêu chuẩn trên, người Tàu ít bị địch để ý, anh đề nghị chị Thanh cải trang “á xẩm” Anh cho thợ may cắt hai bộ đồ xẩm đồng thời kiếm người dạy tiếng Quảng Đông cho chị Thanh. Người này là cô Ngọc, cán bộ Hoa Kiều vụ Thủ Dầu Một. Sau thời gian học thực hành cấp tốc, chị Thanh có thể nói chuyện bằng tiếng Quảng Đông chút ít. Nhìn chị trong bộ đồ xẩm trông rất xinh, anh Ba cười thú vị. Các bạn trẻ cũng đùa: “xẩm lai bằng hai xẩm thiệt”...

Xong rồi phải tạo giấy tờ giả để ra vô thành. Anh Ba giao công việc này cho ông giáo Chương là người có uy thế trong vùng. Ông Chương đưa chị Thanh hoá trang “á xẩm” đến văn phòng bang trưởng Quảng Đông làm giấy đảng hoàng chó không phải là giấy giả. Chừng tất cả mọi thứ cần thiết đã đầy đủ, anh Ba còn cẩn thận trắc nghiệm lần chót trước khi cho chị Thanh về thành. Anh đóng vai người Tàu hỏi chuyện chị Thanh. Thật là bất ngờ: Anh nói tiếng Quảng Đông rất rành, dường như đã nhiều năm sanh sống ba Tàu: Chị nghĩ có lẽ sau khi được Tây trục

xuất về quê quán Hải Phòng năm 35 dường như anh Ba bí mật sang Tàu học trường võ bị Hoàng Phố, nhưng chuyện đó chị chưa được nghe anh Ba kể lần nào.

Thêm một chi tiết nhỏ để thấy mối quan tâm của vị thủ trưởng với nhân viên. Không rõ anh Ba tìm đâu ra một phù hiệu Tôn Văn để ghim lên ngực áo xẩm của chị Thanh. Anh ngắm nghía cẩn thận rồi bắt tay chúc: mã đáo thành công.

Chị Thanh về thành chuyển đầu tiên suôn sẻ.

Chừng chị về anh Ba rất mừng, bắt tay xiết chặt, nói: vạn sự khởi đầu nan, chuyển đầu trót lọt thì các chuyển sau cùng trót lọt. Xin có lời khen. Đêm ấy anh Ba trao cho chị Thanh xem bài thơ viết trong sổ tay:

Một phút xa em một phút buồn

Ước gì anh ở cạnh em luôn

Em ơi có phải em đi vắng

Chiều nay anh thấy ngẩn ngơ buồn

Nơi nơi nhuộm đẫm màu hiu quạnh

Một phút xa em một phút buồn.

Chị Thanh mang về một xấp báo thành. Anh Ba rất thích đọc báo thành để tìm hiểu tình hình địch và ta trong thành. Đêm đêm anh ngồi bên ngọn đèn dầu đọc báo. Đèn ỉu mà mắt anh lại kém anh nhờ chị Thanh đọc tiếp mấy tờ báo sau. Nhờ đọc báo như thế, chị Thanh biết thêm một khả năng đặc biệt của anh Ba: vừa ngủ vừa nghe. Đang đọc chị nghe anh ngáy ngon lành, chị ngưng đọc dợm đi để anh ngủ. Nhưng chị vừa đứng lên thì anh Ba kêu lên: “Đọc đi, tôi nghe mà?”. Chị lại ngồi xuống: “Nãy giờ em đọc những gì, anh nói nghe?”. Anh Ba kể vanh vách. Thật là lạ!

Lần đầu tiên trong đời chị mới thấy một người có thể nghe khi ngủ.

Những ngày sống bên cạnh anh Ba không lâu, nhưng mãi mãi ghi sâu vào tâm hồn cô liên lạc thành.

Chương 25

Tay giang hồ đi tìm hào kiệt

Giáp Nguyễn Bình, Hoàng Thọ tôn sư

Trong Chi đội 13 của Tổng công đoàn của anh Đặng Văn Thìn (Mười Thìn) đóng ở Gò Vấp, anh em binh sĩ có đến hai trăm người, phần đông là công nhân các hãng lớn như Ba Son, Caric,

Faci... Chi đội có nhiều phân đội mà nổi bật là phân đội 10 do Hoàng Thọ chỉ huy. Hoàng Thọ là một thanh niên đẹp trai, to cao, râu quai nón rất oai. Họ Hoàng là dân Hải Phòng lưu lạc vô Nam rất sớm. Anh làm đủ thứ nghề để sống, hót tóc, làm nón, mạch lô, thợ quần dây điện v.v... Vốn tánh ngang tàng nên không làm ở đâu lâu. Như làm mạch-lô cho hãng xáng ở Mỹ Tho, Hoàng Thọ đã đập thẳng Tây chủ hãng xuống sông khi nó bạt tai anh. Bỏ Mỹ Tho anh lên Sài Gòn làm thợ quần dây điện, Tây gọi là bobineur tại Hãng Gaz - Auto kế bên hãng Faci, Khánh Hội. Tại đây Hoàng Thọ kết bạn với anh thợ hàn gió khí đá Đỗ Văn Lai.

Họ Hoàng vô Hướng đạo cho tới khi Nhật qua Đông Dương, anh học tiếng Nhật làm cho Radio Domei.

Chừng Nhật mở trường đào tạo cán bộ quân sự, Hoàng Thọ ghi tên học, mãn khoá được đưa qua ngành Hải quân. Tháng 8-1945, Việt Minh cướp chánh quyền, Hoàng Thọ như cá gặp nước, gia nhập Chi đội 13. Đã được đào tạo thành thanh niên xốc vác trong thời gian theo Hướng đạo, lại được huấn luyện quân sự trong khoá vỡ lòng của quân đội Nhật, Hoàng Thọ là một chỉ huy năng nổ trong chi đội.

Khi Tây nống ra tiến chiếm ngoại thành Sài Gòn, các chi đội lần lượt rút lên miền Đông, cánh lên Thủ Dầu Một, cánh lên Biên Hoà. Ngày 12-10-1945, chi đội 13 rút lên miền Đông cùng với Ủy ban kháng chiến miền Đông của nhóm Lương Văn Tưng. Tại Tân Uyên, Chi đội cùng các đơn vị bạn đã chặn đánh toán quân Pontchardier núp bóng quân Anh tiến chiếm miền Đông Nam Bộ. Trận Tân Uyên rất ác liệt. Tây có các đơn vị nhảy dù SAS và thủy quân lục chiến (Fusiniers marins) quyết tâm chiếm Tân Uyên sau khi chiếm Biên Hoà. Các lực lượng cố thủ Tân Uyên đào công sự và áp dụng tiêu thổ kháng chiến, dân chúng tự tay đốt nhà mình để thi hành chủ trương “vườn không nhà trống” không cho địch có chỗ đóng quân. Nhưng tương quan lực lượng quá chênh lệch, quân Pháp chiếm được Tân Uyên ngày 25-1-1946.

Chi đội 13 quay về Gò Vấp, lấy nơi đây làm bàn đạp tấn công Sài Gòn, nhân lúc địch tung chủ lực đánh chiếm các tỉnh, chỉ để lại đây một vài đơn vị nhỏ.

Gò Vấp với An Phú Đông là chiến khu nổi tiếng sát nách Sài Gòn. Tại Mặt trận tiền tuyến miền Đông này có nhiều đơn vị ngoài Chi đội 13, như Chi đội 6 với các nhóm Đào Sơn Tây, Hứa Văn Yên, Trần Thắng Minh, Chi đội 12, v. v... Trong các nhóm trên có bộ đội của anh Nguyễn Đình Thâu. Chi đội 13 có nhiều phụ nữ đẹp ở thành đầu quân. Đẹp nhất đơn vị là cô Thanh cũng gọi là Tuyết. Cô là nhân viên bán hàng tiệm giày da Trần Văn Mỹ, đường Đết pan (Lê Thánh Tôn). Hoàng Thọ đã quen với cô khi còn là thợ quần mô tơ hãng Gaz-Auto. Để có một đôi giày da loại thể thao, anh la cà hết dãy phố bán giày đường Đết pan. Và tới tiệm Trần Văn Mỹ anh huynh trưởng Hướng đạo bị sét đánh. Cô bán hàng giày quá xinh đã khiến chàng trai đa tình lui

tới mãi... Đi kháng chiến họ gặp lại trong chi đội 13. Vậy là họ trở thành “cố nhân”. Trong phân đội 10 ai cũng biết và tán thành mối tình giữa đôi bạn trai tài gái sắc quê Hải Phòng này.

Tha hương ngộ cố tri, còn gì sung sướng hơn. Chẳng những là cố tri mà còn là đồng hương, đồng chí, đồng đội nữa.

Bộ chỉ huy, khu 7 cần được bảo vệ, phải có một đơn vị làm nhiệm vụ này. Khu trưởng Nguyễn Bình chọn Phân đội 10 của Hoàng Thọ. Trước nhất vì phân đội 10 đánh giặc khá hơn các phân đội khác. Khi chiến trường trở nên ác liệt, anh Ba quyết định nâng Phân đội 10 thành đại đội. Ngày 5-10-1946 anh Ba ký quyết định cho Hoàng Thọ lấy thêm binh sĩ trong Chi đội 13 lập đại đội lưu động Tây Ninh, nghi trang dưới cái tên Đại đội 52, hoặc Chi đội 57. Nhưng tên phổ biến nhất là bộ đội Hoàng Thọ. Vùng hoạt động của bộ đội Hoàng Thọ là Gò Dầu Hạ và Trảng Bàng.

Mặt mạnh của Hoàng Thọ là đánh giặc gan lì. Ngay loạt kèn xung trận, họ Hoàng đã lao tới trước, lia tôm-xông vào bọn lính Pháp đang hoang mang vì địa lôi đã khoá đầu khoá đít đoàn xe của chúng.

Hoàng Thọ trở thành một hung thần của bọn lê-dương là binh chủng sừng sỏ nhất của đoàn quân viễn chinh Pháp.

Nguyễn Bình không chỉ xem phân đội 10 là đơn vị bảo vệ bộ chỉ huy Khu mà còn xem là đơn vị bảo vệ cá nhân Nguyễn Bình. Tất nhiên chỉ huy trưởng Hoàng Thọ được đặc biệt đối xử. Từ lâu Hoàng Thọ xem Nguyễn Bình là người đáng cho mình tôn thờ, nay lại được anh Ba xem như em út, họ Hoàng mừng rỡ vô cùng. Ngoài công cứu nguy, Hoàng Thọ được anh Ba sủng ái là nhờ tánh tình có vài điểm hợp nhau, như tánh khí hiên ngang, dám nghĩ dám làm, không để “bó rọ” trong nguyên tắc. Hai thầy trò gặp nhau ở quan niệm “ngựa chứng là ngựa hay”, chỉ lấy hiệu năng mà đánh giá cán bộ, chứ không căn cứ vào tác phong gương mẫu.

Chương 26

Trị Ba Nhỏ, Nguyễn Bình nêu dũng khí

Giới Bình Xuyên trên dưới phục tùng

Khi Tây đánh lên các tỉnh miền Đông, các bộ đội rút lui để tránh mũi nhọn. Một số chỉ huy bộ đội đã không lo đánh giặc mà còn tác oai tác quái khiến nhiều dân lành. Hai nhóm thổ phỉ bị dân chúng gởi thư hoặc làm đơn thưa tới khu trưởng Nguyễn Bình.

Đó là nhóm Phạn Tấn Đạt và nhóm Ba Nhỏ. Nguyễn Bình quá bận việc lớn không thể tới tận nơi điều tra được. Anh nhớ ngay Hai Trọng là người anh giao liên lạc giữa Bộ Tư lệnh Khu và các lực lượng Bình Xuyên. Anh viết giấy triệu tập Hai Trọng về giao nhiệm vụ tới tận nơi

đóng quân của Ba Nhỏ và Phan Tấn Đạt.

Đang theo cánh quân của Ba Dương về Long Thành, được thư anh Ba Bình, Hai Trọng rất mừng. Anh không thể quên thú uống trà nói chuyện tâm tình với anh Ba về quê hương miền Bắc và về văn chương thi phú.

Anh Ba Bình vô đề ngay:

- Có chuyện cấp bách đang chờ anh đây. Hãy đọc xấp đơn này trước đã rồi ta bàn cụ thể sau.

Hai Trọng đọc xấp thư và đơn thưa hai tay Phan Tấn Đạt và Ba Nhỏ đã làm tình làm tội đủ thứ chuyện trên đời khi đóng trong vùng hành quân.

Xem xong, anh hỏi:

- Anh Ba định giải quyết như thế nào?

- Anh đi ngay tới nơi hai tay đó đóng quân điều tra xem những đơn thư này có đúng không. Rồi về báo cáo cho tôi. Nếu đúng thì phải trừng trị ngay. Bộ đội phải có kỷ luật. Bộ đội mà vô kỷ luật là quân phiệt rồi.

Hai Trọng nhận giấy giới thiệu để thi hành ngay, anh Ba nói:

- Tôi phong cho anh chức Thanh tra quân sự miền Đông để dễ làm việc.

Hai Trọng cười:

- Tôi nghĩ rằng chức đó không “linh” lắm đâu. Vì Thanh tra chính trị miền Đông Dương Bạch Mai đang bị các đơn vị Bình Xuyên coi không ra ký nào.

Anh Ba cười:

- Đúng. Với các tay giang hồ thì chức tước không có nghĩa gì. Với họ phải là bản lĩnh. Phải là tay hảo hớn mới đáng cho họ quan tâm. Mà về phương diện này thì anh có thừa. Anh Ba Dương phải nhắm tướng của anh trước khi nhận anh làm liên lạc giữa Bộ Tư lệnh Khu và Bình Xuyên.

Hai Trọng nói:

- Có lẽ cái chức bí thư của anh Ba Bình “linh” hơn cái chức thanh tra quân sự miền Đông. Kiêm luôn hai chức càng hay.

Hai Trọng được Ba Nhỏ, Phan Tấn Đạt tiếp nồng hậu. Cả hai đều nhờ “anh Hai” nói với “anh Ba” là bộ đội cần được tiếp tế. Có ăn no mới đánh khỏe. Nhà nước nghèo, phải nhờ dân. Dân cho thì tốt, bằng không phải vay mượn. Chuyện chỉ có vậy mà một số người đặt điều nói

xấu anh em chúng tôi.

Trong hai tay này, Hai Trọng chú ý Ba Nhỏ nhiều hơn. Lúc đó Dĩ An còn chưa bị chiếm, Ba Nhỏ đã cho một xe Ford tới đón Hai Trọng đi thăm các đơn vị đóng ven bờ sông Đồng Nai. Ba Nhỏ nổi tiếng từ cuộc biểu tình khổng lồ ngày 25/8 và 2/9 ở Sài Gòn. Đi biểu tình mà cỡi ngựa mang gươm kiêu Lương Sơn Bạc giữa Sài Gòn. Sau đó Ba Nhỏ càng nổi tiếng miệt Bà Chiểu, Thị Nghè và Giồng ông Tố, cũng mang gươm cỡi ngựa cộng thêm thói quen chém giết không góm tay những kẻ tình nghi là Việt gian. Chuyện giết một người đàn bà ở bến đò qua Tân Định làm dư luận công phẫn: người xấu số này chết vì mang hai ký thịt cho hai đứa cháu ngoại vì sợ chúng không có gì ăn trong lúc ta phong tỏa nội thành. Tên bà là Madame Fondean, con gái và cháu ngoại ở cư xá Hérault, Tân Định. Không cần nghe giải bày, Ba Nhỏ tuốt gươm chém kẻ vi phạm lệnh cấm tiếp tế địch để làm gương.

Từ lâu nghe tên, nay Hai Trọng mới gặp Ba Nhỏ.

Anh ta là một tay giang hồ người miền Nam, vóc dáng nhỏ thó nên được gọi là Ba Nhỏ. Nhỏ người nhưng to tham vọng. Từ dân anh chị, hấn muốn làm lãnh chúa. Nhưng Ba Nhỏ chỉ ra oai với dân, còn Tây tới thì xách súng chạy dài. Bộ đội hấn chạy ra Phan Thiết rồi quay về Bà Rịa theo sát Liên Chi 2-3 Bình Xuyên.

Vài tháng sau, anh Ba Bình lại giao cho Hai Trọng giải quyết vụ Ba Nhỏ bị dân chúng Bà Rịa thưa về hành động thổ phỉ. Nguyễn Bình quyết định xử Ba Nhỏ để giữ thanh danh của bộ đội. Nhiệm vụ của Hai Trọng là tiếp xúc các lãnh tụ Bình Xuyên để thuyết phục họ nghiêm trị Ba Nhỏ. Hai Trọng lần lượt gặp các ông Tám Mạnh, Ba Dương, Năm Hà, Mười Lục. Theo đề nghị của anh Ba Bình, Liên chi 2-3 tổ chức Tòa án quân sự còn Chi đội 7 cho người đi bắt Ba Nhỏ. Ai cũng biết bắt Ba Nhỏ không phải dễ, Ba Nhỏ luôn luôn thủ súng sáu và thêm một cây mi.

Theo sát Ba Nhỏ còn có một bảo vệ thiện xạ. Chuyện khó khăn này phải do “Hùm Xám” Hai Vĩnh đảm trách. Dùng võ lực chắc chắn không được, Hai Vĩnh thi hành nhiệm vụ bằng thuật giang hồ hảo hớn.

Được biết Ba Nhỏ cùng tên vệ sĩ ở trong chùa Cao Đài tại thị xã Bà Rịa, Hai Vĩnh trao súng cho bảo vệ Cách rồi đi một mình tới gặp Hai Nhỏ. Từ xa Ba Nhỏ thấy Hai Vĩnh đi tay không tới, hấn cũng giao cây mi cho tên bảo vệ, bước tới đón:

- Anh Hai. Anh đi bắt tôi phải không?
- Làm gì có chuyện đó? Bắt Ba Nhỏ đâu có phải chuyện chơi!
- Vậy chớ anh Hai đi đâu đây?
- Tới nói chuyện đời với anh. Được không?

Ba Nhỏ cự nự:

- Tôi làm gì mà Thanh tra chánh trị miền Đông Dương Bạch Mai bắt tôi? Tôi chưa bắn nó là may!

Hai Vĩnh cười:

- Đừng nóng anh Ba? Theo tôi thì chuyện ai đúng ai sai cần phải bình tĩnh mà xem xét. Chuyện của anh không phải do Dương Bạch Mai quyết định đâu, ông ta chỉ ký giấy bắt cho đúng luật pháp. Người quyết định bắt anh là khu trưởng Nguyễn Bình.

Ba Nhỏ thất sắc:

- Anh Ba ra lệnh bắt tôi à! Có chắc không?

- Chắc mà! Cho nên tôi mới tới đây gặp anh. Không phải là đi bắt mà là mời anh đến gặp anh Ba để anh giải bày mọi việc. Nhiệm vụ của tôi có vậy. Bây giờ tùy anh quyết định: Gặp anh Ba hay bỏ ra đi như Phan Tấn Đạt...

Ba Nhỏ suy nghĩ hồi lâu rồi gật đầu:

- Tôi đi theo anh. Để gặp anh Ba.

Hai Vĩnh đã thành công trong việc bắt Ba Nhỏ nhờ đánh trúng tâm lý: Ba Nhỏ chỉ phục có Nguyễn Bình. Không mượn oai Nguyễn Bình thì cả trung đội chưa chắc đã bắt sống được Ba Nhỏ.

Giết một tay giang hồ cỡ Ba Nhỏ không phải là chuyện dễ. Thố tứ hồ bi, các tay anh chị không ai phục ai, nhưng đều rung động trước cái chết của người cùng giới. Nắm tâm lý đó, Nguyễn Bình đã phái Hai Trọng “dọn đường trước” trong giới chỉ huy Bình Xuyên. Dù vậy mà khi đưa Ba Nhỏ ra trước toà án, có mấy tay giang hồ làm kiến nghị xin giảm án cho Ba Nhỏ. Người ký tên trên đầu danh sách là Mười Lực.

Ngồi ghế xử án Ba Nhỏ có ba vị: Nguyễn Bình, Ba Dương, và Tám Mạnh. Đọc bản kiến nghị, Ba Bình hội ý với hai ông Tám Mạnh và Ba Dương. Cả ba đều nhất trí với bản án tử hình vì tội Ba Nhỏ đáng chết.

Vụ án này nhằm mục đích răn dạy ba quân tướng sĩ đồng thời thoả mãn dân chúng trong vòng đã bị Ba Nhỏ ức hiếp. Đa số những người ký tên trong kiến nghị ở Liên chi nên Ba Bình nhờ Ba Dương đi gặp những người này thuyết phục họ rút tên vì “Khu trưởng Nguyễn Bình đã quyết định giữ vững bản án tử hình thì dù cho có mười bản kiến nghị cũng như không”. Mười Lực nghe Ba Dương, đồng ý xoá tên mình trong kiến nghị. Anh em khác cũng làm theo.

Sau khi nghe khu trưởng hỏi tội và tuyên án tử hình, Ba Nhỏ thành tâm nhận lỗi:

- Tôi tôi làm, tôi xin chịu. Cảm ơn anh Ba đã chỉ dạy cho tôi. Xin anh Ba cho tôi một đặc ân: được tự xử lấy mình.

Nguyễn Bình gật:

- Chiến sĩ cách mạng đã nhận tội, đồng chí sẽ được một cái chết xứng đáng. Tôi cho phép đồng chí dùng khẩu súng đã gây tội ác của đồng chí để tự xử.

Ba Nhỏ được giao trả khẩu súng của anh. Anh cầm khẩu súng quen thuộc rồi ngược mắt nhìn đám đông nói:

- Các bạn hãy lấy tôi làm gương. Xin đừng đi con đường của tôi.

Nói xong, Ba Nhỏ tay mặt cầm súng tay trái vuốt ve nòng súng. Lúc đó cả trăm người nín thở, trăm mắt nhìn nòng súng lo sợ cho ba vị ngồi trên bục cao. Mục tiêu số một chắc là khu trưởng Nguyễn Bình.

Nhưng anh Ba vẫn điềm nhiên nhìn xuống Ba Nhỏ đứng trước vành móng ngựa. Lúc đó Hai Trọng thấy Hội chống gươm đứng cách anh Ba Bình mấy bước phía dưới bục. Đây là loại gươm Nhật dài và nặng. Mắt Hội ngó lom lom Ba Nhỏ. Nhưng Ba Nhỏ không nhìn ai, từ từ đưa họng súng từ bụng đi lên tới ngực, khẽ nhích qua bên trái một chút, ngay trái tim. Một tiếng tách vang lên. Nhưng đạn không nổ. Ba Nhỏ cười nói to lên:

- Hồi nào tới giờ mầy theo tao, sao bây giờ mầy lại phản tao.

Ném súng xuống đất Ba Nhỏ nói với chánh án:

- Anh Ba, anh cho tôi mượn cây súng của anh.

Mọi người quay lại nhìn Nguyễn Bình xem phản ứng. Anh Ba móc súng trao cho Hội đem lại cho Ba Nhỏ. Ba Nhỏ chĩa lên đầu, ngang vành tai, bóp cò.

Súng nổ vang. Ba Nhỏ gục xuống tắt thở.

Vụ Nguyễn Bình xử Ba Nhỏ là một thời sự lớn trong những ngày đầu kháng chiến. Trong vụ này có hai nhân vật nổi bật: chánh án ba Bình và tử tội Hai Nhỏ. Cả hai đều nêu gương dũng cảm hơn người. Nếu không phải là anh Ba Bình, chánh án không đời nào cho Ba Nhỏ tự xử với cây súng của anh ta. Và nếu không phải là Ba Nhỏ thì khẩu súng kia đã chĩa vào các mục tiêu khác hơn là bắn vô đầu mình. Đúng là anh hùng lại gặp anh hùng.

Ba Nhỏ đền tội rồi, lại xảy ra một cái chết thứ hai khiến Hai Trọng xốn xang: Hội bị giết trong trường hợp khó hiểu. Trong một cuộc hành quân của Pháp ở Long Phước Thôn, Thủ Đức, Hội bị du kích bắt vì trong mình không có giấy tờ. Anh khai là trưởng ban liên lạc miền Đông của Khu trưởng Nguyễn Bình, giấy chứng minh đã chôn giấu vì Hội lọt trong vòng vây. Nhưng

thay vì đưa anh đi tìm lại giấy tờ, xã đội trưởng cả quyết anh là Việt gian và bắn tại trận, xác được chôn nơi một ngôi chùa gần đó. Hai Trọng nghi Long Phước là đất của Ba Nhỏ, xã đội trưởng cố tình giết Hội để trả thù cho Ba Nhỏ bị Nguyễn Bình “giết oan”. Đây chỉ là giả thuyết, thời buổi nhiễu nhương, những điều vô lý đều có thể xảy ra. Hội chết rồi, Hai Trọng vẫn ngậm ngùi nhớ bạn một thời gian dài.

Chương 27

Miếu Thiên Quang, địch ta thương nghị

Đùa Tám Nghệ, xấu hổ Fehler

Sau sơ ước Sit-mạc (gọi theo Tây Six Mars) ký ngày 6-3-1946, ta tranh thủ thời gian hưu chiến để củng cố thực lực. Thăng Tây cũng nhân thời gian này để tăng cường quân sự quyết đánh lớn theo chủ trương “tốc chiến tốc quyết” của bọn chủ chiến như đô đốc Đạc-dăng-li-ơ (D'argenlieu) và tướng Lơ-cờ-le (Leclerc). Trong ba khu của Nam bộ, Khu 7 là chiến trường chính. Nơi đây Tây bung ra trước tiên khi chiến được Sài gòn - Chợ Lớn. Các tỉnh lỵ Biên Hoà, Thủ Dầu Một là hai mục tiêu quân sự hàng đầu.

Chúng đã gặp sức chống trả ác liệt tại hai nơi này. Tên tư lệnh Khu Đông (Zone Est) là đại tá Fe-lơ (Fehler) quyết thăm dò thực lực của miền Đông. Cách duy nhất là đề nghị hai bên gặp gỡ để thương nghị. Đích thân hấn cầm đầu phái đoàn Pháp để trực tiếp nắn gân vị chỉ huy Khu 7 là Nguyễn Bình mà tình báo phòng Nhì cung cấp nhiều tin tức gần như huyền thoại. Một bức thư của tên quan năm này được gửi tới Bộ tư lệnh Khu 7. Nhận được thư, anh Ba Bình liền mời một số anh em thân cận họp bàn. Trong số này có bên phía quân sự Chánh văn phòng Bộ tư lệnh Võ Bá Nhục, khu phó kiêm chỉ huy trưởng Chi đội 10 Huỳnh Văn Nghệ, bên chính trị có chính trị bộ chủ nhiệm Trần Xuân Độ, trưởng phòng Quân pháp Lê Đình Chi, chủ nhiệm tờ báo Vệ Quốc, giáo sư Phạm Thiều.

Anh Ba mở đầu cuộc họp bằng cách đọc bức thư của tên đại tá Fehler. Thư viết bằng tiếng Pháp.

Những người trong cuộc họp đều là trí thức trừ một mình ông Độ. Rất tế nhị, anh Ba Bình dịch ngay tiếng Việt lá thư văn tắt đó.

Ông Độ phát biểu trước:

- Với tư cách chủ nhiệm, tôi phải có ý kiến trước, nhưng trong cuộc họp này, tôi thấy rất nhiều nhà trí thức, nên tôi xin nhường lời cho các vị.

Anh Ba Bình cười nói:

- Chánh uỷ nói sau cùng là phải vì thường thì chánh uỷ là người quyết định, chứ không phải là tư lệnh. Bây giờ xin mời các nhà trí thức, tinh hoa của dân tộc. Xin giáo sư Phạm Thiều cho ý kiến.

Giáo sư Phạm Thiều xoa hai bàn tay theo thói quen:

- Vấn đề bàn ở đây là nên hay không nên thương nghị với thằng Tây. Theo tôi thì nên. Tại sao? Đây là dịp ta tìm hiểu nó. Để biết nó muốn gì. Đánh tới hay muốn giải quyết chiến tranh bằng cách thương thuyết...

Lê Đình Chi gật gù:

- Tôi đồng ý với cụ Phạm. Thành công thì tốt, còn thất bại thì ta chẳng mất gì.

Võ Bá Nhạc nói:

- Thằng đại tá Fehler này là thằng điểm. Tự nó không dám nghĩ ra chuyện thương thuyết với Việt Minh đâu. Theo tôi, nó được chọn để thi hành độc kế của hai thằng Đặc-dăng-li-ơ với Lơ-cờ-le. Chúng nó muốn tạm thời hoà hoãn với Khu 7 để đánh hai khu 8 và 9. Sách của chúng là chia để trị đã quá xưa. Cái tẩy của chúng nó là như vậy. Theo tôi, hội nghị này, ta nên đi dự, nhưng phải biết trước ý đồ của nó.

Mọi người gật gù. Anh Ba Bình nhìn ông Độ:

- Giờ thì xin chánh uỷ cho anh em nghe tôn ý.

Ông Độ chậm rãi nói, như cân nhắc từng chữ:

- Tôi thấy các vị vừa phát biểu ý kiến đều nhất trí với nhau về một điểm là nên đi dự hội nghị thằng Tây đề ra. Riêng tôi thì dứt khoát là không.

Mọi người đều bất ngờ nhìn ông Độ trân trân.

Ông Độ nói:

- Tôi giải thích tại sao không. Thằng Tây là thằng thực dân, muốn nuốt chứ không bao giờ nhả. Nó bày truyện thương lượng với mình là tính cầm chân mình ở Khu 7 để đánh chiếm hai khu 8 và 9. Đó là kế bẻ dũa từng chiếc như anh Nhạc vừa nói. Biết tẩy của chúng rồi, tại sao chúng ta lại đi thương thuyết với chúng làm chi cho mất thời giờ? Với thực dân thì chỉ có đánh với đánh thôi!

Để không khí lắng lại một lúc, anh Ba Bình nói:

- Cuộc họp có hai ý đối chọi nhau. Trong bốn vị đã phát biểu, có ba vị cùng một ý là nên đi hội nghị, chỉ có một vị chống lại. Tôi với tư cách là tư lệnh tán thành ý nên dự hội nghị đó.

Đây là ý của riêng tôi mà cũng là ý của đa số.

Ông Độ đứng phắt dậy:

- Nguyên tắc dân chủ tập trung là thiểu số phải phục tùng đa số, nhưng trong trường hợp này, tôi xin bảo lưu ý kiến. Tôi khẳng định là đi họp với thằng Tây không có lợi gì hết. Cho nên tôi xin báo cáo vụ này ra Trung ương để ngoài đó quyết định ai đúng ai sai.

Anh Ba Bình nửa đùa nửa thật:

- Ông già Độ đúng là “ông già Ba Tri”. Hai anh em chúng tôi đã biết nhau từ năm 30 ngoài Côn Đảo. Các đồng chí lãnh đạo đã biết chuyện đó nên mới bố trí ông Độ về Khu 7 với tôi. Chánh uỷ cứ điện ra Bắc hỏi, nhưng trong khi chờ đợi thì chúng tôi phân công thành lập phái đoàn dự hội nghị Thiên Quang. Tôi đề nghị anh Võ Bá Nhạc thay mặt tôi làm trưởng đoàn. Trong đoàn sẽ có anh Tám Nghệ, cụ Phạm và anh Chi. Để đoàn có tư thế, trung đội hộ tống phải ăn mặc tươm tất. Các vị cứ hội ý với nhau, cần gì cứ nói, tôi sẽ giải quyết.

Ngôi nhà nhỏ bên bờ sông Đồng Nai, xã Đại An, không ngờ đi vào lịch sử với cuộc hội nghị giữa địch và ta trên chiến trường miền Đông Nam Bộ. Phái đoàn quân sự Khu Đông do đại tá Fehler cầm đầu ăn mặc chỉnh tề, huân chương đầy ngực, huy hiệu Rin ét Danube lấp lánh trên quân phục, bộ vớ kênh kiệu, nghênh ngang của một sĩ quan vừa chiến thắng trong đệ nhị thế chiến. Ngược lại, phái đoàn khu đến hội nghị trong tư thế của những người cách mạng, có gì mặc nấy. Chỉ có trung đội hộ tống là mặc sắc phục Vệ Quốc đoàn đứng quân phong quân kỷ.

Một sáng kiến của anh Võ Bá Nhạc làm bọn Tây lác mắt. Trung đội hộ tống được chọn toàn anh em to cao, và điều này mới là độc đáo: giọng hát rất tốt. Lúc đoàn ta tới, trung đội đứng dàn chào hai hàng danh dự cất tiếng hát bài Diệt phát xít dưới sự chỉ huy của anh Quốc Hương:

Việt nam bao năng rồng rên xiết lầm than.

Dưới ách quan tham tàn đế quốc sài lang...

Dàn quân nhạc của Pháp chỉ có kèn đồng, mà kèn đồng thì nước nào cũng có, còn đội hợp xướng thì tìm đồ con mắt không ra... Trước khi vô bàn hội nghị, Tây đã thấy Việt Minh không giống ai. Vô hội nghị chúng còn gặp nhiều bất ngờ nữa. Đúng như anh Nhạc nhận định, thằng Fehler là thằng điểm. Nó đề nghị hai bên kéo dài ngừng bắn đồng thời tìm hiểu nội bộ bên ta. Nhưng ý đồ của hắn không lường gặt được ai. Chẳng hạn nó hỏi:

- Tôi hy vọng sẽ gặp trưởng đoàn các ông là tướng Nguyễn Bình từ Bắc vào, không ngờ ông chánh văn phòng đi thay. Chắc là ông tướng không được khỏe?

Anh Thạc đáp:

- Cảm ơn đại tá đã hỏi thăm sức khỏe vị tư lệnh của chúng tôi. Chuyện gặp gỡ các ông là chuyện của chúng tôi...

Fehler vẫn tiếp tục:

- Theo tôi được biết thì chính những người miền Bắc lãnh đạo cuộc kháng chiến của các ông?

Anh Nhạc cười:

- Chúng tôi là một khối đủ ba miền Bắc Trung Nam. Tư lệnh chúng tôi là người Bắc, ông giáo sư Phạm Thiều đây là người Trung, còn tôi và anh Tám Nghệ đây là người Nam.

Fehler quay qua anh Tám Nghệ:

- Tôi nghĩ ông là người Bắc chứ?

Tám Nghệ gật đầu giữa sự ngạc nhiên của mọi người. Thằng Fehler đặc chí hỏi gần:

- Vraiment vous êtes Tonkinois? (Có đúng ông là người Bắc?)

Tám Nghệ vẫn gật:

- Mai ouil Je sui Tonkinois... mai depuis trois cent ans (Đúng vậy! Tôi là người miền Bắc... nhưng từ ba trăm năm trước).

Tên Fehler đang tươi rói bỗng tái lại. Khu phó Tám Nghệ vừa xỏ ngọt hấn ta. Trong hội nghị, hai bên ăn nói lịch sự, lễ độ với nhau vì dù ở cấp nhỏ, dù là nhà binh, nhưng hai bên đều khoác áo ngoại giao.

Cho nên “ăn miếng trả miếng” ngọt xót, mà ý nhị thâm trầm. Không rõ thời Chiến Quốc, các thuyết khách cỡ Trương Nghi, Tô Tần miệng lưỡi thế nào để rao bán thuyết Hợp tung và Liên hoành, nhưng cái cách xỏ ngọt của Tám Nghệ là một đòn điểm huyết tuy hết sức nhẹ nhàng mà vô cùng nhức nhối. Thâm ý của tên cáo già Fehler là chia rẽ Bắc Nam ngay trong phái đoàn thương thuyết quân khu 7 nhưng Tám Nghệ đã đập tan ý đồ ngay khi Fehler mới thò ra.

Cuộc họp không đem lại kết quả như tên Fehler mong muốn. Nó muốn ru ngủ Khu 7 trong khi nó dốc hết sức đánh hai khu 8 và 9. Nhưng ngay phút đầu đã lòi tẩy nên hấn kết thúc sớm. Dù cuộc họp chỉ một buổi phù du, nhưng tên tuổi hội nghị Thiền Quang đã được ghi vào sử sách truyền thống miền Đông.

Phái đoàn ta qua sông Đồng Nai trở về căn cứ Lạc An báo cáo diễn tiến của cuộc họp cho

anh Ba Bình và ông Độ nghe. Cả hai ông đều đoán trước kết quả “không đi tới đâu” nên không bất ngờ. Riêng ông Độ thì thất mình hữu lý khi không tán thành việc phó hội ở Đại An. Sau đó ông đi tới một quyết định quan trọng: xin đổi về Bà Rịa làm công tác thích hợp với khả năng của mình...

Nghĩ sao làm vậy, ông Độ xin Xứ uỷ Nam Bộ cho ông về Bà Rịa là địa bàn thích hợp với khả năng ông hơn là Phó tư lệnh Khu 7. Xứ uỷ thấy đề nghị đó hợp lý nên tìm người khác thay. Người được chọn thay ông Trần Xuân Độ là ông Nguyễn Văn Trí tức Hai Trí.

Hai sự kiện chứng minh ông Độ chống cuộc hội nghị Thiền Quang là có lý. Hai ngày sau cuộc hội Tây dốc hết toàn lực tấn công Tân Uyên: quét tóm bắt đầu não kháng chiến Khu 7. Đây là cuộc tấn công thuỷ bộ: không quân, nhảy dù dữ dội nhất ở Nam Bộ. Kế đến điện của Trung ương cho biết ý kiến của Chánh trị bộ chủ nhiệm Trần Xuân Độ, tuy thiếu số, là đúng.

Chương 28

Lần thứ hai Nguyễn Bình vào hang cọp

Nửa tháng an toàn cật Chính Heo

Liên lạc thành đưa một người miền Bắc vô gặp Khu trưởng Nguyễn Bình. Vừa thấy người này anh Ba bước tới ôm hôn thăm thiết:

- Thế nào! Đội trinh sát quân chính của Chính Heo làm ăn ra sao?

Chính Heo đổi nét buồn:

- Nguyễn Ngọc Sớm vừa bị bắt,. Tôi vô đây cho anh Ba hay. Hai việc cần làm ngay: mượn luật sư lo cho Sớm. Hai là chọn người thay Sớm nắm Ban công tác.

Anh Ba Bình nói:

- Lo cho Sớm thì anh em ngoài thành tự động lo. Ngoài đó không thiếu mạnh thường quân có nhiều tiền và giao thiệp rộng với cò bót...

Chính Heo gật:

- Đó là báo cáo cho anh Ba biết thôi, chứ tôi đã nhờ anh Giao và chị Gái rồi. Hai vợ chồng này là đồng hương Nguyên Xá của tôi, vào Sài Gòn kinh doanh nghề buôn “sơ mi gổ” có cửa hàng lớn ở đường Mayer (Võ Thị Sáu) gần chợ Tân Định. Còn về việc chỉ định người thay thế Sớm...

Anh Ba Bình chỉ vào ngực Chính Heo:

- Trưởng bị bắt thì phó lên thay. Chuyện đó các đồng chí tự giải quyết lấy cũng được mà.

Chính Heo:

- Nguyên tắc là như vậy, nhưng tôi muốn chánh thức hoá cho danh chánh ngôn thuận.

Nếu anh Ba chỉ định tôi làm trưởng Đội trinh sát quân chính thì tôi xin đề nghị đổi tên...

- Tên gì?

- Ban công tác Thành. Đội trinh sát quân chính sẽ là Ban công tác số 1, dần dần sẽ lập thêm các ban số 2, số 3 tùy theo thực lực của mình.

Nguyễn Bình trầm ngâm:

- Tại sao đổi tên? Có lợi gì?

- Có nhiều cái lợi Thứ nhất là giữ được bí mật.

Cái tên đội trinh sát quân chính tự nó để lộ bí mật cho Tây biết mục đích yêu cầu của ta. Còn cái tên Ban công tác Thành thì kín đáo hơn, mặc dầu anh em ta vẫn làm nhiệm vụ trinh sát và trừ gian trong thành.

Anh Ba Bình gật gù:

- Cũng được. Vậy kể từ ngày hôm nay, tôi bổ nhậm Nguyễn Đình Chính làm trưởng Ban công tác số 1. Đồng thời giao nhiệm vụ đầu tiên cho các đồng chí là tạo điều kiện để đưa khu trưởng đột nhập Sài Gòn một chuyến nữa để nắm tình hình và làm một số việc trước mắt.

Chính Heo kêu lên:

- Nguy hiểm? Có cần phải xuất tướng không? Anh Ba cần gì khó khăn mấy anh em tôi sẽ cố gắng.

Nguyễn Bình cười:

- Có những việc tướng đích thân giải quyết mới được. Chớ xe pháo ngựa tuy hùng hậu mà vẫn không ăn thua gì.

Chính Heo tò mò:

- Những việc gì xin anh Ba nói rõ hơn...

- Chẳng hạn như một số trí thức trù mền - nói theo miền Bắc là trù chẵn. Họ đang theo sách của người ăng-lê là “chờ và xem họ xem gió chiều nào để tùy cơ ứng biến. Các ông bác sĩ, trạng sư đó rất kén người tiếp xúc. Phải là tôi tới gặp họ thì họ mới chịu nghe.

Chinh Heo gật:

- Đúng? Anh Ba nắm tâm lý giới trí thức trù chẵn rất sát. Tôi nghe nói trong giới thầy kiện có ông tiến sĩ luật Trịnh Đình Thảo là người có rất nhiều uy tín trong luật sư đoàn. Tây

đang cố mua chuộc nhưng ông Thảo vẫn trùm chắn. Theo tôi trùm chắn là tốt, vì trước địa vị và tiền bạc Pháp đưa ra nhử mà họ không thèm. Anh Ba nên tiếp xúc với mấy vị trí thức đó.

Nguyễn Bình gật:

- Trong danh sách những người tôi sẽ tiếp có luật sư Trịnh Đình Thảo và vài vị khác như Ngô Sách Vinh. Trong giới bác sĩ có Trần Nam Hưng. Trong giới công chức cao cấp có ông đốc phủ Phan Văn Chương đô trưởng Sài Gòn- Chợ Lớn... Nhưng bao giờ tôi có thể vào Sài Gòn?

- Để tôi rà lại các cơ sở của mình trong thành phố đã. Hiện có khá nhiều nơi an toàn ở Sài Gòn cũng như trong Chợ Lớn.

- Nên bố trí trong Chợ Lớn tiện hơn. Tôi dễ hoà mình trong giới Hoa Kiều. Địch cũng không đặc biệt ruồng bó Chợ Lớn như Sài Gòn.

- Thứ nữa là tôi phải rà lại đường dây từ bùng ra thành. Phải bố trí nhiều đường dây để thay đổi tùy tình hình.

Anh Ba nói:

- Trở lại Ban công tác số 1. Theo binh thư, trận đầu phải toàn thắng. Kỳ khai đắc thắng, mã đáo thành công. Tôi đề nghị trận đầu của Ban Công tác số 1 phải là cú đấm vang dội. Phải đấm vào mặt thẳng thượng sư đô đốc D'argenlieu, một thẳng tu xuất hung hăng háo chiến. Mục tiêu số hai là thẳng Hiền Sĩ, chủ báo Phục Hưng. Phải diệt cái ống loa tuyên truyền phản động này để cảnh cáo những thẳng bồi bút.

Một tuần sau, liên lạc thành đưa anh Ba đột nhập Chợ Lớn. Anh Ba đóng vai người Tàu tới ở một nhà cơ sở của Ban công tác số 1. Chủ nhà là người Quảng Đông ở trong tổ chức Huê Kiều vụ thường ra khu dự hội nghị. Bọn thực dân đang dựng lên cái gọi là chánh phủ Nam Kỳ tự trị. Anh Ba muốn trực tiếp chỉ huy Ban Công tác số 1 cùng với Nguyễn Đình Chính. Từ “tháp ngà” trong Chợ Lớn, anh theo dõi các hoạt động của Ban công tác số 1. Hằng ngày Chính Heo đều gặp anh Ba vào những giờ giấc khác nhau để báo cáo công tác. Có nhiều trận đánh không thành công như mong muốn, nhưng anh Ba bình tĩnh khuyến khích anh em: Vạn sự khởi đầu nan. Các vụ tấn công đầu tiên đó là vụ ám sát tên chủ báo Tân Việt. Tờ báo này cùng với tờ Phục Hưng nói xấu kháng chiến. Chủ báo Tân Việt ở trong hẻm đường Paul Blanchy (Hai Bà Trưng), gần chợ Tân Định. Số thẳng này chưa chết nên đạn không nổ. Anh Vũ Trung Thám tiếc hùi hụi vì đã chĩa súng vào ngực tên Việt gian này. Đạn lép thành thử phải rút nhanh. Anh Hoà xung phong lãnh xử tội thẳng bồi bút này lần thứ hai. Lần này cực kỳ nguy hiểm vì nó đã biết nên đề phòng. Đi đâu cũng có thẳng gạc-đờ-co Chà theo hộ vệ. Lần này bắn ba phát mà đạn vẫn lép. Tên Chà hộ vệ lập tức quay cây súng Mút bắn anh Hoà chết tại trận. Ta mất cây súng sáu.

Anh Ba Bình nghe báo cáo ghi ngay vô sổ tay: “Cải tiến binh công xưởng, kiểm tra đạn do ta chế tạo”.

Vài ngày sau có tin vui: Lan Mê Linh và chị Bông ném hai lựu đạn vô quán rượu Impérial góc đường Catinat - D'ormay (Đồng Khởi - Mạc Thị Bưởi) gây thương vong cho một số binh sĩ Pháp. Anh Ba nghe báo cáo vui vẻ hỏi:

- Lan Mê Linh? Tên nghe hay quá? Người thế nào?

- Tiểu thư Sài Gòn ra bung vào mùa thu tháng Tám. Gia đình Lan quê miền Bắc chuyên làm bánh kẹo, có cửa hàng trong chợ Bến Thành. Học viên hai khoá quân chính, khoá sau của Xuân Diệu và Mạnh Liên tổ chức ở Vườn Thơm.

- Còn Bông?

- Bông là cô gái miền Nam, quê Hóc Môn nổi tiếng Mười tám thôn vườn trầu. Cũng là học viên quân chính. Đây là bộ ba Lộc- Lan, Bông. Lộc cũng là nữ sinh miền Bắc, cha mẹ Bắc sanh cô ta tại Sài Gòn, có cửa hàng giày dép trong chợ Bến Thành, ngay dưới tháp đồng hồ ba mặt. Lan và Lộc là bạn thân từ nhỏ.

Vài ngày tới đây cặp Lan Lộc sẽ trùng trị tên thầy tu hiếu chiến như anh Ba đề nghị. Thăng thượng sứ này sẽ nói chuyện với đám công chức cao cấp trước sân dinh Phó Soái (Bảo tàng Cách Mạng) hai cô sẽ ăn diện thật sang lẫn vào đám đông.

Tin tức không vui dồn dập: vụ ném lựu đạn diệt tên cao uỷ D' Argenlieu bất thành vì Lộc và Lan đứng xa, không thể ném lựu đạn tới lão tu xuất được đành rút lui êm. Vài ngày sau, chị Lộc và em Tám 14 tuổi bị bắt trong vụ ném lựu đạn vào toà soạn báo Phục Hưng. Rồi đến Lan Mê Linh bị bắt khi lãnh nhiệm vụ trùng trị tên bồi bút Hiền Sĩ ngay trước cửa toà soạn. Trong lúc nó đi bộ để lên xe hơi thì Lan Mê Linh nổ liền ba phát. Súng lại kẹt. Hiền Sĩ chỉ bị thương. Nó hoảng kinh hồn vía chạy về phía chợ Bến Thành. Lan đuổi theo nện báng súng vô đầu nó. Chị bị tên vệ sĩ của nó bắt. Bọn lính ập tới áp giải Lan về bót Catinat, cách đó vài trăm thước.

Trước những thất bại dồn dập, anh Ba buồn bực.

Lòng dũng cảm có thừa nhưng súng, đạn và lựu đạn ta chế quá tồi. Mấy thằng bồi bút như chủ báo Tân Việt Phục Hưng bị mưu sát mấy lần mà không chết là vì súng đạn, lựu đạn quá kém. Phải đặc biệt chăm sóc Binh công xưởng. Cần có kỹ sư về chất nổ phụ trách khâu chế đạn và lựu đạn mới được.

Song song với việc theo dõi các hoạt động của Ban công tác số 1, anh Ba bí mật tiếp xúc với các trí thức yêu nước còn kẹt trong thành phố. Có một số bác sĩ đã tham gia kháng chiến trong những ngày đầu nhưng vì hoàn cảnh gia đình phải hồi cư về thành sống qua ngày chờ

thời cơ. Đó là những địa chỉ tốt cho kháng chiến trong nội thành. Anh Ba biết một số bác sĩ bị Nguyễn Hoà Hiệp, Đệ tam sư đoàn bắt theo bọn chúng tại Cao Lãnh, nhưng các vị này trốn về thành trù mền chớ nhất định không làm đồng lõa với quân thổ phỉ. Đó là các bác sĩ Trần Quang Đệ, Võ Duy Thạch... Còn bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng thì về thành bí mật làm trạm liên lạc giữa anh em trí thức trong thành và anh em trí thức ngoài bưng. Tổ chức của bác sĩ Hưởng đóng một vai trò quan trọng vào bậc nhất vì đây là đường dây tiếp tế thuốc men mà trong khu rất cần. Nhưng còn một điều quan trọng, gấp mười lần là cán bộ. Anh em trí thức thành tài và sinh sống bên Pháp, nghe lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, sẵn sàng bỏ cuộc sống nhung lụa về nước ra bưng kháng chiến. Trạm đầu tiên của họ tại Sài Gòn là phòng khám bệnh của bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng.

Giới giáo sư thì có ông Nguyễn Văn Chì, dạy trường Pétrus Ký. Sau ngày hồi cư, ông Chì không trở về trường cũ mặc dầu Tây cho lãnh “rấp-pen” khá nhiều tiền. Ông chỉ dạy tư và có lúc đi bán kim chỉ trong chợ Bến Thành để tẩy chay nền giáo dục ngu dân của địch.

Lần lượt anh Ba đến gặp các vị này bàn chuyện công tác.

Chương 29

Nhà bị vây Nguyễn Bình vẫn thoát

Về khu suýt chết dọc đường

Anh Ba ẩn náu trong Chợ Lớn thẩm thoát đã hai tuần, chị Thanh ít thấy khi nào anh Ba ở lâu một chỗ như thế. Chị khéo léo nhắc chiến khu để gợi ý:

- Thành phố vừa có bài hát “Nhớ chiến khu” nghe hay quá. Bài hát vừa mới tung ra mà thiên hạ đã hát nghêu ngao ngoài đường “chiều nay xa chiến khu trong rừng chiều, êm đềm tiếng suối reo, ngàn thông reo...”

Anh Ba Bình gật:

- Tôi có nghe, không rõ tác giả là ai? Còn tác giả Hòn vọng phu là nghệ sĩ lớn. Nhạc hay mà lời còn hay hơn. Tiềm tàng dưới lớp văn chương trau chuốt là tấm lòng yêu nước thương nòi... Chúng ta rất cần những chiến sĩ trên mặt trận văn hoá như Lê Thương.

Chị Thanh bật cười. Chị nhắc tới bản nhạc “Nhớ chiến khu” đâu phải để bình thơ văn hay ca nhạc. Chị chỉ muốn gợi ý là đã đến lúc nên rời thành phố Sài Gòn. Đành phải nói thẳng ra thôi:

- Mình ở đây đã hai tuần rồi...

Anh Ba chột hiểu ý:

- Đúng ra thì nên về bụng ngay, nhưng phải nán lại vài ngày để chờ xem trận đánh quan trọng nhất.

Tây tính đưa tên bác sĩ Trần Tấn Phát lên ghế Thủ tướng chánh phủ Nam Kỳ tự trị. Chính Heo đã bố trí anh em diệt tên này.

Mười bảy ngày sau khi Lan Mê Linh trừng trị Hiền Sĩ thì bốn chiến sĩ Ban công tác số 1 là Đường, Khấn, Bào và Ba Mủ thi hành bản án tên Việt gian Trần Tấn Phát. Đó là ngày đáng ghi nhớ: 29-3-1946.

Chính Heo cấp tốc báo tin vui với anh Ba:

- Chuyển đột nhập sào huyệt Sài Gòn của anh Ba đã được đền bù: Ban công tác số 1 đã diệt gọn thằng Trần Tấn Phát.

Anh Ba vui mừng bắt tay anh trưởng ban công tác:

- Đầu đuôi thế nào, kể nghe.

- Anh em trinh sát luồn sâu vô hàng ngũ địch sau đột hồi cư cho biết là Tây ráo riết chọn người để lập chánh phủ bù nhìn gọi là Nam Kỳ tự trị. Những người được chọn là trí thức dân Tây, giàu có lớn như bác sĩ Trần Tấn Phát, Nguyễn Văn Thinh, Lê Văn Hoạch, hay công chức cao cấp như đại tá Nguyễn Văn Xuân, toà áo đỏ Trần Văn Tỹ, đốc phủ Nguyễn Văn Tâm... Trong danh sách này, Tây đưa Trần Tấn Phát lên hàng đầu. Vừa ký sơ ước Sít Mác (6 tháng 3) là chúng lật lọng lập chánh phủ Nam Kỳ tự trị. Trần Tấn Phát sẽ là thủ tướng. Nhưng ta đã kịp thời ra tay trước.

- Sau những thất bại dồn dập, các đồng chí mình đã làm nên chuyện. Xin hoan hô. Bốn đồng chí vừa lập chiến công đó là những người thế nào?

Chính Heo hân hoan nói:

- Hai anh Đường, Khấn là mũi nhọn, còn hai anh Bào và Ba Mủ là hỗ trợ. Hoàng Minh Đường là dân Bắc lưu lạc giang hồ vô Nam rất sớm cũng như hai anh em mình. Người nhỏ thó nhưng là lực sĩ điền kinh và quyền Anh. Anh sở trường chạy bộ và là võ sĩ hạng lông. Có một thời đóng đô tại hẻm Chùa Chà...

Anh Ba gật:

- Tôi có biết hẻm này. Nó nằm trên đường Pellerin (Pasteur), ngang sở Công Chánh. Đó là nơi quy tụ người Bắc buôn bán trong chợ Bến Thành. Có đúng không?

Chính Heo cười:

- Trí nhớ của anh Ba thật tuyệt vời. Đúng là hẻm Chùa Chà ngay góc Pellerin - Ohier (Pasteur - Tôn Thất Thiệp). Căn nhà số 102/3 là nhà trọ của anh em người Bắc. Đó là nhà cha mẹ chị Lộc, đã bị bắt khi ném lựu đạn toà soạn báo Phục Tùng. Hoàng Minh Đường xuất thân từ lò đó. Khấn, Bào cũng trong nhóm đó. Còn anh Ba Mủ xuất thân là dân cạo mủ cao su nên có cái tên Ba Mủ.

Anh Ba gật:

- Tôi sẽ tuyên dương công trạng bốn đồng chí này. Tôi cũng viết thư động viên các chị Lan Mê Linh, Lộc và an ủi gia đình các liệt sĩ như anh Hoà...

Anh Ba nói tiếp:

- Tôi ra đây đã ba tuần rồi. Đã đến lúc ra bụng thôi. Cám ơn các đồng chí trong Ban công tác số 1 đã hết lòng bảo vệ tôi. Chiều mai, đồng chí cho liên lạc tới đây đưa tôi về. Đi đường dây nào thì do các đồng chí chọn.

Chính Heo bắt tay anh Ba nói nửa đùa nửa thật:

- Chúng nó mà đụng tới người anh Cả của Ban công tác số 1 thì trước tiên chúng phải giẫm lên xác của Chính Heo này...

Chính Heo đi rồi, anh Ba nói với chị Thanh:

- Một thằng em dễ thương. Chính Heo đã từng là lính Marine (Hải quân), rồi làm lính thợ Ba Son. Đã có đầu óc dám nghĩ dám làm chuyện đại sự như tranh thủ đội Thăng đưa mình xuống chiến hạm Suffren định đánh chìm chiếc tuần dương hạm này.

Rất tiếc là chuyện lớn không thành. Sau đó Chính Heo đã cùng năm đồng đội đột nhập căn nhà số 218 Lagrandière (Lý Tử Trọng) diệt bằng dao găm tất cả sáu tên chỉ điểm mà đầu đảng là tên Nguyễn Trọng Hiền đã bỏ khu về làm tay sai cho thằng cò Bazin.

Anh Ba tính trở vô khu vào chạng vạng nhưng bọn mật thám đã đánh hơi được. Chúng cho cả tiểu đội tới bao vây khu phố có Nguyễn Bình trú ẩn. Xe nhà binh vừa tới thì chủ nhà đã được báo động. Lập tức anh Ba bảo chị Thanh rút trước theo ngả sau, còn anh thì mặc vội bộ cô-lê thật sang. Cô gái con chủ nhà nhanh nhẩu cặp tay anh Ba bước ra khỏi nhà đúng lúc thằng Tây trên xe jeep bước xuống đường.

Anh Ba vạch tay áo xem đồng hồ rồi bước ngay tới thằng Tây, lễ phép hỏi:

- Excusez-moi Monsieur, quelle heure est-il? J'ai oublié de remonter ma mon tre. (Mấy giờ rồi thưa ông? Tôi quên lên dây đồng hồ.)

Thằng Tây phản ứng thật tự nhiên, cúi xuống nhìn đồng hồ của mình, trả lời theo phép

lịch sự. Anh Ba móc túi đưa ra bao thuốc Ách chuẩn mời thằng Tây một điếu. Cô gái cũng nhanh tay bật quẹt lửa cho thằng Tây đốt thuốc. Hắn chưa hít hết hơi đầu tiên, anh Ba đã cảm ơn và tiếp tục đi, tay vẫn choàng qua chiếc lưng thon của cô gái. Thằng Tây ngó theo và nghĩ tới cảnh tối nay hắn sẽ vô vũ trường để có thể cặp tay một cô xăm xinh đẹp như cặp tình nhân vừa hỏi giờ và mời thuốc hắn. Hắn không ngờ con người lịch thiệp hào hoa kia lại là con mồi thanh tra mật thám Bazin đang lùng sục từ mấy tháng nay.

Vừa qua ngã tư, anh Ba kêu xích lô đi ngay. Anh thay xe nhiều lần để cắt đuôi mật thám, nếu có.

Để con mồi sống, mật thám tức điên lên. Chúng điện các bót nút chân ven đô cấp tốc tổ chức tuần tiễu để tóm bắt khu trưởng Nguyễn Bình trên đường trở ra chiến khu.

Tại ấp 4 xã Vĩnh Lộc trung đội của Ly đang đóng trong nhà đồng bào sát đường số 1. Như thường lệ Ly giảng võng ngoài vườn lim dim nghe tiếng chim kêu trên cành. Ly là con đầu lòng của anh Mười Trí; chi đội trưởng Chi đội 4. Mới 17 mà Ly đã to cao gần bằng cha. Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh, Ly khoái đánh giặc nên làm quen với súng đạn ngay từ lúc vừa đủ sức “vọc” súng. Lúc đó anh Mười giao cho Ly một trung đội mạnh, ngoài mấy cây tiểu liên tôm-xông còn có một cây Brenu gọi là FM đầu bạc. Trời nhấp nhem tối, trong nhà đã lên đèn. Dưới bương ếch nhái đã hoà tấu bản nhạc muôn thuở của đồng quê. Một ngày sắp chấm dứt như mọi ngày. Bỗng một loạt súng vang lên ngoài đường số 1. Ly nhảy xuống võng nhanh như sóc. Cậu chạy ra mé vườn. Trong bóng chiều nhập nhoạng một người to cao đang chạy băng vô đồng. Phía sau là một toán lính Pháp đang đuổi theo. Quãng cách chừng hai bờ ruộng, độ năm chục thước. Người đang bị săn đuổi vai đeo sac cốt, đúng là một cán bộ cao cấp. Phải giải vây ngay cho ông ta. Ly chụp cây FM trong tay xạ thủ, cặp nách nổ một loạt về phía toán lính Tây.

Tiếng súng xuyên hông bất ngờ làm bọn Tây nằm rạp xuống. Nhờ tích tắc đó người đeo sac cốt chạy thoát, hoà nhập vào đêm tối. Bọn Tây hướng hoả lực về phía trung đội của Ly trước khi rút. Chạm súng với Tây là “chuyện cơm bữa”. Ly và các bạn không nhắc tới chuyện giải vây cho người cán bộ đêm ấy. Nhưng hai ngày sau Ly được tin vui: Anh Mười Trí nhận được thư cảm ơn của khu trưởng Nguyễn Bình.

Không có loạt đạn FM giải vây đầu hôm ngày đó ở ấp 4 Vĩnh Lộc thì khu trưởng khó thoát khỏi cuộc phục kích của địch. Khu trưởng gởi hai trăm tặng đơn vị của trung đội trưởng Ly đã lập chiến công lớn mà không biết.

Chừng nhận thư khen và tiền thưởng Ly mới biết người cán bộ vai đeo sắc cốt đêm ấy không ai khác hơn khu trưởng Nguyễn Bình. Ông vừa đi thị sát chiến trường nội thành về thì bị phục kích. Cả trung đội đều vui mừng trước tin vui mà không ai nghĩ tới: giải vây cho khu trưởng. Lập tức số tiền thưởng được mua gà vịt tổ chức liên hoan. Rượu vào lời ra, nhưng trong tiếng cười nói ồn ào đó đọng lại một điều đáng suy nghĩ: Tại sao khu trưởng đi một mình trong khi có thể đem theo vài tiểu đội hộ tống? Nội chi tiết nhỏ đó cũng đủ nói lên cái dũng của người tướng.

Chuyển về thành đó mãi mãi sống trong ký ức chị liên lạc thành Hoàng Thị Thanh. Gặp lại anh Ba trong bụng, chị Thanh không chế ngự được cơn mừng. Chị ôm choàng lấy anh Ba như một đồng đội vừa thoát khỏi một cuộc bao vây chữ O của địch. Thêm một kỷ niệm chung để hai thầy trò gắn bó với nhau trong tình đồng hương, đồng chí và đồng đội.

Chương 30

Lạc An sống nhờ khoai với củ

Báo Vệ Quốc vẫn đủ văn thơ

Giáo sư Phạm Thiều đang gặm củ khoai mì nướng trong gò mối thì được một anh bộ đội mang tới cho bình toong nước rế tranh. Họ Phạm nhận bình-toong mời luật gia Lê Đình Chi:

- Ăn bánh mì “ba ghết” rồi uống trà ô Long Kỳ Chưởng là tiên trên đời rồi!

Ông Chi rót một chén, vừa thổi vừa uống:

- Nước rế tranh nấu với hà thủ ô nước vàng, vị ngọt, mà thơm lại bổ nữa. Theo tôi nó không thua Ô Long đâu!

Hai nhà trí thức vẫn vui vẻ với cuộc sống gian lao; Tây phong toả chiến khu, không có gạo phải ăn củ mì thay cơm từ mấy tuần nay. Khoai mì ăn hoài cũng ngán, anh em có sáng kiến đục lỗ gò mối làm lò nướng khoai mì đã nấu chín. Dân thành thị từng ăn bánh mì “ba ghết” thời Nhật nên gọi đó là bánh mì ba ghết. Chuyện vui là dân trí thức theo kháng chiến ở miền Đông coi thường gian khổ. Họ cho đây là sự thử thách: lửa thử vàng, gian nan thử sức và họ thề quyết khó mấy cũng vượt qua. Trong chiến khu Lạc An năm 1946 có ba nhà trí thức thuộc ba lĩnh vực khác nhau: Phạm Thiều chuyên dạy văn, Việt văn và Hán văn ở trường trung học Pétrus Ký. Lê Đình Chi là cử nhân Luật, Huỳnh Tấn Phát là kiến trúc sư đã nổi tiếng trước cách mạng tháng Tám. Ông Phát đã thiết kế Hội chợ triển lãm Sài Gòn năm 1942 tại vườn Ông Thượng. Tây gọi là Foire et Exposition de Sai gon. Hội chợ triển lãm các mặt kinh tế, quân sự, công nghiệp văn hoá... Đặc biệt là tất cả gian hàng đều xây dựng bằng tre, mây, lá, tức vật liệu xây cất toàn là cây nhà lá vườn. Ăn khoai uống lá rừng nhưng các cuộc thảo luận vẫn rôm rả đủ ngành nghề: trong

nước và thế giới.

Câu chuyện đang sôi nổi về chuyến phó hội Fontainebleau của Bác Hồ thì có lính văn phòng tới:

- Khu trưởng mời giáo sư.

Phạm Thiều chỉ vô ngực mình:

- Mời tôi hả?

- Thưa phải!

Phạm Thiều nhìn hai bạn lăm bằm: “Có việc gì”

Theo anh lính, họ Phạm vô văn phòng khu trưởng:

- Khu trưởng cho mời tôi?

Nguyễn Bình gật:

- Vâng. Mời giáo sư ngồi. Tôi lo ngại về sức khỏe của giáo sư. Trong lúc dịch phong toả kinh tế, mấy tuần nay ăn ròng khoai với củ... Không thấy mặt hột cơm ra làm sao.

Phạm Thiều cười nói:

- Cám ơn khu trưởng đã lo cho anh em chúng tôi. Nhưng việc thử thách ở mức này không đáng kể. Anh em trí thức chúng tôi còn thừa sức để theo kháng chiến tới cùng.

Nguyễn Bình cười:

- Giáo sư nói thật chứ. Hay là giáo sư nói cho tôi an tâm?

- Tôi nói thật. Phải thanh thản làm người ta mới làm thơ. Chuyện ăn khoai củ coi gian khổ vậy mà anh em vẫn lấy ra thơ. Chẳng hạn như: No với đủ cũng nhờ củ với khoai. Kháng chiến hoài cũng nhờ khoai với củ...

Nguyễn Bình thích thú:

- Mấy ông nhà báo phải ghi mấy câu này.

Họ Phạm nói thêm:

- Còn bài thơ này nữa:

Đói ăn rau, đau uống thuốc

Rau trồng bằng cuốc

Thuốc mua bằng tiền

Không tiền mua thuốc

Săn cuốc trồng rau

Thuốc đắng hơn rau

Rau ngon hơn thuốc

Hồ cước.

Đúng là văn nghệ kháng chiến. Vừa bình dân vừa hay. Tới đây Nguyễn Bình nghiêm giọng lại:

- Vậy mà có người báo cáo là các ông trí thức ăn khoai khoai chịu không nổi, tính nhẩy về thành.

Phạm Thiều cau mày:

- Ai báo cáo vậy? Nói láo? Xin thưa với khu trưởng, Phạm Thiều này là ông đồ xứ Nghệ mấy đời thù Tây. Tôi đang là giáo sư trường lớn nhất nhì Sài Gòn, có cuộc sống ổn định, có địa vị xã hội. Vậy mà bỏ hết tất cả để đi kháng chiến. Ra bung, lên rừng, làm đủ mọi việc, kể cả làm liên lạc của đội quân Nam Tiến của đồng chí Nam Long...

Nguyễn Bình đưa hai tay ra vẫy vẫy:

- Giáo sư chớ nóng? Đó là báo cáo láo, tôi có tin đâu? Tôi rất tin anh em trí thức trong Nam, nhất là anh em trí thức theo kháng chiến. Họ quen sống trong nhung lụa, nhà cao cửa rộng, bồi bếp đầy đủ, vậy mà bỏ hết để ăn bờ ngủ bụi... Hôm nay tôi mời giáo sư để hỏi thăm sức khỏe và công việc. Chỉ có thể thôi. Lúc này giáo sư đang làm gì?

- Chưa có công tác cụ thể nào...

- Giáo sư có viết báo được không?

- Được chứ!

Nguyễn Bình gật gù:

- Tôi muốn Khu mình có một tờ báo. Giao cho giáo sư có được không?

Họ Phạm cười:

- Viết bài thì dễ thôi, nhưng giấy đâu mực đâu? Và nhất là máy in. Đâu phải chuyện dễ!

Nguyễn Bình xua tay:

- Miễn là giáo sư nhận lãnh chức chủ bút. Còn máy in, mực in, giấy má để tôi lo.

- Khu trưởng định đặt tên gì cho tờ báo?

- Vệ Quốc. Được không?

- Được. Báo Vệ quốc, Cơ quan ngôn luận của Vệ Quốc Đoàn Chiến Khu 7.

- Vậy thì ngay từ hôm nay, giáo sư chuẩn bị bài vở cho số ra mắt.

Một tuần sau, bài vở lo xong thì máy in, giấy mực đã về tới Lạc An. Đây là thành tích của

mấy Ban công tác Thành với sự giúp đỡ của các chủ nhà in và mấy anh em ấn công yêu nước trong thành.

Số ra mắt của tờ Vệ Quốc có bài thơ vui của giáo sư Phạm Thiều:

*Thuở giặc Pháp gây cơn gió bụi
Bọn Việt gian nhiều nổi truân chuyên,
Xanh kia thăm thẳm từng trên
Thực dân liều mạng mới nên nổi này
Súng Sài thành lung bóng nguyệt
Khói Tân Uyên mờ mịt thức mây
Chín lần lựu đạn trao tay
Toàn dân nổi dậy định ngày lật Thinh.*

Bài thơ này phỏng theo Chinh Phụ Ngâm nhưng khác xa bài Quốc ca Nam Kỳ tự trị của tên giáo sư Võ Văn Lúa. Tên này thay vì đi dạy Pháp văn trường Chasseloup lại tình nguyện làm thông dịch viên cho phái đoàn thương thuyết Pháp ở Đà Lạt. Không biết do con gì chích mà hăn nhảy ra làm bài quốc ca bù nhìn bắt đầu bằng câu “Thuở trời đất nổi cơn gió bụi”.

Trở lại tờ báo Vệ Quốc. Trên manchette có hai câu đối cũng do họ Phạm làm:

*Vệ Quốc tinh thần cao vạn trượng
Chí Linh đại đức chiếu ngàn năm.*

Tờ Vệ Quốc ra đời như thế đó. Bối cảnh lịch sử là Lạc An trong những ngày đen tối, giống như nghĩa quân Lam Sơn bị quân Minh bao vây trên núi. Ăn củ mì thay cơm mà vẫn thơ vẫn hùng hực khí thế của kẻ nắm chắc cái thắng trong ta. Ông chủ nhiệm báo Vệ Quốc sau đó tâm tình với anh em biên tập: Không có một tư lệnh biết trọng trí thức như khu trưởng Nguyễn Bình, chưa chắc đâu có Vệ Quốc.

Chương 31

Giết ngựa khu trưởng nuôi đại đội

Võ Cương sợ quả lại được khen

Hội Nghị Thiền Quang thường được gọi là Hội nghị miếu Ba Cô vừa kết thúc, Tây tấn công Tân Uyên ác liệt chưa từng thấy. Rõ ràng là chúng đã tính nước cờ chụp Bộ chỉ huy Khu 7 trong khi cử phái đoàn thương thuyết tới Đại An. Ông chánh trị bộ chủ nhiệm Trần Xuân Độ đã có lý khi một mình chống lại quyết định thương thuyết với Tây. Rất tiếc là ông Độ thiếu số. Sự kiện

này dù sao cũng chứng tỏ nguyên tắc thiếu số phải phục tùng đa số không phải lúc nào cũng đúng. Đây là trận tổng tiến công hải lục không quân. Tàu chiến có bố trí đại liên cây-đor (13-2), đại bác 20 ly chở quân theo sông Đồng Nai từ Biên Hoà ngược lên Tân Uyên giáp công với bộ binh nhắm vào thị trấn, trong khi máy bay thả dù chụp các cơ quan đóng trong các xã Tân Hoà, Mỹ Lộc.

Trong trận thử lửa này, thương binh đầu tiên của Chiến Khu Đ là anh Bùi Xuân Tảo. Anh là thanh niên miền Bắc đi phu cao su và ngay từ đầu đã tình nguyện vào bộ đội đánh Tây. Anh bị thương cánh tay mặt, vết thương làm độc phải cưa bỏ. Không có cưa, giám đốc quân y viện Võ Cương phải dùng cưa sắt.

Anh Tảo đề nghị anh em hát quốc ca để giúp anh vượt qua cơn đau. Câu chuyện cưa tay anh Tảo trở thành một giai thoại hào hùng về người chiến sĩ miền Đông Nam Bộ trong những năm đầu kháng chiến.

Anh Tám Nghệ cưỡi ngựa đi ngang, nghe hát quốc ca xuống ngựa đứng nghiêm. Nhưng quốc ca cứ hát mãi, anh Tám tò mò đi vào bệnh viện. Anh đã rơi nước mắt trước cảnh giải phẫu thương binh hi hữu. Trong xúc cảm anh làm bài thơ về người thương binh đầu tiên của Tân Uyên.

Đây nói về bác sĩ đã cưa tay anh Tảo bằng cưa sắt. Anh tên là Võ Cương, một sinh viên năm thứ tư trường Y ở Sài Gòn. Năm 1940 Tây mở trường đào tạo bác sĩ tại Sài Gòn gọi là “Assistants Indochinois de Médecine Sociale”. Ngày 23-9-1945, Võ Cương theo bộ đội giữa mặt trận Bình Điền. Đêm đó anh nằm trên mặt đường nhựa từ đầu hôm tới khuya chờ giặc.

Mặt trận sắp vỡ vì thế giặc quá mạnh. Trong đầu anh thanh niên quê tỉnh Thanh Hoá chỉ có một câu lời duy nhất “Đi về đâu?”. Huỳnh Văn Tiểng giải đáp giúp anh: Ta đang cần cứu thương. Anh mở khoá đào tạo cứu thương ngay đi.

Trong công việc này Võ Cương gặp bác sĩ Nguyễn Thị Lợi, (về sau là vợ bác sĩ Lương Phán). Thế là hai người cùng lên xe đi về miền Tây để lo mở khoá cứu thương. Dọc đường lưu động, Võ Cương trôi về Cao Lãnh cùng với giáo sư thạc sĩ Trần Quang Đệ trước đây là thầy của anh. Tinh thần đồng bào Cao Lãnh rất cao. Tất cả mọi sinh hoạt làm ăn buôn bán đều ngưng hẳn, thanh niên vô dân quân, phụ nữ lo cơm nước tiếp tế. Những nhà tư sản thấy có hai bác sĩ từ Sài Gòn tới liền lân la hỏi chuyện. Nghe ông Đệ muốn lập một bệnh viện, lập tức họ hiến hai ghe chài rồi đi kiểm sơn trắng sơn bên trong cho thật sạch. Ông Đệ bàn với Võ Cương: “một ghe làm nơi băng, một ghe làm nơi mổ”. Nhưng chưa bắt tay vào việc thì Đệ tam sư đoàn kéo tới Cao Lãnh tác oai tác quái. Nghe tên tuổi giáo sư thạc sĩ Trần Quang Đệ, Nguyễn Hoà Hiệp bắt cóc ngay. Võ Cương mất thầy không thể tiếp tục mở Hôpital flottant (bệnh viện nổi) - danh

từ do ông Đệ đặt. Anh liền xuống nhập bọn với nhóm Kèn gọi lính của sinh viên Trần Bửu Kiếm. Nhóm này có hai anh sinh viên nữa là Lê Thanh Nhân, người Cao Lãnh và anh Phan Văn Tùng quê miền Bắc. Vài ngày sau có thêm anh Chấn nữa. Nhưng Nguyễn Hoà Hiệp cũng không để các anh yên. Chúng bắt các anh phải theo chúng. Võ Cương cùng các bạn bèn dục hoãn cầu mưu “Vấn đề trọng đại quá, xin cho chúng tôi suy nghĩ”. Mỗi ngày chúng mỗi thúc giục Võ Cương đành nhận làm y tế cho xong. Để chờ dịp nhảy đi. Đúng vào lúc đó có một chị phụ nữ bí mật chỉ đường: “Tôi biết anh đang muốn tách mấy ông Đệ Tam Sư đoàn. Để tôi chỉ cách. Đằng kia có một bả cách mạng đang ho ra máu. Anh tới cứu bả đi, rồi nhập bọn với họ”. Võ Cương đồng ý theo chị này đi chăm sóc cho cán bộ. Thì ra đó là chị Tám Lựu (Nguyễn Thị Lựu), một trong những cán bộ kỳ cựu như chị Sáu Ngải. Nhờ có đọc sách y học, Võ Cương nhớ cách trị chứng ho ra máu của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch: Tiêm không khí vô bụng bệnh nhân. Chị Tám Lựu ngưng ho ra máu. Anh vừa trị bệnh cho chị Lựu xong thì Tây tới Cao Lãnh. Bọn Nguyễn Hoà Hiệp bỏ chạy. Vậy là dịp may tới cho ba anh em Võ Cương, Nhân và Chấn. sau hai đêm ba ngày, ba anh lên tới Thủ Dầu Một. Từ đó quá Lạc An để tìm bộ tư lệnh Khu 7. Tại đây giáo sư Phạm Thiều ra đón các anh và giới thiệu với Khu trưởng. Anh Ba liền bổ nhiệm Võ Cương làm giám đốc Quân y viện Khu. Thời gian ở gần anh Bình, Võ Cương có một kỷ niệm khó quên.

Sau trận đại bố Tân Uyên, Võ Cương cho dời quân y viện từ Chánh Hưng lên Hàn Dài dọc sông Bé. Anh em thương binh được đồng đội cáng đi cả chục cây số. Cả đại đội đói meo. Không có gạo, cũng không có khoai. Làm sao? Ngó tới ngó lui, anh em thấy con ngựa cưng của anh Ba Bình. Đây là ngựa đua bắt từ Hóc Môn đưa về tặng khu trưởng. Anh Ba rất cưng, thường phóng ngựa đi công tác trong rừng. Đành phải làm ngựa nuôi quân. Vừa giết vừa lo, sợ anh Ba về sẽ quở. Chừng nghe anh em báo cáo đã “thịt” con ngựa của Khu trưởng, Võ Cương lo lắng. Vài ngày sau anh Ba Bình về Lạc An, anh ngó tới ngó lui tìm con Xích Thổ. Không thể nín thinh, Võ Cương nói:

- Ngày anh đi công tác có một đại đội hành quân qua đây. Anh em hết gạo xin Khu cho ăn. Mình cũng không còn gạo. Khoai củ cũng hết sạch. Đành phải làm con Xích Thổ của anh để cứu đói cả đại đội. Anh em cứ sợ anh Ba về rầy...

Anh Ba thở dài, im lặng một lúc rồi hỏi:

- Đại đội nào vậy? Còn ở đây không?

- Họ mới vừa hành quân sau khi ở đây hai ngày nghỉ ngơi.

Anh Ba nói:

- Mất con Xích Thổ mình cũng tiếc. Nhưng lo cái ăn cho bộ đội là chuyện lớn, còn nuôi

ngựa là chuyện nhỏ. Nếu cần thì mười con Xích Thổ mình cũng phải hy sinh cho bộ đội được ăn no. Có ăn no mới đánh mạnh. Làm tướng mà không có quân thì đánh đấm sao được? Anh Cương cho làm thịt con Xích Thổ là phải lắm. Tôi không buồn đâu mà các anh lo.

Những ngày làm chánh trị viên Chi Đội 10 kiêm luôn quân y viện trưởng Khu 7 của anh Võ Cương ở Chiến Khu Đ không được mấy năm, nhưng sau này, trong các công tác trên các chiến trường khác, Võ Cương không quên được những năm tháng sống bên cạnh Khu trưởng Nguyễn Bình, nhất là chuyện giết con Xích Thổ của anh Ba để nuôi một đại đội trong những ngày Chiến Khu Đ thiếu gạo thiếu khoai.

Chương 32

Pháp đưa Tắc hạp tung chống Cộng

Nguyễn Bình quyết liên hoành đánh Tây

Thấy Cao Đài đồng tâm ủng hộ Việt Minh đấu tranh giành độc lập, thực dân giở trò thâm độc: chia để trị. Sẵn Trần Quang Vinh chạy ra thành đầu hàng, Tây bày chuyện ký kết cái gọi là thoả ước Bính Tuất (1946) do Trần Quang Vinh ký với tên chủ tỉnh Tây Ninh Ménage. Theo sự ký kết này, Cao Đài rút hai chi đội 7 và 8 của Nguyễn Văn Thành và Nguyễn Thành Phương về toà thánh Tây Ninh. Về phần Pháp thì sẽ đưa Hộ pháp Phạm Công Tắc bị đày ở Mã đảo (Madagascar) từ năm 1940 về nước để chăm lo nền đạo. Ngày 9-6-1946 Trần Quang Vinh và Ménage ký Thoả ước Bính Tuất. Hai tháng sau Phạm Công Tắc về tới Sài Gòn và ngày 30-8-1946, Tắc về Toà Thánh Tây Ninh. Đây là một ngày lịch sử quan trọng trong đạo Cao Đài. Hộ pháp được đón tiếp hết sức long trọng.

Trong ngày vinh quang của đời mình, từ một kẻ tội đồ hoá thành Đức Hộ pháp cứu tinh của cả triệu tín đồ trong cơn binh lửa, Tắc tuyên bố: “Kết cuộc thì cũng vẫn là Pháp Việt đề huề. Giai đoạn này cũng như là giai đoạn đầu, Cao Đài là đồng minh của Pháp”. Bốn tháng sau, Tắc ký thoả hiệp quân sự đưa hai chi đội 7 và 8 tập kết tại Rừng Nhúm về toà thánh hợp tác với Pháp. Pháp hứa trang bị súng ống đầy đủ cho quân đội Cao Đài để chống Việt Minh vô thần. Lễ trao vũ khí cho quân đội Cao Đài sẽ tiến hành vào Tết Đinh Hợi, ngày 21-1-1947. Lúc này Phạm Công Tắc công khai chống Việt Minh: “Cao Đài làm chánh trị. Cao Đài muốn tồn tại phải lập ra quân đội. Quân đội là do chánh trị thành lập. Quân đội phải do chánh trị điều khiển”.

Tất cả mưu đồ của Pháp lợi dụng đạo Cao Đài đều được trình sát báo cáo về Bộ tư lệnh khu 7. Bấy giờ thành uỷ Khu là Nguyễn Văn Trí thường gọi là Hai Trí, quê Mỹ Tho. Hai Trí là tay cách mạng kỳ cựu, đầu óc tiêm nhiễm truyện Tàu, nhất là Đông Chu liệt quốc mà ông ta cho là “túi khôn của nhân loại”. Hay tin Pháp sử dụng nước cờ giáo phái Cao Đài, Hoà Hảo và Bình

Xuyên đánh Việt Minh. Hai Trí bàn với Khu trưởng Nguyễn Bình:

- Đây là kế hợp tung của Tô Tần, nguy hiểm lắm.

Ông Bình cười:

- Hợp tung là sao? Quân sư nói rõ thêm.

Hai Trí thao thao:

- Trước hết phải định nghĩa chữ tung đã. Tung là nét sổ thẳng theo chiều dọc, trái với chữ hoành là nét gạch ngang. Thiên hạ thường nói chữ tung hoành mà không hiểu nghĩa của nó. Hợp tung là tập hợp lại những nét sổ dọc. Còn kế hợp tung của Tô Tần thì như thế này: Tô Tần là người ở thành Lạc Dương, nhà Đông Châu. Lúc nhỏ là học trò của Quỷ Cốc thiên sư nước Tề. Lớn lên làm nghề du thuyết. Bấy giờ nước Tần rất mạnh, quyết gom thu lục quốc là sáu nước Tề, Ngụy, Sở, Hàn, Yên, Triệu. Tô Tần đi khắp sáu nước khuyên các vua hợp lại chống Tần mới có thể tồn tại bằng không thì bị Tần nuốt. Đó là kế hợp tung.

Nguyễn Bình gật gù:

- Ngày nay thằng Tây cũng áp dụng “túi khôn” của người xưa, theo kế hợp tung để đánh Việt Minh. Hay! Trước đây tôi đã ra lệnh giải tán cái gọi là Mặt trận quốc gia liên hiệp quy tụ các nhóm tự xưng là “quốc gia” như Bình Xuyên, Cao Đài, Hoà Hảo và các đảng đã từng chạy theo Nhật Tàu trước đây. Nhưng tôi không hề nghĩ kẻ chủ mưu đó học thuyết hợp tung của Tô Tần. Bây giờ quân sư hãy trình bày tiếp cách đối phó như thế nào.

Hai Trí cười thích thú. Ông ta hài lòng với danh từ quân sư mà anh Ba Bình tặng cho mình:

- Chống lại hợp tung của Tô Tần phải dùng kế phá tung của Trương Nghi. Gọi là phá tung hay gọi là liên hoành cũng được. Liên hoành là tập hợp lại nhưng nét gạch ngang. Để đương đầu với hợp tung là liên kết các nét sổ thẳng. Đó là nói về chữ nghĩa. Còn trên thực tế thì liên hoành là liên kết sáu nước Tề, Ngụy, Sở, Hàn, Yên, Triệu để theo Tần. Cũng cần nói thêm về Trương Nghi. Tay này là đồng song với Tô Tần. Cả hai đều học chung một thầy là Quỷ Cốc thiên sư. Nhưng do hoàn cảnh khác nhau mà chọn hướng đi khác nhau, tuy cốt cách cả hai cũng đều là uốn ba tấc lưỡi để đi tới mục đích tối thượng là vinh thân phì gia. Cho nên người đời sau phải nhớ bọn du thuyết vô lương tâm: Bây giờ mình gọi bọn đó là bọn cơ hội.

Nguyễn Bình cười:

- Hãy trở về chuyện đời nay đi. Bây giờ mình đối phó với kế hợp tung của thằng Tây như thế nào đây?

- Thì dứt khoát là phá tung thôi. Tức là một mặt phá tan cái gọi là Mặt trận quốc gia liên hiệp, phá tan đội quân Cao Đài mới thành lập. Tôi đề nghị Khu tấn công vô Toà Thánh phá cái lễ phát súng tổ chức vào ngày mồng một Tết. Anh Ba thấy sao?

Nguyễn Bình suy nghĩ khá lâu:

- Với tôn giáo, phải thận trọng. Địch tuyên truyền Việt Minh vô thần, tiêu diệt tôn giáo, độc quyền yêu nước...

Hai Trí cười lớn:

- Quan tâm làm gì những lời tuyên truyền của thằng Tây? Ngày đêm chúng ra rả chửi bới Việt Minh. Chó sủa mặc chó, đoàn lũ hành cứ đi.

Nguyễn Bình thở dài:

- Cho tôi suy nghĩ thêm.

Đêm đó anh Ba bình thức khá khuya để phân tách lợi hại của kế phá tung mà Hai Trí đề nghị. Tự nhiên ông cũng nghĩ nhiều về Hai Trí. Vị chánh uỷ Khu 7 mới thay thế ông Trần Xuân Độ là một người khó hiểu. Trước đây giữa Tư lệnh và chánh uỷ còn gọi là chánh trị bộ chủ nhiệm rất thoải mái. Ông già Độ thẳng tính, có gì thì nói huých toẹt ra, chứ không lăm lè bí hiểm như Hai Trí. Sổ tay của ông ta không ghi bằng tiếng Việt mà chỉ chít những chữ nho và kí hiệu như tốc kí. Có người bí mật cho biết chánh uỷ Hai Trí không chấp nhận những ai nói khác mình.

Ngày hôm sau, Nguyễn Bình họp các đồng chí trong Phòng tham mưu và phòng chính trị bàn về chủ trương đánh vô Toà Thánh Tây Ninh phá lễ Tây phát súng cho quán đội Cao Đài. Đa số tán thành ý đồ của chánh uỷ Hai Trí là bóp nát từ trong trọng âm mưu dùng người Việt đánh người Việt của thằng Tây.

Ông Bình đề nghị biểu quyết vì vấn đề rất quan trọng. Đa số bỏ thăm tán thành đánh vào Toà Thánh để phá tan chủ trương võ trang quân đội Cao Đài chống Việt Minh của thực dân Pháp.

Chương 33

Ông Chì bị bắt. Ông Lái ra bùng

Gặp ông Bình tại Lý Văn Mạnh

Trường trung học Pétrus Ký là trường lớn nhất Sài Gòn và cũng là đứng đầu Nam Kỳ lục tỉnh. Trước 1945 đã có nhiều giáo sư hoạt động Cách mạng, người theo Cao Đài như ông Trần Văn Quế, năm 42 đang dạy thì bị thực dân bắt đày Côn Đảo. Một số giáo sư khác theo Việt Minh

như các thầy Nguyễn Văn Chì, Lê Văn Chì, Đặng Minh Trứ, Trần Văn Các, Phạm Thiều, Hồ Văn Lái. Ở các chương trước, các bạn đã gặp thầy Phạm Thiều được anh em gọi thân mật là “ông đồ xứ Nghệ”. Nay nói về ông Chì và Lái. Ông Chì là người đã chiếm sở giáo dục, ngôi nhà cao tầng nằm ngay gốc đường Paul Blanchy- D'espagnle (Hai Bà Trưng - Lê Thánh Tôn) lúc đó mang tên là Nha học chánh do người Pháp nắm. Ông Chì đã chụp đúng thời cơ Nhật đảo chánh Pháp, Tây hoang mang nên không có phản ứng trước khí thế đang lên của giáo giới Sài Gòn. Trong kháng chiến, gia đình ông Chì ra bùng theo chủ trương vườn không nhà trống của Lâm ủy Hành Chánh Nam Bộ, bất hợp tác với giặc Pháp. Vài tháng sau, ta có chủ trương cho đồng bào hồi cư để xây dựng lại cuộc sống gia đình đồng thời làm cơ sở bí mật ủng hộ kháng chiến trong nội thành. Gia đình ông Chì hồi cư, nhưng ông không đi dạy trở lại mặc dầu Tây cho công chức lãnh “rappel” cả năm để dụ dỗ dân hồi cư cộng tác với Tây. Có một lúc ông bán kim chỉ tại hành lang chợ Bến Thành. Cửa hàng của ông gọn nhẹ, chỉ có một hộp gỗ, có quai để quàng lên vai. Học trò của ông cả ngàn, kẻ đi kháng chiến, người hồi cư. Họ nhận ra thầy. Có trò đến chào, nhưng cũng có trò lẩn tránh. Họ biết thầy Chì nêu gương ông Thánh Gandhi “bất bạo động, bất hợp tác” với thực dân Pháp...

Đội ngũ thầy trò Pétrus Ký chia hai sau cách mạng tháng Tám, phe kháng chiến và phe theo Tây.

Phe kháng chiến thì điệp điệp trùng trùng, còn phe theo Tây thì chỉ đếm trên đầu ngón tay. Về giáo sư theo Tây đứng đầu là Võ Văn Lúa. Ông Lúa có vợ đầm, dạy Pháp văn ở Chasseloup rồi Pétrus Ký. Đi thi mà gặp ông Lúa thì rớt là cái chắc vì ông này hay hỏi khó để đánh rớt, tiếng trong ngành gọi là “coller”. Cho nên thí sinh mà vô “oral” (hạch miệng) mà gặp ông Lúa thì thế nào cũng “thi không ngậm ớt thế mà cay”. Có người hỏi vì sao ông khoái đánh rớt thí sinh thì ông Lúa đáp tỉnh bơ “Hồi nhỏ mình bị giám khảo đánh rớt hoài nên bây giờ mình cũng làm vậy để trả thù đời”.

Một người tâm địa như thế thì đi theo Tây chống lại cuộc kháng chiến của toàn dân không làm ai ngạc nhiên. Không rõ do con gì chích mà ông Lúa nhảy ra làm bản quốc ca cho chánh phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh. Để có ngay theo ý “quan thầy” thực dân, ông Lúa lấy đoạn đầu của Cung oán ngâm khúc ra phổ nhạc: “Thuở trời đất nổi cơn gió bụi, khách má hồng lăm nổi truân chuyên”. Do làm ăn “ấu” như vậy mà bản quốc ca của cái gọi là Nam Kỳ tự trị trở thành bản chiêu hồn chánh phủ chết yếu của bác sĩ Thinh.

Còn về phía học trò Pétrus Ký theo Tây thì cũng ít thôi nhưng có vài tay cực kỳ nguy hiểm như ba tên Mai Hữu Xuân, Trần Bá Thành, Võ Hoàng Bá. Cả ba tên này đều làm mật thám. Cặp bài trùng Xuân, Thành ở bót Catinat còn Bá thì làm cảnh sát trưởng quận nằm trong Chợ

Lớn. Thêm tên Tổng Đình Bắc ở PSE (Ty Đặc Cảnh miền Đông)

Biết ông Chì có liên lạc với kháng chiến, tụi Catinat liền bắt thầy Chì điều tra. Mai Hữu Xuân còn nể tình thầy trò nên chỉ trao giấy bút bảo thầy Chì khai những gì thầy biết về đám Việt Minh hoạt động bí mật trong thành. Cố nhiên là thầy Chì không làm chuyện tồi tệ đó. Xuân bèn hỏi ngắn gọn một câu thôi:

- Còn thầy Lái? Thầy có biết ông Lái ẩn trú nơi đâu?

Một lần nữa Xuân thất bại trong việc khai thác thầy Chì. Hắn giao cho người khác làm công việc mà hắn không đủ can đảm làm đối với một vị đứng hàng nhì trong phẩm trật xã hội “quân sự phụ”.

Nay nói về thầy Hồ Văn Lái. Thầy Hồ Văn Lái, quê Cái Răng tỉnh Cần Thơ, dạy vẽ trường Vẽ Gia Định, sau đổi về Pétrus Ký. Trước 1945 thầy đã tham gia phong trào truyền bá quốc ngữ chống nạn đói cùng với giáo sư Phạm Thiều. Vào đầu kháng chiến, thầy Lái hoạt động trong giới trí thức, nghệ sĩ vì thầy chơi với nhiều giới: đặc biệt là ngành sân khấu. Đơn vị thầy từng lèo lái mang tên Tây “Amis de l'art” tức hội “những người bạn của Nghệ thuật”. Thầy đã đưa một đoàn Hát Bội ra Trung Bắc biểu diễn vào những năm đầu thập niên 40.

Đầu 1946, thầy Lái là uỷ viên tuyên truyền Địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn thay nhà báo Lý Vĩnh Khuông tức Khuông Việt bị Tây bắt. Khi Tây nong ra ngoại vi Sài Gòn, Uỷ ban Kháng chiến địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn dời ra vùng Lý Văn Mạnh. Văn phòng thầy Lái đóng ở Rạch Rít gần văn phòng bác sĩ ra y Nguyễn Văn Thủ lúc đó được bầu giữ chức uỷ viên quân sự địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn. Thầy Lái đóng trong chòi vịt giữa đồng. Thầy cũng mặc bà ba đen, nhưng không giống nông dân trong vùng vì nhìn kỹ thì thấy thầy đeo chiếc nhẫn vàng mặt vuông to tướng. Có người hỏi sao thầy chưa hoá trang cho đúng vai ông chủ trại vịt, thầy cười nói:

- Đây là kỷ niệm của má bầy trẻ. Khi nào nhớ bả thì vuốt ve chiếu nhẫn cho đỡ ghiền!

Nằm giữa đồng nhưng vị trí chòi vịt rất lý tưởng vì gần ba tờ báo Cảm tử, Chống Xâm Lăng và Tiến Lên của địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn. Tờ Chiến Thắng của tỉnh Chợ Lớn cũng đóng gần. Nhiệm vụ của ông Lái là cung cấp báo và truyền đơn cho đồng bào trong nội thành. Phải tổ chức nhà in loại “pédale” gọn nhẹ có thể tháo ra đưa xuống tam bản di tản khi Tây bố. Nguy hiểm là các chuyển tiếp tế giấy báo. Phải nhờ các nhà in có cảm tình với kháng chiến chở tới các địa điểm bí mật giao cho anh em trong bung ra đón chở tam bản về nhà in. Công việc tiếp tế giấy báo này rất nguy hiểm vì xe tuần tiểu của Tây chạy trên các lộ Đông Dương như mắc cửi. Về sau phải nhờ tới nhóm Lendenmains thân kháng chiến làm công việc tiếp tế giấy

ra bùng. Liên lạc là nữ sinh viên ngồi trên xe du lịch chỉ đường cho một trung úy Pháp lái xe Traction 15. Tới cầu An Lạc, thấy trước quán lá của người Tàu có phơi khăn lông - ám hiệu cho biết không có Tây và partisan (thân binh) phục kích: xe dừng lại giả vờ máy hỏng. Lập tức từ trong vườn rậm, mấy anh em nhà in nhào ra vác các bao cà ròn giấy từ trong cốp xe chạy bay xuống rạch chất lên tam bản. Nhưng không thể làm ăn theo kiểu “vặt cần câu” thế này mãi vì đâu có nhiều người bị bắt khi đưa giấy báo ra bùng và đưa báo và truyền đơn vô thành. Với lối làm việc mới của hai anh Kha Vạn Cân và Nguyễn Phú Hữu, chủ tịch và phó chủ tịch Ủy ban Kháng chiến địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn, ngoài bùng chỉ xấp chữ và đồ chì làm bản kẽm rồi đưa về thành cho các nhà in của ta in báo và truyền đơn phát hành tại chỗ. Từ đó giảm bớt các tai nạn bị bắt dọc đường. Phải tuyên dương anh Nguyễn Phú Hữu là chủ nhà in lớn ở đại lộ Galiéni (Trần Hưng Đạo) trước khi ra bùng kháng chiến. Sáng kiến trên là của anh. Nhưng hãy trở lại thầy Lái.

Một ngày kia, liên lạc đưa một người mặc bà ba đen, mang kính râm, đeo sắc cốt da tới chòi vịt của ông Lái. Mới gặp lần đầu nhưng thầy Lái biết ngay khách lạ là ai rồi. Chiều ấy anh đãi anh Ba một nồi cháo vịt. Đêm ấy anh Ba nghỉ đêm trong chòi vịt với chủ chòi. Thầy Lái muốn hỏi nhiều chuyện, nhưng nguyên tắc bí mật bắt buộc cuộc trao đổi không đi sâu vào bí mật công tác. Sáng hôm sau anh Ba và liên lạc đi sớm. Thầy Lái biết là anh Ba đi thị sát chiến trường nội ngoại thành để chỉ đạo các Ban công tác Thành. Bảy ngày sau, trong cuộc họp các hộ - Sài Gòn Chợ Lớn có 18 hộ đánh số thứ tự từ 1 đến 18, Tây gọi hộ là “arrondissement” - thầy Lái được một anh ở hộ 18 cho biết là Khu trưởng Nguyễn Bình có về các hộ 17, 18 (nay là quận 8). Vậy là thầy Lái đã đoán không sai mục tiêu của anh Ba.

Một tháng sau anh Ba lại tới chòi vịt thầy Lái lần nữa. Lần này không suôn sẻ như lần trước. Con đầm quần đảo trên đầu. Thầy Lái hướng dẫn anh Ba xuống hầm. Chòi vịt có đào ba hầm loại bán âm bán dương, tức nửa nổi nửa chìm sát bờ rạch. Anh Ba biểu liên lạc xuống hầm với thầy Lái còn anh thì ôm một gốc cây dừa quỳ ngã ra bờ rạch. Anh Ba núp sau cây dừa ngó theo con đầm, lòn qua thân dừa mỗi khi nó sà xuống thấp. Thầy Lái đứng dưới hầm quan sát vị tướng gan lì này. Chừng máy bay đi rồi anh nói thẳng với anh Ba:

- Tôi ở đây không có bảo vệ. Anh đi qua thì được, còn ở lại thì không bảo đảm. Anh phải mang theo bảo vệ.

Ngày ấy anh Ba không nghỉ đêm tại chòi vịt như trước. Và sau đó cũng không thấy anh Ba ghé chòi vịt nữa.

Với hai lần được tiếp xúc với Khu trưởng Nguyễn Bình, thầy Lái có vài nhận xét về anh Ba: Có ba điều “ghê gớm” nơi vị tướng này: thứ nhất là một mắt “Rồng một mắt, voi một ngà”

phải tránh xa. Người xưa nói như vậy. Người một mắt cũng như độc nhãn long. Thứ hai, người hai đảng phải đáng nể. Hồi trẻ Nguyễn Phương Thảo theo Quốc Dân Đảng với Trần Huy Liệu, ra Côn Đảo thì cả hai đều chuyển hướng, bỏ Quốc Dân đảng theo Cộng sản. Thứ ba, người tự đào luyện trong tù (chứ không phải trong các trường học) phải đáng trọng. Nguyễn Bình có ba điểm kể trên. Thầy Lái vừa nể vừa trọng anh Ba là như vậy.

Nhưng ngược lại, tại sao anh Ba lại tin tưởng ông thầy dạy vẽ theo kháng chiến tới mức dám nghỉ đêm tại chòi vịt của thầy Lái? Điều này có lẽ do nhiều lý do, trong đó có mạng lưới quân báo của Ban công tác Thành. Thứ hai là khả năng xem người mà đánh giá đúng bản chất của người đó để tin dùng. Về điểm này về sau thầy Lái nghe anh Nguyễn Thuận Thảo, cán bộ quân sự Bà Rịa nói đúng như vậy. Khi tới ải địa đầu của Nam Bộ, anh Ba Bình lúc đó còn mang danh nghĩa phái viên Trung ương của Bộ Tổng đã được anh Thảo tiếp đón tại văn phòng Chi đội ở bìa rừng.

Anh Ba quan sát địa điểm rồi nói với anh Thảo: “Tôi giao bốn mạng tôi cho anh đó”. Chuyện này không đáng nhắc nếu không có một vị lãnh đạo cao cấp khác đi ngang qua Chi đội 16. Anh Thảo cũng đón tiếp tại văn phòng Chi đội. Nhưng vị này trông trước, trông sau, lộ vẻ không an tâm: “Còn nơi nào an toàn hơn đây không?”. Anh Thảo bèn đưa vị đó vô trong lán sâu giữa rừng. Không may đêm đó trời mưa như trút. Lán bỏ lâu không ai ở nên dột nát, báo hại vị lãnh đạo này thức sáng đêm, vừa ướt như mèo té giếng, vừa mất ngủ nên sáng sớm đòi trở ra bìa rừng ở với ban chỉ huy Chi đội.

Thầy Lái là họa sĩ nên vẽ chân dung rất sống, có nghĩa là đầy đủ nét đẹp cũng như không đẹp. Về anh Ba Bình, thầy Lái đã vẽ những nét đẹp rồi. Bây giờ thầy chấm phá vài nét không được đẹp. Anh Ba lập ra mười Ban công tác Thành để đánh Tây và Việt gian ngay trong sào huyệt của chúng là Sài Gòn - Chợ Lớn. Ban công tác đã lập rất nhiều chiến công làm Tây kinh tâm tán đởm. Còn bọn Việt gian thì đi đâu cũng láo liên sợ lựu đạn của Việt Minh. Tuy nhiên trong số hàng trăm chiến sĩ quân báo cảm tử cũng có vài người quen thói giang hồ tự do vô kỷ luật gây phiền hà, thậm chí hà hiếp dân chúng nội ngoại thành.

Nhiều đơn thưa tới chánh quyền cách mạng. Mũi đại, lái chịu đòn, anh Ba Bình đã bị lãnh đạo Nam Bộ phê bình về khuyết điểm bao che đàn em làm bậy.

Đó là một nét không đẹp của anh Ba. Thứ hai, trong vấn đề thu thuế ở vùng tạm chiếm, có sự đụng chạm giữa địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn và khu 7 khi anh Ba còn là khu trưởng. Một trong những vụ va chạm này khiến uỷ viên thuế vụ Bồ Văn Kiểu tử nạn.

Ông Kiểu đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như giám thị trưởng Khám Lớn Sài Gòn sau ngày Nhật đảo chánh 9-3-1945. Sau đó làm quản đốc Nhà máy đường Hiệp Hoà. Lúc tử nạn

trong cuộc chạm súng đáng tiếc giữa phe ta và phe mình, ông Kiểu là uỷ viên phụ trách thuế vụ của địa phương Sài Gòn - Chợ Lớn. Cách thu thuế của ta lúc đó là phải có mặt thường trực tại các chành lúa ở ngoại ô thành phố để thu trực tiếp lúa gạo cho xuống ghe thuyền đưa vô bụng. Ông Kiểu ngày đêm có mặt tại các chành. Khi có Tây tới thì lẩn tránh chờ chúng rút thì trở lại chành lúa tiếp tục thu thuế. Một người làm việc tích cực cho cách mạng như vậy mà tiếc thay ông đụng chạm trong việc không quy định rõ ràng phạm vi thu thuế nên bị báo cáo xấu với trung tướng khu trưởng khu 7. Và trong thời buổi hỗn quan hỗn quân, ông Kiểu bị thanh toán như một phần tử xấu. Những chuyện chết oan trong những năm đầu kháng chiến đâu phải là ít.

Mũi đại lái chịu đòn. Em út làm ầu, anh Ba phải lãnh đủ. Đó cũng là một nét không đẹp trên chân dung của anh Ba.

Chương 34

Vô chiến khu Trinh làm mật mã

Gặp Nguyễn Bình kết nghĩa tri âm

Chiến cuộc ngày càng lan rộng với chủ trương tốc chiến tốc thắng của tên tướng hiếu chiến Leclerc.

Quân đội viễn chinh Pháp ồ ạt toả đi các hướng quyết bình định các tỉnh. Tại Sài Gòn chúng chỉ để lại một ít quân làm nhiệm vụ canh sát. Báo chí công khai nhân lúc bộ máy hành chính chúng còn lỏng lẻo đả kích chánh phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thinh. Đọc báo buổi sáng vào lúc điểm tâm là một thói quen của chị Trinh. Chị đậu tú tài thì chiến tranh bùng nổ. Chị là con ông đốc công Vương Quang Nguru, một nhà điền chủ có một trăm mẫu vườn dừa ở Điều Hoà, Mỹ Tho.

Ông Nguru mở phòng cố vấn pháp luật, binh vực dân quê bị cường hào ác bá cướp đất giạt ruộng. Những người nghèo túng ông Nguru giúp không lấy tiền. Ông Nguru giao du với các nhà cách mạng, phần lớn là các nhà báo như Nguyễn Văn Nguyễn, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn An Ninh. Còn Ung Văn Khiêm là bạn cột chèo. Bà Nguru và bà Khiêm là hai chị em, bà Nguru thứ bảy, bà Khiêm thứ tám...

Đầu 1946, Trinh được thư của dượng Tám bấy giờ phụ trách ban Nội vụ Nam Bộ gọi ra bụng. Xếp bút nghiên từ lâu, Trinh muốn thoát ly theo kháng chiến. Chị không thể chịu đựng được cảnh ăn không ngồi rồi giữa thành phố bị địch tạm chiếm. Bức thư đến là một dịp tốt để “lên đường”.

Theo liên lạc, Trinh ra An Phú Đông, một căn cứ kháng chiến sát nách Sài Gòn. Những trận giao tranh đầu tiên đã khiến vùng đất ven đô hiền lành này trở nên một địa danh nổi

tiếng, nhất là sau khi có bài thơ của Xuân Miến:

An Phú Đông đây, An Phú Đông,

Một làng nho nhỏ ở ven sông,

Một năm chinh chiến ôi chinh chiến

Sông nước Sài Côn nhuộm máu hồng...

Cơ quan đầu tiên thu nhận chị là toà soạn báo La Voi du Maquis (Tiếng nói bung biển) do luật sư Gaston Phạm Ngọc Thuần làm chủ bút. Vô cơ quan này, chị Trinh như cá gặp nước. Cả nhà chị có máu làm báo. Chị được anh Thuần giao chép bản thảo các bài báo. Toà soạn không đông, hầu như một mình anh Thuần “bao sân”. Đây là cơ quan ngôn luận nhắm vào trí thức trong thành phố nên số in không nhiều như các tờ Chống Xâm Lăng của Mặt trận Việt Minh thành phố và Cảm tử của Liên hiệp Công đoàn thành phố.

Một thời gian sau chị Trinh được giới thiệu học mật mã và được đưa về phụ trách phòng Mật mã của uỷ Viên Quân sự Nam Bộ. Đây là sự tín nhiệm đặc biệt mà chị Trinh cố gắng xứng đáng. Cơ quan mật mã phải gắn liền với văn phòng khu trưởng. Do công tác liên hệ mật thiết, chị Trinh được biết rõ về anh Ba Bình. Nhận xét đầu tiên của chị về anh Ba là đức tánh bình dân. Là tướng, anh Ba rất gần với anh em binh sĩ. Nghe anh Nguyễn Đức Hình cưới vợ, anh Bình móc túi đưa hết xấp bạc sinh hoạt phí hàng tháng tặng “cho cậu làm lễ liên hoan”. Khi nghe một cán bộ bị thương, anh Ba bảo bắt cặp gà tặng “cho nó tắm bổ”. Có lúc vì tình thế bắt buộc phải đóng trong nhà dân, Anh Ba cũng hoà mình với gia đình chủ nhà. Chuyện đáng nhớ là thời gian anh Bình đóng trong nhà tín đồ Cao Đài sau khi xảy ra những vụ tảo thanh Cao Đài Tây Ninh theo Tây của Phạm Công Tắc. Những đêm uống trà đàm đạo với ông già chủ nhà về chuyện đạo và đời, anh Bình nói chuyện rất thoải mái, kể chuyện đời xưa, khi hoạt động cách mạng anh đã từng tá túc trong chùa, có những nhà sư rút áo cà sa mặc chiến bào. Rồi anh kết luận: Đạo nào cũng khuyên làm lành tránh dữ và anh nói thêm “đạo nào cũng phải tham gia đánh Tây giành độc lập. Cho nên Đạo với Đời tuy hai mà một”. Về cá tính anh Ba Bình rất ít nói nhưng tình cảm, tiếng cười của anh nghe rất có cảm tình. Nhưng điều quan trọng nhất đối với anh Ba về phương diện cầm quân là kỷ luật. Luôn luôn giữ vững kỷ luật. Phải nghiêm trị những kẻ coi thường kỷ luật. Chính vì vậy mà anh Ba đã cương quyết kết án tử hình Ba Nhỏ mặc dầu có một số chỉ huy quân sự Bình Xuyên không tán thành quyết định đó. Và cũng chính vụ xử Ba Nhỏ đã chứng minh bản lĩnh của Nguyễn Bình.

Có vị chánh án nào dám cho tử tội mượn khẩu súng của chính mình để tự xử. Nói về cái dũng cảm của anh Ba thì vô cùng, nhất là chuyển anh về thành nắm tình hình địch, để tiếp xúc

với các nhà trí thức yêu nước chưa có dịp để ra khu. Bạn trở về anh bị phục kích ở Vĩnh Lộc may nhờ Chi đội 4 giải vây.

Với những giai thoại đầy hào quang đó, Chị Trinh rất kính trọng anh Ba và vui lòng kết nghĩa tri âm với một “dũng tướng”. Phòng mật mã của chị chỉ cách phòng làm việc của anh Ba có một vách lá.

Chương 35

Thoả hiệp án, Lê Tâm về nước

Ngành quân giới vững bước tiến lên

Cuộc đàm phán Fontainebleau năm 1946 kéo dài nhiều tháng vì bọn hiếu chiến muốn giải quyết vấn đề thuộc địa bằng chiến tranh. Chúng không muốn hoà bình. Trong thời gian ở Pháp, Hồ Chủ Tịch gặp gỡ các Việt Kiều thuộc đủ các giới, kêu gọi họ về nước tham gia kháng chiến giành độc lập.

Riêng ngành khoa học kỹ thuật có các kỹ sư Phạm Quang Lễ, Nguyễn Ngọc Nhựt, Nguyễn Hy Hiền hăng hái về nước góp phần chống xâm lăng của toàn dân. Phạm Quang Lễ là dân Mân Thít, Vĩnh Long, Nguyễn Ngọc Nhựt là con đốc phủ Nguyễn Ngọc Tương, giáo tổng Cao Đài Bến Tre. Nguyễn Hy Hiền là dân xứ Huế. Phạm Quang Lễ về Hà Nội đổi tên là Trần Đại Nghĩa còn hai anh Nguyễn Ngọc Nhựt và Nguyễn Hy Hiền về Sài Gòn. Anh Hiền lấy tên kháng chiến là Lê Tâm. Lê Tâm được đưa về Khu Tám làm cố vấn phá hoại cho uỷ viên quân sự Nam Bộ Nguyễn Bình. Là kỹ sư tốt nghiệp trường Pontset chaussées, Lê Tâm được anh Ba Bình giao nhiệm vụ nghiên cứu phá cầu và các cơ sở địch trong nội thành. Phá hại bằng chất nổ. Chất nổ là một ngành Lê Tâm không rành, nhưng đã được phân công thì anh quyết tâm làm cho bằng được. Với một sổ sách và tài liệu chuyên môn mua từ Sài Gòn, anh nghiên ngẫm và không bao lâu trở thành chuyên viên chất nổ. Từ đó ta phá cầu rất có kỹ thuật, chỉ cần một ít chất nổ đặt đúng vị trí then chốt là phá được cầu. Do vậy trong một thời gian khá lâu Lê Tâm là cố vấn của các Ban công tác thành. Mỗi khi tính đánh một cơ quan nào trong thành phố, các trưởng Ban công tác vô khu cùng với người có trách nhiệm thực hiện công tác ấy bàn cụ thể với Lê Tâm.

Có một lần ta dự định đánh một chiếc cầu chiến lược trên đường số 4 từ Sài Gòn về lục tỉnh. Lê Tâm tình nguyện núp trong giề lục bình xuôi theo dòng để leo lên cột cầu đặt chất nổ vào vị trí hiểm yếu, nhưng vừa nghe kế hoạch ấy anh Ba bác ngay: “Đó là công việc của các đội viên Ban công tác. Họ đã được huấn luyện thuần thục để làm những màn xiếc đó. Không phải là công việc của ông kỹ sư cố vấn phá hoại. Anh em công tác thành đã khó kiếm, kỹ sư cố vấn phá hoại còn khó kiếm hơn”. Chuyện chỉ có thể nhưng anh Lê Tám nhớ mãi tấm lòng quý trọng anh

em trí thức của anh Ba.

Mới về nước, còn độc thân, Lê Tâm ở chung nhà với uỷ viên quân sự Nam Bộ Nguyễn Bình và tiểu đội bảo vệ. Nhờ ở chung mà Lê Tâm biết nhiều về vị trung tướng đầu tiên của Nam Bộ. Các tay quân sự thường mạnh rượu, nhưng anh Ba không uống một giọt. Buổi tối Lê Tâm có nhiều thì giờ đàm đạo với anh Ba. Thường thì anh Ba đọc các công điện vào giờ chót do chị Trinh giải mã. Cứ vài hôm là có chỉ thị của Bộ Tổng gửi vào. Đọc xong anh Ba nói đại ý cho Lê Tâm nghe chủ trương của Bộ Tổng. Có khi anh Ba đưa công điện cho Lê Tâm xem. Một trong những công điện đó là mối quan hệ giữa tư lệnh và chánh uỷ.

Ông Giáp giải thích rõ: trong trường hợp bất đồng ý kiến giữa đôi bên thì tư lệnh có quyền quyết định, nhưng phải ghi biên bản ý kiến của chánh uỷ.

Ở Đồng Tháp, máy bay thường lên bắn. Vào mùa khô Tây nhảy dù chụp đầu não kháng chiến. Trong những vụ tấn công này, Lê Tâm học được đức tánh bình tĩnh của anh Ba Bình. Trong bất cứ trường hợp nào cũng phải thật bình tĩnh. Phải nhìn thẳng vào mặt mỗi nguy cơ. Tuyệt đối không khom lưng chạy vì như thế là mất tư thế quan sát. Mỗi khi Tây vô, anh Ba bố trí tiểu đội bảo vệ và chỉ huy từng người phân tán từng hướng. Nhưng bao giờ Lê Tâm cũng chạy theo anh Ba vì nghĩ rằng theo anh Ba thì đảm bảo hơn.

Anh Ba Bình ít nói nhưng đã nói thì thuyết phục được người nghe. Anh có cách nói đúng đối tượng, trí thức nói theo trí thức, công nhân nói theo công nhân, nông dân nói theo nông dân và đặc biệt là với anh em binh sĩ anh có cách động viên như truyền lịch. Được thấy anh Ba trong những lúc nói chuyện trước “ba quân” là một điều thích thú.

Một kỷ niệm khó quên trong thời gian Lê Tâm ở bên cạnh anh Ba Bình. Văn phòng Chi đội 4 đóng gần bên. Lê Tâm có dịp tới chơi, có chuyến cùng đi với anh Ba, có chuyến đi một mình. Anh Mười Trí đúng là tay nhậu có cỡ. Anh uống rượu vô thì mặt xanh chớ không đỏ như người khác. Đó là dấu hiệu tử lượng cao. Trong khi chén chú chén anh, hai bên bàn đủ thứ chuyện, anh Mười hỏi Lê Tâm có vợ chưa? Lúc đó Lê Tâm mới 25 tuổi, từ Pháp về được một năm. Biết Lê Tâm chưa vợ, anh Mười cười nói: “Để tôi làm mai cho”. Tưởng anh nói chơi ai ngờ anh làm thiệt. Người anh định giới thiệu với Lê Tâm là một cô cháu gọi anh Mười bằng chú, là liên lạc thành, người trắng trẻo, rất xinh vừa tròn hai mươi. Những lần gặp nhau, Lê Tâm thường hỏi cô Giỏi - tên cô gái - về chuyện vô ra thành, vượt qua bao nhiêu trạm gác.

Anh hồi hộp theo dõi những pha đấu trí của cô Giỏi với bọn lính kín, lính hở ở các nút chân ven đô. Dần dần hai người gần gũi thân thiết nhau. Lê Tâm muốn chọn cô Giỏi làm bạn đời nhưng anh suy nghĩ: cô Giỏi là một liên lạc thành rất đặc lực. Tương lai của cô rất tươi sáng, nếu lấy chồng rồi có con, sợ không thể tiếp tục hoạt động đặc lực như trước. Anh tự thấy không

thể ngăn trở bước tiến của cô gái đáng yêu này. Anh hoãn lại chuyện lập gia đình, chờ vài năm nữa.

Nhưng chiến tranh đâu phải là thời bình, vài tháng sau anh đi công tác xa và từ đó mất liên lạc với cô liên lạc thành. Về sau nhớ lại chuyện cũ, Lê Tâm bồi hồi xao xuyến: “Suýt chút xíu mình đã làm rể Bình Xuyên!”

Chương 36

Đầu 1947 Nguyễn Bình vào đảng

Vũ Huy Xứng nạp anh Ba

Cuối 1946 Tây đánh mạnh chiến khu D, phong toả các đường tiếp tế, Bộ chỉ huy Khu 7 phải dời về Đức Hoà Thành ở rìa Đồng Tháp Mười. Đánh dấu ngày này, Tám Nghệ làm bài thơ “Rừng nhớ người đi” đầy tình cảm thân thương:

*Từ độ Anh đi vùng kiếm thép
Mịt mù khói lửa khuất bình nhung
Rừng xanh thương nhớ như chinh phụ
Hồi hộp nghe từ tin chiến công
Chòi cũ còn đây mái xác xơ
Tro tàn bếp lạnh nhờ người xưa
Còn đâu những sáng tung bừng nắng
Lời quốc ca vang động bóng cờ
Còn đây mái suối chiếc cầu con
Bên đá chân anh bước đã mòn
Chim lặng, nước ngừng không hát nữa
Bãi hoang, dấu ngựa cỏ rêu phong
Sân hoa đâu nữa nơi múa kiếm
Thề với trăng khuya rửa sạch thù
Ai kẻ đề thơ trên lá thắm
Gởi dòng suối Ngọc nhắn kinh đô?
Ngày đi có bướm, hoa đưa tiễn*

Cành xanh bịn rịn vượt yên cương

Từ biệt Lạc An về Đồng Tháp

Thổn thức rừng ca khúc đoạn trường.

Từ đó, Lạc An mang nhớ thương

Sầu đông, rừng rụng lá muôn vàn

Bốn phương khói lửa phun mờ mịt

Rừng vẫn trông theo cánh phượng hoàng.

Tháng 2-1947 là một thời điểm lịch sử trong đời anh Ba Bình. Văn phòng Bộ chỉ huy Khu đóng ở Giồng Lức. Đây là một bưng lớn ở rìa Đồng Tháp Mười. Kế bên có Giồng Lớn, rồi tới Quéo Ba, nơi bộ đội thường tới đóng quân. Trong Phòng tham mưu có các nhân vật Tạ Nhất Tứ, Bùi Thanh Khiết, Vũ Huy Xứng, Phan Trọng Bình, Nhuận, Thơm, Thanh cạn được gọi là Thanh kiểng. Thơm là thư ký của Nguyễn Đình Thâu sau làm thư ký cho anh Ba, Thanh kiểng là thư ký đánh máy. Tạ Nhất Tứ nguyên là thanh tra chính trị miền Đông, trước Cách mạng tháng Tám từng là quận trưởng Gò Vấp.

Nhưng xin giới thiệu nhiều về Vũ Huy Xứng.

Xứng quê Gia Lâm, ra Hải Phòng từ năm tuổi, học trường Kỹ Nghệ tới năm thứ hai thì bị đuổi. Xứng làm thợ trong nhà máy kẽm. Nhờ có trình độ văn hoá và tài tháo vát, Xứng được chủ Tây cất nhắc nắm toàn bộ nhà máy. Các phu mỏ gọi Xứng là chủ nhì, chỉ đứng sau chủ nhất là Tây chủ mỏ. Xứng được cấp nhà ở như nhà Tây, cho lãnh lương cao, 68 đồng trong khi chủ chỉ lãnh có hai cắc tám. Đó là năm 1939. Dù được biệt đãi như vậy Xứng vẫn không quên nhiệm vụ của mình là tranh đấu cho quyền lợi anh em công nhân. Anh được anh Đào Văn Trường kết nạp vào Đảng năm 1939. Trong một năm, Xứng xui anh em thợ đòi lên lương bốn lần. Năm 1940 công nhân Hòn Gai bị đàn áp, công nhân các mỏ Quảng Yên, Uông Bí, Hải Phòng hoạt động mạnh để hỗ trợ.

Chính trong đợt đó Xứng bị bắt. Lúc đó anh là bí thư chi bộ nhà máy kẽm Quảng Yên. Vừa được tự do năm 1941 anh vào Nam cùng với hai anh em Phan Trọng Thái và Phan Trọng Bình. Tại Sài Gòn, hai anh Xứng và Bình hoạt động trong giới công nhân, thanh niên, tổ chức được năm nghiệp đoàn. Ngày 9-1-1946 trên đường công tác, Xứng và Bình bị Tây bắt và đưa về bót Catinat tra tấn 17 ngày trước khi đưa qua Khám Lớn. Sau thoả hiệp án, Tây đưa Xứng ra toà xử chín tháng tù. Nhưng anh đã ở tù quá bản án một tháng nên chúng thả ra. Lập tức Xứng nhảy ra bưng.

Trong bộ chỉ huy của Khu 7 cuối 1946 chưa có chi bộ. Xứng đề nghị lập chi bộ. Muốn mọi việc dễ dàng, phải tranh thủ sự đồng tình của Khu trưởng. Vũ Huy Xứng hỏi thăm những người từng ở gần Nguyễn Bình để tìm hiểu xu hướng chính trị của anh Ba. Người biết rõ anh Ba hơn ai hết là ông Trần Xuân Độ, nguyên là chánh trị bộ chủ nhiệm Khu 7. Qua ông Độ, Xứng biết anh Ba Bình đã là đảng viên Quốc Dân Đảng từ năm 1929-1930, nhưng ra đảo thì chuyển hướng và bị thanh trừng vì tội phản Đảng. Con mắt bên trái như là dấu tích kỷ niệm khó quên đó. Xứng nghĩ thầm: “Khó đấy”! Chim bị tên sợ cây cong. Nói thế nào cho “ông tướng” nghe đây? Sau mấy ngày nghiền ngẫm. Xứng đã tìm được bí quyết: Nguyễn Bình chỉ kính phục có một người trên đời. Người đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đang làm tư lệnh chiến khu Đông Triều cũng là Đệ Tứ quân khu mà Nguyễn Bình bỏ hết, để vào Nam chỉ với cương vị phái viên của Trung ương thì biết anh Ba kính trọng và tin tưởng Bác Hồ như thế nào. Bây giờ chỉ cần nói mời anh Ba vào Đảng của Bác là xong ngay.

Đúng như Vũ Huy Xứng nghĩ, anh Ba Bình không bác lời gợi ý của Xứng. Anh Bình chỉ nói:

- Chọn lựa bao giờ cũng đi đôi với mất mát. Hễ chọn cái này thì phải bỏ cái kia. Nhưng đến một lúc nào đó thì cũng phải chọn. Để tôi suy nghĩ thêm đã.

Vài ngày sau, anh Ba nói với Xứng:

- Tôi biết có nhiều người nói sau lưng tôi đủ thứ chuyện. Họ nói tôi là Quốc dân Đảng Họ nói đúng có một nửa. Đó là những năm tôi và Trần Huy Liệu hoạt động cho Quốc Dân Đảng và bị đày ra Côn Đảo. Nhưng từ năm 1935 tôi đã ra khỏi Đảng với cái kỷ niệm xốn xang nhức nhối này đây - Anh Ba đưa tay chỉ con mắt trái và thở dài nói tiếp - Tôi chúa ghét đầu óc bè phái. Nói tới đảng này phái kia là mặc nhiên thừa nhận có một sự chia rẽ nào đó. Trong lúc này cần đoàn kết, nhất trí mới thắng được giặc. Bác Hồ đã nêu khẩu hiệu “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” thật chí lý. Nếu toàn dân ta trên dưới một lòng chung sức đánh Tây thì cuộc kháng chiến sẽ mau tới thắng lợi.

Xứng im lặng để nghe anh Ba nói hết ý. Anh Ba tiếp tục:

- Rất tiếc là trên thực tế có nhiều Đảng phái đang tranh nhau quyền lãnh đạo cuộc kháng chiến. Ngoài Đảng Cộng Sản của Bác Hồ còn có Việt Nam Quốc Dân đảng của Nguyễn Hải Thần và Vũ Hồng Khanh, đảng Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội, gọi tắt là Việt Quốc, Việt Cách. Hai đảng này theo Tàu chống phá công cuộc kháng chiến của Việt Minh. Những người rĩ tai bảo Nguyễn Bình là Quốc Dân đảng là có ý đồ lên án tôi là tay phản động chui vào phá hoại Việt Minh. Đó là thủ đoạn cực kỳ nguy hiểm, có thể là một đòn ly gián của địch. Để đối phó chiến dịch rĩ tai này, chỉ có một cách hay nhất: Nguyễn Bình phải gia nhập Đảng Cộng Sản.

Vỗ vào cánh tay Vũ Huy Xứng, anh Ba Bình nói:

- Anh Xứng gọi ý rất đúng lúc. Tôi phải vào Đảng thôi. Để cho cuộc kháng chiến được thuận lợi hơn. Anh Xứng coi ngày nào tốt thì tiến hành lễ kết nạp đi!

Vào một ngày đẹp trời tháng 2-1947, Vũ Huy Xứng làm lễ kết nạp trung tướng Nguyễn Bình tại Giồng Lức. Cùng ngày ấy có hai người cũng được kết nạp. Đó là Bùi Thanh Khiết và Nguyễn Văn Nhuận. (Có người quả quyết Nguyễn Bình và Phạm Thiều được kết nạp cùng lúc do Hà Huy Giáp và Nguyễn Đức Thuận chủ trì).

Vũ Huy Xứng thấy rõ từ ngày vô Đảng, anh Ba Bình cố phấn đấu bản thân để giữ đúng kỷ luật Đảng với hai nguyên tắc thiểu số phải phục tùng đa số và hạ cấp phải phục tùng thượng cấp. Nguyên tắc thứ hai thì không đụng tới anh Ba bởi vì không ai cao cấp hơn ông trung tướng. Nhưng còn nguyên tắc thứ nhất thì có đôi lúc anh Ba khó chịu vì phải tôn trọng ý của số đông dưới quyền mình. Có một lần anh Thơm là thư ký của anh Ba phê bình anh Ba khá gay gắt trong một cuộc họp tổ Đảng về việc anh Ba nuông chiều Hoàng Thọ, để Hoàng Thọ xem thường mọi người kể cả ông chánh uỷ Khu là Hai Trí. Rõ ràng là anh Ba bực mình ghê gớm nhưng anh cố giấu xuống nhận sự phê bình của đồng chí. Sau phiên họp, với tư cách là tổ trưởng, anh Xứng phải “tốp” bót Thơm:

- Mày vừa vừa thôi nghe Thơm. Tao thấy đêm rồi anh Ba bực mày lắm đó.

Thơm nói tỉnh bơ:

- Phê tự phê là võ khí tu dưỡng đảng viên mà. Sao anh không cho tôi phê bình xây dựng anh Ba!

Xứng nhấn mạnh:

- Đồng ý rồi. Nhưng phê bình cũng tùy đối tượng, phải chọn lời lẽ. Với ông tướng mà mày nói xáng xả như đêm qua sao được!

- Tướng thì tướng chớ, đã cùng một tổ Đảng thì bình đẳng như nhau.

- Thôi thôi! Chớ có đòi dân chủ quá trớn. Trong Đảng cũng phải có tôn ti trật tự chớ. Tao thấy anh Ba giận lắm vì mày phê bình anh trong tổ Đảng. Chớ bên ngoài thì coi chừng à...

Thơm cười rất hóm:

- Bên ngoài cha tôi cũng không dám phê ổng như vậy!

Trung tướng Nguyễn Bình đã chánh thức vào Đảng rồi mà chung quanh hầy còn không ít kẻ tung tin đồn tai hại như Nguyễn Bình là Nguyễn Phương Thảo, là đảng viên Việt Nam Quốc

Dân đảng. Trước tình trạng này, anh Ba bình tâm bình với anh em trong tổ Đảng:

- Rõ ràng đây là chủ trương của Phòng Nhì. Tây gọi là “jeter le doute” tức là gieo sự nghi ngờ dễ bề chia rẽ. Về hai đảng Việt Quốc và Việt Cách thì khi tướng Lư Hán kéo bọn Tàu Tưởng từ Hoa Nam xuống miền Bắc nước ta để giải giới quân Nhật theo quyết nghị của Đồng Minh, hai đảng này cũng kéo bọn thổ phỉ theo những nhiều dân mình. Tôi đã từng diệt bọn này trong nhiều trận ở Tiên Yên và Móng Cáy. Có trận đánh thẳng vô bọn Tàu, không thèm đánh các cánh Việt Quốc hay Việt Cách. Có một trận tôi diệt gần ba trăm tên. Diệt một cách im lặng không ồn ào. Bọn Quốc Dân Đảng nghe tên Nguyễn Bình là khiếp vía kinh hồn. Nhỏ không ồn ào mà không xảy ra vụ Lư Hán làm ầm ĩ như vụ Chèm. Dù vậy Bác Hồ vốn thấy xa trông rộng nên đưa tôi vào Nam để tránh rắc rối về sau. Một người đã diệt cả trăm thổ phỉ Việt Quốc Việt Cách ở miền Bắc mà vô Nam lại bị chụp mũ Quốc Dân Đảng thì thật là chuyện trớ trêu đến buồn cười. Cho nên tôi khẳng định: Đây là chủ trương của địch. Hễ nghe ai rỉ tai nói bậy thì các đồng chí bắt ngay cho tôi.

Vũ Huy Xứng cũng đồng ý với anh Ba.

Chương 37

Phong trung tướng, Nguyễn Bình nở mặt

Huỳnh Thế Phương tiếp khách Sài Gòn

Ngày 25-1-1948 chánh phủ Trung ương kiện toàn bộ máy quân dân chánh ở Việt Bắc, Bác Hồ phong quân hàm tướng cho các cán bộ quân sự cao cấp. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được phong đại tướng, Nguyễn Bình ở Nam Bộ được phong trung tướng và Nguyễn Sơn phụ trách miền Trung được phong thiếu tướng. Ở cấp thiếu tướng còn có năm vị nữa. Đây là tám vị tướng đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Điện phong trung tướng cho Nguyễn Bình tới Nam Bộ tạo một niềm phấn khởi cho toàn thể quân và dân miền Nam. Ai nấy đều hồ hởi vì Trung ương thấy công lao của vị phái viên Trung ương đã giữ được miền Nam trong những năm cuồng phong bão tố bẻ gãy được mũi nhọn viễn chinh của danh tướng Leclerc đã từng giải phóng nước Pháp và dẫn đầu Sư đoàn 2 thiết giáp thừa thắng xốc tới vượt hai sông Rhin và Danube góp phần đánh bại quân Đức hung hăng của Hítler. Dưới sự lãnh đạo tài ba của Nguyễn Bình, các bộ đội địa phương được tập hợp lại: chánh qui hoá, đi vào nề nếp, đặt trọng tâm đánh Tây lên trên hết, dẹp bỏ những tệ hiềm cá nhân kiểu thập nhị sứ quân. Thống nhất được các bộ đội giang hồ mà đứng đầu là Bình Xuyên là một thành công lớn không ai phủ nhận được. Kế đó là sáng kiến tuyệt vời: đào tạo binh

chúng tinh nhuệ luôn sẵn đánh hiểm, đột nhập vào thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn là hang ổ của địch, ngày đêm khuấy rối, rải truyền đơn, ném lựu đạn, làm cho địch ăn không ngon, ngủ không yên: biến thiên đàng thành địa ngục. Thời chiến quốc bên Tàu chỉ có một Kinh Kha, một Tào Mạt, một Chuyên Chư, một Dự Nhượng, một Nhiếp Chính, một Cao Tiệm Ly mà để lại cho ngàn đời sau những trang sử hào hùng. Nhưng với sáng kiến lập 10 Ban công tác Thành, Nguyễn Bình đã tạo ra không biết bao nhiêu Kinh Kha, Nhiếp Chính Việt Nam.

Trước tin điện phong trung tướng không bao lâu thì báo chí Sài Gòn loan tin một thợ hớt tóc cắt cổ tên đại tá uỷ viên cộng hoà Pháp tại Lào tên là Hans Imfelt. Vụ ám sát diễn ra trong phòng số 28 khách sạn Hotel des Nations số 68A Charner (Nguyễn Huệ). Anh thợ hớt tóc này là một đội viên Ban Công Tác Thành tên là Võ Hồng Tâm, mới mười tám tuổi. Điều quan trọng là tên đại tá Imfelt không chỉ là uỷ viên cộng hoà (tương đương thống đốc cũ) ở Lào mà thật ra là một sĩ quan tình báo lợi lại. Chính Imfelt đã vạch kế hoạch tấn công Việt Bắc, định diệt đầu não chánh phủ Trung ương. Sau đó chính nó lại vạch kế hoạch đánh toàn lực vào Đồng Tháp Mười để “hốt trọn” Uỷ ban kháng chiến - hành chánh Nam Bộ. Hắn chưa kịp ra tay thì ta đã đánh trước. Ngày 8-4-1946 ta đốt kho đạn lớn nhất của địch tại Thị Nghè. Kho đạn này Tây gọi là Pyrotechnie, ở góc đường Chasseloup Laubat-docteur Angier (Xô viết Nghệ Tĩnh- Nguyễn Bình Khiêm). Kho đạn chiếm một diện tích lớn, mặt tiền ngó ra đài phát thanh Sài Gòn, còn mặt hậu thì chạy dài tới rạch Thị Nghè. Bởi vậy mới được gọi là Kho đạn Thị Nghè. Vụ nổ cháy này kéo dài trong ba ngày ba đêm. Khói bốc lên đen cả một góc trời. Tây hoang mang không kể xiết. Càng hoang mang dữ khi biết hệ thống phòng vệ kho đạn này thật kiên cố, lính gác nhiều vòng trong vòng ngoài. Thế mà vẫn bị Việt Minh đánh phá. Có tin được xác nhận là Việt Minh đã đột nhập kho đạn bằng đường cống ngầm trở miệng ra con rạch Thị Nghè từ trong Sở thú bên kia đường Chasseloup.

Như sóng trường giang lớp sau đè lớp trước, cơn chấn động về kho đạn Thị Nghè chưa tan thì xảy ra chuyện đại tá uỷ viên cộng hoà Pháp ở Lào bị cắt cổ ngay trong phòng khách sạn giữa trung tâm Sài Gòn...

Đánh địch một lúc hai chiến trường, tiền tuyến và hậu phương, mỗi chiến trường có một thứ binh chủng tinh nhuệ. Trong vùng giải phóng có Vệ Quốc Đoàn, ở vùng tạm chiếm có Ban công tác Thành. Về sau có thêm các đội Công an xung phong cũng không kém lợi hại... Tóm lại, với tài chỉ huy của Nguyễn Bình, kháng chiến đã bẻ gãy các mưu đồ xâm chiếm của địch về quân sự cũng như về chính trị. Vụ giết tên bác sĩ Trần Tấn Phát, báo chí Sài Gòn đều đăng tin sôi nổi. Các báo Pháp còn nói rõ hơn: Nguyễn Bình đã bóp nát chánh phủ Nam Kỳ tự trị từ trong trứng nước khi loại trừ vị thủ tướng đã được quan thầy Pháp chọn. Cố nhiên là không có Trần Tấn Phát thì cũng có Nguyễn Văn Thinh. Nhưng Nguyễn Văn Thinh bản chất hiền lành,

không hiểu chiến như Trần Tấn Phát. Đưa Thịnh lên là vì nhu cầu cấp thời mà thôi. Quả đúng như chúng nhận định, Nguyễn Văn Thịnh vừa ra mắt chánh phủ ở nhà thờ Đức Bà ngày 1-6-1946 thì năm tháng chín ngày sau, ngày 9-11-1946, Thịnh đã thắt cổ tự tử vì ăn năn đã đi ngược lại con đường của dân tộc.

Công điện phong chức trung tướng cho Nguyễn Bình tạo một không khí tung bừng chưa từng thấy. Tất cả ba khu 7, 8 và 9 đều đánh điện về chia vui.

Nhưng không đâu hồ hởi cho bằng Khu 7 là nơi đầu sóng ngọn gió. Tất cả các trung đoàn đều làm lễ liên hoan ăn mừng thắng lợi tuy là vinh dự dành riêng cho vị uỷ viên quân sự Nam Bộ nhưng cũng là niềm vinh dự chung của mọi người trong chiến khu.

Lễ thụ phong trung tướng được Bộ tư lệnh Nam Bộ tổ chức hết sức trọng thể. Cả nước Việt Nam chỉ có một vị trung tướng. Đó là nhân vật số hai, sau đại tướng Võ Nguyên Giáp. Địa điểm làm lễ là xã Nhơn Hoà Lập, nơi các cơ quan Nam Bộ đóng. Xã này chạy dài theo con kinh Lagrange, vừa được đổi tên kinh Dương Văn Dương, vị lãnh tụ của Bình Xuyên đã tử trận sau Tết Bính Tuất (1946) tại Châu Bình (Bến Tre).

Để có đủ thành phần xã hội tham dự, ban tổ chức mời một số nhân sĩ trí thức ở Sài Gòn ra. Tất nhiên giới văn nhân ký giả được nghĩ tới đầu tiên. Trong danh sách được liên lạc thành tới mời và đưa đón có nhà báo Thiếu Sơn Lê Sỹ Quý, Tam Ích (XXX) và nhà văn Lý Văn Sâm. Ba vị này viết báo công khai tỏ quan điểm ủng hộ kháng chiến, là ba tay cự phách trong làng báo chí thống nhất bút chiến ác liệt với nhóm báo chí phân ly mà dẫn đầu là hai tờ Phục Hưng và Tương Lai.

Mời trí thức ở thành ra, phải có người đón tiếp cẩn thận. Người được trung tướng giao trọng trách đó là trung đoàn phó Huỳnh Thế Phương. Anh Phương là ai vậy? Phương là dân miền Trung lưu lạc giang hồ từ nhỏ, đã từng ra Huế học Lycéum Việt Anh, qua Nam Vang học Lycée Sisawath. Năm 1945 về Sài Gòn học trường sĩ quan Nhật sau ngày 9-3. Ta cướp chánh quyền, Phương vận động binh lính Heiho (do Nhật đào tạo) gia nhập Cộng hoà vệ binh cũng gọi là Đệ nhất sư đoàn. Do vậy mà số Heiho trong Cộng hoà vệ binh rất đông, chỉ đứng sau anh em Garde Civile Locale và Brigade Mobile tức lính Bảo an mà dân Nam gọi là “mã tà chân xanh mắt ếch”. Đơn vị Phương thủ ở Bình Điền, đánh một trận ra trò tại Gò Đen. Lúc đó Phương đã là trung đội trưởng. Trận này báo Kèn gọi lính của Trần Bửu Kiếm đã viết bài tường thuật. Tây đánh mạnh, ta rút xuống Mỹ Tho rồi Bến Tre. Tại mặt trận An Hoà - Giao Hoà, Phương đã gặp anh Ba Dương, và sau khi Ba Dương hy sinh, Phương đã yểm trợ bộ đội Bình Xuyên lúc đó do Sáu Đối chỉ huy về Rừng Sác. Ban đầu định đi đường biển. Xuống tới Bình Đại thì có tin Tây chiếm Bà Rịa. Phải đi đường bộ. Bộ chỉ huy họp bàn lộ trình hành quân. Anh em vẽ bản đồ trên

cát. Đang phân vân không biết đi qua những nơi nào thì Sáu Đối rút gươm thọc một đường thẳng trên bản đồ cát nói: “Đi đường này”. Thế là “đại quân” gồm khoảng bốn trăm binh sĩ cứ cương quyết ra đi, đụng địch thì đánh mở đường máu. Ngày nghỉ đêm đi. Về tới Rừng Sác, một bất ngờ khó chịu chờ đón anh Phương: Bảy Viễn muốn “Bình Xuyên hoá” cánh quân Cộng hoà vệ binh của Huỳnh Thế Phương. Tất nhiên Phương không đồng ý. Anh đã làm xong nghĩa vụ yểm trợ Bộ đội Bình Xuyên trở về Rừng Sác an toàn. Giờ thì anh phải đưa quân của mình về Khu Tám. Trong cuộc tranh chấp này, anh Phương thất thế vì anh chỉ là một nhóm nhỏ. Mà luật giang hồ bây giờ là cá lớn nuốt cá bé. Thời may có Mai Văn Vĩnh can thiệp. Bảy Viễn nể Chi đội 7 của cha con ông Tám Mạnh - Hai Vĩnh bỏ ý định sát nhập Cộng hoà vệ binh của Huỳnh Thế Phương. Trở về Khu Tám, Phương làm phó cho ông Đồng Văn Cống (Trung đoàn 99) một thời gian rồi qua bộ đội hải ngoại Trần Phú. Có thể nói cuộc đời của Huỳnh Thế Phương từ lúc đi học tới lúc đánh giặc rất long đong, không ở nơi nào lâu.

Long đong vì tánh tình ngay thẳng, thấy sai không thể làm ngo, chẳng hạn như trong chủ trương tảo thanh Hoà Hảo ở hai Khu 8 và 9, Phương rất xót xa vì cảnh nôi da xáo thịt.

Trong trận vây bắt Hoà Hảo hành quân trong xã Bình Tiên, ngoại vi thị xã Sa Đéc, lần đầu tiên Phương trông thấy nữ binh Hoà Hảo xuất viện. Thật không thể tưởng tượng được. Nữ tướng tự xưng là Phàn Lê Huê được khiêng trên kiệu. Cô còn trẻ măng, khoảng mười tám. Nữ binh Hoà Hảo với gươm giáo làm sao đương cự với bộ đội Hải ngoại là đơn vị có súng ống tối tân từ Xiêm về.

Phương cho bao vây và bắt sống Phàn Lê Huê sau khi đánh tan đội bảo vệ. Cô ta khai tên là Thanh, quê xã Bình Tiên học trên Sài Gòn năm thứ tư trung học. Sắp thi đúp-lôm thì xảy ra chiến tranh. Về làng cô được Hoà Hảo chọn làm nữ tướng Phàn Lê Huê nhờ đẹp gái và có ăn học... Phương nhìn kỹ trong lúc thẩm vấn, nữ tướng mặc bộ đồ hàng đen viền chỉ vàng. Trước khi đóng vai Phàn Lê Huê, cô Thanh làm y tế huyện. Phương suy nghĩ: phải cứu cô gái này. Cô ta chỉ là nạn nhân của Hoà Hảo. Nếu giao đám nữ binh Hoà Hảo này vào các tay hiếu sát thì cái chết rừng rợn chờ đợi các cô: mò tôm. Lúc đó ta không có chánh sách tù binh. Giam giữ vừa tốn cơm vừa tốn người canh gác. Khử là nhanh gọn nhất. Anh chuyển Phàn Lê Huê tới một trại tù binh mới thành lập mà trưởng trại là người hiền lành. (Về sau, năm 63, anh Phương gặp lại cô Thanh tại Hà Nội, bấy giờ nguyên nữ tướng Phàn Lê Huê nghiêm nhiên là bác sĩ quân y)

Nhưng hãy trở lại lễ thụ phong trung tướng của Nguyễn Bình. Trong một cuộc họp quân sự cao cấp ở Nam Bộ, Nguyễn Bình đã để mắt xanh tới trung đoàn phó Huỳnh Thế Phương: “Đây là cán bộ trung đoàn trẻ nhất, có trình độ văn hoá, có khả năng chỉ huy”. Lời nhận xét này khiến Phương phục Nguyễn Bình là “quân tử” vì trước đó anh đã từng “nói lén” trung tướng

với một số anh em: “Nguyễn Bình nặng đầu óc huynh trưởng, pha thêm chất lưu manh. Ông dùng đám giang hồ tự do phóng túng chỉ biết phục tùng cá nhân Nguyễn Bình, còn chánh uỷ Hai Trí thì coi không có ra ký lô nào hết. Về cái mà thiên hạ thán phục, gọi là dũng cảm phi thường như mạo hiểm về thành quan sát tình hình, tôi cho là liều mạng làm hy sinh cả trung đội có nhiệm vụ yểm trợ...”. Không ngờ trong đám bạn bè thân cận có người lên “méc” anh Ba. Nếu là kẻ tiểu nhân thì Nguyễn Bình đã “đi” kẻ nói xấu mình. Nhưng không, anh Ba còn chọn Phương thay mặt cho mình đón tiếp đoàn nhà văn nhà báo Sài Gòn. Suốt mấy ngày ba anh Lý Văn Sâm, Thiếu Sơn, Tam Ích xuống Đồng Tháp Mười, Phương lo cho họ thật chu đáo. Sáng đưa họ đi ăn hủ tiếu; tối đưa họ đi ăn chè ở quán Dì Ba, một quán của nhóm Dân Chủ lập trên bờ kinh Nhơn Hoà Lập để cho căn cứ Nam Bộ có chất tươi mát, giải trí anh em cán bộ xa nhà. Từ ngày đầu đến ngày cuối ba anh em trí thức Sài Gòn rất hài lòng về tổ chức trong lễ thụ phong trung tướng. Họ được thấy tận mắt sinh hoạt vui tươi, lạc quan, tin tưởng của nhân dân trong Đồng Tháp Mười. Người mà họ khoái nhất tất nhiên là trung đoàn phó Huỳnh Thế Phương đã phục vụ hết mình “khách đô thành viếng chiến khu xanh”.

Chương 38

Ấp An Điền nhiều dân thổ mộ

Theo Bảy Quới hăm hờ đánh Tây

Ấp An Điền nằm trong làng Bình Quới quận Thủ Đức cách Sài Gòn có ba ngàn thước, nhờ tinh thần đánh Tây mà nổi tiếng như cồn. Đặc điểm của ấp này là dân đa số sống nghề đánh xe thổ mộ tuyến đường Thủ Đức - Sài Gòn và Thủ Đức- Giồng Ông Tố.

Đất nghèo nhưng thuộc địa linh nhơn kiệt, ấp An Điền cũng sản sanh một sinh viên ra Hà Nội học. Đó là anh Trần Văn Quới - dân trong vùng gọi thân mật là Bảy Quới - sanh năm 1916 ở xã Bình Quới. Có lẽ cha mẹ lấy tên đất đặt tên người cho đậm đà tình quê hương. Bảy Quới theo ngành luật, mới học có một vài năm thì Tây trở lại tái chiếm thuộc địa. Bảy Quới xếp bút nghiên lập bộ đội đánh Tây. Phất cờ tại ấp nhà nên bộ đội Bảy Quới lấy tên là bộ đội An Điền. Nhiều người tưởng An Điền là một xã trong quận Bến Cát, nhưng An Điền đây chỉ là một ấp nhỏ mà thôi.

Bảy Quới đang cần một người có khả năng để chia bớt gánh nặng thì có bạn cũ là Nguyễn Văn Hoài từng bôn ba ở Thái Lan về. Hoài đi lính Pháp, lên tới adjutant (ông ách) vốn là người xã Linh Đông, ngay thị trấn Thủ Đức, chỉ cách Bình Quới có ba ngàn thước. Lập tức Quới kéo

Hoài về Bình Quới với mình.

Không bao lâu lại có thêm một chiến hữu nữa. Đó là Chấn, nguyên là “recevetu”(1) trên bến bắc Mỹ Thuận. Quới phân công Chấn tiếp tế bộ đội còn Hoài và anh lo về mặt chỉ huy tác chiến. Hoài là cựu quân nhân nên giữ chức chỉ huy còn Quới làm chánh trị viên.

Lúc đầu bộ đội An Điền chỉ có hai trung đội. Đa số là “xà ích” (đánh xe thổ mộ) và công nhân cao su. Nổi bật nhất có hai tay anh chị Năm Xê, Năm Ký. Khí thế bộ đội An Điền rất cao nhờ chiến công sốt dẻo: chụp đồn Thủ Đức trước ngày Sài Gòn cướp chánh quyền ngày 25-8-1945. Lập đầu công là do anh em đánh xe ngựa hàng ngày chạy qua chạy lại trước bót, biết rõ giờ giấc sinh hoạt trong đồn. Ta thừa lúc bất ngờ bắt sống tên Tây xếp bót, tịch thu súng. Thừa thắng xông lên, hôm sau ta họp mít-tinh tại chợ cá Thủ Đức. Anh Chấn là diễn giả kêu gọi đồng bào ủng hộ cuộc kháng chiến. Trong dịp này ta vây bắt tên cai tổng Định, nhưng lão nhanh chân chạy thoát.

Hai ngày sau, hai anh Bảy Trấn (Nguyễn Văn Trấn) và Huỳnh Tấn Phát về Thủ Đức phổ biến đường lối chánh sách Việt Minh. Cờ vàng sao đỏ của Thanh niên tiền phong biến thành cờ đỏ sao vàng của Việt Minh.

Kỷ niệm nhớ đời là trong cuộc biểu tình vĩ đại ngày 2-9-1945 tại Sài Gòn, bộ đội An Điền đã lập thành tích: anh Hoài đã bắt một thằng Tây núp trong hăng Jean Comte bắn lên đoàn biểu tình nấp cho chủ tịch Lâm ủy Hành Chánh Nam Bộ Trần Văn Giàu. Tới chiều tối anh em bộ đội An Điền mới về tới nhà.

Trước đó có tin bộ đội An Điền bị Tây bắn chết hết. Chừng các anh về, cha mẹ các anh vui mừng tới chảy nước mắt. Ngày bộ đội An Điền chánh thức ra mắt đồng bào là ngày 13-9-1945. Trận đầu tiên là trận ngã ba bến đò Bình Quới vào ba giờ chiều. Ta phục kích đánh ba xe GMC chở Chà Chóp. Đánh rất có bài bản: chặt mấy cây dừa ngay cua(2) để buộc xe địch chạy chậm lại. Ta giết 15 địch, bên ta hy sinh ba chiến sỹ trong đó có con chị Năm Cò. Đó là ngày 20-9-1945. Ta đưa xác về trường Linh Đông làm lễ truy điệu rồi mai táng tại Gò Cây.

Sau đó có tin một tên quan tư từ Đà Lạt về, có bốn xe lính hộ tống. Ta liền phục kích trên nóc nhà lồng chợ Thủ Đức. Đoàn xe chạy tới, ta nổ súng, tên quan tư bị thương. Bốn xe hộ tống dừng lại nổ súng như mưa. Ta chết ba, rút khỏi vòng vây an toàn bằng cách giả dạng thường dân.

Trận thứ ba nhằm mừng ba Tết. Ta đánh Chợ Nhỏ (Thủ Đức). Năm quy luật Tây chở súng hàng tuần vào sáng thứ hai từ Thủ Đức tới Chợ Nhỏ, ta nổ hai loạt súng, địch bỏ chạy, ta cướp bốn súng đại liên, với thùng đạn 50 viên, 30 Mút Anh, 10 tôm-xông đem về Tăng Nhơn Phú.

Chiến thắng này do anh Tư Mọi lập đầu công với cách đánh cực kỳ gan dạ. Anh giả là hương chức hội tề, mặc áo dài the, khăn đóng, cặp tôm-xông như xách dù, chờ xe Tây tới gần mới nổ cả hai băng. Một giờ trưa Tây trở lại tấn công ba mũi Dĩ An, Chợ Nhỏ, Thủ Đức. Ta chống cự tới bốn giờ, diệt thêm ba mươi tên nhưng anh Tư Mọi tử thương. Sau trận này ta rút về Long Phước Thôn dưỡng quân.

Năm ngày sau Bảy Quới nhận được thư Nguyễn Bình “hoan hô các anh đánh trận Mít Nài và tặng một số tiền để khao quân”. Đó là bức thư đầu tiên bộ đội An Điền nhận được của khu trưởng Nguyễn Bình. Ai nấy đều phấn khởi, chỉ có một mình Bùi Hữu Phiệt thắc mắc. Hắn la lớn: “ Nguyễn Bình là thằng nào? Nó muốn tước vũ khí mình à?”. Mặc kệ hắn, anh em bộ đội An Điền phấn khởi, bắt liên lạc với Nguyễn Bình. Đó là ngày mừng 4 Tết.

Nhưng hãy nói về tên Bùi Hữu Phiệt.

Sau trận đánh ở Ngã ba Bình Quới, bộ đội An Điền đóng trong nhà mát của thanh tra học chính Taboulet. Có một toán mười người miền Bắc tới xin gia nhập bộ đội An Điền. Chỉ huy là Bùi Hữu Phiệt, tự xưng là chánh trị phạm từ Côn Đảo về. Quới và Hoài vui lòng nhận họ và phân công họ Bùi lo việc văn phòng. Nhưng qua hai trận đánh tiếp theo thì anh em thấy nhóm người Bắc mới đầu quân này không có tinh thần chiến đấu, lại tỏ ý “lánh nặng tìm nhẹ”. Hai anh Năm Xệ và Năm Ký vốn tánh lỗ mãn đòi “giết mấy thằng Bắc Kỳ này cho rảnh”. Nhưng hai anh Quới và Hoài khuyên anh em chớ nóng...

Về Long Phước Thôn, ta bị Tây tấn công ác liệt. Rồi lại đụng một trận chống càn tại Dốc 1947 gần Long Thành, nhóm Bùi Hữu Phiệt chạy dài. Anh em đánh xe thổ mộ gọi họ là “cá sọc dưa”; hay là “gà chạy rớt”. Đã không có gan đánh đấm, Bùi Hữu Phiệt lại ngấm ngầm tuyên truyền trong số anh em công nhân cao su người Bắc chống Nguyễn Bình. Một số anh em này nghe Bùi Hữu Phiệt. Nhưng anh em đánh xe thổ mộ nhất định không thèm nghe “thằng Phiệt ọ ẹ”.

Phiệt rất mê cầu cơ. Đêm nào cũng xúm xít cầu cơ rồi bàn bạc về Thánh ngôn. Hắn giao du với Nguyễn Thành Long là tay dựa hơi Cao Đài, tìm cách liên lạc với nhóm Năm Hà đóng ở Phước An, Long Thành.

Lúc Tây đánh mạnh, hắn cứ một hai đòi rút đi, tìm nơi an toàn mà đóng quân. Không được tín hiệu gì về Liên Chi 2-3 của Năm Hà, Bùi Hữu Phiệt quay sang Mười Trí. Hắn đề nghị với hai anh Quới và Hoài:

- Nếu anh Bảy và anh Tám đồng ý, ta bắt liên lạc ngay với Chi đội 4 của anh Mười Trí.

Tháng 5-1946, bộ đội An Điền lên ấp 4 Vĩnh Lộc. Bị Chi đội 12 của Tô Ký theo dõi, Bùi

Hữu Phiệt than với Quới và Hoài: “Tụi nó muốn giết tôi”. Quới cười bảo “Anh làm gì sai trái mà người ta giết?”. Anh Quới cương quyết tới ấp 4 Vĩnh Lộc đóng quân. Chi đội 12 chặn lại tại Bà Quẹo, nhưng Quới tranh thủ Mười Trí để tiến về ấp 4. Mười Trí đồng ý và đưa quân lên ấp 8 đóng yểm trợ. Sáng hôm sau Tây vô, bộ đội An Điền rút xuống bưng. Chưa quen địa hình, anh em hoàn toàn bị động. Trận này bộ đội An Điền bị thiệt hại nặng: chết gần 70 đội viên. Thế là bộ đội An Điền với khoảng 300 kẻ như tan rã. Chuyện đáng đánh dấu hỏi là cả văn phòng của Bùi Hữu Phiệt biến mất. Tây rút đồng bào trong vùng giúp bộ đội tìm xác và mai táng anh em tử trận. Ngày ấy, về sau là ngày giỗ hội trong vùng Vĩnh Lộc. Không nhớ rõ ngày, chỉ biết là vào cuối tháng 5-1946. Trong số tử vong có một lính Nhật theo ta. Anh này tên Nô và là xạ thủ đại liên.

Hoạ vô đơn chí, sau trận này, Tám Hoài về Thủ Đức thăm nhà cha và vợ, tới cầu Bến Phên thì bị bắn chết. Về sau Quới mới biết Bùi Hữu Phiệt và Nguyễn Thành Long âm mưu thủ tiêu hai anh Hoài và Quới để cướp bộ đội An Điền, liên kết với bộ đội Cao Đài của Nguyễn Thành Long.

Sau biến cố ấp 4 Vĩnh Lộc, Bùi Hữu Phiệt và Nguyễn Thành Long tham gia Mặt trận Liên hiệp Quốc gia chống Việt Minh. Bảy Quới tự phê bình nghiêm khắc đã “nuôi ong tay áo”, chứa chấp tên phản động Bùi Hữu Phiệt. Anh thấy các tay giang hồ Năm Xệ và Năm Ký đòi giết Phiệt là có lý.

Phiệt và Long đưa bộ đội An Điền còn sống sót về tá túc với Chi đội 4 của Mười Trí. Vốn tánh mạnh thường quân, Mười Trí sẵn sàng giúp đỡ những người nhờ mình, vô tình phạm phải khuyết điểm của Bảy Quới là “nuôi ong tay áo”.

Tháng 10-1946, Bảy Quới bị cảm thương hàn sau trận Rau Râm. Anh được chở về Bình Hoà điều trị, khi mạnh rồi nhận quyết định của Nguyễn Bình, lập Chi đội 25 với bộ đội Sài Gòn - Chợ Lớn của Tư Ty và hai trung đội Cao Đài của Nguyễn Thành Long.

Cũng nói qua về Tư Ty. Đây là tay giang hồ xuất thân từ Cầu Bót ở Bình Đông. Mặt chữ điền, miệng giống mỏ chim sẻ, lực lượng chỉ có một tiểu đội nhưng lại được đưa lên làm chỉ huy trưởng, còn Bảy Quới chỉ làm phó. Chánh trị viên là anh Nguyễn Văn Tốt, công nhân Ba Son.

Chi đội 25 là thối thân của bộ đội An Điền mà linh hồn là Bảy Quới. Sau khi thành lập, Chi đội kéo về Giồng Dinh để huấn luyện. Tại đây Chi đội có tham mưu trưởng là Bảy Cao vốn là thủ lĩnh Thanh niên ái quốc Đoàn cùng với Nguyễn Văn Tư. Vừa củng cố đội ngũ xong, Chi đội 25 được thử lửa ngay.

Ngày 20-3-1947 Tây nhảy dù xuống Giồng Dinh. Đây là trận nhảy dù đầu tiên trên Đồng Tháp Mười. Lúc đó Chi đội 25 đóng ở Giồng Nhỏ, cách Giồng Dinh năm cây số Tư Ty được mời đi đón bộ đội Hải Ngoại ngày 19-3. Sáng sớm hôm sau Tây nhảy dù trắng đồng. Phía Bình Hoà có tàu lồng cu lên khoá mặt sông.

Tham mưu trưởng quận khu 7 Tạ Nhứt Tứ ra lệnh Chi đội 25 đánh giải vây Chi đội 6 của Hai Dung đang mở đường máu. Bộ tham mưu bàn kế hoạch, xạ thủ Nhật góp ý: hành quân trên đồng trống, máy bay bắn chết. Nên bám trụ chiến đấu. Thế nào chiều bọn Tây cũng rút qua ba xóm giữa đồng. Ta liền phục kích ở Giồng Dinh, Giồng Nhỏ và Hiệp Hoà.

Một giờ trưa, Tây từ Giồng Dinh kéo qua Hiệp Hoà. Chúng đụng bộ đội Hải ngoại, liên quân với Chi đội 25. Pháo dưới tàu lồng cu giã ác liệt dọn đường cho bộ binh rút. Ta nằm êm nhìn xe lội nước băng đồng. Lúc đó là mùa khô, từ xa thấy xe lội nước “nhảy cà còng” lên lau sậy, dựng năn, như bầy trâu động cõn. Đến hai giờ ba mươi, ba xe lội nước đi đầu tới gần nơi ta phục kích. Nguyễn Bình và Tạ Nhứt Tứ leo lên ngọn cây quan sát. Lần đầu tiên ta dùng súng Piat của Hải ngoại đem về từ Thái Lan. Ngay những phát đầu, ba chiếc xe lội nước đã cháy tức khắc. Piat là chữ tắt của Projectile anti-tank - tức súng chống tăng. Loại đạn này có sức nóng chảy thép, đã đánh tan binh chủng thiết giáp cực kỳ lợi hại của tướng Đức Rommel, tư lệnh quân đoàn Afrika Korps ở Châu Phi. Địch hoảng kinh co cụm lại, cho pháo dưới tàu giã vào nơi ta phục kích, nhưng ta vẫn nằm im trong công sự. Chúng phản công ba lần đều thất bại. Anh xạ thủ đại liên Nhật bắn phát một hay từng loạt thật chính xác khiến bọn Dù thiện chiến cũng phải nằm lại Giồng Dinh. Còn bọn đầm cứu thương thì chạy bò càng tốc bùng-rền trông thật buồn cười. Đến sáu giờ chiều ta rút lên kinh Lý Văn Mạnh. Vừa tắm rửa xong thì được thư khen của Khu trưởng Nguyễn Bình kèm theo 10.000 và một cặp heo để khao binh sĩ Chi đội 25 đã chống trận càn một trận tuyệt vời. Bộ đội Hải ngoại cũng được khu trưởng khen thưởng như vậy. Cuộc đời binh nghiệp Bảy Quới không suôn sẻ. Tư Ty tìm mọi cách để đưa tay trí thức này ra khỏi Chi đội 25 để độc chiếm Chi đội 25 mặc dầu thực lực ban đầu của hắn chỉ có một tiểu đội. Một hôm Trưởng phòng quân Pháp khu 7 Lê Đình Chi mời Bảy Quới qua nhà ăn cơm. Trong bữa ăn, ông Chi cho biết Tư Ty gởi đơn tố cáo Bảy Quới theo Cao Đài. Biết Bảy Quới là sinh viên Luật Hà Nội, ông Chi nói tiếp:

- Trong nội bộ chú lộn xộn, nó định làm hại chú. Chú ở đây với tôi.

Vậy là Bảy Quới bị giữ tại Phòng Quân pháp. Đồng thời bộ đội An Điền bị đưa hết vô Hội đồng Sầm, nơi giam giữ tội nhân cũng như những người bị tình nghi. Năm Xê chịu không nổi nạn bị bắt một cách vô cớ, đánh đập một chiếc ghe chạy trốn, không may bị bắt và bị giết.

Bảy Quới bị “kẹt” tại Phòng Quân pháp trên một năm, từ tháng 7-1947 tới tháng 8-1948.

Trong cái rủi có cái may. Lê Đình Chi cùng học Luật ở Hà Nội với Quới và Dương Minh Châu. Hồi ấy Châu và Quới cùng ở chung một gác trọ. Nhờ vậy mà ông Chi đối xử với Quới rất đẹp, coi như bạn chứ không như kẻ bị quản thúc. Trong một năm này, Quới đọc lại bộ Luật “Code pénal modifié” (luật hình sự sửa đổi).

Vài tháng sau Nguyễn Bình hỏi ông Chi: “Anh Quới có vấn đề gì không?”. Ông Chi đáp: “Quới chỉ mê đánh giặc. Mấy tháng nay ở với tôi, ngày đêm nghiền ngẫm sách Luật với anh Tiến, chánh trị viên Chi đội 16”. Nguyễn Bình gật: “Vậy Phòng Quân pháp sẽ có thêm hai cán bộ có khả năng tăng cường, tiếp tay với anh”. Ông Chi cười nói: “Đọc sách luật chỉ là “để giết thời giờ”. Theo tôi biết thì Quới chỉ mong được cho tiếp tục đánh giặc”.

Nhờ ông Chi mà sau vài tháng bị quản chế, bộ đội An Điền được thả ra. Trong khi Bảy Quới còn kẹt ở phòng quân pháp, Nguyễn Bình chỉ định Thiết Sơn thay Quới chỉ huy chi đội 25 với cương vị chánh trị viên...

Chú thích:

(1) Receveur: Công chức trung cấp ngành giao thông công chánh thời Pháp.

(2) cua: khúc quanh

Chương 39

Mượn danh Mười Trí giết Nguyễn Bình

Bọn Phiệt, Anh lộ mặt lưu manh

Chi đội 4 đóng trên bờ sông Vàm Cỏ giống như một tụ nghĩa đường của một Mạnh Thường Quân.

Mười Trí là tay giang hồ theo lối xử thế “tứ hải vi gia”. Ông luôn luôn chiêu hiền đãi sĩ. Khách tới nhà không gà cũng vịt. Bà Mười cũng là tay mến khách.

Dưới trướng Mười Trí có “giáo chủ” Huỳnh Phú Sổ đang bị truy nã vì âm mưu chống lại Việt Minh. Sổ muốn nắm Chi đội 4 để mặc cả với Việt Minh nhưng Mười Trí không dễ mua mặc dầu Sổ tung đủ “bửu bối”.

Bộ chỉ huy Đệ tam sư đoàn cũng tập vô xin tá túc. Đám này gồm Nguyễn Hoà Hiệp, hai anh em Lại Văn Sang, Lại Hữu Tài, Lý Hồng Chương, Ngô Đình Đẩu Các tay này là nhân viên Phòng Nhì. Lúc mới cướp chánh quyền thì vỗ ngực xưng tên “cách mạng”, yêu nước hơn ai hết.

Lúc đó Sài Gòn có bốn sư đoàn. Đệ nhất do Kiều Công Cung, Trần Tử Oai, Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quan chỉ huy. Đệ nhị do Vũ Tam Anh, Bùi Hữu Phiệt cầm đầu. Đệ tam do Nguyễn Hoà Hiệp nắm. Đệ tứ của Lý Huê Vinh...

Nguyễn Bình không tin nhiệm các sư đoàn nói trên vì khi tiếng súng xâm lăng vừa nổ thì các tay “cách mạng sa-lông” thì nhau chạy như chuột. Kiều Công Cung, Trần Tử Oai đầu hàng trước nhất. Trần Tử Oai là cháu nội Trần Tử Ca, tên quận trưởng Hóc Môn đã bị Quân Hớn chặt đầu trong cuộc khởi nghĩa Mười tám thôn vườn trầu nổi tiếng với tên Thập bát phù viên. Tên Oai chạy về Xóm Củi đầu Tây. Lúc đó Oai chẳng oai tí nào. Trong khi Cộng hoà vệ binh do hai anh em Giàu và Quán chỉ huy đánh Tây nhiều trận ra trò thì Đệ nhị sư đoàn chỉ lo rút chạy. Vũ Tam Anh vốn con địa chủ, tên cúng cơm là Nguyễn Ngọc Nhẫn không đánh đấm gì. Vì tên có ba chữ N đứng đầu nên tự đặt là Tam Anh, thêm họ Vũ cho ra vẻ con nhà võ tướng. Chọn họ Vũ nhưng gốc là dân Mỹ Tho. Vũ Tam Anh cấu kết cùng Bùi Hữu Phiệt, Sáu Section, (tức Nguyễn Văn Sạch), lính mã tà trong đội section de lutte (trung đội dẹp loạn), Nguyễn Thành Long và Trần Xuân Nam để thao túng.

Còn Đệ tam sư đoàn thì Nguyễn Hoà Hiệp là con cường hào Lái Thiêu rót díp-lôm, làm thư ký Bưu điện Lái Thiêu cưới con địa chủ ở Bình Hoà, làm thầu khoán cho Nhật.

Tư lệnh Đệ tứ sư đoàn thì Lý Huê Vinh là chệt lai, đậu díp-lôm của Pháp nhưng lại làm gián điệp cho Nhật. Tây tới là Vinh “nhảy nai”.

Nắm được tình hình này, Nguyễn Bình cương quyết giải giới các sư đoàn đã trở thành quân phiệt.

Bắt đầu từ Đệ tam sư đoàn. Tây đánh lấn ra ngoại vi Sài Gòn Chợ Lớn, Nguyễn Hoà Hiệp dẫn quân chạy xuống Cao Lãnh. Tại đây chúng tha hồ vơ vét, bắt bớ các trí thức tản cư theo kháng chiến. Chừng tàu Tây thọc sâu vô sông rạch, uy hiếp các thị trấn nằm dọc hai con sông Tiền và Hậu, Nguyễn Hoà Hiệp lại kéo quân trở lên miền Đông. Xuồng ghe chở quân và chiến lợi phẩm cướp đoạt của dân như máy may, máy hát kéo dài mấy cây số. Gặp những nơi đường nước khô cạn, chúng bắt dân kéo, để lại những luồng lạch mà dân gọi là đường nước Đệ Tam sư đoàn.

Nguyễn Bình ra lệnh cho Huỳnh Văn Một, Chi đội 15 tước súng đám này. Do sáng kiến tổ chức đưa ghe thuyền rước binh lính Đệ Tam sư đoàn qua sông Vàm Cỏ, ông Một phân tán chúng từng tiểu đội, đưa về nhà dân cho ăn uống, đồng thời cho du kích giả làm dân hiếu kỳ đi xem tổng bộ đội. Hay tin “đại quân” đã bị Huỳnh Văn Một tước hết khí giới, bộ chỉ huy hốt hoảng bỏ chạy. Chúng tập vô Chi đội 4 của Mười Trí xin tá túc để rồi “hồi sau phân giải”. Tại đây Nguyễn Hoà Hiệp vui mừng gặp hai tay tổ của Đệ Nhị sư đoàn là Vũ Tam Anh và Bùi Hữu

Phiệt.

Nhưng hắn chỉ ở lại Chi đội 4 có một ngày rồi lật đật chạy ra thành đầu hàng Tây tại ấp Vĩnh Lộc. Thế là công lao cướp bóc suốt mấy tháng trời của chúng bỗng chốc trắng tay: Chiến lợi phẩm Huỳnh Văn Một tịch thu của Đệ Tam sư đoàn gồm có: 52 súng mót, 27 súng lục, 30 máy may, 15 máy hát...

Trở lại đám Vũ Tam Anh, Bùi Thế Phiệt. Vũ Tam Anh cao to để râu mép, thiên hạ gọi là ông Phán râu kẽm. Ngoài tên Nhẫn hắn còn có tên Niên. Tên nào cũng bắt đầu từ chữ N. Nhờ nắm được Sáu Section, Vũ Tam Anh lui tới “tụ nghĩa đường” của Mười Trí.

Anh và Phiệt mưu tính ám sát Nguyễn Bình, bèn bàn với Sáu Section: kiểm được chữ ký của “anh Mười” là kể như đạt kết quả 75%. Có chữ ký rồi, Sáu Section tập ký cả buổi để sau cùng ký vô một thiệp mời: “Mười Trí kính mời anh Ba Bình dùng bữa cơm gia đình vào chiều mai. Rất mong anh Ba tới.

Ký tên Mười Trí”.

Nhận được thư Mười Trí, Nguyễn Bình sửa soạn đi một mình. Nơi anh Ba đóng không xa mấy tổng hành dinh Chi đội 4. Thấy anh Ba nai nịt trước khi xuống tam bản, đại đội trưởng Hứa là Văn Yến hỏi:

- Anh Ba đi một mình à?
- Người ta mời qua ăn cơm gia đình, đi nhiều người sao được?
- Nhưng bên anh Mười như cái chợ, anh Ba đi một mình không tiện. Để tôi đem vài đứa theo...

Anh Ba khoát tay:

- Khỏi. Đây qua đó cũng gần mà. Có gì thì tôi đã có cái này!

Anh vỗ khẩu Wicker bên hông. Nói xong anh bước xuống tam bản chèo đi.

Đúng lúc đó Vũ Tam Anh, Bùi Hữu Phiệt cùng Sáu Section bí mật tới một miếu hoang gần Lò Đường dọc bờ sông. Tại đây chúng đã bố trí một thiện xạ thủ súng chò con mồi tới nạp mạng. Vũ Tam Anh nôn nóng, chốc chốc lại nhìn xuống phía Nguyễn Bình sẽ tới. Bùi Hữu Phiệt nói:

- Làm thật được hắn thì bọn mình mới dễ thở. Ai hắn cũng nghi không triệt để cách mạng

như hần...

Vũ Tam Anh cười:

- Mà hần nghi đúng. Bọn mình làm sao triệt để cách mạng được! Đã quen với nếp sống đế vương, sáng cà phê hủ tiếu, bánh bao xíu mại, chiều tôm khô củ kiệu la ve. Vô đây thiếu mấy thứ đó, buồn chết.

Sáu Section xía vô:

- Bởi vậy anh em mới gọi anh là ông Phán râu kẽm - Hít một hơi khói thuốc Cotab, nói tiếp - Tướng độc nhân rất đa nghi, nhưng có một người ông ta không nghi, mà người này mới là đáng ngại hơn hết. Hà hà...

- Ai vậy? Phiệt và Anh cùng hỏi.

Sáu hất hàm về phía văn phòng Chi đội 4:

- Mười Trí chó ai!

- Anh nghĩ về Mười Trí như thế nào mà nói là đáng nghi? Mà nghi cái gì?

- Nghi về điểm có triệt để cách mạng hay không.

Theo tôi dân giang hồ đi theo kháng chiến một lúc nào đó thôi. Họ là hảo hán Lương Sơn, không ưa triều đình nên rút ra rừng lập giang san riêng. Nếu cách mạng kìm chế họ quá thì ngày nào đó họ sẽ bung ra thôi.

Bùi Hữu Phiệt gật lia:

- Anh Sáu nói rất đúng. Tôi thấy Mười Trí khí phách lắm. Đi theo kháng chiến mà ông ta không bỏ thói quen của một sơn trại chủ: vận xà-rông, sáng trà, trưa rượu, tối lai rai... nghĩ sao nói vậy chứ không ý tứ như mấy cha cộng sản.

Vũ Tam Anh đắc ý:

- Cũng nhờ Nguyễn Bình không nghi Mười Trí nên mình mới dùng được độc kế hôm nay. Một mũi tên, hai con nhạn. Cao Đăng Chiếm sẽ thấy lá thư mời ăn cơm gia đình của Mười Trí trong túi áo xá xấu của Nguyễn Bình... Còn bằng chứng nào hùng hồn hơn? Nghĩ mà phục bọn mình sát đất!

Bộ ba đang hí hửng bỗng xạ thủ đưa tay làm hiệu. Tất cả đều ngó xuống mé sông. Trên con sông vắng, buổi chiều tà, một bóng thuyền lướt êm. Tam bản chỉ có một người chèo. Sáu Section khẽ nói:

- Nguyễn Bình đi có một mình. Dễ xơi quá!

Xạ thủ nâng súng lên rà họng súng theo tam bản, đầu ruồi nhắm ngay ngực người chèo. Tất cả hồi hộp chờ đợi. Chiếc tam bản vô tình cứ lướt chậm chậm.

Khi nó tới thật gần, xạ thủ sửa soạn bóp cò thì Sáu Section sốt ruột kêu lên: “Bắn đi?” Tiếng kêu bất ngờ đó làm xạ thủ giật mình, lúc bóp cò, nòng súng hơi nhích một chút. Do vậy mà đạn không ghim ngay vào ngực mà bay qua bả vai. Nguyễn Bình ngã xấp xuống ván thuyền ngay loạt súng đầu. Đạn trúng bả vai và cánh tay mặt. Anh Ba dùng tay trái móc khẩu wicker đưa lên miệng đẩy chót an toàn bắn ngay vào đám người lô nhô trong miếu hoang. Xạ thủ điều chỉnh mục tiêu nổ tiếp loạt thứ hai. Sanh mạng Nguyễn Bình như chỉ mảnh treo chuông. Cuộc đấu súng diễn ra vô cùng thất lợi cho ông: xạ thủ chiếm ưu thế tuyệt đối, có công sự phòng ngự và nắm chủ động. Bất ngờ một yếu tố đột xuất làm thay đổi tình hình: tiếng súng nổ vang từ trên sông. Nguyễn Bình đã có đội bảo vệ theo sau. Hoàng Thọ nghe súng nổ lập tức chạy tới. Xạ thủ và bộ ba sát nhân co giò chạy. Tam bản của Hứa Văn Yển cùng ba binh sĩ ào tới đúng lúc. Nguyễn Bình bị thương nhiều nơi, máu thấm đỏ bộ đồ xá xầu. Hai Yển cấp tốc đưa anh về cho y sĩ khám và băng bó các vết thương. Anh Ba bắt tay Hai Yển, xúc động:

- Cám ơn anh. Không có anh thì tôi nguy rồi. Thật không ngờ chuyện lại như thế...

Hứa Văn Yển nói:

- Tôi đã nói mà anh Ba không nghe. Tin người là đức tánh tốt của vị tướng, nhưng tin mà cũng phải ngờ...

Ba Bình gật:

- Đây là bài học đáng giá. Nhưng tôi vẫn chưa hiểu được vì sao lại có chuyện này. Phải gặp Mươi Trí mới được.

Sáng hôm sau, Nguyễn Bình qua văn phòng Chi đội 4. Mươi Trí vui mừng ra đón. Thấy khu trưởng băng bó nhiều chỗ, lấy làm ngạc nhiên, chú Mươi hỏi:

- Chuyện gì vậy anh Ba?

- Anh Mươi không biết thật sao? Súng nổ ở gần lò đường, sát một bên mà...

Mươi Trí gật:

- Súng nổ thì tôi có nghe. Tụi nhỏ báo cáo có mấy thám báo địch mò vô bị mình bắn chạy trở ra. Tôi đâu có ngờ anh Ba bị thương trong vụ đó.

Ba Bình cười:

- Chỉ huy như anh Mươi là khơi lắm! Chuyện không đơn giản như anh nghĩ đâu. Anh xem đây thì rõ!

Ba Bình trao lá thư, Mười Trí càng ngẩn ngơ. Vài giây sau, ông chợt hiểu, nét mặt bình thản biến thành cơn thịnh nộ:

- Ai?Thằng nào mạo chữ ký của tôi mời anh Ba qua đây để ám sát dọc đường? Nó phải chết? Ba Chiêu! Mày đâu?

Ba Chiêu là đại đội trưởng kiêm thư ký riêng của Mười Trí. Anh là dân Bà Quẹo, theo bộ đội Mười Trí ngay từ đầu.

- Có đây, chú Mười?

Mấy cho tập hợp tất cả ngay bây giờ. Điểm danh coi vắng mặt thằng nào?

Ba Chiêu tập hợp ngay, điểm danh thì thấy thiếu ba người: Sáu Section, Bùi Hữu Phiệt và Vũ Tam Anh. Sáu Section cũng là đại đội trưởng, theo anh Mười ngay từ đầu. Còn hai tay Phiệt và Anh là “tân khách” dưới trướng Mạnh thường quân Huỳnh tướng quân.

Nghe Ba Chiêu báo cáo, Mười Trí nói với Nguyễn Bình:

- Vậy là quá rõ rồi! Ba thằng này bấy lâu ăn nhậu với nhau, tính toán cái gì đó. Tôi không ngờ chúng “ăn cơm tui mà hại tao”. Tôi thành thật xin tôi anh Ba. Vụ này tôi hoàn toàn không biết gì. Nếu biết thì tôi đã bẻ họng vạ cổ tui nó rồi!

Nguyễn Bình cười thoải mái:

- Trọn đêm rồi tôi cứ thắc mắc: không lẽ anh Mười lại hại mình? Bây giờ mới rõ. Sáu Section thì tôi không chú ý. Còn hai tay Bùi Hữu Phiệt với Vũ Tam Anh thì tôi đã nghi ngờ từ lâu. Bùi Hữu Phiệt dựa vô bộ đội An Điền của Bảy Quới, rồi liên kết với bộ đội Cao Đài của Nguyễn Thành Long, đưa hết về ấp 4 Vĩnh Lộc cho Tây tiêu diệt trong một trận càn. Sau đó chúng âm mưu sát hại Tám Hoài tại cầu Bến Phân... Còn Vũ Tam Anh thì nắm Đệ nhị sư đoàn để làm lãnh chúa. Hắn cấu kết với Bùi Hữu Phiệt và Sáu Section ám hại tôi vì tôi biết rõ căn cội của chúng.

Mười Trí hối hận, làm gà nấu cháo đậu xanh đãi anh Ba. Chú Mười đem chai rượu thuốc ra rót hai ly.

- Xin mừng anh Ba tai qua nạn khỏi. Tôi biết anh Ba không uống rượu, nhưng mà “vô tửu bất thành lễ” Phải có rượu trong những tiệc mừng. Anh Ba chỉ “nhúng môi” cũng được.

Hai bên cụng ly. Dù không uống rượu, anh Ba cũng nốc cạn một chung nhỏ - loại chung Duralex bán tràn các chợ vườn.

- Tôi không uống rượu, nhưng nay phá lệ để đánh dấu ngày kết bạn tri âm với anh Mười...

Mười Trí châm thêm chung nữa:

- “Anh hùng tri ngộ tam bôi thiếu”, kết bạn tri âm uống ba chén rượu là yếu lắm. Vô tiếp đi anh Ba. Hôm nay là một ngày vui đối với tôi: được kết bạn tri âm với trung tướng Nguyễn Bình, đặc phái viên Trung ương của Bộ Tổng.

- Đây là chung thứ hai. Trước khi uống, tôi có một lời khuyên anh Mười. Có được không?

Mười Trí hạ chung rượu giữa chừng, cười lớn:

- Được quá chớ anh Ba.

- Anh Mười đúng là một Mạnh Thường Quân, dưới trướng luôn có cả chục tân khách. Tôi thấy đó là chuyện thường tình của một tay giang hồ mã thượng. Tuy nhiên trong đám tân khách có người này người khác, không ai giống ai. Một Mạnh Thường Quân tài đức song toàn phải biết phân biệt, người tốt với kẻ xấu...

Mười Trí nhăn mặt:

- Vụ vừa rồi tôi đã tự mắng đã nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà. Tôi quyết sẽ không tha ba tên khốn kiếp đó, nhất là thằng Sáu Section. Nó đã theo tôi ngay từ đầu mà bây giờ nó chạy theo hai cha chánh khách “si-kên” phản lại tôi... Lời khuyên của anh Ba, tôi sẽ nhớ đời. Bây giờ mời anh Ba một chung thứ ba cho đủ tam bôi...

Nguyễn Bình đưa tay lên cản:

- Cho tôi thiếu chung thứ ba. Tửu lượng tôi không kém. Nhưng vì con mắt yếu. Hai chung là vừa. Thêm chung tía là quá sức. Mà cái gì quá là không hay. Bây giờ tôi còn phải về làm việc với chú Hoàng Thọ.

Mười Trí cười:

- Đã kết nghĩa anh em thì cho tôi khuyên anh Ba một câu để trả lễ: anh Ba chớ nuông chiều thằng đệ tử của anh. Coi chừng có ngày anh Ba mệt vì nó.

Nguyễn Bình gật gù:

- Anh Mười nói chí lý. Có điều này chắc anh Mười chưa biết: trong vụ mưu sát vừa rồi, Hoàng Thọ cũng đã xách lính chạy tới Lò Đường. Chính nhờ súng nổ cùng lúc trên bờ và dưới sông mà bọn sát nhân phải bỏ chạy. Hứa Văn Yên và Hoàng Thọ đã kịp thời cứu tôi

Chương 40

Chú bếp Tuồng nhảy theo bộ đội

Đi kháng chiến lặn lội khắp nơi

Người ta nói cách mạng là một cuộc đổi đời, với chú bếp Tuồng, điều đó là sự thật. Ta vừa

cướp chính quyền là anh Năm Tuồng vút bỏ bộ đồ ka ki vàng mã-tà nhảy theo cách mạng. Đây không phải là một quyết định đột xuất mà là một quá trình suy gẫm nhiều năm. Xuất thân từ con nhà nghèo phải sớm đi làm để kiếm sống, lại gặp lúc Tây bắt lính đưa ra mặt trận đánh giặc Xiêm nên Năm Tuồng đành thi vô lính mã tà có cái tên là Brigade Mobile (Lữ đoàn cơ động) chuyên gác tù và đàn áp các cuộc nổi loạn chống Pháp. Anh được đưa lên căng Tà Lài gác tù chánh trị bị tập trung trên rừng. Tà Lài nằm dọc đường 20 Sài Gòn - Đà Lạt, cách Định Quán hai mươi cây số, ở giữa rừng. Đây là nơi mọi người, từ tù đến lính, đều sợ vì sơn lâm chướng khí, bệnh hoạn mà chứng phổ biến nhất là sốt rét rừng. Ngoài ra còn cộp beo, rắn rít. Nhưng trong cái rủi có cái may: anh Tuồng được tiếp xúc với các nhà tri thức cách mạng như Trần Văn Giàu, Kỹ sư Văn, Nguyễn Công Trung, hoạ đồ Lý, nhà báo Lê Văn Thử... Nhờ học ké chánh trị mà Năm Tuồng biết về tình hình đất nước, biết vì sao anh em Cộng sản khởi nghĩa cướp chánh quyền ngày 23-11-1940 gọi là “Nam Kỳ khởi nghĩa”. Cho nên khi ta cướp chánh quyền tại Sài Gòn ngày 25-8-1945, Năm Tuồng lột xác mã tà để đầu quân vô Cộng hoà vệ binh. Lúc đó có nhiều sư đoàn, tại sao lại chọn Đệ nhất sư đoàn tức Cộng hoà vệ binh? Lý do dễ hiểu. Anh em mã tà đi theo các sĩ quan của mình mà đứng đầu là hai anh adjutant (gọi là ông ách) Trương Văn Giàu và Nguyễn Văn Quạn, ở trong đơn vị GCL (Garde Civile Locale) Chí Hoà. Công tác đầu tiên của anh Năm Tuồng là đưa một trung đội xuống miền Tây với đồng chí Nguyễn Văn Tây, uỷ viên trong Lâm uỷ Hành chánh Nam Bộ kiêm Thanh tra chánh trị miền Tây. Mục đích chuyến đi này là giải quyết vấn đề Hoà Hảo tham gia chánh quyền đồng thời tiếp đón anh em chính trị phạm được tàu Phú Quốc do thuyền trưởng Bảy Ngạnh lái cùng khoảng hai chục ghe của Vàm Láng, Bình Đại ra Côn Đảo rước anh em về đất liền tham gia chánh quyền.

Nhờ có mặt tại Cần Thơ nên Năm Tuồng chứng kiến cuộc xuống đường cướp chánh quyền của Hoà Hảo xuất phát từ Cái Vồn dưới sự chỉ huy của Trần Văn Hoành là con của Trần Văn Soái tức Năm Lửa. Đó là ngày 9-9-1945. Trận đụng độ nẩy lửa diễn ra tại cầu Cái Khế. Các đội Bảo an Hoà Hảo võ trang gươm giáo ồ ạt từ bến bắc Cần Thơ tràn qua cầu. Bên kia cầu là anh em dân quân du kích dưới sự chỉ huy của Cò Hộ (Huỳnh Phan Hộ). Loạt đạn đầu ta bắn chỉ thiên. Hoà Hảo xông tới vì tin rằng súng bắn không chết tín đồ Hoà Hảo. Buộc lòng dân quân phải bắn đúng mục tiêu, những người đi đầu gục ngã, tức thì mạnh ai nấy chạy, ném gươm giáo và nhảy xuống sông. Số võ khí vớt lên để đầy hai căn nhà. Vụ xô xát này mở màn cho mối bất hoà giữa Việt Minh và Hoà Hảo.

Vài tuần sau đó, Sóc Trăng làm lễ tiếp đón chánh trị phạm Côn Đảo thật long trọng. Địa điểm làm lễ là trường Taberd của tỉnh. Thanh niên tiền phong quần áo xanh, sơ mi trắng, đội nón bàng, vác gậy tầm vông diễn hành phát cờ Việt Minh, nền đỏ sao vàng. Thuyền trưởng Bảy Ngạnh vừa về tới Đại Ngãi thì được lệnh trở ra Côn Đảo rước chánh trị phạm một chuyến nữa.

Phải chạy đua nước rút với Pháp vì có tin chúng sẽ đưa quân sang chiếm lại thuộc địa Đông Dương, mà Sài Gòn là thành phố chúng nhắm trước tiên. Hai chuyến rước tù Côn Đảo này rất quan trọng trong lịch sử kháng chiến Nam Bộ. Các đồng chí lãnh đạo Nam Bộ phần lớn đều từ Côn Đảo về đất liền trong hai chuyến tàu này như Bác Tôn Đức Thắng, các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Công Trung, Phạm Hữu Lầu, Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Tuệ, Võ Quang Anh.

Hay tin Tây sắp đánh Sài Gòn, đơn vị Năm Tuồng cấp tốc trở về Sài Gòn bằng ca nô. Tất cả có 50 Cộng hoà vệ binh mặc quân phục cũ, chỉ có ca-lô(1) là mới.

Đó là ngày 20-9-1945. Ca-nô vừa tới Tân An thì được tin Sài Gòn đã tản cư và quân ta đang chặn đánh Tây ở Phú Lâm. Trương Văn Giàu ra lệnh đơn vị Năm Tuồng qua Gò Công đánh tàu Tây tại Cầu Nổi và tàu Nhật tại Chợ Gạo. Tại Cầu Nổi, lần đầu tiên Năm Tuồng được thấy Soái hạm Richelieu của Pháp. Tàu lớn quá thành ra con sông Bao Ngự có vẻ như nhỏ lại. Mấy cây súng Mút cổ lỗ sĩ của ta chỉ gãi ngứa nó thôi.

Trận đánh bót Chợ Gạo mới có chuyện đang nói: Ông Dương Khuy, bí thư Mỹ Tho đích thân gánh lựu đạn dẫn đường anh em bộ đội. Tổng cộng dân quân du kích tham gia trận này khoảng 160 người, võ trang lựu đạn ta chế, vỏ tôn có bình dầu, ném nhiều trái mới nổ một trái...

Sau trận đánh tàu Richelieu ở Cầu Nổi, anh em binh sĩ có hơi mất tinh thần, “Tây mạnh quá, mình đánh sao xuể, bỏ về nhà làm ăn”: Nhưng Năm Tuồng không dễ bỏ cuộc, nói:

- Mất Gò Công còn Bến Tre, mất Bến Tre còn miền Tây. Mất Nam Bộ còn miền Bắc. Tự động bỏ về là đào ngũ. Phải chờ anh Trương Văn Giàu.

Để củng cố thực lực, ta lập ban quân sự liên tỉnh Mỹ Tho- Gò Công- Bến Tre với ba chủ tịch: Tiếp (Mỹ Tho) Côn (Gò Công) và Cái (Bến Tre). Công việc đầu tiên là in tiền kháng chiến để nuôi quân. Tiền này gọi là tín phiếu Đồ Chiểu in bằng nghệ. Mỗi người được phát 20 đồng để ăn Tết. Lúc đó tổ hủ tiếu là năm cắc.

Tết đầu tiên của nước Việt Nam độc lập có chuyện khó quên là mừng 7 Tết, Tây đánh tỉnh Bến Tre. Ta rút ra Chân Bình vào xế chiều. Sáng mừng 8, Tây đánh mạnh. Cộng hoà vệ binh liên quân cùng cánh Bình Xuyên của anh Ba Dương. Hai bên chia lương thực cho nhau ăn để chống giặc. Sáng mừng 9 máy bay lên quần bắn vùng Cổ Cò là nơi anh Ba Dương đóng quân. Anh Ba không xuống hầm mà “xây cây rơm” không may bị trúng đạn tử thương. Tin này được hai anh Sáu Đối và Từ Văn Ri giữ bí mật vì sợ anh em mất tinh thần. Sáu Đối đề nghị anh Trương Văn Giàu giúp đưa bộ đội Bình Xuyên về Rừng Sác. Anh Giàu đồng ý và uỷ quyền anh

Quận chỉ huy đơn vị Cộng hoà vệ binh hộ tống Bình Xuyên về miền Đông. Tính đi đường biển, có tin Cần Giờ bị Tây chiếm, đổi kế hoạch đi đường bộ. Trên đường đi, đụng địch ở Cửa Đại, đánh cả ngày, dân nấu cơm gánh ra mặt trận cho lính ăn. Mấy ngày đi ròng rã mới về tới Phước An. Trong chuyến đi này, Năm Tuồng gặp được các chỉ huy Bình Xuyên như Hai Vĩnh, Bảy Viễn... Kỷ niệm khó quên là bộ đội anh đóng trong một làng có cái tên gọi “ón xương sống”: làng Dao Phay. Làng này thuộc tổng Ấn thịt, sau kêu trại là Ấn thịt. Cộng hoà vệ binh đóng trong miếu thờ Cá Đao. Trên bàn thờ có hai bộ xương cá đao. Đang thiếu thức ăn thời may gặp anh Năm Chàng, chỉ huy Chi đội 2 Bình Xuyên tổ chức đăng, bắt cá đái bộ đội Khu Tám. Nước ngọt vùng này quý như vàng, phải đi xa mới có. Đi tìm nước ngọt cũng chết sống như ra trận.

Đêm ấy, Năm Tuồng đi Tân Lập lấy nước, xuống chìm vì gặp sóng tàu Tây. Trời tối, sông lớn, phải ôm xuống chịu trận. Chừng mò vô xóm thì bị dân quân nghi là địch, lượm súng toan bắn.

Tới Lý Nhơn, Năm Tuồng gặp Bùi Sĩ Hùng là sinh viên năm thứ ba ngành y và là chỉ huy mặt trận An Hoà Giao Hoà. Đầu tháng 10-1946, anh Trương Văn Giàu tới Rừng Sác rước quân về Bến Tre. Vì quân số đông phải chia làm hai, một do anh Giàu, một do anh Quận chỉ huy. Về đường biển, cánh quân anh Giàu đi trót lọt, cánh anh Quận bị sóng gió đánh gãy cột buồm và bánh lái, tám ghe kẹt lại Cần Giờ. Năm Tuồng bị phỏng hai chân không đi được. Bùi Sĩ Hùng cõng Tuồng tránh vùng địch chiếm. Phải đi lòng vòng từ Cần Giờ qua Tiều, rồi từ Tiều trở lại Cần Giờ tìm đường về Bến Tre. Trong thời gian này, Cộng hoà vệ binh biết cái khát như thế nào. Phải trằm mình dưới nước để trị khát. Thời may gặp chủ tịch Bảy Trăn tiếp tế gạo khử, đường và nhất là nước ngọt. Suốt ba tháng đi loanh quanh trong Rừng Sác, áo quần sờn rách. Nạn rận tha hồ hoành hành. Anh em áp dụng phương pháp diệt rận thật hữu hiệu, cởi áo cởi quần ra, dùng ve chai chà đi xát lại. Rốt cuộc rồi cũng tổ chức được thuyền ghe vượt biển về tới Bến Tre.

Sau chuyến đi miền Đông này, Năm Tuồng được anh Trương Văn Giàu tín nhiệm. Khi được bổ nhiệm Khu phó khu Tám (Khu trưởng là Đào Văn Trường) Trương Văn Giàu chỉ định Năm Tuồng làm Trưởng ban quân nhu Chi đội 20 của Vĩnh Trà (Vĩnh Long- Trà Vinh). Đó là ngày 12-9-1946. Lúc đó Khu Tám có hai chi đội chủ lực 19 và 20. Chi đội 19 do các ông Đồng Văn Cống, Nguyễn Công Trung, Huỳnh Thế Phương chỉ huy. Chi đội 20 do các ông Ngô Văn Sung, Đặng Văn Thông chỉ huy. Cũng cần nhắc qua năm 1946 bộ chỉ huy ba khu 7, 8, 9 gồm có:

- Khu 7: Nguyễn Bình - Dương Văn Dương
- Khu 8: Đào Văn Trường - Trương Văn Giàu
- Khu 9: Vũ Đức - Nguyễn Ngọc Bích.

Lần đầu tiên Nguyễn Bình được nghe báo cáo tường tận về chuyển viễn chinh của anh em Bình Xuyên dưới sự chỉ huy của Khu phó Dương Văn Dương là Sáu Đối mở đường máu về Rừng Sác. Nghe phân đội trưởng kiêm trưởng ban Quân nhu Chi đội 20 Năm Tuồng kể chuyện về bộ đội Cộng Hoà Vệ Binh, anh Ba Bình rất thú vị. Qua báo cáo của anh Năm Tuồng, anh Ba biết thêm về các anh chỉ huy Cộng hoà vệ binh, xưa đã từng là hạ sĩ quan trong quân đội Pháp như các anh Trương Văn Giàu, Nguyễn Văn Quạn. Như hạt giống tốt gặp đúng mảnh đất màu mỡ họ phát huy khả năng nhanh chóng và trở thành chỉ huy giỏi có uy tín trong ba quân. Anh Ba thấy việc đề bạt Trương văn Giàu tư lệnh phó khu 8 cũng như Dương Văn Dương tư lệnh phó Khu 7 là hợp lý hợp tình. Đồng thời anh Ba ký giấy bổ nhiệm Nguyễn Văn Tuồng là đại diện Chi đội 20 tại Phòng Quân Nhu Nam Bộ. Ký tên Nguyễn Bình, uỷ nhiệm quân sự Nam Bộ kiêm Khu trưởng Khu 7. (Tổng thư ký Ban Quân Nhu Nam Bộ là Trịnh Đình Hoa).

Chú thích:

(1) Ca-lô (calot): Mũ vải của lính

Chương 41

Chính bị bắt, Nguyễn Bình xúc động

Phai cứu Chính bất cứ giá nào

Tết Đinh Hợi (1947) chưa được mấy ngày thì tin dữ bay ra bùng: Chính Heo đã bị bắt. Tin này làm bàng hoàng mọi người. Ban công tác số 1 là niềm hãnh diện của kháng chiến. Đó là nắm đấm của nhân dân yêu nước trong vùng tạm chiếm đã từng giáng những cú thối sồn vào đầu não quân thù khiến cho chúng hoang mang. Nguyễn Đình Chính là con chim đầu đàn của Ban công tác số 1.

- Chính Heo bị bắt trong trường hợp nào? Anh Ba hỏi.

Liên lạc thành báo cáo:

- Để cho đồng bào nội thành ăn Tết trong tinh thần tự do độc lập, Ban công tác số 1 quyết định đánh lớn, làm nhiều vụ cho Tây và Việt gian “ê càng” bỏ thói ruồng bỏ làm tiền dân chúng. Phải gây nhiều tiếng nổ diệt ác trừ gian cho bà con lên tinh thần. Tết Đinh. Hợi phải vui hơn Tết Bính Tuất (46) là năm Tây đang thắng thế đẩy lui bộ đội và cơ quan Nam Bộ chạy tới mũi Cà Mau. Rất tiếc là trong việc vận chuyển súng đạn vô nội thành, vài nơi bị lộ và đường giao liên bị nghẽn. Chính Heo vẫn cho các tổ nổ súng trừ gian. Đêm giao thừa các bót cảnh sát ở Cầu Kiệu (Phú Nhuận), cầu Mạc Mahon (cầu Công Lý), cầu Bông, cầu Thị Nghè đều bị anh em ném lựu đạn và rải truyền đơn. Một số chiến sĩ bị bắt và lựu đạn ta chế không nổ. Phải vô bùng xin thêm súng đạn và lựu đạn. Đích thân Chính Heo đi để báo cáo rõ về tác hại của nạn thiếu lựu

đạn trong các trận đánh ở nội thành. Anh tin rằng anh Ba sẽ không tiếc một thứ gì với anh em công tác thành...

Anh Ba gật nhưng nói:

- Đồng chí đi ngay vô đề, đừng dài dòng. Trong tình huống nào Chính Heo bị bắt?

- Ra tới Bà Quẹo, anh Chính gặp em Hiệp bị thương ở đùi. Vết thương làm độc, phải mổ ngay. Hiệp mới mười bốn, là đội viên trẻ nhất của Ban công tác số 1 Hiệp và anh trai tên là Hoàng, mười sáu tuổi, là con của ông chủ tiệm đồ da ở đường D' Espagne (Lê Thánh Tôn) chiến đấu rất hăng. Hoàng đã ném lựu đạn làm què thẳng thực dân già Béziat, chủ tịch Hội đồng tư vấn Nam Kỳ. Chính Heo tạm hoãn chuyển ra bung để đưa em Hiệp về nội thành chăm sóc vết thương đã nhiễm trùng. Gởi Hiệp tại một nhà cơ sở, anh Chính đi tìm Mạnh thường quân xin tiền mua thuốc cho Hiệp. Không may anh bị bắt tại Phú Nhuận. Ngày đó là mừng sáu Tết. Bắt được Chính Heo, Tây và Việt gian reo hò tỏ mở. Chúng đã từng treo giá cái đầu Chính Heo khá cao.

Anh Ba cau mày:

- Phải giải cứu cho Chính Heo. Với bất cứ giá nào. Các đồng chí đã có kế hoạch gì?

- Đã kiểm luật sư cho anh Chính. Ông Ngô Sách Vinh nhận cãi cho anh Chính không lấy thù lao...

Anh Ba gật:

- Nên liên lạc với nhóm Văn hoá Mác xít - Groupe culturel du Marxisme, báo Les Lendemain và các tổ chức tiến bộ trong thành. Phải gõ cửa tất cả những nơi ta có thể tranh thủ được...

Một lúc sau anh Ba lại nói:

- Đó là về mặt công khai hợp pháp. Nhưng quan trọng hơn hết là mặt bí mật làm sao tổ chức đường dây vượt ngục. Hãy nghiên cứu hệ thống ống cống thành phố. Có thể có đường dây chạy dưới khu vực Khám Lớn...

Mất liên lạc thành sáng rực lên:

- Một ý hay. Vượt ngục theo ống cống. Nhưng làm sao có họa đồ hệ thống cống ngầm Sài Gòn?

- Hãy liên lạc với Sở vệ sinh toà đô chính. Cống ngầm Sài Gòn không quy mô như bên Pháp, nếu các đồng chí có xem bộ phim Les misérables thì thấy Jean Valjean lợi bì bơm trong ống cống giải thoát cho anh sinh viên, người yêu của Cosette. Cống Sài Gòn không lớn rộng như

vậy, nhưng cũng có thể giúp chúng ta đột nhập nội thành. Các đồng chí cố gắng tìm hoá đồ đem về đây, ta sẽ nghĩ ra kế hoạch...

Thời gian thấm thoắt trôi, Chính Heo đã bị đưa ra toà kết án tử hình. Báo chí Sài Gòn đều có đăng.

Vài hôm sau liên lạc đem báo thành vô khu. Anh Ba đọc hết tất cả các báo nói về vụ xử ngày 10-10-1947.

Chánh án kêu tối đa: tử hình. Anh Ba lộ vẻ thất vọng vì không tìm ra cách giải thoát cho Chính Heo.

Mấy tuần sau liên lạc thành đem ra bản sao một bức thư Chính Heo viết trong tù. Đây là bức thư gửi cụ Hồ mà Chính Heo đã tự cắt tay lấy máu ra viết.

Thư chỉ chép có một đoạn:

Thưa Cha, Đến nay con sa vào tay địch, con nắm chắc cái chết trong thời kỳ chúng tra tấn con trong bót Catinat. Rồi chúng đưa con qua Khám Lớn. Con biết chúng sẽ kết án tử hình, nên tìm mọi cách vượt ngục.

Tổ chức rất khoa học nhưng không gặp thời cơ. Ra toà ngày 10-10-1947, con bị chúng tuyên án tử hình.

Con chống án và trong phiên xử sau, con sẽ đọc một bản điều trần “Mémoire de défense” vạch mặt bọn xâm lăng cướp nước mà vỗ ngực xưng văn minh đi khai hoá nước người...

Ngày 19-5-1948 toà án binh Sài Gòn lại đem tử tội Nguyễn Đình Chính ra xử. Đây là ngày Chính Heo mong đợi. Anh đã chuẩn bị xong bản điều trần lên án bọn thực dân. Bản thảo của anh được anh em tù trí thức như sinh viên trường thuốc Hoàng Xuân Bình, nhà báo Vũ Tùng gọt dũa thêm. Lại được luật sư Ngô Sách Vĩnh chấp bút về ngôn ngữ luật pháp.

Chính Heo đọc rất hùng hồn, bọn Tây hoàn toàn bất ngờ trước bản lĩnh của Nguyễn Đình Chính. Trước vành móng ngựa kẻ tử tội biến thành quan toà đồng dục lên án cả một chế độ thực dân từ trên xuống dưới.

Báo chí Sài Gòn chỉ loan tin tử tội đọc bản tự bào chữa trước toà, không dám nêu rõ các điểm lớn về nội dung.

Đến khi tử tội bị đày ra Côn Đảo có vài tù nhân Khám Lớn được phóng thích nhảy ra khu. Họ cho biết nội dung bản điều trần của Nguyễn Đình Chính trước toà án binh Sài Gòn: đây là một bản án chế độ thực dân. Vô đầu Chính Heo không nhìn nhận tính hợp pháp của phiên toà bởi vì năm 1945 Pháp đã nhục nhã đầu hàng quân đội Nhật. Chủ quyền của Pháp chấm dứt từ

khi Bảo Đại thoái vị với lời tuyên bố lịch sử: “Trẫm thà làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước bị trị”. Thứ hai Chính Heo bác lời buộc tội làm mất tinh thần chiến đấu của quân đội và gây nguy hiểm cho quốc phòng. Điều đó vô nghĩa. Thứ ba Chính Heo khẳng định những gì tôi làm, tất cả những người yêu nước của bất cứ quốc gia nào cũng phải làm. Tôi đã hành động hết sức sáng suốt bình tĩnh. Và bây giờ trong móng vuốt của các ông, tôi sẽ cho các ông thấy tôi có đủ bản lĩnh đón lấy cái chết vinh quang cho Tổ quốc cũng như nhà thơ Corneille đã viết: “Mourir pour le pays est un si diglle soat ét quon briglerait en foule une si belle mort”.

Tất cả anh em trong khu đều hãnh diện trước hào khí của Nguyễn Đình Chính. Đúng là con cháu Trần Bình Trọng đã xem thường cái chết nhẹ như mảnh lông hồng. Lời thề “Thà làm quỷ nước Nam, không làm vương đất Bắc” của người xưa đã được con cháu lặp lại với lời lẽ khác nhưng tinh thần bất khuất vẫn như nhau.

Tuy đau buồn, anh Ba Bình rất hãnh diện có một người em “dọc ngang nào biết trên đầu có ai” như Nguyễn Đình Chính. Chính Heo đã làm vang danh Ban công tác Thành.

Chương 42

Tại Vườn Thơm, Minh Khai ra mắt

Majestic đầy xác giặc Tây

Ban công tác số 1 là lá cờ đầu của lực lượng vũ trang Sài Gòn Chợ Lớn. Đơn vị này đã lập nhiều thành tích vẻ vang khiến thực dân ở Sài Gòn và cả Paris cũng hoang mang. Nhưng sự tổn thất của Ban công tác số 1 cũng to lớn. Lần lượt các chỉ huy tên tuổi như Nguyễn Ngọc Sớm, Trần Phong, Nguyễn Đình Chính bị bắt. Trần Phong bị đem đi thủ tiêu còn hai anh Sớm và Chính đều bị kết án tử hình đầy ra Côn Đảo chờ ngày hành quyết. Trung tướng Nguyễn Bình rất buồn về sự mất mát này. Bao kế hoạch giúp tử tù vượt ngục đều thất bại. Chỉ còn cách đánh lớn để trả thù cho các anh. Anh Ba đang nghĩ về chuyện đó thì trưởng Ban công tác số 10 vô khu báo cáo tình hình.

Đó là anh Nguyễn Văn Nam, tự Danh Khôi. Khôi là người miền Bắc lưu lạc vào Nam làm nhiều nghề, nhưng nghề chính là nhân viên khách sạn.

Anh đã bắt đầu với những công việc vỡ lòng như bồi bàn, phụ bếp. Nhờ đẹp trai, có vốn liếng tiếng Tây anh tiến lên từng bước và vài năm sau đã làm cho các nhà hàng khách sạn lớn ở Sài Gòn như Majestic, Continental, Hôtel Des Nations, Saigon Palace và lên tận Đà Lạt quản lý Hôtel du Parc, qua Chùa Tháp làm cho Bungalow Kép rồi Grand hôtel d' Angkor. Nhờ cuộc đời giang hồ này mà anh Khôi gặp được người bạn đời trên Đà Lạt. Năm 1945, Khôi tham gia

Thanh niên tiền phong Hẻm Đội Có, Phú Nhuận, sau theo Chi đội 13 của Triệu Cải và Nguyễn Đình Thâu. Sau trận An Phú Đông, anh về Ban Quân Báo Khu 7. Sau sơ ước 6-3-1946, anh được anh Ba Bình phái về nội thành xây dựng cơ sở bí mật ở các vùng cầu chữ Y, Vĩnh Hội, Xóm Chiếu, Tân Thuận... Hoạt động được năm tháng thì bị bắt về Catinat, rồi Khám Lớn, cãng Biên Hoà.

Đầu tháng 2-1947, khi mãn tù, Khôi nhảy vô khu, lại được anh em Ba Bình phân công phụ trách Ban công tác số 10. Khôi có sáng kiến tổ chức vài tiểu đội nữ để hoạt động dễ dàng hơn thanh niên. Anh Ba tán thành ngay và giao anh Khôi và Huỳnh Văn Khai (Hoàng Hồng Cúc) tuyển sinh, lấy trong số các học viên quân chính gốc Sài Gòn. Anh chọn cho các tiểu đội nữ tên Trung đội Minh Khai.

Sau thời gian huấn luyện, các chị em sử dụng thông thạo các loại súng trường, súng ngắn, lựu đạn. Lễ ra mắt Trung đội Minh Khai được tổ chức trọng thể tại Vườn Thơm. Trung đội trưởng là chị Dư Thị Lắm (tức Nguyễn Thị Hạnh). Khí thế rất hăng các chị em tranh nhau mỗi khi nghe tin sắp có trận đánh. Phải bắt thăm cho công bằng. Một trong những trận đánh có tiếng vang của trung đội là trận ném lựu đạn trong rạp chiếu bóng sang trọng nhất Sài Gòn là rạp Majestic, chiếm liền hai căn số 15-17 đường Catinat (Đồng Khởi). Khán giả rạp này là khán giả chọn lọc, nhà giàu, trí thức, ít nhất cũng phải biết nói tiếng Pháp vì rạp chiếu toàn phim Pháp (hồi đó chưa có phụ đề Việt ngữ) phần đông là công chức và sĩ quan Pháp. Trinh sát Ban công tác số 10 được biết vào tối thứ năm 10-6 năm ấy (1948) bọn sĩ quan Marine (Thủy quân) sẽ kéo nhau tới xem phim Adieu, Cherie, một phim tình uớt át. Thủ vai chính là cô đào Danielle Darrieux minh tinh màn bạc số 1 thời ấy. Lập tức ban chỉ huy quyết định đánh. Võ khí có sẵn là ba trái OF, loại lựu đạn của quân Anh dùng để tấn công. Đây là quà chiến lợi phẩm trận Mộc Hoá của trung đoàn phó Huỳnh Thế Phương (tên thật là Huỳnh Kim Cúc). Bốn nữ đội viên được chọn là Nguyễn Thị Kim Dung, Bùi Thị Huê, Hoàng Thị Thanh (tức Từ Thị Đào), Mạc Thị Lan (tức Huệ Nhỏ).

Gọi Huệ Nhỏ vì trong Trung đội có chị Huệ lớn là chính trị viên của Trung đội Minh Khai. Bốn chị em được chọn rất hân hoan nô nức lập chiến công. Ai nay đều chọn áo quần thật đẹp - không có thì mượn của bạn - để công việc vô cửa được dễ dàng, không bị bọn gác cửa lục bóp dầm. Vào xế chiều ngày ấy, bốn chị em tập hợp tại nhà của chị Minh, chủ tiệm may ở đường Mayer (Võ Thị Sáu) gần chợ Tân Định. Kim Dung và Huệ nhỏ đi chung một xích lô. Huệ nhỏ còn dẫn theo một cậu em nhỏ để bọn lính kín không chú ý Thanh và chị Huê đi một xe, cách nhau vài phút.

Kim Dung và hai chị em Huệ nhỏ mua kẹo ở tiệm Chà kế bên rạp, vừa nhai kẹo vừa lững

thường bước vô rạp ở cửa bên mặt. Đi ngang qua lính gác, Kim Dung đưa bóp cho chúng xét nhưng tay chị nắm chắc trái lựu đạn gói trong khăn tay đặt dưới đáy bóp, ở trên là mấy viên kẹo. Vài phút sau, hai chị em Thanh và Huệ vô cửa bên trái như đã sắp đặt trước. Bốn người tìm chỗ ngồi thuận tiện để ném lựu đạn đúng tầm vào mấy hàng ghế hạng nhất của bọn sĩ quan Pháp ngồi. Hết phim thời sự, bắt đầu vô phim Adieu, Cherie. Trong lúc mọi người dán mắt vô màn bạc thì Kim Dung rút chốt lựu đạn ném trước tiên. Một tiếng nổ kinh hồn. Rồi tiếp theo là hai trái của hai chị Thanh và Huệ. Lan tức Huệ nhỏ chỉ đi hướng dẫn chứ không lãnh lựu đạn. Sự kinh hoàng trong rạp không bút mực nào tả xiết, Kim Dung nhớ lời các anh dặn: lau tay trong mùi soa tắm dầu thơm để tay không còn mùi tanh của gang thép lựu đạn. Sau mấy phút hoang mang, bọn lính kéo cửa sắt lại, không cho ai ra. Nhưng Hoàng Thị Thanh đã nhanh chân ra trước. Còn kẹt lại ba chị em. Kim Dung nhanh trí đổi vé ngồi gần hàng ghế các sĩ quan Pháp. Nhờ bình tĩnh mà Kim Dung được cho ra về. Còn Huệ nhỏ thì bị miếng lựu đạn trúng bàn chân, không nặng lắm nhưng vờ la, làm ầm lên. Lính cũng cho hai chị em Huệ nhỏ về. Chỉ còn kẹt lại chị Bùi Thị Huệ. Chị có hai điều thất lợi là lãng tai và không biết tiếng Pháp.

Bố trí công tác này cho chị vì kẹt người, vào giờ chót mới giao cho chị. Do hai điều thất lợi trên mà Tây nghi chị Huệ, đưa về bót Catinat tra khảo ngay. Chị Huệ ráng chịu đòn hai ngày để cơ sở có thì giờ di tản.

Sau đó chị chịu dẫn lính về tiệm may của chị Minh ở góc Garcerie - Mayer (Phạm Ngọc Thạch - Võ Thị Sáu). Chị Hoàng Thị Minh chủ quan vẫn ở nhà nên bị bắt. Hoàng Thị Thanh (tự Từ Thị Đào) chạy vô khu nên địch bắt, chị Nguyễn Thị Đào cũng là đội viên Minh Khai. Kim Dung bị bắt ngẫu nhiên một thời gian sau. Địch đưa tất cả ra toà án binh Sài Gòn. Vì số thương vong quá lớn: 20 chết, 50 bị thương (trong số chết có hai đại tá và tên cò mật thám Arbert) địch kê án một tử hình: chị Huệ, một án 20 năm khổ sai: Chị Đào, một mười năm khổ sai: Kim Dung. Phiên xử thứ hai do ta đánh lớn, địch kê án tối đa: cả ba đều lãnh án tử hình. (Lúc đó là tháng 2-1949). Báo chí Sài Gòn phản ứng mạnh nêu rõ Kim Dung mới 16 tuổi. Về sau Tây giảm án còn 20 năm khổ sai.

Tất cả diễn tiến của phiên toà. Trung trưởng Nguyễn Bình đều theo dõi qua báo chí Sài Gòn mà liên lạc thành đưa vô bằng trề vài ngày. Anh Ba rất xúc động trước chí khí hiên ngang của các chị em trong cảnh biệt giam. Một bài thơ của một chị được đưa lọt ra ngoài:

Tuy sa lưới nhưng hồn ta vẫn tiến

Thân tù đầy ta vẫn nguyện hy sinh

Và vẫn mơ tươi đẹp buổi bình minh

Ngày chiến thắng trở về cùng đất nước

Anh Ba chi thị cho các cấp tuyên dương các chiến sĩ trong tù. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến - hành chính Sài Gòn Chợ Lớn Tạ Nhứt Tứ gửi thủ khen ba chị Huê, Đào, Kim Dung. Phòng chính trị Bộ Tư lệnh Khu 7 ra bản tin đặc biệt ngày 23-9-1949 ca ngợi gương chiến đấu của phụ nữ Sài Gòn. Bộ Tư lệnh Khẩn 7 cấp giấy tuyên dương với hai chữ ký của tư lệnh Huỳnh Văn Nghệ và chánh uỷ Nguyễn Văn Trí.

Riêng anh Ba Bình thì gửi thư, tặng ảnh và tiền cho từng người, giao cho anh Khôi phải tìm cách trao tận tay ba chị.

Vụ Majestic đã nêu cao tên tuổi Trung đội Minh Khai như là tinh hoa của nữ giới Sài Gòn trong thời binh lửa.

Chương 43

Ra bưng chơi may gặp Nguyễn Bình

Trần Nam Hưng quyết định đi Khu

Trong số 50 nhân viên đơn vị quân y có cái tên Hôpital d'évacuation Motorisé 415 của Pháp từ Đức qua Đông Dương chỉ có một người Việt Nam duy nhất: lieutenant médecin Trần Nam Hưng. Anh Ba Hưng là dân Chợ Giữa, Mỹ Tho tốt nghiệp y khoa bác sĩ Hà Nội khoá 1935-1943. Đơn vị anh gọi tắt là HEM chiếm nhà thương Chợ Rẫy làm trụ sở. Nhân viên hai phần ba là phụ nữ. Những y tá, cứu thương, thuộc hai tổ chức: Croix Rouge (Chữ Thập Đỏ) và AFAT (Auxiliares Féminins de l'armée de Terre tức nữ trợ tá Quân đội).

Anh Ba Hưng là bác sĩ mới ra trường, hầy còn trẻ lại đẹp trai nên các cô đầm non rất có cảm tình. Có ba nàng bám sát anh, một cô đầm gốc Nga trong Hội Chữ Thập Đỏ, một cô AFAT và một vợ tên quan ba. Về sau anh Ba Hưng mới biết ngoài tình cảm trai gái, các cô này còn có nhiệm vụ theo dõi anh để báo cáo với cấp trên vì anh bị nghi có cảm tình với kháng chiến. Tại sao anh bị nghi? Lúc đó trung úy quân y Hưng được giao công việc khám bệnh và phát thuốc cho bệnh nhân. Thấy dân quá nghèo túng, anh Ba cho họ rất nhiều thuốc. Vì chuyện phân phối thuốc hào hiệp đó mà Tây “đuối” anh Ba Hưng. Để thay đổi không khí, anh tính ra bưng tìm hiểu kháng chiến mà anh đã nghe được nhiều giai thoại. Anh đến nhà luật sư Bùi Thị Cẩm là vợ của luật sư Gaston Phạm Ngọc Thuần đang ở trong bưng. Chị Cẩm nói:

- Mai có liên lạc đi An Phú Đông, chỗ anh Thuần, anh có muốn vô thăm anh Thuần thì đi.

Buồn ngủ gặp chiếu manh, Ba Hưng chụp ngay:

- Cho tôi đi chơi!

Vô khu gặp hai anh trí thức quen: Phạm Ngọc Thuần và Nguyễn Ngọc Bích, Ba Hưng bắt đầu khoái không khí bùng bùng. Anh định trở về thì anh Thuần rủ qua Vườn Thơm gặp Nguyễn Bình:

- Sắp tới sẽ thành lập Ủy ban Kháng chiến Hành Chánh Nam Bộ, anh em mình nên cố gắng tham gia.

Ba Hưng theo bạn qua Vườn Thơm. Lần đầu tiên anh gặp Nguyễn Bình mà từ lâu anh đã nghe danh. Vị tư lệnh Khu Bảy hết sức ân cần với anh em trí thức trong thành. Biết bác sĩ Trần Nam Hưng chỉ vô chiến khu cho biết và sắp sửa trở về thành: anh Ba cấp cho anh một giấy giới thiệu: “Bác sĩ Trần Nam Hưng có chuyện cần gặp tôi. Liên lạc nên giúp đỡ bác sĩ”.

Về thành, bác sĩ Hưng mở phòng mạch ở đường Follcault (Nguyễn Phi Khanh), Đa Kao. Làm ăn cũng khá, nhưng cuộc sống nhung lụa ở thành không hấp dẫn bằng sinh hoạt hào hùng trong chiến khu nên chín tháng sau Ba Hưng lại trở vô bùng. Lần này thì đi thiệt chứ không phải vô bằng cho biết như lần trước.

Anh Ba Hưng được anh Thuần tiếp đón nồng nhiệt. Anh Thuần vừa được giữ chức Phó Chủ Tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chánh Nam Bộ. Khu trưởng khu 7 Nguyễn Bình cũng hoan nghênh ngày tái ngộ người trí thức đã trăn trở chọn con đường tiến thủ. Ngành quân y đang là một ngành cần thiết trong kháng chiến. Các đơn vị đang cần y tá, bác sĩ.

Anh Ba Bình giao cho anh Ba Hưng trọng trách mở một khoá đào tạo cứu thương cấp tốc 15 ngày. Sau đó lại mở một khoá y tá trong ba tháng. Trong khoá này anh Ba dạy săn sóc vết thương theo phương pháp mới được áp dụng trong đệ nhị thế chiến. Anh tạm gọi là gọi là phương pháp HEM. Trước đây vết thương được rửa và rắc thuốc hằng ngày, còn theo cách điều trị mới thì rắc trụ sinh, băng lại, ba ngày sau mới tháo băng. Thường thì khi tháo băng, vết thương đã kéo da non. Điều đáng nhớ của khoá này là sáng bề giảng, có trung tướng chủ tọa, chiều máy bay lên ném bom. Nhờ sơ tán ngay nên không ai bị thương. Khoá này mở tại Ba Thu, giữa Đồng Tháp Mười. Đồng trống không có cây cao, máy bay tha hồ rà sát đất.

Đó cũng là lần đầu anh Ba Hưng thấy sức mạnh của không quân Pháp ở Khu Tám.

Sau ngày lễ Thương Binh 27-7-1948, quân y viện 2 đã cất xong tại một giồng gần Ba Thu. Giồng này không biết tên trong vùng gọi là gì nhưng anh em bộ đội gọi là Giồng Nhà Thương vì mới mở nhà thương tại đây. Anh Ba Bình giao nhà thương này cho anh Ba Hưng. Lúc đó bác sĩ Hồ Văn Huê phụ trách Quân Y viện khu 7 ở Cần Giờ. Bác sĩ Hoa coi bệnh xá của Trung đoàn 308.

Gọi là quân y viện 2 nghe rất xôm nhưng đây chỉ là trại cột tràm mái lá, giường chổng

đồng bằng tre trái đẽm bàng. Bác sĩ và bệnh nhân ở chung trại chỉ cách một tấm vách lá. Có một kỷ niệm khó quên trong những ngày đầu phụ trách quân y viện ở Giồng Nhà Thương giữa năm 1947 này. Có hai thương binh được đưa tới: anh Nền thuộc trung đoàn 300 và anh Hoàng thuộc trung đoàn 305. Cả hai đều bị thương gãy xương ở tay. Anh Ba Hưng điều trị theo phương pháp HEM, rửa vết thương, rắc thuốc bột Sunfamit (trụ sinh) để năm ngày mới mở băng ra. Hai anh Nền và Hoàng không biết cách điều trị mới lạ này, cứ thắc mắc vì sao bác sĩ không ngó ngàng gì tới vết thương trong năm ngày. Không rõ ai nói cho hai anh biết bác sĩ Hưng là quan hai thầy thuốc trong nhà binh Pháp, chỉ mới ra bung có mấy tháng. Thế là hai anh nhìn anh Ba Hưng với cặp mắt nghi ngờ: “phải chăng tay này của địch chui vô hàng ngũ kháng chiến để ám hại chiến sĩ!”. Những lời thì thầm đó thấu tới tai anh Ba Hưng. Anh giải thích phương pháp điều trị mới, nhưng không ai tin vì các nơi khác, thầy thuốc và y tá thay băng mỗi ngày cho bệnh nhân. Không ai nói trước mặt, nhưng sau lưng nhiều người chửi lén: “đã làm biếng lại còn nói dóc”. Anh Ba Hưng rất khổ tâm về thái độ không tán thiện của anh em thương binh. Có đêm anh ngủ không yên vì sợ một kẻ quá khích nào đó lén sang buồng anh “thích khách”. Hai bên chỉ cách nhau vách lá mỏng manh, sơ sài.

Rất may cho anh là những lời xì xào nghi kị đó thấu tới anh Ba Bình. Và một sáng nọ, anh Ba chống xuồng tới quân y viện 2. Thật là bất ngờ, mọi người xôn xao nhưng anh Ba khoát tay nói: “Cứ làm việc bình thường. Tôi chỉ ghé một chút thôi”. Lúc đó anh Ba Hưng đang tháo băng cho hai anh Nền và Hoàng.

Hai anh nhăn mặt lộ vẻ khó chịu vì mùi hôi bốc lên từ vết thương băng đã hơn ba ngày. Nhưng cuộn băng vừa tháo hết thì cả thầy thuốc lẫn thương binh đều reo lên mừng rỡ:

- Lành rồi!
- Kéo da non rồi! Xương đã ráp cứng.

Anh Ba Bình bước tới nhìn kỹ vết thương đã kéo da non của hai anh Nền và Hoàng. Anh gật gù nói với anh Ba Hưng:

- Trước đây tôi có nghe bác sĩ nói về phương pháp băng bó của Pháp trong đệ nhị thế chiến. Nay mới thấy tận mắt. Kỳ diệu thật! Tên phương pháp là gì vậy?
- HEM, tức Hospital d'évachation Motorise.

Anh Ba Bình gật gù quay lại hai anh thương binh:

- Tôi có nghe lời phàn nàn của hai anh về giám đốc Quân y viện 2. Cho nên sáng nay tôi gác công việc để qua đây điều tra tại chỗ. Kết quả cho thấy là hai anh hơi vội vàng trong việc phê phán...

Hai anh Nên và Hoàng ấp úng xin lỗi bác sĩ Hưng. Trong khi đó, anh Ba Bình gọi anh Nguyễn Đức Hình từ dưới xuống lên, nói:

- Chụp bác sĩ Hưng và hai anh thương binh này một bức ảnh kỷ niệm đánh dấu ngày thành công đầu tiên của Quân y viện.

Nguyễn Đức Hình là nhà thơ kiêm nhiếp ảnh. Ra bung, anh được anh Ba Bình khai thác một tài năng mới: đánh giặc. Dù vậy anh Hình vẫn không rời cái máy Zeiss I Rón thân thương. Anh mở máy mời anh Ba Hưng và hai anh Nên, Hoàng ngồi trên giường chụp một bức. Xong rồi anh Ba Hưng mời anh Phạm Ngọc Thuần cùng chụp với ba anh một “pose” làm kỷ niệm.

Vài ngày sau liên lạc đem qua một bao thư trong đó có các bức ảnh rọi lớn với mấy chữ đề tặng của Trung tướng Nguyễn Bình. Bức ảnh đó anh Ba Hưng giữ kỹ như gia bảo: “Nếu ra khu không gặp Nguyễn Bình thì mình đã trở về thành ngay từ đầu”.

Chương 44

Tô Ký cưới vợ mời khu trưởng

Nguyễn Bình cưới ngựa tới chung vui

Anh em trong Giải phóng quân liên huyện nhớ mãi ngày hôm ấy: chỉ huy trưởng Tô Ký cưới vợ. Từ lâu vị chỉ huy này mê đánh giặc không chịu nghĩ tới việc lập gia đình, chỉ sợ vợ con “vướng tay vướng chân” nhưng rồi chuyện phải tới đã tới: chiến tranh là chuyện lâu dài, có thể kéo dài đời cha tới đời con, như chủ trương “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” mà ai cũng thấm nhuần. Trước khi vào tiệc liên hoan, hãy tìm hiểu về tân bang và tân giai nhân.

Tô Ký theo cách mạng từ nhỏ. Cha là ông Tô Nếp hoạt động bí mật, tham gia Nam Kỳ khởi nghĩa bị Tây bắt đưa về trại giam Xóm Chiếu và đưa đi thủ tiêu. Lúc đó thực dân đưa các chiến sĩ cộng sản ra Mũi Tàu Nhà Bè, xỏ dây kẽm vào lòng bàn tay xâu từng chùm, lừa xuống xà lan đem nhận chìm ngoài biển. Trước Nam Kỳ khởi nghĩa, Tô Ký bị Tây bắt đưa lên trại tập trung giữa rừng gọi là cam des travailleurs Tà Lài, ta gọi là Căng Tà Lài. Đây là trại giam khoét trong rừng sâu dọc con đường 20 Sài Gòn - Đà Lạt, cách Định Quán 15 cây số. Trong năm đợt liên, Tây đưa lên đây mấy trăm nhà cách mạng chúng bắt được khắp Nam Kỳ lục tỉnh để ngăn chặn những cuộc khởi nghĩa mà chúng tiên đoán sẽ xảy ra trong lúc chánh quốc của chúng đang bị Đức quốc xã chiếm đóng. Dù vậy cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vẫn xảy ra. Tây thẳng tay đàn áp và tàn sát hàng ngàn người. Chúng vô tình tập trung một lực lượng dự trữ cán bộ cộng sản ưu tú trong căng Tà Lài. Vài tháng sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, chi bộ nhà tù quyết định cho tám đồng chí vượt ngục dưới sự cầm đầu của bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ Trần Văn Giàu

(Sáu Giàu). Bảy người kia là Châu Văn Giác, Dương Văn Phúc tự Năm Đông, Trương Văn Nhâm, Nguyễn Công Trung, Lê Anh Kiệt tức kỹ sư Văn, Nguyễn Tấn Đức và Tô Ký. Tô Ký theo hai anh Giàu và Giác đi về hướng Đà Lạt còn năm người kia đi về hướng Sài Gòn. Tô Ký bị Tây bắt ở Đà Lạt đưa về cảng Bà Rá. Sau đó lại đưa về khám Tây Ninh. Ngày Nhật đảo chánh Pháp, ngày 9-3-1945, Tô Ký vận động lính mã-tà giao súng cho anh em tù chánh trị rồi về nhà làm ăn.

Anh trở về quê nhà, Tân Mỹ, Bình Lý (nay là xã Bình Mỹ) tiếp tục hoạt động. Khi ta cướp chánh quyền cuối tháng 8-1945, Tô Ký là chỉ huy trưởng Giải phóng quân liên quận Hóc Môn-Bà Điểm- Đức Hoà.

Về cô dâu, chị Tân là dân Hóc Môn, gia đình có truyền thống cách mạng. Vợ Tây xử tử người anh hùng Chín Bình (Đặng Công Bình người chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở Hóc Môn) càng nung chí căm thù quân cướp nước trong gia đình chị Tân. Vợ Chín Bình có bà con với mẹ chị Tân, nhà ở ấp Bến Đò, xã Tân Phú Trung. Có một điều kì diệu là trước đây Chín Bình là tay anh chị, có ai ngờ lại trở thành một nhà cách mạng ngoan cường. Giai thoại cái chết đầy khí phách của “nguyên soái Bình” được truyền miệng khắp Hóc Môn và các quận lân cận Gò Vấp, Thủ Đức, Đức Hoà. Dích thân chủ quận Hóc Môn tên Thọ, thiên hạ gọi là Quận Dẻo vì có tật chân, nhắc ghế mời Chín Bình ngồi khi ông bị áp giải về dinh quận. Nhưng hãy trở lại cô dâu. Chị Tân đậu tiểu học vài năm thì ta cướp chính quyền. Ngày 25-8-1945 cả triệu người, phần lớn là thanh niên các quận nội ngoại thành kéo về Sài Gòn dự mít-tinh, chị Tân cũng ủ quần áo đi dự. Chị không quên gắn phù hiệu Thanh niên tiên phong vào ngực áo, nhưng gặp trục trặc vào giờ chót: các anh không cho chị đi “đàn bà con gái mà đi đâu. Có thể xảy ra lộn xộn, chết chóc”. Dù vậy, sau khi các anh đi rồi, chị Tân cũng đi. Những ngày rục rờ cờ bay trống thúc, làm sao có thể nằm nhà được! Từ cuộc mít-tinh lịch sử đó, chị Tân hăm hở tham gia mọi công tác mà cách mạng giao phó. Và trên đường kháng chiến, chị đã gặp chỉ huy trưởng Giải phóng quân Liên quận.

Trong ngày vui đáng ghi nhớ nhất trong đời, hai anh chị quyết định mời trung tướng Nguyễn Bình tới chung vui. Đối với Nguyễn Bình, anh Ba Tô Ký rất có nhiều cảm tình. Anh gọi vị đặc phái viên của Bộ Tổng là “anh Ba” như giới chỉ huy thân cận của Nguyễn Bình. Ngay từ đầu, khi được thư mời dự hội nghị quân sự tại An Phú Xã, Tô Ký đã ủng hộ ngay. Anh nghĩ là “hiện nay Miền Đông đang cần thống nhất các lực lượng vũ trang. Người đứng ra làm việc này phải là tay có bản lĩnh mới thu phục được đám anh hùng tứ chiếng. Nếu không thì cũng phải là người của Trung ương phái vào. Chưa biết Nguyễn Bình “làm ra cơm cháo” gì không, nhưng mình phải vì việc lớn mà ủng hộ”. Chừng gặp Nguyễn Bình tại hội nghị, anh thấy rõ đặc phái viên Trung ương đúng là một người của tình thế khó khăn và quyết định ủng hộ của anh trước đây rất đúng. Kỷ niệm sâu sắc nhất của anh về Nguyễn Bình là đêm “hội sư” trên sông Đồng

Nai vài tháng sau đó. Anh Ba Bình, đã cùng một số chỉ huy quân sự đi thị sát tình hình hai bờ sông Đồng Nai trên một chiếc tàu ta cướp được của Tây. Lúc đó ta phát động dân quân du kích tấn công các đồn điền cao su là nơi Tây thường chiếm để đóng quân và làm điểm xuất quân đánh ta. Đêm đó nhiều sở cao su dọc hai bờ sông Đồng Nai bốc cháy đỏ rực.

Anh Ba Bình chỉ các đám cháy nói với các chỉ huy:

- Xem kìa: Lửa Việt Minh thiêu đồn giặc.

Ngày tới Thủ Dầu Một, anh Ba đã ra lệnh đốt sở cao su Phú Riềng, giải thoát dân “contrat”, chiếm xưởng máy đem về xây dựng Bình Công Xưởng.

Qua những tiếp xúc với các chi đội khác, Tô Ký biết anh Ba Bình rất yêu mến binh sĩ và cán bộ quân sự. Anh Ba thường đến các trạm quân y thăm thương binh. Các bác sĩ và y tá đều xúc động khi thấy anh Ba lấy khăn tay đuổi ruồi bu trên các vết thương anh em binh sĩ, nhưng ruồi là giống lì nên anh Ba phải đắp khăn tay của mình lên mặt một thương binh.

Anh Nguyễn Đức Hình thường khoe chuyện anh Ba Bình và chị Thanh xách cặp gà tới tặng vợ anh sanh được vài tuần. Khi Hình cảm ơn thì anh Ba nói “đó là chánh sách đối với cán bộ chứ có gì riêng tư mà cảm ơn”. Sau đó chị Thanh nói riêng với anh Hình “anh Ba bảo mình có trách nhiệm lo cho hậu phương, vợ con có yên ổn thì chiến sĩ mới yên tâm mà đánh giặc nơi mặt trận”.

Không riêng gì Nguyễn Đức Hình mà nhiều anh em cũng được anh Ba chăm sóc. Có anh vừa báo tin cưới vợ anh Ba móc túi trao hết xấp tiền phụ cấp tháng mới lãnh để về làm lễ liên hoan mời bạn bè tới chia vui.

Anh Lâm Thái Hoà gắn bó với anh Ba Bình cũng do thái độ chăm sóc ân cần của vị tư lệnh. Lúc anh Hoà đi công tác, anh Ba cho chị Thanh đến nhà giúp đỡ chị Hoà.

Chị Phạm Thị Nhiệm, em giáo sư Phạm Thiều và là vợ của anh Phạm Ngọc Thảo sanh con so. Anh Bình cũng bảo chị Thanh tới săn sóc chị Nhiệm. Có chuyện vui, nhà bảo sanh ở Khu 9 đèn lù mù, Phạm Ngọc Thảo đứng ở đầu giường hỏi chị Thanh đang bế đứa nhỏ: “Trai hay gái?” Thấy “dây nhợ lòng thông”, chị Thanh nói: “con trai”. Chừng xem kỹ lại là con gái. Trai hay gái gì cũng cảm ơn vợ. Anh Thảo hấp thụ văn hoá Pháp nên ôm hôn vợ trước cặp mắt ngạc của chị Thanh...

Do biết những giai thoại đó, anh Ba Tô Ký mời anh Ba Bình làm chủ hôn đám cưới của anh. Không riêng vợ chồng anh mà cả Giải phóng quân Liên quận đều hãnh diện về sự có mặt của trung tướng. Anh Ba cưới ngựa tới dự hôn lễ cùng một số vị trong Bộ tư lệnh Khu. Vô tiệc anh Ba Tô Ký mới biết anh Ba Bình sống thật “thanh đạm”, không uống rượu, không uống cà

phê. Không phải là thầy tu, nhưng vì con mắt hư, phải kiêng cử các thức uống gây nhiệt. Tuy không dùng rượu, anh Ba vẫn hoà mình vào không khí vui nhộn của tập thể và cũng tỏ ra là “một cây văn nghệ xanh dờn”. Những ai có mặt trong tiệc cưới đó rất thú vị được biết một Nguyễn Bình thân mật gần gũi, khác hẳn chân dung vị tư lệnh mà khẩu hiệu số một trong đời là “kỷ luật” nghiêm minh.

Chương 45

Thanh Sơn phụ trách Campuchia

Ủy viên quân sự về Nguyễn Bình

Đây nói về Thanh Sơn, Nguyễn Văn Tây, một nhân vật tên tuổi của Nam Bộ. Có chuyện này ít người biết: Thanh Sơn không phải họ Nguyễn. Nội tổ Thanh Sơn là một nghĩa quân của Bình Tây Đại Nguyên Soái Dân Phong - tức Quân cơ Trương Định. Ông nghĩa quân này tên là Phạm Tự. Em của Phạm Tự là Phạm Thị Hiền, tức bà cô của Thanh Sơn, rất giỏi võ, lập ra đội nữ dân binh cùng với anh quyết chí đánh Tây. Khi Trương Định bị tên Việt gian Huỳnh Công Tấn (đội Tấn) hãm hại ở Đám Lá Tối Trời (Gò Công), bà Phạm Thị Hiền bị Tây giết và tru di tam tộc. Ông Phạm Tự chạy về Rạch Rầy, xã Hựu Thạnh, Cầu Kè, nay là Trà Ôn. Vẫn chưa trốn thoát, Tây bắt chặt đầu, ném xác xuống bưng Đập Vong cũng trong xã Hựu Thạnh. Trước nạn tru di tam tộc, ông nội của Thanh Sơn tên Phạm Cao Y đổi là Nguyễn Văn Bằng, cha Thanh Sơn tên Phạm Văn Hiến đổi là Nguyễn Vinh Hiến. Ông Nguyễn Văn Bằng gia nhập “Việt Nam Phục Quốc Hội” của cụ Phan Bội Châu còn ông Nguyễn Vinh Hiến thì làm làng để dễ hoạt động theo lý tưởng của cha ông.

Thanh Sơn nhớ hồi nhỏ thường bị cha bắt chép mấy câu chữ nho “trung hiếu tiết nghĩa”, “trung can nghĩa khí” không phải chỉ chép vài trăm hàng mà chép đầy ba mảnh giấy học trò. Nhờ chép nhiều như vậy mà Thanh Sơn có nét chữ đẹp. Đến khi bị Tây đày ra Côn Đảo cái hoa tay đó có chỗ đắc dụng. Thanh Sơn được đưa vào tổ phục vụ học tập, chép tài liệu Duy vật lịch sử, Duy vật sử quan, Duy vật biện chứng pháp. Đang học collège Cần Thơ dưới Ung Văn Khiêm một lớp, hai anh em bỏ trường theo cách mạng.

Thanh Sơn trốn sang Tàu học trường Hoàng Phố và được vinh dự sớm là học trò của Nguyễn Ái Quốc...

Nhưng hãy trở lại Nam Bộ trong những ngày nước sôi lửa bỏng cuối 1945. Khi ta cướp chánh quyền vào 25-8, Thanh Sơn là uỷ viên trong Lâm uỷ Hành chánh Nam Bộ kiêm Thanh tra chính trị miền Tây.

Mặt trận Cần Thơ đã bao vây địch trong 90 ngày, một thành tích đáng hãnh diện so với 29 ngày Sài Gòn sống trong độc lập tự do (25-8 đến 23-9-1945). Đầu tháng 2-1946 mặt trận Cần Thơ vỡ, Trung ương Quân sự uỷ viên Hội mà chủ tịch là Võ Nguyên Giáp - lúc đó chưa có Bộ Quốc Phòng - rút Thanh Sơn về Trung ương để lo vấn đề chi viện cho kháng chiến trong Nam. Thanh Sơn lên đường ra Bắc với trợ lý là kỹ sư Nguyễn Đăng. Nguyễn Đăng là kỹ sư canh nông làm việc ở Cần Thơ đã theo Thanh Sơn từ đầu năm 1945.

Hai anh em cùng trên đường ra Hà Nội dự kỳ họp Quốc Hội đầu tiên. Tới Vàm Láng (Gò Công) hai anh mượn ghe cửa mua gạo chở ra Phú Yên vừa là cái trang làm dân thương lái vừa tiếp tế miền Trung đang đói.

Lúc đó chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Miền Nam Việt Nam đóng ở Quảng Ngãi là Nguyễn Sơn, nguyên là chánh uỷ quân đoàn Diên An, từng tham gia cuộc Vạn lý trường chinh với quân giải phóng Trung Hoa thời kháng Nhật. Anh em ở Nam Bộ ra thấy tướng Nguyễn Sơn xây dựng vùng Quảng Ngãi như một thủ đô cách mạng, tập trung các thứ Trung ương chi viện cho Nam Bộ để biến căn cứ Quảng Ngãi như một Diên An. Là dân Nam Bộ ăn ngay nói thẳng, Thanh Sơn đã đụng Nguyễn Sơn nhiều trận, rõ ràng là hai ngọn núi không sống chung trên một mảnh đất.

Đụng nhau về chuyện vũ khí. Nam Bộ cần súng đạn đánh Tây, được Trung ương chi viện súng đạn là mừng. Thanh Sơn tìm ghe thuyền đưa về Nam Bộ.

Còn Nguyễn Sơn thì cương quyết giữ số súng đạn đó lại cho Quảng Ngãi viện lý do: Tây cắt đường giao thông, làm sao đưa vũ khí vào nam Bộ? Thanh Sơn cự: “ Sao không được, ngày xưa Nguyễn Huệ đưa quân ra Bắc giải phóng Thăng Long bằng cách nào? Ghe bầu ở đây thiếu gì!”

Thanh Sơn còn tố thêm:

- Nếu anh muốn đánh Pháp, xin mời anh vô Nam Bộ. Còn nếu không thì anh phải trả vũ khí lại cho Nam Bộ.

Đúng vào lúc đó Trung ương bổ nhiệm Thanh Sơn, Phó chủ tịch Uỷ ban Kháng chiến Miền Nam Việt Nam với nhiệm vụ lo tiếp tế cho Nam Bộ để đẩy mạnh kháng chiến chống xâm lăng. Công việc cấp bách lúc đó là xây dựng các kho chứa vũ khí, tìm ghe thuyền đưa vũ khí về Nam Bộ. Một trong các kho đó là Vũng Rô mà thủ kho là đồng chí Tất. Chính từ kho Vũng Rô này mà bà Nguyễn Thị Định nhận vũ khí chi viện cho Nam Bộ. Các thuyền trưởng Trần Văn Hoài (Hoài Râu), Đặng Văn Qua, Mười Thôi cũng xuất phát từ đó đưa súng đạn về cho ba khu 7, 8, 9.

Tháng 7-1947 Thanh Sơn về Nam Bộ. Cũng trong thời điểm đó hội nghị Xứ đại biểu họp

tại Đồng Tháp Mười. Trong cuộc họp này có các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Trần Văn Trà. Hội nghị giải quyết các mâu thuẫn giữa Việt Minh Mới, Việt Minh Cũ, thống nhất hai hệ Ủy ban Hành chánh và Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ và các liên tỉnh, tránh tình trạng không ăn khớp trước đó. Cũng trong thời điểm này, đồng chí Phạm Văn Đồng đại diện Trung ương ở phía Nam điện vào ra lệnh cho Thanh Sơn mở mặt trận Kampuchia để cầm chân Pháp bên đó đồng thời giải toả cho Khu 5 đang bị Pháp cô lập.

Thanh Sơn tiếp nhận sứ mạng đó với sự hân hoan khó tả: Năm 1946 khi ra Trung ương, Thanh Sơn đã dựa vào Khu Năm, cái ơn đó anh định sẽ trả thì dịp may đến: Trung ương giao cho anh nhiệm vụ giải toả áp lực Pháp đang đè lên Khu 5 đồng thời tiếp tế cho Khu 5 bằng cách mở bến bãi ở Nam Bộ và Kampuchia, cho thuyền ghe chở lúa gạo, khô mắm cho miền Trung. Để thực hiện kế hoạch này, bộ trưởng Canh Nông Ngô Tấn Nhơn (thay Huỳnh Thiện Lộc) đưa hai chục ký vàng vô Nam để chi dụng. Lúc đó Thanh Sơn là uỷ viên Quân sự kiêm Ngoại vụ. Đến năm 48, anh là Trưởng Phân Ban của uỷ viên Kháng chiến hành chánh Nam Bộ ở Miền Tây Nam Bộ. Vì tầm quan trọng của mặt trận Kampuchia, Thanh Sơn giao lại nhiệm vụ uỷ viên Quân sự Nam Bộ cho người khác để tập trung nỗ lực vào trọng trách mới trên đất Chùa Tháp.

Giao cho ai chức uỷ viên quân sự Nam Bộ đây?

Xứ uỷ và Ủy ban Nam Bộ thấy không ai xứng đáng hơn trung tướng Nguyễn Bình. Vị phái viên quân sự của Bộ Tổng được Bác Hồ và đồng chí Võ Nguyên Giáp phái vô Nam trong tháng 10-1945 đã nắm được tình hình quân sự và chính trị ở miền Đông Nam Bộ, kịp thời thống nhất các lực lượng võ trang địa phương mà sừng sỏ nhất là Bình Xuyên. Ở vùng giải phóng, Khu trưởng Khu 7 đã chánh quy hoá các bộ đội tổ chức thành các trung đoàn sinh hoạt có nề nếp và tác chiến có bài bản, kỹ thuật và kỷ luật. Ở vùng tạm chiếm, Nguyễn Bình tổ chức các Ban công tác chuyên hoạt động trong thành phố rải truyền đơn, ném lựu đạn, trừng trị giặc Pháp và bọn Việt gian phản động. Tuy có một số đội viên quen tác phong giang hồ vô tổ chức gây nhiều tác hại đáng tiếc, nhưng nói chung thì các đội quyết tử trong nội thành đã gây được nhiều tiếng vang, ảnh hưởng tới tận Paris làm bọn thực dân ăn ngủ không yên.

Sau khi cân nhắc, Xứ uỷ và Ủy ban Nam Bộ nhất trí cử trung tướng Nguyễn Bình giữ chức Phó chủ tịch Ủy ban Hành chánh - Kháng chiến Nam Bộ kiêm uỷ viên quân sự Nam Bộ. Đưa Nguyễn Bình lên Nam Bộ cũng có nghĩa là khép vị trung tướng vào khuôn khổ với nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, một nguyên tắc mà trước đây khu trưởng Khu 7 không mấy quan tâm, dẫn đến những quyết định có tánh cách cá nhân như “hành động của một viên tướng ngoài cõi” bất chấp triều đình.

Ngoài ra Xứ uỷ và Ủy ban Nam Bộ cũng bàn việc chọn ai giữ chức Khu trưởng Khu 7. Đa

số nhất trí chọn anh Tám Nghệ (Huỳnh Văn Nghệ) đang là khu phó, một chỉ huy quân sự tuyệt vời đã lập nhiều chiến công hiển hách như Là Ngà, Đồng Xoài, Bàu Cá.

Chương 46

Bắt Phán Huề lôi ra chuyện lớn

Tây mưu đồ lập chiến khu ma

Quân khu 7 đang họp bàn vấn đề chánh quy hoá bộ đội, biến các chi đội thành trung đoàn thì có tin điện từ Chi đội 7 cho biết bắt được Phán Huề, nguyên là chủ tịch tỉnh Bà Rịa đã bị Tây bắt trong cuộc tấn công tỉnh Bà Rịa. Không rõ vì sao Phán Huề lại lén lút trở vô khu giải phóng. Đoán biết có chuyện quan trọng, Khu trưởng Nguyễn Bình bèn cùng Mai Văn Vĩnh: Chi đội trưởng Chi đội 7 cấp tốc về Bà Rịa.

Khi bị bắt, Phán Huề nghĩ là cuộc đời mình đã tàn, nhưng Hai Vĩnh khéo léo đối xử để Phán Huề lên tinh thần. Hai Vĩnh đóng vai chiến sĩ quốc gia bất mãn về sự lãnh đạo của cộng sản khéo đến mức Phán Huề tin thật và tiết lộ âm mưu thành lập chiến khu quốc gia của chánh phủ quốc gia Nam phần Việt Nam dọn đường cho giải pháp Bảo Đại. Phán Huề thú nhận lãnh nhiệm vụ vô khu dụ dỗ một số cán bộ kháng chiến về với chánh nghĩa quốc gia.

Phán Huề cũng tiết lộ Bảy Viễn đã phái Lai Hữu Tài dự các cuộc họp của các giáo phái lập Mặt trận Quốc gia Liên hiệp ủng hộ giải pháp Bảo Đại.

Hai Vĩnh tương kế tựu kế viết thư cho Thủ tướng Nguyễn Văn Xuân tỏ ý hoan nghinh chủ trương kêu gọi chiến sĩ quốc gia bỏ Khu về Thành và đang nghiên cứu để thi hành chủ trương đó.

Đọc bức thư của Hai Vĩnh, Phán Huề phấn khởi, không ngờ mình đã tự thú tội lỗi của mình. Khi Hai Vĩnh báo cáo mọi việc, Nguyễn Bình ra lệnh giải quyết ngay Công An và Quốc vệ Đội Bà Rịa.

Xong rồi, Nguyễn Bình trở về Bộ Tư định lo đối phó với nguy cơ Bảy Viễn ngả theo Phòng Nhì, bắt tay thủ tướng Nguyễn Văn Xuân lập chiến khu quốc gia giả hiệu.

Từ lâu ta đã nắm được tin Bảy Viễn dung túng bọn Phòng Nhì trong Chi đội 9. Nay lại biết rõ thêm là bọn Tư Sang, Năm Tài đã lái Bảy Viễn đi quá xa. Phải ra sức kéo Bảy Viễn trở lại đường ngay nẻo thẳng. Làm sao?

Sau mấy ngày suy tính, Nguyễn Bình cho mời giáo sư Đặng Minh Trứ, chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh thành Sài Gòn-Chợ Lớn bàn cách liên hệ chặt chẽ với anh em Chi đội

9 mà một đại bộ phận đóng trong địa bàn thành phố. Giáo sư Trứ dạy trong trường trung học Pétrus Ký và cùng ra khu tham gia kháng chiến ngay từ đầu với các đồng nghiệp Phạm Thiều, Hồ Văn Lái, Nguyễn Văn Chì, Trần Văn Các. Trong những năm đầu, ông Trứ hoạt động ở miền Đông với luật gia Lê Đình Chi, kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, giáo sư Phạm Thiều. Đến khi thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính thành Sài Gòn-Chợ Lớn, ông được bổ nhiệm chủ tịch.

Sau khi nghe Nguyễn Bình trình bày Phòng Nhì cố lái Bảy Viễn ngã theo giải pháp Bảo Đại, ông Trứ tán thành việc mời một đại diện Bình Xuyên vào Ủy ban kháng chiến-hành chính thành Sài Gòn-Chợ Lớn. Người đại diện sẽ do Bảy Viễn và các chỉ huy các Chi đội trong Liên Khu Bình Xuyên chỉ định, nhưng ta có thể đoán trước được là Mười Trí. Nhân vật Mười Trí thì Nguyễn Bình đã nắm được phần nào nhờ có thời gian hai bên đóng sát nhau.

Theo thư mời của giáo sư Đặng Minh Trứ, ngày 24-3-1948, các vị chỉ huy Bình Xuyên gồm có Lê Văn Viễn, khu bộ phó Khu 7 kiêm chỉ huy trưởng Chi đội 9, Dương Văn Hà, Bộ tư lệnh Liên Chi Bình Xuyên, Trần Văn Đối, phó tư lệnh Liên Chi Bình Xuyên, Huỳnh Văn Trí, chỉ huy trưởng chi đội 4, Lâm Văn Đức tức Tư Ty, chi đội 25, Nguyễn Văn Hoành, chi đội 21, Lê Văn Chàng, chi đội 2, Ngô Văn Lực chi đội 3 cùng với các ông Nguyễn Hộ, ủy viên Dân quân thành, Cao Đăng Chiếm, phó giám đốc sở Công An Nam Bộ kiêm trưởng ty Công an thành, đến dự hội nghị.

Đúng chín giờ, giáo sư Trứ trình bày lý do cuộc họp. Hội nghị bầu chủ tịch danh dự: cố khu phó khu 7 Dương Văn Dương vừa được truy phong thiếu tướng.

Chủ tịch hội nghị là Khu phó Lê Văn Viễn, thư ký là ông Nguyễn Hộ.

Ông Đặng Minh Trứ báo cáo về việc thành lập Ủy ban Kháng chiến-hành chính thành Sài Gòn-Chợ Lớn, cần có một đại diện Liên Khu Bình Xuyên trong Ủy ban.

Hội nghị nhất trí cử ông Mười Trí làm đại diện trong Ủy ban. Tiếp theo đó ông Bảy Viễn phát biểu cảm tưởng:

- Có đại diện Liên Khu Bình Xuyên trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính Sài Gòn- Chợ Lớn thì mọi sự lúng củng sẽ dễ giải quyết. Ban tiêu dùng sản vật Nam Bộ sẽ hoạt động đặc lực hơn để giúp chánh phủ có đủ tiền cung cấp cho quân đội toàn Nam Bộ.

Mười Trí cũng phấn khởi phát biểu:

- Ngày 11-3-1948 vừa qua tôi đã dự cuộc hội nghị Ủy ban Kháng chiến-hành chính Nam Bộ. Các anh trong Ủy ban nhìn nhận trước đây có vài lúng củng do thiếu gần gũi, do hệ thống làm việc không ăn khớp. Nếu trong các Ủy ban Kháng chiến - Hành chính có đại diện Bình Xuyên thì sẽ tránh được những ngộ nhận đáng tiếc. Các anh Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Bình,

Ung Văn Khiêm, Lê Duẩn, Diệp Ba, Lê Đình Chi, Nguyễn Thành Vinh đều tỏ ý một ngày nào đó Khu bộ phó Lê Văn Viễn về Nam Bộ họp thì chắc chắn tình hình sẽ sáng sủa hơn.

Bảy Viễn đưa hai tay lên tỏ vẻ hân hoan:

- Nhất định là tôi sẽ về Nam Bộ họp với các anh để giải quyết một lần cho xong những lũng củng đã kéo dài quá lâu. Tôi hứa chắc là sẽ lên đường một khi nhận được công điện của Nam Bộ.

Ai nấy đều phấn khởi trước kết quả tốt đẹp của cuộc họp. Riêng giáo sư Trứ thì vui mừng đã hoàn thành xuất sắc sứ mạng mà trung tướng Nguyễn Bình giao cho: Kéo Bình Xuyên về kháng chiến.

Trước đây giáo sư nghĩ Nguyễn Bình chuyên đánh giặc nhưng nay mới biết về chính trị, anh Ba Bình cũng có bài bản, từng bước thu phục nhân tâm.

Nhưng hãy còn quá sớm để kết luận Bảy Viễn tính gắp Nguyễn Bình để đòi lại hai đại đội của hai anh Nghiệp và Dư đã bỏ Chi đội 21 khi Bảy Viễn bắt chính trị viên Lê Hiền. Bảy Viễn không chấp nhận chế độ chính trị viên và cán bộ người Bắc trong Chi đội 9 của ông ta. Ngoài ra còn nhiều đụng chạm khác như vấn đề thu thuế Bình Xuyên và khu Sài Gòn thường dẫm chân nhau...

Trong khi Bảy Viễn chịu gắp Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ thì bọn Sang, Tài rất lo. Chúng sợ Bảy Viễn ngả theo kháng chiến thì vai trò chúng nhận lãnh của Phòng Nhì bên cạnh Bảy Viễn khó thành công. Năm Tài tìm cách cản trở:

- Ngài khu bộ phó chớ xuống Đồng Tháp Mười. Giang sơn nào anh hùng nấy. Tụi cộng sản ma giáo lắm. Chúng rất nhiều mưu ma chước quỷ. Chúng tôi lo cho ngài khu bộ phó lắm.

Bảy Viễn cười:

- Người ta mời mà mình không đi là dở. Người ta sẽ nói là mình sợ. Dân giang hồ không hề biết sợ một thứ gì. Để tao đi. Tụi bây đừng có làm kỳ đà cản mũi...

Nhưng anh em Sang Tài không bỏ cuộc trong việc cản ngăn Bảy Viễn đi xuống Đồng Tháp Mười.

Chương 47

Nguyễn Bình mời, Bảy Viễn do dự

Vào hang cọp Tám Nghệ trở tài

Trong tinh thần giữ tình đoàn kết, Trung tướng Nguyễn Bình bàn với các đồng chí ở Nam Bộ tìm mọi cách tách rời Bảy Viễn khỏi bọn Phòng Nhì mà nguy hiểm nhất là hai tên Lâm Ngọc Đường và Maurice Thiên. Hai tên này đã cài hai anh em họ Lai chui vào chi đội 9 của Bảy Viễn ngay từ đầu. Cách hay nhất là đưa Bảy Viễn ra khỏi Rừng Sác. Từ lâu Rừng Sác đã trở thành giang san của Bảy Viễn. Đây là một tiểu triều đình có đầy đủ bá quan văn võ, hoạn quan thái giám, cung phi mỹ nữ. Bảy Viễn đúng là một lãnh chúa trong chiến tranh. Cách xưng hô “ngài khu bộ phó” mà hai tên Tài Sang “chế” ra chứng minh tình trạng “trưởng giả học làm sang” của Bảy Viễn.

Chánh uỷ Hai Trí một lần nữa đem túi khôn người xưa ra áp dụng: điệu hổ ly sơn. Phải dụ con cọp Bảy Viễn ra khỏi hang Rừng Sác. Dụ bằng cách đưa con hắc hổ này lên chức Khu trưởng. Tình thế có thuận lợi cho kế độc này. Nguyễn Bình vừa được đề bạt thành uỷ viên Quân sự Nam Bộ. Các đồng chí lãnh đạo tính đưa Khu phó Tám Nghệ lên Khu trưởng Khu 7. Nhưng vì chuyện lớn, Tám Nghệ có thể nhường chức Khu trưởng cho Bảy Viễn. Nếu nhận chức Khu trưởng Khu 7 thì bắt buộc Bảy Viễn phải về Bộ Tư lệnh đóng ở Đồng Tháp Mười. Như vậy có nghĩa là Bảy Viễn phải rời giang san Rừng Sác. Một khi về ở “gần mặt trời” thì Bảy Viễn không còn làm vua một cõi như trước. Bọn Tài Sang cũng không dám lộ mặt “tả hữu thừa tướng” tác oai tác quái, lèo lái Bảy Viễn theo ý quan thầy Pháp của chúng.

Kế điệu hổ ly sơn của quân sư Hai Trí được mọi người tán thành. Tức thì Nam Bộ xin ý Trung ương về việc đề bạt khu bộ phó. Lê Văn Viễn lên giữ chức Khu bộ trưởng Khu 7 thay trung tướng Nguyễn Bình nay là uỷ viên quân sự Nam Bộ kiêm phó chủ tịch Uỷ ban kháng chiến-hành chánh Nam Bộ. Trung ương đồng ý và đánh công điện phong chức Khu trưởng Khu 7 cho đồng chí Lê Văn Viễn.

Được tin vui mà lạ thay Bảy Viễn lại không mừng. Linh tinh như báo trước một điều gì không ổn, bèn họp chư tướng bàn tính xem đằng sau quyết định này có dụng ý gì. Tất nhiên bọn Phòng Nhì bén nhạy hơn ai hết trong việc nhận định tình hình. Tất cả đều nhất trí: đây là độc kế “dụ hổ ly sơn” của tướng một mắt. Nghe lời chư tướng, Bảy Viễn không tính tới chuyển đi Nam Bộ nhận chức Khu trưởng.

Mấy ngày trôi qua không thấy Bảy Viễn đánh điện trả lời, Nguyễn Bình nói với Hai Trí:

- Kế độc của quân sư không “ăn” rồi. Bảy Viễn biết ngay ý đồ của mình. Thứ nhất, người đáng nhận chức Khu trưởng phải là Tám Nghệ vì công trận nhiều hơn. Thế thì tại sao vinh dự đó lại chạy về Bảy Viễn? Đúng là có ý đồ gì đây?

Hai Trí gật:

- Đúng là ý đồ của mình có phần lộ liễu. Nhưng mà tôi đã có cách. Anh Tám Nghệ có đây không?

Nguyễn Bình cười:

- Lại bày trò khích tướng chớ gì? Tôi nghĩ Tám Nghệ đúng là sứ giả của mình trong chuyến du thuyết này.

Khi nghe tư lệnh và chánh uỷ giao công tác xuống Rừng Sác, Tám Nghệ dăm chiêu:

- Tôi đã xuống Tiều một lần trong dịp Bảy Viễn làm lễ nhậm chức khu bộ phó. Bây giờ xuống đó mừng ông ta lên chức Khu bộ trưởng và mời ông ta cùng đi với tôi về Đồng Tháp Mười dự lễ tấn phong. Lý do đó đầy đủ lý và tình. Nhưng chưa chắc Bảy Viễn chịu rời Rừng Sác.

Hai Trí cắt lời:

- Bởi vậy mới dùng kế khích tướng. Bảy Viễn là dân anh chị, rất trọng danh dự. Hồi ở tù trong Khám Lớn, tôi từng thấy nhiều tay giang hồ xăm trên lưng nhiều câu rất hay, như “báo tử lưu bì, nhơn tử lưu danh”, hoặc xăm tiếng Tây “Plutôt la mort que la honte” tương đương với “ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục”.

- Được tôi sẽ cố gắng. - Tám Nghệ nói.

Hai Trí vui mừng:

- Có cần lấy quân hộ tống không? Bao nhiêu thì đủ?

Tám Nghệ lắc đầu:

- Nếu tính thị uy thì bao nhiêu cũng không đủ. Tô Tần hay Trương Nghi thời Chiến Quốc đi du thuyết chỉ có một mình. Cái lưỡi của kẻ thuyết khách bén hơn kiếm báu, cái dùi của Kinh Kha. Dự Nhượng mạnh hơn cả đại đội hùng binh.

Nguyễn Bình thích thú cười với Tám Nghệ:

- Tôi đã không lầm khi chọn Tám Nghệ trong khi cả tỉnh Biên Hoà giao quyền hành cho ông Nghệ kia.

Hai Trí ngạc nhiên:

- Còn Nghệ nào nữa?

Tám Nghệ giải thích:

- Lúc cướp chánh quyền, Biên Hoà có anh Huỳnh Thiện Nghệ là thầy giáo ở thị xã. Anh Huỳnh Thiện Nghệ năm Thanh niên tiên phong tỉnh và được xem là lãnh tụ lớn trong tỉnh còn tôi thì chỉ là chỉ huy vài trung đội dân quân trong quận Tân Uyên. Nhờ anh Ba tín nhiệm mà đề

bạt tôi lên.

Hai Trí hỏi:

- Còn tay Huỳnh Thiện Nghệ kia đâu rồi Tám Nghệ?

- Khi Tây đánh chiếm Biên Hoà thì Huỳnh Thiện Nghệ kéo quân ra Bắc. Tới Quảng Ngãi thì bị giữ lại chất vấn: địch tới Biên Hoà sao không đánh mà lại rút ra trung ương làm gì? Thầy giáo Nghệ trở về Biên Hoà tiếp tục chiến đấu thì bị bệnh nặng chết trên đường hành quân.

Tám Nghệ đơn thương độc mã tới tổng hành dinh Bảy Viễn làm bọn Phòng Nhì hết sức bất ngờ. Nhưng chúng cũng đủ thông minh để biết sứ giả của Nguyễn Bình mạo hiểm vô hang hùm là để thuyết phục Bảy Viễn đi Nam Bộ nhận chức khu trưởng. Tức là Tám Nghệ thúc đẩy kế điệu hổ ly sơn. Năm Tài và Tư Sang quyết ám sát Tám Nghệ nhưng vào giờ chót.

Năm Tài cẩn thận dò ý Bảy Viễn. Vừa nghe Năm Tài gợi ý, Bảy Viễn đã nạt dũa:

- Đẹp! Đẹp! Tao không cho phép bây giờ trò hèn mạt đó ngay trên giang san của tao? Tám Nghệ là thượng khách của tao.

Hai anh em họ Lại đành huỷ bỏ kế hoạch ám sát đã tính toán kỹ lưỡng. Trong tiệc rượu gọi là tái ngộ, Tám Nghệ nói rõ mục đích chuyến đi của mình, rủ Bảy Viễn cùng đi Nam Bộ nhận chức Khu trưởng:

- Lễ tấn phong khu bộ trưởng được chuẩn bị hết sức long trọng tại Nhơn Hoà Lập, nơi Nam Bộ đóng. Có đầy đủ ba ngành Quân Dân Chánh dự.

Bảy Viễn lắc đầu:

- Tôi không xứng đáng với chức đó. Anh Tám có thành tích hơn tôi.

- Anh Bảy đừng khiêm nhượng. Lãnh đạo đã cân nhắc kỹ rồi. Anh được đề bạt là cả một vinh dự cho cả giới giang hồ đi theo kháng chiến. Làm khu trưởng, anh sẽ quy tụ hào kiệt bấy lâu còn mai danh ẩn tích để hàng ngũ quân ta ngày càng thêm đông thêm mạnh.

- Nhưng tôi đã quen với vùng Rừng Sác này, không thể dời đi nơi khác. Dân ở rừng mà về đồng bằng thì “lạnh lưng”.

Tám Nghệ cười ha hả:

- Cọp ở đâu cũng là cọp. Hắc Hổ Bảy Viễn ở Rừng Sác hay ở Tháp Mười cũng là cọp. Không lẽ cọp trên rừng về đồng thành chồn?

Mắt Bảy Viễn sáng rực lên:

- Anh Tám nói đúng: cọp ở đâu cũng là cọp. Tôi sẽ về Tháp Mười nhận chức khu trưởng.

Cuộc hội kiến kết thúc bằng một tiệc nhậu đặc sản Rừng Sác: cua rang muối. Nhưng rượu thì là rượu chát Tây.

Lính đem ra hai chai Bordeaux trắng và đỏ. Bảy Viễn hỏi:

- Anh Tám dùng thứ nào?

- Trắng đỏ thứ nào cũng ngon, nhưng dân sành điệu ăn nhậu thì uống rượu chát đỏ với món thịt, còn với món cua sò ốc hến thì dùng loại rượu chát trắng.

Bảy Viễn cười gật gù:

- Anh Tám sành ăn quá. Tôi thì thế nào cũng được, miễn là rượu Tây chánh hiệu.

Hai bên cụng ly rất là tâm đắc. Tám Nghê cười nói rồn ràng rất thoải mái:

- Ly thứ nhất xin chúc mừng anh Bảy đầy đủ sức khỏe để làm tròn trọng trách khu bộ trưởng khu 7, một khu cực kỳ quan trọng của Nam Bộ.

- Còn tôi thì chúc anh Tám lập nhiều chiến công vang dội như các trận Là Ngà, Bàu Cá làm cho Tây khiếp đảm.

Anh em Tài Sang núp gần đó thấy chủ tướng chúc tụng khách mà tức điên lên. Tây đã treo giải thưởng rất lớn cho ai lấy được đầu của Lưu Bá Thừa Việt nam là tướng độc nhãn Nguyễn Bình. Tám Nghệ là cánh tay mặt của Nguyễn Bình, chỉ cần khẽ nhẹ một phát là đi đòi nhà ma. Vậy mà Bảy Viễn cứ làm kỳ đà cản mũi?

Tám Nghệ hoàn thành nhiệm vụ thuyết khách, vui vẻ bắt tay từ giã. Bảy Viễn tiễn đưa khách quý một khúc rồi quay lại bảo Tài Sang:

- Tao quyết định xuống Đồng Tháp nhậm chức khu bộ trưởng. Nam Bộ đã chuẩn bị lễ lạt xong xuôi, định vào ngày sanh nhật Hồ Chủ Tịch, 19 tháng 5. Mình phải sửa soạn ngay bây giờ mới kịp... Tụi bây đừng có cản! Không đi là hèn, là đại!

Năm Tài:

- Ngài khu bộ phó muốn đi thì phải có hộ tống hùng hậu. Với bọn Việt Minh thì phải thị uy, nếu không thì chúng dám làm ầu.

- Nhứt định phải vậy rồi. Tư Sang phải cấp tốc lập một lực lượng thật mạnh, chừng hai đại đội cứng, mỗi tiểu đội phải có một FM đầu bạc. Nhất là phải có một trung đội Trây-đơ để yểm trợ lúc vượt sông cái...

Vậy là Bảy Viễn quyết định tham dự Hồng Môn hội yến tại Nhơn Hoà Lập.

Chương 48

Ý thế mạnh. Bảy Viễn về Đồng Tháp

Đem tâm can Nguyễn Bình thuyết Bình Xuyên

Bảy Viễn quyết định về Nam Bộ nhận chức Khu trưởng, Năm Tài biết không thể can ngăn được bèn bàn với anh là Tư Sang:

- Chuyển đi này quyết định số phận của Bình Xuyên và cũng là số phận của hai anh em mình. Theo tôi biết thì Nguyễn Bình, Tám Nghệ không đáng sợ bằng tay quân sư Hai Trí. Tên này dám làm ầu lăm. Cho nên anh phải luôn luôn sẵn sàng, hễ chúng nó ló mũi là mình phải đánh trước. Tiên hạ thủ vi cường.

Tư Sang cười lớn:

Đó là nghề của chàng! Chú khéo nhắc tuồng làm chi cho mệt? Kỳ này mình đưa hai đại đội cứng đi diễu võ dương oai cho chúng nó ngán. Có trung đội súng lớn với cây trây-đơ của đại đội thẳng Xê bên Chi đội 4 của Mười Trí. Có cây này qua sông cái hay qua lộ Đông Dương rất an toàn.

Năm Tài nói:

- Về quân sự thì mình ăn trửng chúng nó, nhưng tôi vẫn thấy không an tâm. Nhất là sau khi Tám Nghệ đích thân xuống đây thuyết phục ông Bảy đi Nam Bộ. Tôi nghi là có một sự sắp đặt nào đó để đưa chúng mình vào tròng. Tôi phải hỏi ý hai ông Đường và Thiên.

Sau khi hội ý, Lâm Ngọc Đường và Maurice Thiên nhất trí cứ để Bảy Viễn đi nhậm chức Khu trưởng rồi trở về Rừng Sác chứ không đại gì mắc kể điều hổ ly sơn của Việt Minh. Nếu gặp trở ngại thì Năm Tài phải cấp tốc về thành chuẩn bị đón tiếp Bình Xuyên bỏ kháng chiến về với quốc trưởng Bảo Đại. Trong khi Bảy Viễn kéo đại đội hùng binh xuống Đồng Tháp thì Maurice Thiên có nhiệm vụ thông báo kế hoạch tiến thoái của Bảy Viễn cho đại úy Savani, trưởng phòng Phòng Nhì Pháp tại Sài Gòn. Như vậy dù tình huống xoay chiều cách nào, ta vẫn ở trong thế thượng phong.

Với mưu lược cực kỳ tinh khôn của hai bậc thầy, Tư Sang và Năm Tài yên chí lớn hộ tống Bảy Viễn xuống khu 8 nhận chức.

Trước ngày lễ bàn giao chức Khu trưởng cho Bảy Viễn, Trung tướng Nguyễn Bình nhân danh uỷ viên quân sự Nam Bộ mời toàn bộ các chỉ huy Bình Xuyên họp để giải quyết những lẩn cấn trong thời gian qua.

Tới dự cuộc họp này ngoài Bảy Viễn có Mười Trí, Chi đội 4 nay là Trung đoàn 304: đại diện Liên khu Bình Xuyên trong Uỷ ban kháng chiến hành Chánh Thành Sài Gòn- Chợ Lớn, Trần Văn Đối (Sáu Đối) phó tư lệnh Liên khu Bình Xuyên, Nguyễn Văn Hoạch (Tư Hoạch) chỉ đội trưởng chi đội 21. Mở đầu cuộc họp, Nguyễn Bình tuyên bố lý do:

- Mấy năm nay có sự không ăn khớp giữa chúng ta, nay trước khi rời khu 7 để lãnh nhiệm vụ mới, tôi muốn chấm dứt hẳn tình trạng lủng củng đó. Tôi muốn giao lại cho anh Bảy một gia tài sung túc, giao lại một gia đình vui vẻ trên thuận dưới hoà. Tôi không muốn giao lại cho anh Bảy một cái nợ nần, khó khăn. Và trên thực tế thì Khu 7 mà tôi giao cho anh Bảy là một khu có nhiều chiến công nhất, là đàn anh trong Nam Bộ. Nhưng tôi chỉ có một thắc mắc là vì hai bên ở xa cách nên anh Bảy và tôi có nhiều sự hiểu lầm và nhiều mâu thuẫn. Các hiểu lầm và mâu thuẫn đó bị bọn Phòng Nhì lợi dụng triệt để để gây chia rẽ, cố làm tê liệt phần nào về phía anh Bảy và các anh em Bình Xuyên. Do vậy mà trong chủ trương chánh quy hoá quân đội, hai khu 8 và 9 đã làm xong rồi mà Khu 7 còn vài chi đội Bình Xuyên chưa được tổ chức thành trung đoàn. Hôm nay các anh về đây là một cuộc hội nghị lịch sử mà cũng là một điều mà tôi mơ ước bấy lâu nay.

Trước hết, tôi xin cảm ơn anh Tám Nghệ đã thi hành uỷ nhiệm của tôi tới tận nơi mời

cho được các anh, nhất là anh Bảy về Nam Bộ dự lễ tấn phong khu trưởng. Nhân dịp này tôi cố gắng đánh tan những điều nghi kỵ giữa chúng ta. Đã nhiều lần, trong ba năm nay, tôi mời các anh gặp tôi nhưng lần nào cũng không thành. Bởi vì có những kẻ xúc xiểm tung tin “một đi không trở về”. Các cán bộ của khu tới các anh cũng đều bị nghi kỵ là người của tôi xuống dò la. Họ bị xem như là lính kín nên phải rút lui sớm. Năm kia, anh Năm Hà, tư lệnh Liên Chi 2-3 về Nam Bộ cũng phải có sự bảo đảm bằng gia đình anh Hai Trọng, anh Năm Hà mới dám đi. Và phải có một đội cảm tử theo bảo vệ. Và anh Năm Hà đã trở về bình an vô sự. Sau đó tới anh Sáu Đối, rồi nhiều anh em khác nữa. Lần lượt các anh em tới với tôi. Chỉ trừ một mình anh Bảy. Tôi biết vì sao có chuyện đáng tiếc này. Đó là vì bên cạnh anh Bảy có những kẻ cản ngăn. Chúng sợ một khi anh Bảy đã gặp tôi rồi thì chúng sẽ không còn chỗ dựa nữa. Bởi vậy chúng thêu dệt đủ điều nói xấu tôi và ngăn cản anh Bảy về Nam Bộ.

Bây giờ xin đi ngay vô đề: Trước khi về Ban Quân sự Nam Bộ, tôi biên thư mời anh Bảy về Nam Bộ nhận chức Khu trưởng vì anh bảy là khu phó thứ nhất, rồi mới tới anh Tám Nghệ là khu phó thứ hai.

Anh Tám Nghệ nhất trí với tôi trong việc đề cử anh Bảy là Khu Bộ trưởng và hứa sẽ hết sức giúp đỡ anh Bảy làm tròn nhiệm vụ cũng như trước đây anh Tám Nghệ đã giúp tôi. Nếu anh Bảy cần đưa một người tin cẩn vô Bộ Tư lệnh thì đề nghị. Để sau này không xảy ra những lúng củng như trước đây. Đó chính là lý do cuộc họp hôm nay. Nhân dịp này, tôi yêu cầu các anh mạnh dạn đưa ra những gì còn thắc mắc để chúng ta giải quyết một lần cho xong. Và tôi xin xưng phong kể ra những thắc mắc của tôi đối với anh Bảy:

- Thứ nhất: anh Bảy thị chứng bức thư của Lai Hữu Tài mật sát tôi trong cương vị uỷ viên Quân sự Nam Bộ.

- Thứ hai: anh Bảy bao dung cho Lâm Văn Hậu. Tịnh Độ Cư Sĩ thuộc Đệ Tam sư đoàn đi qua khu vực Bình Xuyên tuyên truyền kêu gọi anh em chiến sĩ bùng binh về thành đầu Tây.

- Thứ ba: anh Bảy chứa chấp Nguyễn Thành Long, Bùi Hữu Phiệt, Lai Hữu Tài đã âm mưu ám sát tôi mà không chịu giải giao về Sở tư pháp.

- Thứ tư: anh Bảy để hai tên Lâm Ngọc Đường, Maurice Thiên lấy danh nghĩa của anh để làm tiền như chứa bài lấy xâu, đồng thời chúng cũng giăng lưới bắt các nhân viên chánh phủ hoạt động ở thành.

Bảy Viễn cau mày lộ vẻ khó chịu. Nguyễn Bình quay lại Mười Trí:

Còn về anh Mười Trí thì tôi cũng có vài điều tâm sự:

- Thứ nhất: anh Mười mang nặng đầu óc Mạnh Thường Quân nên chứa chấp bao dung

những kẻ tới xin trú ngụ dưới trướng. Anh Mười không biết đó là những kẻ phản động như Vũ Tam Anh tức Nguyễn Ngọc Nhẫn. Tên này đã đánh chết lính gác cùng với Trần Quang Vinh vượt ngục. Rồi đến tên Nguyễn Hoà Hiệp, Đệ Tam sư đoàn. Anh Mười đã làm giấy bảo lãnh cho nên này để cho nó đem quân ra đầu Tây.

Điều đáng trách là anh Mười để hai tên Vũ Tam Anh, Bùi Hữu Phiệt mật sát Chính phủ cụ Hồ ngay trước mặt tôi, ông kỹ sư Nguyễn Ngọc Bích, ông Nguyễn Kim Cương, đồng thời chúng ca ngợi hai ông Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam khi tôi tới viếng thăm anh Mười sau trận ấp số 10.

Cũng như anh Bảy Viễn, anh Mười đã thị chứng bức thư Vũ Tam Anh mật sát tôi. Anh Mười không thi hành lệnh bắt Vũ Tam Anh của tôi vì nó khóc lóc xin anh che chở. Tóm lại những tên nguy hiểm theo Pháp chống Kháng chiến đều có mặt trong Chi đội 4 của anh Mười. Quan trọng hơn hết là vụ tên Sáu Section nhân danh anh Mười mời tôi tới Chi đội 4 để chúng phục kích ám sát tôi. Việc tày trời như vậy mà tôi đều bỏ qua vì biết anh Mười vô tâm, chỉ bị bọn phản động lợi dụng tính hào hiệp mà thôi...

Quay sang Tư Ty, Nguyễn Bình nói tiếp:

- Còn về phần anh Tư Ty buồn tôi vì tôi đã xuống lệnh cho bắt Trần Quốc Bửu tá túc Chi đội 25 của anh Tư. Tôi biết các anh công nhận các việc làm của tôi là vì quyền lợi quốc gia, không vì quyền lợi đảng phái hay cá nhân. Vì biết như vậy nên các anh mới bấm bụng bỏ qua. Như thế là cả hai bên chúng ta đều vì đại sự mà bỏ qua tiểu tiết. Hôm nay tôi nhấn mạnh: tôi rất kính trọng các anh là những bậc anh hùng nghĩa hiệp, bao dung đại lượng, khoan hồng tha thứ, các anh là những nhà chân chính ái quốc, những tướng lãnh bài Pháp, ghét Pháp hơn ai hết. Vì hiểu nhau, tha thứ cho nhau, cố gỡ rối cho nhau, giữ uy tín và danh dự cho nhau là bước đầu đi tới thành công. Để dứt lời, tôi đề nghị chúng ta hãy nói hết sự thật, cái gì dở thì bỏ, cái gì hay thì làm.

Vừa rồi chúng tôi bắt được tên Phán Huề bí mật vô khu để lôi kéo các vị chỉ huy Bình Xuyên về thành dưới chánh phủ thủ tướng Nguyễn Văn Xuân. Chủ tâm của tên Phán Huề này là tìm tới khu bộ phó Lê Văn Viễn để bày mưu lập chiến khu quốc gia giả hiệu mà chúng tôi gọi là chiến khu ma. Tại sao Tây nhắm vào Bình Xuyên? Vì chúng đã cấy được những tên lợi hại Lâm Ngọc Đường, Maurice Thiên, Lai Hữu Tài, Lai Văn Sang bên cạnh anh Bảy. Chúng tin rằng anh em Bình Xuyên sẵn sàng theo Bảo Đại. Để chống lại chủ trương mua chuộc Bình Xuyên, tôi đề nghị một giải pháp sau đây: bỏ hẳn danh từ Bình Xuyên. Không còn Bình Xuyên thì địch không thể nhân danh Bình Xuyên tuyên truyền cho Bảo đại. Đã bỏ hẳn danh từ Bình Xuyên thì không còn Bộ tư lệnh Bình Xuyên, không còn quân đội Bình Xuyên. Anh em sẽ mang một cái tên chung

là Vệ Quốc Đoàn. Từ nay chỉ có một chánh phủ, một quân đội. Không thể có một chánh phủ trong Chánh phủ. Khu Rừng Sác sẽ được tổ chức lại thành một thành trì kháng chiến. Việc thu thuế thủy lâm giao lại cho ngành thuế vụ bên hành chánh cho có nề nếp.

Trước khi dứt lời, tôi nhấn mạnh lại một điểm: bạc triệu tiền muốn cũng dễ kiếm, nhưng danh dự anh hùng mà các anh đang có rất quý, vì danh dự đó không thể mua bằng tiền hay bằng vàng, vì danh dự đó được tạo ra bằng tấm lòng yêu nước yêu dân, vì đại nghĩa mà hy sinh tất cả mọi thứ trên đời. Nếu các anh giữ được danh dự cao quý đó thì tôi cũng được thơm lây vì đã có mắt chọn đúng người đặt đúng chỗ.

Nguyễn Bình nói một tiếng đồng hồ với tất cả tấm lòng, từng lúc dừng lại để quan sát phản ứng của các tư lệnh Bình Xuyên. Tất cả các khuôn mặt đều nghiêm nghị vì những tiết lộ của Nguyễn Bình đều chính xác mà Bảy Viễn, Mười Trí đều muốn giấu.

Đến đề nghị cuối cùng, tất cả tư lệnh Bình Xuyên đều nhăn mặt: Giải tán Bình Xuyên? Không đời nào!

Và chuyện phải đến đã đến.

Chương 49

Mất Bình Xuyên, Bảy Viễn phản chí

Cướp Rừng Sác, Hai Trí thị oai

Ngày 26-5-1948 đi vào lịch sử cuộc kháng Pháp như là một cái mốc quan trọng: Ban Thường Vụ Ủy ban Kháng chiến - Hành chánh Nam Bộ họp khoáng đại để giải quyết những xung đột giữa Bộ tư lệnh khu 7 và các chỉ huy Bình Xuyên. Có mặt trong cuộc họp này về phía Ủy ban là các ông Phạm Ngọc Thuần, quyền chủ tịch Ủy ban, trung tướng Nguyễn Bình, Phó chủ tịch Ủy ban kiêm khu trưởng Khu 7, Ung Văn Khiêm, uỷ viên Nội Vụ, Nguyễn Thành Vĩnh uỷ viên tài chánh, Kha Vạn Cân, uỷ viên Kinh tế, Lê Duẩn, Trưởng phòng dân quân, Diệp Ba, giám đốc Sở công an, Lê Đình Chi, giám đốc Tư pháp khu 7, Trịnh Đình Trọng, Trưởng phân sở A, Sở Thông tin - tuyên truyền, Phan Văn Chương, Đồng Lý sự vụ uỷ ban. Về phía Bình Xuyên có các ông Lê Văn Viễn, Khu phó Khu 7, Huỳnh Văn Trí, Trung đoàn trưởng trung đoàn 304, Trần Văn Đồi, phó tư lệnh Liên khu Bình Xuyên, Nguyễn Văn Hoành, chi đội trưởng chi đội 21. Ngoài ra còn có hai ông Huỳnh Văn Nghệ, khu phó Khu 7 và Nguyễn Văn Trấn, khu phó Khu 9.

Ông Thuần chủ toạ cuộc họp. Vì đây là hội nghị quan trọng nên phải hai thơ ký: ông Bảy Trấn và Diệp Ba.

Chương trình nghị sự giữa ba điểm: Tình trạng chung Khu 7, tìm giải pháp chung và giải quyết những vấn đề chi tiết.

Mở đầu cuộc họp, Bảy Viễn nhấn mạnh:

- Tôi là một chiến sĩ cách mạng. Tôi chiến đấu cho Tổ quốc dưới mạng lệnh của chánh phủ. Tất cả chiến sĩ Bình Xuyên chiến đấu cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Giữa tôi và ông khu trưởng không có vấn đề gì ông khu trưởng muốn bắt một số nhân viên của tôi, cho là tay sai Phòng Nhì, tôi không bao giờ che đậy em út. Nếu chúng có tội thì tôi trừng trị ngay. Tôi yêu cầu ông Khu trưởng trưng bằng cứ, nhưng tới nay chưa được trả lời...

Ông Tám Nghệ phân tách tình hình Khu 7 như sau:

- Khu 7 chia làm ba khu riêng biệt là Khu 7, địa phương Sài Gòn- Chợ Lớn và Liên khu Bình Xuyên.

Ba khu này đóng xa nhau nên không thống nhất về tổ chức, các hoạt động thường đâm chân nhau như vấn đề thu thuế chẳng hạn, do vậy mà mất đoàn kết.

Ngay trong Bộ Tư lệnh Khu 7 cũng lủng củng vì một khu phó sống riêng, có quân đội riêng. Tình trạng này không thể kéo dài được.

Ông Thuần nổi lời:

- Tình hình Khu 7 cần được chấn chỉnh lại. Tôi đề nghị giải pháp: thống nhất chỉ huy để thống nhất hành động.

Trung tướng Nguyễn Bình nói:

- Sau khi tham khảo nhiều người, tôi đề nghị Bộ Tư lệnh Khu 7 gồm có các ông sau đây: ông Lê Văn Viễn, Khu bộ trưởng, ông Huỳnh Văn Nghệ khu bộ phó, ông Nguyễn Văn Trấn; chánh trị viên. Ông Bảy Trấn hiện là khu phó khu 9, ông Viễn xin ông Trấn về làm việc chung với ông, chúng tôi thấy đề nghị hợp lý nên điện mời ông Trấn lên đây dự cuộc họp này.

Ông Nguyễn Văn Trấn đứng lên nói:

- Tôi cảm ơn ông Lê Văn Viễn đã đề nghị tôi làm chánh trị uỷ viên. Đây là sự tín nhiệm của anh Bảy dành cho tôi. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu trọn khu bộ cũ đi hết thì công việc sẽ ngưng trệ ít nhất là trong thời gian đầu. Cho nên tôi đề nghị ông chánh trị uỷ viên cũ ở lại còn tôi thì chỉ muốn làm thư ký riêng cho anh Bảy.

Mọi người đều ngó về phía ông Hai Trí chờ ông phát biểu nhưng ông Lê Duẩn nói:

- Đi hết sẽ có ngừng trệ nhưng Khu sẽ gọi một số cán sự về tăng cường. Ông uỷ viên chánh trị Nguyễn Văn Trí có thể ở lại phụ trách lớp cán sự ấy và cũng sẽ ở gần các ông để giúp

trong lúc đầu.

Ông Mười Trí nói:

- Vế vấn đề thanh trừng, tôi nhìn nhận có chứa chấp vài người chống phá kháng chiến, chúng tôi làm như vậy vì họ năn nỉ ỉ oai xin bảo bọc. Tôi không nỡ bỏ rơi những kẻ sa cơ thất thế. Trong số đó lại có chẳng người trước đây là bạn nữa. Còn về phần tôi thì tôi xin nhắc lại là tôi theo kháng chiến không ngoài mục đích cứu quốc. Nếu trung tướng hiểu lầm tôi thì đó là do những người ở gần trung tướng nói xấu tôi...

Nguyễn Bình liền đứng lên:

- Anh Mười hãy an tâm. Tôi không bao giờ hiểu lầm anh Mười đâu. Tôi biết anh Mười vô tâm, anh chứa những kẻ kia là vì bản tánh Mạnh thường quân mà thôi, chớ không có ý đồ chống phá cách mạng. Nhân đây tôi đề nghị bàn về các tay Lâm Ngọc Đường, Maurice Thiên, Lai Hữu Tài đang xâm nhập vô hàng ngũ chiến binh Bình Xuyên.

Bảy Viễn cau mày khó chịu trước khi nói:

- Tôi đề nghị gác lại. Chờ Ban chỉ huy thành lập xong rồi chúng ta giải quyết. Luôn tiện tôi xin nói rõ cho quý vị biết là không bao giờ tôi để cho Tư Thiên lôi kéo. Chính tôi lợi dụng nó để giúp các Ban công tác Thành hoạt động. Nó là người bạn lâu đời của tôi. Khi Pháp chiếm Sài Gòn, nó bị Tây bắt giam sáu bảy tháng. Nó được thả ra với điều kiện phải làm việc cho Đờ dèm Buy-rô với thẳng quan hai Húc. Điều đó tôi có biết. Tôi lợi dụng nó chớ không phải nó lợi dụng tôi.

Ông Thuần kết thúc cuộc họp:

- Hội nghị thành công tốt đẹp là nhờ tất cả đặt mọi vấn đề trên lập trường cứu quốc. Tôi có cảm tưởng như đây là một hội nghị gia đình, tất cả mọi người thân ái với nhau.

Ông đốc phủ Chương im lặng suốt cuộc họp đưa tay xin nói:

- Thú thiệt là từ nãy giờ tôi rất lo. Nay nhờ ông Trung tướng và ông Khu bộ phó Lê Văn Viễn đặt quyền lợi Tổ quốc lên trên hết mà dẹp qua các vấn đề cá nhân, mọi việc được giải quyết dễ dàng. Tôi mừng lắm. Tôi đã già rồi nhưng tôi xin sẵn sàng làm thân trâu ngựa để phụng sự mấy ông.

Mọi người đều cảm động trước lời lẽ chân tình của ông đốc phủ yêu nước đã dám bỏ chức đô trưởng Sài Gòn - Chợ Lớn để ra bưng kháng chiến. Ông Ba Duẩn vội nói:

- Xin ông Đồng Lý chớ nói vậy. Đúng ra là ông Đồng Lý đáng là người cha của chúng tôi. Chúng tôi chỉ là con cháu của ông thôi. Nghe ông nói, chúng tôi không thể nào không đoàn kết

với nhau được.

Nguyễn Bình hân hoan nói:

- Tôi rất sung sướng trước kết quả của cuộc họp hôm nay. Chúng ta sẽ cố gắng thực hiện những lời hứa hôm nay để Hồ Chủ tịch khỏi còn lo ngại về chúng ta nữa.

Hội nghị kết thúc tốt đẹp, nhưng đó chỉ là mặt nước hồ thu. Dưới đáy có những ngọn sóng ngầm.

Bảy Viễn trở về nơi đóng quân thì bộ tham mưu xúm lại bàn. Tả thừa tướng Năm Tài lắc đầu:

- Hai ông Đường và Thiên nhận định thật là tài: Chúng nó bày trò phong chức khu trưởng cho ông Bảy nhưng lại quyết định huỷ bỏ toàn bộ danh hiệu Bình Xuyên. Như vậy cái chức Khu trưởng của ông Bảy chỉ là một cái bánh vẽ to tướng. Không có Bình Xuyên làm hậu thuẫn thì ông Bảy nói ai nghe? Thà làm khu bộ phó mà giữ được danh nghĩa Bình Xuyên thì còn ngon bằng mười lần. Tướng mà không quân thì oai gì

Bảy Viễn ngồi buồn hiu suy nghĩ:

- Mày nói đúng! Mất danh nghĩa Bình Xuyên là mất tất cả! Bây giờ mình phải làm gì? Tội nó đã quyết định dẹp bỏ hai tiếng Bình Xuyên vì biết thằng Tây đang có ý đồ mua chuộc Bình Xuyên để làm hậu thuẫn cho cựu hoàng Bảo Đại. Mình làm sao đây?

Năm Tài hiến kế:

- Không còn con đường nào khác. Mình kéo quân về Rừng Sác tuyên bố lập chiến khu quốc gia. Mình đứng giữa, cứ để Việt Minh với Tây choảng nhau, mình ngồi coi chơi. Đó là kế “bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi”, tức là cò ngao trì kéo nhau ông câu bắt được cả hai. Ông Bảy thấy tính vậy được không?

Bảy Viễn quay qua Tư Sang:

- Mày thấy thế nào?

Tư Sang gật:

- Năm Tài tính nước đó cũng khá. Theo tôi thì tạm thời ta án binh bất động. Hễ chúng nó rục rịch thì ta ra tay trước.

Đóng quân tại làng Nhơn Hoà Lập được hai ngày đến ngày thứ ba thì hai tên Cung và Hoàng từ tổng hành dinh Bảy Viễn hót hời tới báo tin chẳng lành: “Rừng Sác đã bị tảo thanh”.

Tin như sét đánh giữa trời quang, Bảy Viễn cùng gia tướng hoang mang rụng rời:

- Nói rõ hơn nghe coi! - Bảy Viễn nóng nảy ra lệnh.

- Tụi nó đã tính trước rồi. Ông Bảy đi được mấy ngày thì chi đội nào cũng xảy ra chuyện bắt bớ lung tung. Bên chi đội 9 thì Tám Tâm cầm đầu kéo quân đi lục xét, ông Lâm Ngọc Đường nhanh chân nhảy vô tang, không biết có trốn thoát được hay không. Bên Chi đội 25, ông Tư Ty vừa đưa vợ về thành cũng đã bị Lưu Quý Thoái bắt...

Bảy Viễn giậm chân kêu trời:

- Thằng Tám Tâm! Rõ ràng là mình nuôi ong tay áo! Phải chi trước đây mình giết phắt nó thì bây giờ đâu bị hậu hoạn.

Năm Tài lắc đầu:

- Tám Tâm chỉ là con tốt thôi ông Bảy à. Chỉ mưu việc này là thằng cha quân sư Hai Trí. Chính nó đã bày ra kế điệu hổ ly sơn. Chính nó đã sai Tám Nghệ mạo hiểm xuống Lý Nhơn để giờ trò khích tướng. Mình vừa đi là chúng “cướp sơn trại”.

Tư Sang nghiêng răng:

- Mấy thằng Việt Minh này chơi không được? Phải đập chúng một trận!

Bảy Viễn thở dài:

- Rừng Sác đã bị phá nát rồi, mình biết về đâu bây giờ?

Năm Tài:

- Hai ông Thiên và Đường đã dặn tôi: nếu xảy chuyện bất lành thì cứ đưa hết đại đội hùng binh về thành. Tướng De la Tour sẵn sàng đón tiếp Bình Xuyên về với Cựu Hoàng Bảo Đại. Ông Bảy nên tính ngay đi. Ngay đêm nay tôi tốc về thành, dọn đường tnrớc. Tướng De la Tour sẽ đón ông Bảy tại cửa ngõ Sài Gòn với tất cả nghi lễ dành cho một tướng lãnh Bình Xuyên trở về với chính nghĩa quốc gia.

Bảy Viễn cứ lắc đầu thở dài. Tư Sang khoát tay cho Năm Tài lui ra:

- Cứ đi đi! ông Bảy không còn con đường nào khác!

Chương 50

Bảy Viễn đi, Mười Trí thanh minh

Chận đại đội, Nguyễn Bình trước súng

Bảy Viễn rút quân về thành trong tình thế cực kỳ gay cấn. Nguyễn Bình biết trước ý đồ đó

nên cho các chi đội đuổi theo đồng thời điện các đơn vị ở ven đô chặn đường chạy về thành. Lúc Bảy Viễn tới sông Vàm Cỏ, Mười Trí ra đón và hứa sẽ thuyết phục Bảy Viễn bỏ ý định về thành để các chi đội bạn không đuổi theo hai đại đội của Bảy Viễn, tránh nạn nổ súng huynh đệ tương tàn.

Mười Trí hết lời can gián nhưng Bảy Viễn chỉ thờ dài:

- Nhục lắm! Tao đã thua trí tuệ nó. Tao đã làm kẻ “điệu hổ ly sơn” của hai thằng Nguyễn Bình với Hai Trí. Trong lúc họp ở Đồng Tháp thì chúng nó tảo thanh Rừng Sác. Sào huyết tan hoang, tao có gì nữa mà ở lại? Đành phải noi gương người xưa mượn đất Kinh Châu mà ở chờ thời.

Không giữ Bảy Viễn được, Mười Trí tìm cách giảm bớt tổn thất cho kháng chiến. Ông bí mật dặn thằng Ly là con đầu lòng của ông ra lệnh cho đại đội trưởng Xê không được đưa đại đội trọng pháo qua sông Vàm Cỏ khi chưa có lệnh của Mười Trí. Đại đội trọng pháo do Xê chỉ huy là của chi đội 4 Mười Trí cho Bảy Viễn mượn để lập liên quân định thị uy Nam Bộ.

Vậy là trên đường về thành, Bảy Viễn mất hết một đại đội. Vào giờ chót thì Bảy Cao với hai tiểu đội của Bảy Viễn chạy về Nam Bộ ra mặt Nguyễn Bình.

Bảy Viễn về thành rồi, Mười Trí nhận khuyết điểm với uỷ viên quân sự Nam Bộ là đã không giữ được Bảy Viễn. Anh Ba Bình mỉm cười trao cho Mười một tờ truyền đơn máy bay Pháp vừa rải xuống Đồng Tháp. Đó là tuyên ngôn của Khu bộ trưởng Lê Văn Viễn khi trở về với chánh nghĩa quốc gia.

Mười Trí cau mày tức giận:

- Rõ ràng đây là lời lẽ của bọn Pháp chó đâu phải của Bảy Viễn. Mấy chữ “cộng sản độc tài”, “chiến sĩ Bình Xuyên bị ngược đãi” là giọng điệu của thằng Tây. Chúng viết sẵn, Bảy Viễn chỉ ký thôi.

Anh Ba nói:

- Chống lại truyền đơn này chỉ có anh Mười là có đủ uy tín, vì anh là bạn giang hồ đồng sanh đồng tử với Bảy Viễn. Anh Mười nên ra một bản thanh minh. Được chứ?

Mười Trí gật:

- Tôi sẽ thảo ngay tại đây.

Anh Ba Bình đọc xong gật đầu khen:

- Anh Mười viết ngắn mà hay. Để tôi in cho.

Ông đọc lần nữa bức thanh minh:

“Ông Lê Văn Viễn đã gạt được một ít chiến sĩ ra đầu Tây. Vừa rồi ông ra tuyên ngôn ủng hộ bù nhìn Bảo Đại và Nguyễn Văn Xuân. Trước đây có Nguyễn Hoà Hiệp, Năm Lửa, nay tới Bảy Viễn. Bọn chạy theo giặc thì đồng bào Nam Bộ chẳng lạ gì. Nhưng tôi là bạn thân với Bảy Viễn nên phải có đôi lời thanh minh:

Tôi rất buồn đã không ngăn cản được người bạn đã thề đồng sanh đồng tử từ thuở nhỏ. Chúng tôi từng đi giang hồ, từng chống cường quyền thực dân, từng vào tù ra khám, nhiều lần vượt ngục Côn Đảo về đất liền. Từ năm 1945 chúng tôi đi kháng chiến đánh Tây giành độc lập. mỗi người đóng quân một nơi nên chúng tôi ở xa nhau. Do đó mà bọn phản động chui vào xúi giục Bảy Viễn chống Việt Minh. Nay thì Bảy Viễn ra mặt đầu Tây không màng lời khuyên can của tôi, Bảy Viễn đã chôn vùi thanh danh giang hồ mã thượng, thiêu huỷ sự nghiệp ba năm chiến đấu chống thực dân.

Xem bản tuyên ngôn, tôi thấy rõ lời lẽ của bọn Pháp và Việt gian chó không phải của Bảy Viễn. Chúng làm sẵn cho Bảy Viễn ký.

Tôi bác bỏ tình bạn bè qua một bên, cương quyết theo kháng chiến tới cùng để giành Độc lập, Tự do và Hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam. Vì chánh nghĩa, vì quốc dân, ta quyết chiến, ta sẽ thắng.

Văn phòng quân sự, ngày 25-6-1948

Trung đoàn trưởng Trung đoàn 304

Huỳnh Văn Trí.

Cùng lúc đó thì Bộ tư lệnh khu 7 cũng nhận được công điện 36 đánh từ ngày 10-6 của các chi đội 2, 3, 4, 5, 7, 9, 21, và 25. Nội dung như sau:

“Yêu cầu quý vị chuyển lên Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ và Bộ Quốc Phòng nguyện vọng của chúng tôi:

1. Chiến sĩ Bình Xuyên chúng tôi đã đổ xương máu chiến đấu trong ba năm nay không phải là một vài tên du đảng thổ phỉ hay bọn phòng Nhì, cô-m-man-đô!

2. Những người anh cả chúng tôi là Khu bộ phó Dương Văn Dương, ông Tám Mạnh, ông Năm Hà.

Còn mấy ông Viễn, Trí, Hoành, gần đây đã truy lạc không xứng đáng là đàn anh của chúng tôi nữa.

3. Chúng tôi hy sinh cho Tổ quốc chó không hy sinh cho cá nơn bọn anh chị không xứng đáng ấy.

4. Yêu cầu cho chúng tôi làm người chiến sĩ của quốc gia chứ không phải làm nô lệ cho bọn quân phiệt”.

Lê Tâm không thể quên được chuyển đi tước súng một đại đội của Bảy Viễn khi tay này chạy về thành.

Vừa hay tin, anh Ba quyết định dẫn quân đi tước vũ khí đại đội nói trên để tránh những vụ va chạm đổ máu có thể xảy ra. Đây là một đại đội mạnh, mỗi tiểu đội đều có cây “luộc (mitrailleuse lourde) loại sét-sét bắn đạn nòng. Đại đội đang trong thế nghỉ ngơi nhưng rất trật tự. Anh Ba cho quân của mình dừng lại đằng xa và chỉ đi một mình với Lê Tâm đến trước ban chỉ huy đại đội.

Lê Tâm không hiểu vì sao anh Ba lại đưa anh đi theo, chưa hỏi thì anh Ba đã nói: “số vũ khí này sẽ giao cho quân giới để sau đó phân phối cho các đơn vị nào thiếu”.

Sự xuất hiện của trung tướng Nguyễn Bình khiến cả đại đội đặc biệt chăm chú. Hàng trăm cặp mắt ngó lom lom. Nhưng thấy vị tư lệnh đi tới một mình, không có súng gì cả, họ yên chí.

Anh Ba hỏi ban chỉ huy:

- Có phải các đồng chí là đại đội của Bảy Viễn bỏ lại?

Đại đội trưởng Xê chào:

- Thừa trung tướng, chúng tôi là đại đội súng lớn của Chi đội 4, là một trong hai đại đội theo hộ tống anh Bảy Viễn về nhận chức khu trưởng khu 7. Nhưng hay tin anh Bảy Viễn quyết định về thành, chúng tôi được anh Mười Trí ra lệnh tách ra.

Anh Ba nói:

- Thái độ của các đồng chí như vậy là rất tốt.

Nhưng trong tình thế hiện nay, các đồng chí nên trao vũ khí cho Bộ Tư lệnh để tránh những va chạm với các đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ...

Đại đội trưởng Xê kêu lên:

- Tước súng của chúng tôi à? Không đời nào chúng tôi để tước súng. Đó là cái nhục mà không một chiến sĩ nào chấp nhận...

Một người khác hoạ theo:

- Nếu trung tướng không tin chúng tôi thì chúng tôi xin tự sát trước mặt trung tướng.

Tới đây thì cả đại đội đều chụp súng chờ lệnh chỉ huy. Tình thế căng thẳng. Lê Tâm nghĩ

thầm: “Nếu lính nổ súng vào anh Ba và mình thì đúng là bi kịch”. Nhưng anh Ba vẫn bình tĩnh nói:

- Đừng! Đừng chết vô lý như vậy. Hãy giành cái chết trước quân thù, chết vì lý tưởng cao cả, chết vì độc lập, tự do thì nên, còn chết vì sự hiểu lầm giữa chiến hữu thì không nên. Tôi xin nói rõ một lần nữa ý định của tôi: Trong khi Bảy Viễn trốn về thành, các đồng chí tách ra: ở lại đây là một quyết định sáng suốt. Nhưng trong tình thế hiện nay, các đơn vị đã được báo động. Đã có lệnh tước vũ khí các đại đội của Bảy Viễn. Nếu các đồng chí nào không nghe lời tôi thì sẽ có những vụ xô xát đẫm máu đáng tiếc. Tốt hơn là giao súng ngay bây giờ để rồi sau này súng sẽ trở về tay các đồng chí...

Đại đội xông vào, các chỉ huy phân vân. Anh Ba nói tiếp:

- Tôi lấy danh dự trung tướng hứa chắc với các đồng chí: đây là biện pháp cần thiết để bảo vệ các đồng chí. Sau này khi tình hình bớt căng, xét thấy các đồng chí là người chiến sĩ trung thành với cách mạng thì tất nhiên súng sẽ được giao trả lại các đồng chí. Tôi là quân nhân tôi biết cái nhục bị tước vũ khí, nhưng vì sinh mạng chung cho các đồng chí lẫn các đơn vị bảo vệ chiến khu, đề nghị các đồng chí cho giải giới!

Ban chỉ huy đại đội gật đầu quân lệnh. Cả đại đội vừa rơi nước mắt vừa hạ súng, dựng súng từng tổ ba người hình trụ. Anh Ba khoát tay cho bộ đội tới gom súng. Và đưa đại đội của Mười Trí về nơi tạm trú.

Lê Tâm mừng rỡ: tấn bi kịch đã kết thúc êm đẹp. Đó là một bi kịch lạc quan. Nếu một người nào khác không phải là anh Ba thì không biết sự việc sẽ diễn biến thế nào.

Chương 51

Với Hai Trọng, Nguyễn Bình tâm sự

Đi vào Nam vì mến dân Nam.

Ba Dương tử trận ở Bến Tre, Hai Trọng được anh Ba Bình đề bạt uỷ viên quân sự liên tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong một chuyến về Khu họp, anh Ba Bình lại đề nghị rút anh về làm cán bộ nghiên cứu đặc trách các bộ đội Bình Xuyên. Một lần nữa, Hai Trọng vui lòng về làm việc bên cạnh Nguyễn Bình.

Thú vị nhất là những lúc cơm tối xong, rảnh rỗi, hai anh em ngồi dưới ngọn đèn bão - loại đèn đặc biệt có thể xách đi dưới cơn giông bão mà không tắt - khi thì đọc báo lúc bình thơ. Cả hai đều yêu văn thơ, tuy không viết văn làm thơ nhưng biết thưởng thức một áng văn hay, một bài thơ đẹp. Anh Ba Bình rất thích đọc báo thành. Lúc đó báo Sài Gòn chia làm hai phe,

một vài tờ lãnh lương của Pháp nói xấu kháng chiến.

Tất nhiên chúng nhằm vào các vị đứng đầu. Còn đại đa số báo khác đều ủng hộ cuộc kháng chiến. Hai tờ Phục Hưng và Tương Lai là hai tờ ra mặt chống kháng chiến. Các tờ khác nằm trong phe báo chí thống nhất chống thuyết phân ly của thực dân. Anh Ba Bình đọc hết cả hai phe chống và ủng hộ kháng chiến.

Hai Trọng hỏi:

- Sao anh Ba mất thì giờ đọc bọn bồi bút này?

Anh Ba mỉm cười:

- Phải đọc cho biết mình yếu chỗ nào. Người xưa nói kẻ nói xấu ta là kẻ giúp ta hoàn thiện. Cho nên đọc những người khen ta thì thích, nhưng đọc những kẻ chê ta lại càng thích hơn... Đây anh xem bài này.

Anh Ba trao tờ Journal d' Extrême Orient, tờ báo cực kỳ phản động... Chúng nó phong cho tôi cái tên độc đáo: Nguyễn Bình, Lưu Bá Thừa Việt Nam. Anh có biết tại sao không?

- Lưu Bá Thừa là tướng một mắt và là tướng chuyên đánh du kích, là hung thần đối với quân Nhật xâm chiếm Trung Hoa...

Vào giữa năm 48, Hai Trọng thấy anh Ba bỗng nhiên không được vui. Anh Ba nói:

- Không hiểu vì sao ông Cụ lại đánh cho mình cái điện này...

Anh Ba trao bức điện cho Hai Trọng. Nội dung bức điện vẫn tắt vài câu hỏi thăm sức khỏe và quan trọng nhất là câu này: Bác tin chú giữ được tình đoàn kết vì chỉ có đại đoàn kết mới đưa tới đại thành công.

Chờ Hai Trọng xem xong, anh Ba nói:

- Tuy Bác chẳng trách nhưng...

Anh Ba thở dài. Một lúc sau anh lấy giấy bút thảo một bức điện hồi âm: “Thưa cha, con có bao giờ dám quên lời Cha dặn lúc con về thủ đô...”

Anh suy nghĩ một lúc rồi bỏ bút xuống, nhìn Hai Trọng, mắt sáng lên như chợt lóe ra sáng kiến.

- Đồng chí Trọng. Tôi nhờ đồng chí một việc. Một việc rất hệ trọng. Đồng chí ra Bắc báo cáo tình hình miền Đông thay tôi. Ông Cụ và Bộ Tổng cần biết tình hình hiện nay, những việc đã làm được và những việc chưa làm được. Hai Trọng giật mình. Anh hoàn toàn bất ngờ trước sự tín nhiệm anh Ba Bình dành cho anh. Trách nhiệm quá lớn lao, anh sợ không đủ sức. Thấy

anh lúng túng anh Ba nói tiếp:

- Lúc này tôi không thể rời chiến trường miền Đông được. Mà ngoài kia thì cần nắm tình hình Nam Bộ. Trong vài ngày nữa sẽ có một phái đoàn quân dân chánh ra Trung ương. Tôi chỉ định anh thay mặt tôi báo cáo tình hình quân sự trong Khu 7. Đặc biệt nhấn mạnh vào việc tập hợp các lực lượng võ trang, giải quyết các mối bất hoà mất đoàn kết vì đầu óc địa phương cục bộ cá lớn nuốt cá bé... Anh cần nghiên cứu đặc tính của từng đơn vị, tác phong của từng chỉ huy Bình Xuyên phải được điều tra, phân tách và tổng kết quá trình chuyển biến, từ các tay giang hồ lục lâm thảo khấu mà nay chịu theo cách mệnh đánh giặc gan lì, lập nhiều chiến công. Vì những nguyên do nào mà có sự lột xác để thân sâu hoá bướm...

Hai Trọng lắng nghe hết sức chăm chú và thấy với lời giải bày đó, tự thấy có thể làm được báo cáo anh Ba giao.

Như thấy được sự tự tin đang dần dần hiện ra trên nét mặt Hai Trọng, anh Ba nói tiếp:

- Đồng chí ngạc nhiên khi tôi chỉ định đồng chí thay tôi ra Bắc, nhưng tôi đã tính kỹ rồi. Lâu nay đồng chí đặc trách liên lạc giữa tôi và anh em Bình Xuyên. Anh đã ở bên cạnh đồng chí Ba Dương từ những trận đánh đầu tiên. Anh Ba Dương tử trận, anh vẫn bám sát Liên Chi 2 - 3 của đồng chí Năm Hà. Anh cũng có dịp biết các chỉ huy các Chi đội 4, 7, 9, 21, 25 - tóm lại là biết tất cả anh em chỉ huy trong Liên Khu Bình Xuyên những tay Mười Trí, Hai Vĩnh, Bảy Viễn, Tư Hoành, Tư Ty... anh đều biết cả. Vậy ngay từ đêm nay anh hãy phác thảo cho tôi về các phe nhóm Bình Xuyên trước cách mạng. Sau đó họ lập bộ đội theo kháng chiến. Họ quan niệm cuộc sống mới như thế nào? Họ nghĩ gì về sự lãnh đạo của chúng ta? Qua đó, đồng chí mạnh dạn vạch ra những ưu điểm và những khuyết điểm của ta trong chủ trương thanh trừng bọn Cao Đài phản động do Hộ pháp Phạm Công Tắc từ Toà Thánh Tây Ninh điều khiển...

Hai Trọng hí hoáy ghi nhanh chỉ thị giảng của anh Ba. Anh không học tốc ký nhưng nắm lấy ý chánh, gạch đầu dòng thành một dàn bài theo kiểu các nhà báo trong các cuộc phỏng vấn đột xuất. Anh Ba nói tiếp:

- Anh tranh thủ làm thật nhanh. Tối mai, ta sẽ duyệt báo cáo. Vì tuần sau phái đoàn đồng chí Trần Văn Trà sẽ lên đường. Trong đoàn có chừng một chục đồng chí như Trần Bửu Kiếm, Nguyễn Đức Thuận, linh mục Nguyễn Bá Kính, các đồng chí phụ trách binh công xưởng Phạm Văn Khung, Kiều Công Quế, Trần Văn Nguyên...

Đêm đó Hai Trọng thức gần tới sáng làm báo cáo.

Các chỉ huy Bình Xuyên mỗi người một tính cách, không ai giống ai dù cùng chung một dòng máu giang hồ thích “dọc ngang nào biết trên đầu có ai”. Nhân vật Hai Trọng có dịp gần

gửi sau Ba Dương là Bảy Viễn. Anh nhớ một chuyện nhỏ như sau:

Hai Trọng đang ở Liên Chi 2-3 thì Nguyễn Đức Huy tới tìm anh. Tay này to cao nên còn có cái tên Hai Đại - anh ta ký tên chữ nho ba nét: Một gạch ngang với chữ nhọn. Hai Đại để một hàng râu rậm cho nên lại thêm một biệt hiệu, ông già râu kẽm. Gian nhà sàn chỉ có hai người nhưng Hai Đại kể tai Hai Trọng nói nhỏ:

- Bảy Viễn định giết hai đứa mình!

Hai Trọng trố mắt nhìn Hai Đại:

- Có chắc không? Tại sao đồng chí biết?

Hai Đại cười bí hiểm:

- Sao lại không chắc? Người của tôi đã được bố trí trong Chi đội 9 của nó. Anh Hai tính sao?

Hai Trọng lắc đầu:

- Biết tính sao! Tôi mới nghe anh nói chuyện đó.

Hai Đại xách ba-lô lên chuẩn bị xuống tam bản:

- Tính sao thì tính cho nhanh! Chần chừ không xong đâu? Về phần tôi tin tôi đi đây. Thằng đó nguy hiểm lắm!

Hai Trọng đâm tức:

- Đảng viên mà đùng chuyện là chuồn, bỏ anh em lại sao?

Hai Đại nhún vai rồi chống ghe đi, không thèm bắt tay từ biệt.

Hai Trọng ngồi thừ ra suy nghĩ về Bảy Viễn. Bảy Viễn tuy là anh chị nhưng cũng có một chút lòng yêu nước. Trong Chi đội 9 nếu có ai tính chuyện đầu Tây là Bảy Viễn bắn ngay. Rất tiếc là Bảy Viễn có tánh anh hùng cá nhân rất nặng, lại bị hai thằng nịnh họ Lai kè sát ngày đêm, gây chia rẽ Bắc Nam và chống chủ trương bố trí chánh trị viên trong bộ đội.

Nghe chúng mãi, nhất là Năm Tài biết cách thoả mãn những thèm khát trần tục như tiền, rượu và gái nên Bảy Viễn ngày càng nghiêng về lối sống “đế vương” của một “lãnh chúa trong thời loạn”. Chính Năm Tài thúc giục Bảy Viễn nắm vai trò lãnh tụ Liên Khu Bình Xuyên của Ba Dương để tự do thao túng. Nhưng Hai Trọng không tin Bảy Viễn có ý đầu Tây như Hai Đại nói. Muốn nắm chắc, phải mạo hiểm tới giáp mặt với Bảy Viễn. Chuyển đi có phần phiêu lưu, nhưng “không vào hang hùm làm sao bắt hùm con”, Hai Trọng đi ghe lườn tới nơi Bảy Viễn đóng.

Lính gác báo tin, Bảy Viễn ra đón tận bến:

- Hôm nay tốt ngày, anh Hai tới thăm bọn tôi.

Dù Bảy Viễn thân mật như vậy, Hai Trọng cũng có hành động huê dạng chứng tỏ mình tới với tánh cách anh em. Anh tháo thắt lưng da có khẩu súng sáu trong bao ném lên một chiếc chõng sắt vách rồi đưa cả hai bàn tay cho Bảy Viễn bắt. Bảy Viễn mời vô nhà:

- Anh tới chơi hay có việc gì? Chắc là có chuyện quan trọng nên bí thư của khu trưởng Nguyễn Bình mới thân chinh tới đây.

Sau một tuần trà, Hai Trọng mới vô đề:

- Tôi nghe vài lời đồn đại về anh Bảy nên qua đây gặp anh cho rõ trắng đen.

- Người ta đồn sao đó anh hai? Chắc là không hay rồi.

- Tất nhiên là không hay. Người ta đồn anh Bảy muốn thủ tiêu những cán bộ người Bắc, trong đó có tôi?

Bảy Viễn bật cười khanh khách:

- Có chuyện đó nữa sao? Mà anh Hai có tin chuyện đó không?

- Nếu tin thì làm sao tôi dám đơn phương độc mã qua đây phó hội với anh?

Bảy Viễn bắt tay Hai Trọng, gật tới gật lui mấy lần:

- Anh Hai đúng là tay hảo hớn, tụi tôi không bì kịp. Tôi nói thẳng với anh là tôi không ưa người Bắc, nhưng cũng tùy người. Nam hay Bắc gì cũng có người chơi được, người không. Như anh Hai đây, người đã từng sát cánh với anh Ba Dương, nay sát cánh với anh Nam Hà, lại là bí thư của Khu trưởng Nguyễn Bình làm sao không ưa cho được! Những lời đồn gió bay: ăn thua gì! Bây giờ anh em mình gặp nhau đây, nhậu cái đã. Rượu là thần dược xóa mọi thắc mắc, mọi hiểu lầm.

Bảy Viễn đãi Hai Trọng một chiều bia thành. Trong khi nhậu, Hai Trọng vẫn quan sát Bảy Viễn và thấy rõ anh ta thành thật, nghĩ sao nói vậy. Rõ ràng chuyện Hai Đại tiết lộ với Hai Trọng là mưu mô của bọn Sang, Tài muốn tách rời Bảy Viễn với anh em quê miền Bắc, và các chánh trị viên. Bảy Viễn mà đầu Tây thì do hai tay Phòng Nhì xỏ mũi. Rất tiếc là ta sống xa Bảy Viễn không lui tới thường xuyên để giúp đỡ từ đầu.

Về Bình Xuyên, hai ông Ba Bình và Hai Trí quan niệm khác hẳn. Hai Trọng biết rõ giữa hai ông có nhiều hục hặc về quan điểm lãnh đạo cũng như về tình cảm riêng tư, Ba Bình có tác phong hảo hán, tánh tình cởi mở, còn Hai Trí có dáng vẻ một tay mưu sĩ kiểu Trương Nghi hay Tô Tần xử sự như các nhân vật thời Đông Chu liệt quốc... Chính vì tư lệnh và chánh uỷ không

“en jeu” với nhau mà Khu 7 xảy ra nhiều điều không hay.

Hai Trọng chỉ chợp mắt một chút thì gà gáy rõ. Anh thức dậy rửa mặt cho tỉnh táo rồi chép sạch bản báo cáo. Đến chiều anh mang báo cáo tới để cho anh Ba Bình duyệt. Anh Ba mắt kém, Hai Trọng phải đọc cho anh nghe. Đọc chậm chậm, ngừng từng câu. Khi nào có chữ chưa chính xác, anh Ba góp ý chọn chữ cho thật vừa ý. Gần đến nửa đêm, anh Ba mới duyệt xong bản báo cáo. Đọc tới dòng cuối cùng anh thở phào:

- Cám ơn đồng chí đã giúp tôi làm bản báo cáo này...

Gặp Hoàng Thọ, Hai Trọng thấy chương, Trách Nguyễn Bình dung dưỡng đàn em:

Trên đường ra Bắc, Hai Trọng gặp lại Hoàng Thọ ở Phú Mỹ. Anh nhớ lại lần gặp gỡ đầu tiên. Năm ấy Hai Trọng từ Bà Rịa về chiến Khu D dự cuộc họp quân sự Khu 7. Lúc đó anh là uỷ viên quân sự liên tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Sau mấy ngày băng rừng lội suối và vượt mấy con lộ, Hai Trọng về tới căn cứ Bộ Tư lệnh Khu. Hội trường đơn sơ tranh lá nhưng trang hoàng rất đẹp. Những tấm đệm đan bằng lá buong óng ánh một màu vàng nhạt làm cho hội trường sáng hẳn lên. Khẩu hiệu viết bằng mực đỏ trên giấy trắng “Tổ Quốc trên hết” cùng lá quốc kỳ nền đỏ sao vàng nói lên khí thế hào hùng của miền Đông gian lao và anh dũng.

Hai Trọng quên hết mệt nhọc đường xa khi Nguyễn Bình ra đón. Hai anh em ôm choàng lấy nhau, trà thuốc tâm sự. Sáng hôm sau cuộc họp bắt đầu. Có một sự kiện Hai Trọng không thể nào quên. Trong lúc anh Ba Bình đang nói chuyện với các đại biểu toàn là cán bộ trung cấp như uỷ viên quân sự tỉnh, chi đội trưởng... bỗng một người ăn mặc lôi thôi, áo sơ-mi bỏ ra ngoài, tay xách máy ảnh đi lằng xằng khắp hội trường. Cũng như nhiều đại biểu, Hai Trọng đảo mắt nhìn xem cử chỉ lung tung của anh ta, không tập trung tinh thần nghe anh Ba nói. Thoạt tiên Hai Trọng nghĩ anh ta là nhiếp ảnh của báo Tiền Đạo, nhưng dù là phóng viên, cũng phải ăn mặc đứng đắn đàng hoàng, vì anh Ba là vị tư lệnh nghiêm khắc về quân phong quân kỷ. Nhưng anh chàng phóng viên kia càng làm nhiều trò chương mắt: hết khom lưng, uốn ngực, anh ta lại leo lên cột bám lấy đèn vông, đeo toòng ten như diễn viên xiếc. Cũng may là anh ta chụp vài “pô” rồi đi mất. Tới đột ngột và đi cũng đột ngột, như một bóng ma. Hai Trọng định hỏi anh Ba Bình xem “hắn” là ai, nhưng vì bận rộn về các vấn đề quan trọng liền quên khuấy. Hôm sau, Hai Trọng đang uống trà đàm đạo với anh Ba thì “hắn” xộc tới, ngang nhiên như chỗ không người:

- Anh Ba, ảnh đẹp hết chỗ nói. Hãy xem đây. - Hắn chìa ra một xấp hình cỡ “xít nóp” - Xem tấm này nè chụp lúc anh đứng nói chuyện, đằng sau là lá cờ đang lay động dưới làn gió

nhẹ. Trông anh vừa đẹp vừa oai quá xá ghen!

Anh Ba Bình xem ảnh tấm nào xem xong anh trao cho Hai Trọng xem, nhưng Hai Trọng chỉ liếc sơ qua vì đang lom lom quan sát anh chàng nhiếp ảnh kỳ lạ này. Hắn ta to cao râu quai nón cạo nhẵn mà còn ánh lên một màu xanh rờn. Lần này hắn chịu khó bỏ áo sơ mi vô quần, trông cũng đẹp trai. Lại thêm cái giò heo lủng lẳng bên hông, càng oai tề. Tuy vậy anh ta là chỉ huy chứ không phải là phó nhòm. Bây giờ anh Ba mới giới thiệu:

- Đây là Hoàng Thọ, chắc anh Hai Trọng chưa biết.

Hai Trọng reo lên:

- Hoàng Thọ! Tôi đã nghe tên chú lúc tôi còn ở với anh Ba Dương. - Vừa nói Hai Trọng nắm cánh tay Hoàng Thọ lắc lắc giọng thân thật - Chú có biết không. hôm qua tôi rất bức, tính trách anh Ba: hội nghị quan trọng như thế mà để thằng cha ăn mặc xập xệ leo trèo chụp ảnh. Nhưng nay biết chú thì thôi!

Cả anh Ba và Hoàng Thọ cùng cười. Anh Ba cười độ lượng còn Hoàng Thọ thì cười thích thú của một thằng em được nuông chiều. Hai Trọng không tán thành thái độ dễ dãi với Hoàng Thọ trong khi lại rất nghiêm nghị với những người khác của anh Ba. Hai Trọng chưa tiện nói ra ý nghĩ của mình vì nghĩ rằng những người lớn đều có những cái yếu nhỏ. Với anh Ba, đó là dung dưỡng những thói quen ngang tàng của thuộc hạ, theo kiểu các tay giang hồ tự do, phóng túng. Đó là ấn tượng đầu tiên khi Hai Trọng gặp anh chàng Hoàng Thọ lần đầu tại chiến khu Đ.

Lần gặp lại thứ hai vào tháng 5-1948, trên đường ra Bắc với phái đoàn quan dân chánh do anh Trần Văn Trà làm trưởng đoàn. Hai Trọng gặp Hoàng Thọ tại Phú Mỹ, Bà Rịa. Vẫn tác phong lôi thôi lếch thếch như thường lệ.

- Chú vẫn vậy, không khác mấy so với lần tôi gặp chú ở nhà anh Ba.

Hoàng Thọ cười, nhưng trong nụ cười có chút gì không vui.

- Tính khí trời cho, làm sao đổi được anh Hai!

Đoán biết tay tếu có hạng này có tâm sự gì đây, Hai Trọng cố thăm dò:

- Năm qua đánh đấm thế nào? Bộ đội lưu động nổi danh như cồn. Đã lên chức chưa?

Hoàng Thọ lật phắt cái nón rộng vành bẻ đứng một bên quạt quạt như để xua nổi bức:

- Tảo thanh Cao Đài, đánh đấm liên miên, diệt địch vô số. Vậy mà anh Hai biết không, công đâu chả thấy chỉ mang tiếng háo sát.

À thì ra thế! Hai Trọng biết rõ chủ trương tảo thanh Cao Đài phản động ở miền Đông mà mục tiêu chánh là toà thánh Tây Ninh. Hộ pháp Phạm Công Tác ngày càng tỏ ra phản động. Hắn

lập quân đội, trước còn lo thủ Toà Thánh, sau bung lên chiếm các vùng giải phóng. Lúc đầu ta còn tranh thủ Cao Đài, mời họ tham gia mặt trận Việt Minh nhưng dần dần do Tây tung đòn ly gián, tình đoàn kết hai bên rạn nứt, những cuộc xô xát ngày càng tăng. Bộ đội Hoàng Thọ là một trong các đơn vị tích cực đối phó với đám đội lốt Cao Đài hại dân hại nước. Nghe nói tên Hoàng Thọ là dân vùng đạo Cao Đài hải sợ. Trong trận Cầu Khói gần Tây Ninh, bộ đội Hoàng Thọ liên quân với bộ đội Cao Minh Căng thuộc Chi đội 2 Tỉnh Tây Ninh. Thấy Hoàng Thọ tung hoành ngang dọc, trung đội trưởng Cao Hoài Sai cũng lao theo, lia tôm-xông vào địch đang hoang mang vút súng chạy dài. Bộ đồ của Sai đã rách nát, anh định bắt sống một thằng Tây để tước bộ ka ki mặc cho chắc. Anh chọn thằng chỉ huy Tây trên xe jeep với bộ đồ còn mới, nhưng Hoàng Thọ đã lia một băng. Thằng Tây gục xuống máu thấm đỏ bộ đồ Sai tình tước đoạt. Sai tiếc mãi bộ ka-ki ấy.

Hai Trọng vỗ vai Hoàng Thọ:

- Giết Cao Đài nhiều quá, chú nghĩ lại xem có đúng không?

Hoàng Thọ im lặng. Hai Trọng nói tiếp:

- Máu người mình, mình nên tiếc một chút...

- Đồng ý là nên tiếc máu người mình, nhưng Cao Đài là bọn phản động...

Hai Trọng lắc đầu:

- Không nên quơ đũa cả nắm. Phản động là Phạm Công Tắc với đám bộ hạ Trần Quang Vinh, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Thành Phương, Trịnh Minh Thế, còn dân trong vùng thì có tội tình gì mà tảo thanh, mà tàn sát? Nói thật với chú, tôi không tán thành chủ trương tảo thanh dù là binh lính Cao Đài lãnh súng Pháp đánh lại ta. Họ chỉ là những người mù quáng, làm bia đỡ đạn. Nếu chú là dân ở vùng Cao Đài, bị bắt lính, chú làm sao?

- Tất nhiên là tôi nhảy ra khu... - Hoàng Thọ đáp ngay.

Hai Trọng cười lớn:

- Bởi chú là Hoàng Thọ. Còn tín đồ Cao Đài thì quen tôn sùng các chức sắc thiên phong, quen tin tưởng “thánh ngôn” của Cao Đài Thượng Đế. Họ đâu có biết thánh ngôn là chuyện bịa của bọn buôn thần bán thánh...

Được khen, Hoàng Thọ khoái chí:

- Anh Hai nói chí lý. Nhiều người đã nói với tôi trước đây, họ nói tảo thanh Cao Đài là hạ sách. Bởi vì lấy oán trả oán thì oán càng chồng chất, không biết tới ngày nào mới hết. Bây giờ anh Hai nói, tôi mới thấy rõ: mình tảo thanh Cao Đài trên một năm nay mà tình hình ngày càng

đen tối hơn. Đúng là hạ sách.

Ngừng một lúc Hoàng Thọ nói:

- Đây là sáng kiến của thằng cha mưu sĩ Hai Trí. Tôi chưa thấy ai như thằng cha này...

Tò mò Hai Trọng hỏi:

- Chú thấy sao? Nói coi!

- Cha này giống như mấy tay trong Đông Chu liệt quốc. Mưu mô xảo quyệt hết chỗ nói. Nghĩ vầy nói khác. Thật khác một trời một vực với anh Ba mình. Tôi khoái anh Ba ở chỗ thẳng thắn nghĩ sao nói vậy. Hay nói hay, dở nói dở. Không úp mở, không che đậy. Tại sao người ta lại bố trí cho Hai Trí bên cạnh anh Ba? Trước đây anh Ba làm việc với ông Trần Xuân Bộ rất tâm đồng ý hiệp.

Không có thì giờ nói chuyện lâu, Hai Trọng bắt tay từ biệt:

- Tôi ra Bắc báo cáo tình hình quân sự miền Đông thay anh Ba, xong là về liền. Chỉ khuyên chú suy nghĩ chín chắn rồi hãy hành động.

Chương 52

Cuối 48 Hai Trọng ra Bắc

Báo với Bác công trạng Nguyễn Bình

Ngày 3-10-1948 phái đoàn quân dân chánh Nam Bộ ra Trung ương báo cáo tình hình Nam Bộ với Hồ Chủ tịch, chánh phủ và bộ Tổng. Trưởng đoàn là Khu trưởng Khu 8 Trần Văn Trà. Trong đoàn có các ông Trần Bửu Kiếm, tổng thư ký Ủy ban kháng chiến - Hành chánh Nam Bộ, ông Nguyễn Đức Thuận, Lương Văn Trọng (Hai Trọng), thư ký riêng của trung tướng Nguyễn Bình, linh mục Nguyễn Bá Kính, Phạm Văn Khung, Kiều Công Quế Lâm, Trần Văn Nguyên.

Nói riêng Hai Trọng. Nhiệm vụ của ông trong chuyến đi Trung ương này là báo cáo công việc thống nhất các lực lượng võ trang ở miền Đông Nam Bộ. Các lực lượng này rất đông và thuộc nhiều thành phần trong xã hội. Phần lớn là công nhân, lao động dân cày khổ cực vào miền Bắc vào Nam gọi là dân “contrat”. Nhưng cũng có một số dân anh chị đứng bên. Những tay này lanh lợi tháo vát nên nắm tiểu đội hoặc trung đội. Phức tạp là ở chỗ đó. Nhiều nhóm quen thói cướp bóc nên sẵn sàng lâu lâu làm ăn một đám. Tình thế mới, cách đi “hát” cũng mới: thay vì đánh cướp thì “sung công” tiệm buôn hay ghe hàng. Cho nên công việc khép các nhóm này vô khuôn khổ kỷ luật không phải là dễ. Vụ trừng trị Ba Nhỏ ở chợ Phước Thiện, quận Long Thành của Nguyễn Bình là một điều cần thiết để răn dạy ba quân. Nhờ anh Ba Bình cương

quyết mà quân đội nói chung và Bình Xuyên nói riêng có tiến bộ về quân phong, quân kỷ.

Đã được anh Ba Bình gợi ý trước nên Hai Trọng đủ thì giờ thu thập tài liệu để làm báo cáo. Báo cáo cũng đã được anh Ba Bình duyệt rồi nên Hai Trọng rất vững vàng khi lên đường. Tuy nhiên về phương diện tình cảm thì có chút ít lẩn cẩn: số là Hai Trọng lập gia đình trễ. Anh chỉ mới cưới vợ khi về lãnh công tác uỷ viên quân sự liên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ anh là cán bộ phụ nữ tương đối trẻ và đẹp. Hai vợ chồng son vừa quá tuần trăng mật thì Hai Trọng được đề bạt về làm thư ký riêng cho Khu trưởng Nguyễn Bình. Lên khu bộ không bao lâu thì Hai Trọng lại được chọn đi Trung ương. Đây là một vinh dự không phải ai cũng có được. Nhưng trong thời chinh chiến, ra đi khó hẹn ngày về.

Mấy tháng leo đèo vượt suối băng rừng phái đoàn quân dân chánh Nam Bộ ra tới miền Bắc. Gian nan kể không xiết, có ngày đoàn phải vượt qua cả trăm con suối. Đoàn tới nơi mà không thiệt hại về người và tài liệu là một thắng lợi lớn. Riêng về tài liệu, phải một tiểu đội mang. Chuyển ra Bắc đó đánh dấu một khúc quanh quan trọng trong đời Hai Trọng. Anh may mắn được sống bên Bác Hồ ba ngày. Phái đoàn lần lượt báo cáo về tình hình quân, dân, chính trong Nam cho Bác và các đồng chí Trung ương nghe.

Riêng về tình hình quân sự ở Khu 7, nhất là về lực lượng Bình Xuyên, báo cáo của Hai Trọng thay mặt cho trung tướng Nguyễn Bình được đặc biệt chú ý.

Hôm sau đại tướng Võ Nguyên Giáp yêu cầu Hai Trọng viết một luận án về vấn đề “cách mạng hoá bộ đội giang hồ”.

Nghe qua Hai Trọng toát mồ hôi hột:

- Thưa đại tướng, tôi không đủ trình độ để làm luận án đó.

Ông Giáp cười nói:

- Sao lại không đủ trình độ? Đồng chí cứ viết về những khó khăn mà đồng chí Nguyễn Bình gặp phải trong việc thuyết phục các chỉ huy Bình Xuyên bỏ con đường cũ để theo kháng chiến. Đồng chí đi sâu vào những trăn trở của anh em giang hồ khi từ bỏ những lề thói mưu đồ lợi ích cá nhân để dẫn thân vào đại nghĩa, đặt quyền lợi đất nước lên trên tất cả... Trước những dẫn đo thắc mắc đó, đồng chí Nguyễn Bình đã có hành động nào để giúp anh em giang hồ yên tâm theo cách mạng. Chuyện chỉ có thể. Đồng chí cố nhớ lại những cá tánh các lãnh tụ Bình Xuyên mà đồng chí có dịp sống gần, như các ông Ba Dương, Năm Hà, Bảy Viễn, Mười Trí v.v. và những chuyển biến trong tâm tư tình cảm của họ trước những mưu mô của bọn Phòng Nhì cho gái đẹp, tiền bạc, xa xỉ phẩm từ Sài Gòn vô Rừng Sác để lung lạc, mua chuộc...

Hai Trọng gật gù:

- Nếu làm luận án như đại tướng nói thì tôi có thể làm được. Tôi sẽ cố gắng...

Đại tướng cười:

- Tôi đã nói là đồng chí đủ sức. Vì đây là chuyện người thật việc thật. Chỉ cần sắp xếp lại cho có mạch lạc để nổi bật chủ đề là nghệ thuật lãnh đạo anh em giang hồ đi theo cách mạng... Đây là việc rất quan trọng. Hiện nay các nước thuộc địa đang vùng lên vũ trang khởi nghĩa chống bọn thực dân, giải phóng đất nước, giành độc lập tự do. Tất cả các nước này đều cần học hỏi kinh nghiệm những nước đi trước như Việt Nam ta. Kinh nghiệm “cách mạng hoá bộ đội giang hồ” mà đồng chí Nguyễn Bình đã làm được tại Nam Bộ rất quý. Bởi vì nước nào cũng có giang hồ...

Đại tướng kết thúc cuộc họp:

- Đồng chí hiện nay chỉ có một công tác duy nhất là làm bản luận án đó. Tôi đã cho chuẩn bị chỗ ăn ở và làm việc cho đồng chí. Cứ viết thông thả, chừng nào xong cũng được, miễn là viết cho đạt.

Đúng như đại tướng nói Hai Trọng được chăm sóc chu đáo để viết bản tham luận “cách mạng hoá bộ đội giang hồ”. Càng viết anh càng sáng ra. Những năm tháng sống gần gũi với anh em Bình Xuyên như khúc phim quay chậm. Anh nhớ từng khuôn mặt, từng lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ của các tay anh chị. Tuy đã theo kháng chiến mà vẫn không bỏ được thói quen tật xấu. Nét chung nhất của các tay tổ là ăn trên ngồi trốc bất cứ chuyện gì cũng chơi trội thiên hạ. Mỗi lãnh chúa là một giang san, là một triều đình, có đủ trung nịnh đầu đầu cũng râm rắp phục tùng, “nhứt hô bá ứng”. Quen sống phong lưu nên vô rùng vẫn thèm cà phê hủ tiếu, la ve xá xí. Lúc rảnh rỗi vẫn quen tay cắc-tê bài cào đậu chấn tứ sắc. Còn chuyện mèu chuột trai gái thì khỏi nói. Một đặc điểm của Bình Xuyên là đa thê. Ông nào cũng có năm ba bà, đúng như câu nói phổ biến ở miền Bắc “vợ cả vợ hai đều là vợ cả”. Có một điểm Hai Trọng đặc ý nhất: Anh tìm được mẫu số chung cho hai giới cách mạng và giang hồ. Đó là tinh thần yêu nước. Chỉ có dân Việt Nam ta mới có chuyện độc đáo này. Các nhóm anh chị nổi tiếng thế giới nhứt đảng KKK (Ku Klux Klan) ở Mỹ, bọn Mafia ở Ý chỉ là bọn giết người vì tiền, không hề nghĩ chuyện nước non. Bình Xuyên là truyền thống nghĩa quân Trương Định, lòng yêu nước sục sôi đã được chứng minh trong lịch sử kháng Pháp ngay từ đầu.

Suốt trăm năm, truyền thống dân lân dân ấp nối tiếp từ phong trào này sang phong trào khác, hết Cần vương đến Thiên Địa Hội rồi Hội kín Nguyễn An Ninh, sau cùng là Bình Xuyên. Chính ngọn lửa yêu nước tiềm tàng trong lòng anh em Bình Xuyên đã đưa họ tới với anh em kháng chiến. Tuy cùng đi một con đường mà mỗi người một phách, không ai giống ai. Cách mạng thì muốn thống nhất một mối để dễ lãnh đạo, còn giang hồ thì quen thói anh hùng nhứt

khoảnh chịu làm đầu gà hơn đuôi phụng Cho nên lãnh đạo họ phải khéo, phải hết sức tâm lý, mềm dẻo, tế nhị. Chớ có thô bạo độc đoán mà mong họ tuân theo. Và nhất là phải dũng cảm, gan lì hơn họ, tỏ ra anh hùng hảo hán hơn họ, thì mới chinh phục được những tay hảo hớn.

Càng đi sâu vào bản luận án, Hai Trọng càng mến phục anh Ba Bình. Một mình từ Bắc vô Nam, anh Ba đã tập hợp được các bộ đội rải rác khắp miền Đông, trên hai ba chục nhóm lớn nhỏ đang rình rập nhau “cá lớn nuốt cá bé”. Đâu phải chuyện dễ! Giấy chứng nhận phái viên Trung ương do bộ Tổng ký đâu phải lá bùa hộ mạng. Các tay giang hồ là chúa làm giấy giả giống như thật. Giấy tờ đóng mộc đỏ to bằng khu chén cũng không uy hiếp được họ. Huống chi trong một lần bị quân Nhật bắt, anh Ba đã bị chúng tịch thu tất cả giấy tờ kể cả giấy của Bộ Tổng. Anh tới các bộ đội giang hồ chỉ tự giới thiệu miệng thôi.

Như vậy cái gì đã khiến các lãnh chúa lục lâm tin anh và chịu sự chỉ huy của anh? Chính hai tay tả hữu thừa tướng Lai Hữu Tài, Lai Văn Sang đã “xâm tấu” với Bảy Viễn: “Nguyễn Bình là thằng trôi sông lạc chợ, từ Bắc vô Nam, đã đánh đấm gì mà toan lãnh đạo anh Bảy?”. Nhưng Bảy Viễn đã không nghe lời hai tay Phòng Nhì này mà xem Nguyễn Bình đúng là một phái viên Trung ương được cử vô Nam để thống nhất các bộ đội địa phương.

Đó là về phía giang hồ. Còn về phía cách mạng thì chính anh Ba Trà về sau tâm sự: “Lần đầu tiên tôi gặp khu trưởng Nguyễn Bình là ở Mỹ Hạnh. Nguyễn Bình chỉ tự giới thiệu chứ không đưa giấy tờ. Tuy vậy tôi tin vì anh Ba Bình có tác phong anh hùng hảo hớn. Lúc đó tôi có nhiệm vụ tập hợp các cán bộ Đảng, tập hợp các bộ đội do Đảng nắm và thống nhất các lực lượng vũ trang. Nguyễn Bình cũng đang làm nhiệm vụ đó. Tôi phải ủng hộ anh Ba”.

Anh Ba Tô Ký chỉ huy trưởng Giải phóng quân Liên Quận Hóc Môn Bà Điểm Đức Hoà cũng chịu sự chỉ huy của Nguyễn Bình ngay ngày đầu vì mối quan tâm lớn nhất của anh là thống nhất các bộ đội miền Đông để đánh Tây. Anh Ba Bình làm được điều đó cho nên mình phải ủng hộ.

Đại đội trưởng Hứa Văn Yển, chỉ huy mặt trận An Phú Đông trong những giờ phút nghiêm trọng sau ngày 23 tháng 9 đã gặp Nguyễn Bình vào tháng 10-1945, giữa tiếng đại bác nổ ầm ầm dọn đường cho Tây lên chiếm. Anh Ba Bình chỉ đi có một mình với một anh liên lạc. Anh Ba trình giấy phái viên Bộ Tổng và yêu cầu đồng chí Hai Yển cho liên lạc đưa anh qua An Phú xã. Tây đang tiến vô nên Hai Yển không có thì giờ, chỉ làm theo yêu cầu của anh Ba Bình, nhưng cảm giác đầu tiên về cuộc gặp gỡ này vẫn còn đậm nét mãi mãi sau này: Một con người to cao mặc đồ xá xầu, mang kính râu, đeo sắc-cốt. Giữa tình thế nước sôi lửa bỏng, anh vẫn bình tĩnh, ung dung. Đúng là một tay hảo hớn...

Đại tướng đọc bản luận án gật gù khen Hai Trọng:

- Đồng chí viết rất đạt. Hãy nghỉ ngơi vài bữa cho khỏe.

Thời gian ở Bộ Tổng, Hai Trọng được Bác và đại tướng đặc biệt chăm sóc. Anh hiểu đây không phải dành cho cá nhân anh mà dành cho cả đồng bào Nam Bộ mà người có trọng trách bảo vệ là trung tướng Nguyễn Bình.

Làm xong bản luận án, Hai Trọng nghĩ là công tác ra Bắc của mình đã xong, anh xin được trở về Nam chiến đấu. Nhưng đại tướng nói:

- Tôi hiểu tình cảm của đồng chí, nhưng nhân dịp ra đây đồng chí nên tranh thủ học tập thêm. Trung Quốc đang mở lớp chính huấn ở Vân Nam. Đồng chí nên sang đó dự rồi về sẽ trở vào Nam phổ biến luôn.

Hai Trọng lại khăn gói sang Vân Nam cùng một số học viên. Nơi chính huấn là một căn cứ cũ của Mỹ. Nơi đây đồi núi tuyệt đẹp, nhưng lòng dạ Hai Trọng đang nhớ Nam Bộ với anh Ba Bình và vợ trẻ nên không hưởng được cái thú thanh tao của người nghệ sĩ trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Khoá học ở Vân Nam ấy có chuyện khác thường là tiết mục “tự phong”. Mỗi học viên phải làm bản tổng kết các loại hoạt động của mình, nêu lên khuyết điểm rồi tự phong. Hai Trọng phát biểu trong tổ:

- Tôi từ Nam Bộ ra Bắc, đại diện trung tướng Nguyễn Bình báo cáo tình hình quân sự miền Đông Nam Bộ. Các đồng chí Trung ương chiếu cố Nam Bộ cho tôi đi học. Tại khoá này, không có ai cùng chiến đấu với tôi, không có ai hiểu tôi, giúp tôi tự đánh giá nên tôi không thể tự phong được. Tôi sẽ cố gắng học tập để trở về miền Nam chiến đấu rồi sẽ tự phong sau. Hiện nay tôi chỉ là khách của Bộ Tổng.

Nhưng nhà trường không chấp nhận quan điểm của Hai Trọng. Ngày thứ hai họ lại yêu cầu anh tự phong như mọi người trong khoá. Một câu cứ ám ảnh anh cả ngày lẫn đêm: Nhà trường yêu cầu ta tự phong sao ta không tự phong?”. Nhiều đêm thao thức nhìn ra ngoài. Vùng Dương Đông Hải nổi tiếng danh lam thắng cảnh. Bấy giờ vào mùa cận Tết, hoa đào Vân Nam lộng lẫy dưới ánh đèn đẹp khó tả.

Nhưng Hai Trọng không thưởng thức được vì nỗi nhớ miền Nam và việc tự phong. Tự phong trung đoàn trưởng sẽ bị phê bình là thiếu khiêm tốn. Đành phải sụt xuống một cấp: tiểu đoàn trưởng. Để được yên thân trở về Nam chiến đấu. Hai Trọng tự phong như sau: “Tôi là đại biểu Bình Xuyên với chức vụ chánh uỷ, đặc phái viên của Bộ Tư lệnh Nam Bộ có nhiệm vụ nghiên cứu đường liên lạc Bắc Nam, được dự khoá huấn luyện này, xin tự phong Tiểu đoàn trưởng. Tổ trưởng nhận xét: “chân thật”. Tức thì cả tổ vỗ tay.

Mãn khoá anh trở về cảm ơn anh Hoàng Văn Thái đã cấp cho anh con ngựa đua rất hiền

và khẩu tô-m-xông, cho thêm một cần vụ từ Cao Bằng qua Vân Nam. Thời gian đi học và trở về kéo dài hơn một năm thay vì sáu tháng như dự định.

Hai Trọng lại xin trở vào Nam chiến đấu, nhưng một lần nữa lại được giữ lại. Trọng phản đối mạnh:

- Sao giữ tôi lại đây? Miền Nam đang thiếu cán bộ.

- Còn ở đây đâu có thiếu cán bộ. Phải cho tôi về với trung tướng Nguyễn Bình. Ngày ra đi, tôi được anh Ba Bình căn dặn: “Báo cáo xong đồng chí trở về ngay. Tôi đang cần đồng chí”.

Đại tướng Giáp chuẩn bị đi chiến dịch, tướng Hoàng Văn Thái giải quyết yêu cầu của Hai Trọng:

- Bộ Tổng quyết định giữ đồng chí lại vì đồng chí có trình độ, lại từng hoạt động trong Nam. Đồng chí sẽ làm tham mưu cho Bộ Tổng.

Chương 53

Đánh không thắng, Pháp muốn cầu hoà

Vô Đồng Tháp, sứ Tây chào trung tướng

Cuộc sống trong vùng sâu đồng Tháp Mười, quanh năm trầm lặng như nước lớn nước ròng trên các con kinh hiền lành Nguyễn Văn Tiếp và Dương Văn Dương chạy song song xuyên cánh đồng bảy trăm ngàn mẫu đất. Bỗng một ngày đẹp trời, căn cứ kháng chiến Nam Bộ sôi nổi hẳn lên: có khách nước ngoài tới thăm đầu não kháng chiến. Lần này khách không phải là phóng viên nhà báo như năm trước mà là một nhân vật lớn trong chính giới Pháp từ Paris sang, có nhiệm vụ thăm dò “đối phương” trong vấn đề hoà hay chiến. Trước đây, đô đốc D' Argenlieu Cao uỷ Đông Dương, rồi sau đó tướng Leclerc, tổng tư lệnh Đông Dương huênh hoang tuyên bố “bình định Việt Minh trong vòng ba tháng. Nhưng ba năm thấm thoát trôi qua, chiến cuộc đang trong thế ngang ngửa. Chánh phủ Pháp phái sứ giả sang nghiên cứu tình hình. Tên sứ giả là Alain Savary, nghị viên hội đồng Liên Hiệp Pháp, đại biểu đảng Xã hội Pháp SFIO (Section Francaise de l' Internationale Ouvrière).

Savary tới Sài Gòn tiếp xúc với Tổng thư ký Đảng Xã hội Pháp, chi nhánh Sài Gòn, Hervochon. Anh này hỏi ý nhà báo Thiếu Sơn từng giao du với chi nhánh Pháp ở Sài Gòn. Thiếu Sơn tên là Lê Sỹ Quý, là viên chức Bưu điện nổi tiếng với nghề viết văn và làm báo. Anh quê miền Bắc đổi vô Nam Kỳ trước thập niên 40. Anh là kiện tướng trong làng báo “Thống nhất” tích cực ủng hộ cuộc kháng chiến, nhiều lần ra bung dự các lễ lớn mà gần đây nhất là lễ thụ phong trung tướng của anh Nguyễn Bình. Thiếu Sơn là một trong ba thượng khách trong làng

báo Sài Gòn của anh Ba Bình. Hai người kia là nhà báo Tam Ích (XXX) và nhà văn Lý Văn Sâm.

Hervochon gõ cửa anh Thiến Sơn vì trước đó anh đã đưa hai nhà trí thức lớn Pháp vô khu gặp các lãnh đạo Nam Bộ. Đó là Giáo sư Tiến sĩ Chesneau, dạy môn xã hội trường đại học Sorbonne ở Paris và giáo sư Petelot. Về sau ông Chesneau là sứ giả nổi tiếng chuyên về Việt Nam và các nước Đông Dương.

Anh Thiến Sơn bảo Hervochon: “Muốn có hoà bình, phải nói chuyện với kháng chiến. Tất nhiên phải vô Khu”. Savary đồng ý và nhờ Thiến Sơn dẫn đường.

Thiến Sơn đưa Savary xuống Tháp Mười và tới tận nơi anh Ba Bình đóng ở Kinh Bùi, xã Nhơn Ninh, nằm giữa hai con kinh lớn Nguyễn Văn Tiếp và Dương Văn Dương. Trong chuyến đi này, anh Thiến Sơn có sáng kiến mời thêm hai trí thức ở thành cùng đi để Savary có bạn đồng hành. Đó là Luật sư Trịnh Đình Thảo và dược sỹ Nguyễn Văn Liễn.

Tới Thiên Hộ nam trên con kinh Nguyễn Văn Tiếp đoàn gặp bác sĩ Trần Nam Hưng vừa vô khu kháng chiến không bao lâu. Anh Ba Hưng quê Vĩnh Kim- Chợ Giữa (Mỹ Tho) trước khi ra bung bị động viên đóng lon “lieutenant – médecin” (trung uý quân y) làm việc tại Bệnh viện Chợ Rẫy. Lúc đó đơn vị quân y này mang tên HEM 415 (Hem là chữ tắt của Hopital d'Évacuation Motorisé) từng tham chiến ở chiến trường Tây Âu sang. Anh Ba Hưng nói tiếng Tây giỏi như bẻ củi, khiến Savary thích thú. Té ra nơi bùn lầy nước đọng, dân kháng chiến không thiếu trí thức do Pháp đào tạo. Sau đó Savary được Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát giám đốc Sở Thông tin - tuyên truyền tiếp tại văn phòng là một nhà sàn bên bờ kinh Dương Văn Dương, xã Nhơn Hoà Lập. Nhà sàn như một nhà sàn trong đồng sâu nhưng cách trang trí thẩm mỹ khiến văn phòng rực sáng, nhưng phong cách hào hoa của chủ nhà càng làm khách từ Kinh thành Ánh sáng đặc biệt chú ý.

Đã được thông báo trước anh Sáu Phát đưa khách tới thăm trung tướng uỷ viên quân sự Nam Bộ kiêm phó chủ tịch Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ. Văn phòng anh Ba Bình cũng được sửa sang như nền đất, được trải một lớp tre đập giập để ngăn hơi ẩm của đất. Các vách cũng được treo bản đồ quân sự và các lá quân kỳ: rất ra vẻ tổng hành dinh vị tướng tư lệnh.

Khi khách tới, một trung đội bảo vệ mặc ka ki vàng bông súng dàn chào đúng quân cách. Savary quan sát kỹ từng chi tiết. Ông ta bật cười khi thấy trung đội đi chân đất. Nhưng không đợi giải thích, ông hiểu ngay chiến trường sông rạch, lính tráng không cần giày. Anh Sáu Phát giới thiệu chủ khách. Phía chủ có anh Ba Bình, trưởng phòng quân giới Nam Bộ, kỹ sư Lê Tâm, chánh văn phòng của trung tướng, anh Võ Bá Nhạc.

Tiệt sơ giao do bà Lê Đình Chi nấu nướng được dọn ra. Ông Lê Đình Chi là trưởng phòng

quân pháp Nam Bộ đã hy sinh trên đường công tác trước đó một năm.

Sâm banh nổ ròn. Savary đi từ ngục nhiên này tới ngục nhiên khác. Trong bụng biền cũng có thứ rượu sang trọng này sao? Anh Ba nâng ly mời khách và nói bằng tiếng Việt. Anh Lê Tâm dịch thật lưu loát.

Về sau Savary mới biết tên Lê Tâm là kỹ sư cầu đường ở Paris về nước kháng chiến sau hội nghị Fontainebleau và được đưa vô đồng Tháp làm cố vấn phá hoại cho trung tướng Nguyễn Bình.

Anh Ba Bình nói ngắn gọn. Savary đứng lên nói và nhờ hai anh Sáu Phát và Lê Tâm dịch nhưng anh Phát nói “khỏi phải dịch. Trung tướng nghe được hết”. Savary nói thật trang trọng, gọi anh Ba bằng “mon général” thật là ngọt ngào. Ai nấy đều hân hoan phấn khởi. Nhà chính trị có khác. Không xác láo như tên Cao uỷ kiêm Tổng tư lệnh Đông Dương D’Argenlieu từng gọi anh Ba Bình là tướng giặc, về sau Savary tiết lộ “trăm nghe không bằng một thấy. Tôi đã thấy và đã cụng ly với trung tướng Nguyễn Bình mà các tướng lãnh Pháp gọi là “le borgne” (thằng chột).

Savary lần lượt gặp các ông Phạm Văn Bạch và Phạm Ngọc Thuần, chủ tịch và phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam bộ. Ông cũng đi thăm các chợ, trường học, binh công xưởng, nhà in, toà soạn báo Tổ Quốc, phòng triển lãm hội hoạ sĩ Diệp Minh Châu, Huỳnh Văn Gấm, Nguyễn Cao Thương v.v... Ông cũng có dịp chạy xuống hầm khi máy bay Spitfire lên bỏ bom và bắn đại liên xuống xóm nhà hai bên bờ kinh.

Rất may là chuyến đi đó, khách quý không bị bắt như giáo sư Chesneau năm trước vì đụng một cuộc hành quân càn quét của quân đội Pháp.

Khi trở về Paris, nghị viên Alain Savary viết nhiều bài báo ca ngợi kháng chiến và tiên đoán võ lực không thể giải quyết chiến tranh Việt Nam. Chuyến vô Đồng Tháp Mười năm ấy là một kỷ niệm khó phai trong đời ông đại biểu Đảng Xã Hội Pháp Alain Savary.

Chương 54

Đại hội quân dân y Bưng Kè

Nữ dược sĩ Yên, tôi mê Nguyễn Bình

Cuối 1948 đầu 1949 Nam bộ tổ chức đại hội quân dân y tại Bưng Kè, một địa danh nằm trong xã Mỹ Lộc, giữa chiến khu Đ. Địa điểm là quân y viện Khu 7 do bác sĩ Võ Cương, chính trị viên Trưởng đoàn 310 làm giám đốc. Về dự đại hội có nhiều bác sĩ, dược sĩ ở ba khu 7, 8, 9 và một số bác sĩ, dược sĩ trong thành nữa. Về mặt tiếp tế, thuốc men và dụng cụ y khoa thì các bác

sĩ và dược sĩ Sài Gòn Chợ Lớn đóng góp rất lớn.

Nổi bật trong số dược sĩ này là các anh Hồ Thu, Bùi Quang Tùng, chị Yên.

Anh Hồ Thu sinh 1910 tại Phan Thiết, đậu dược sĩ tại Hà Nội năm 1933. Anh mở tiệm thuốc Tây tại Bến Tre. Anh giao du với nhóm trí thức có tinh thần cách mạng nên tham gia kháng chiến ngay từ đầu.

Do quen biết với anh Phạm Văn Sổ, sinh viên dược phụ trách ngành dược trong tỉnh Thủ Dầu Một, anh Hồ Thu đảm trách việc tiếp tế thuốc men cho tỉnh Thủ Dầu Một, sau là Thủ - Biên (hai tỉnh Biên Hoà và Thủ Dầu Một nhập lại). Năm 1949 được thư mời vào Khu 7 họp đại hội quân dân y Nam bộ. Anh Hồ Thu hăm hở theo liên lạc ra khu. Nghe ra quân khu, anh ngỡ là xa xôi diệu vợi, nào ngờ khu ở sát thành phố Sài Gòn nói theo quân sự thì nó nằm trong tầm súng đại bác “vua chiến trường” (35 km). Liên lạc đưa lên Tân Uyên, từ đó đi bộ vô Bưng Kè. Chuyển vô khu lần đầu tiên đã để lại cho anh nhiều kỷ niệm khó quên. Nơi rừng xanh đất đỏ anh lại gặp các bạn đồng nghiệp như dược sĩ Phạm Thị Yên vợ anh Trần Bửu Kiếm và bác sĩ Hồ Văn Huê, Võ Cương...

Còn anh dược sĩ Bùi Quang Tùng là dân Mỏ Cày, Bến Tre, sinh năm 1914, con ông Cai tổng Bùi Quang Đại và là em của lãnh tụ đảng Lập Hiến Bùi Quang Chiêu. Bùi Quang Chiêu thứ ba và lớn hơn anh Tùng tới 40 tuổi vì anh Tùng là con dòng sau. Ra Bắc học hai năm, anh Tùng sang Pháp học, đậu dược sĩ Pháp năm 1938. Anh về nước vào năm 1939, khi chiến tranh thế giới sắp nổ ra. Anh mở tiệm thuốc Tây ở Bạc Liêu, gần cầu Quay... Năm 1943 anh sang tiệm thuốc ở Bạc Liêu để về Sài Gòn: mở tiệm thuốc tây tại đường Tháp Mười trước chợ Bình Tây trong Chợ Lớn...

Ý thức dân tộc nảy ra rất sớm trong đầu anh Tùng. Năm 1930 khi đọc báo ảnh Pháp, tờ L' Illustration, số đặc biệt kỷ niệm một trăm năm xứ Algérie (Centenaire de l' Algérie) anh Tùng đã có ý nguyện tranh đấu cho Việt Nam thoát ách đô hộ của người Pháp. Lúc đó lại đúng là lúc anh Chiêu “lên hương”: Bùi Quang Chiêu được Pháp phong chức đại biểu Nam Kỳ trong Thượng Hội đồng thuộc địa (Nguyên văn là Délégué de la Cochinchine au Conseil Supérieur des colonies).

Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, Nghiệp đoàn dược sư thay các chuyên viên Pháp ở Sở Y Tế Nam Kỳ, số 59, Chasseloup Laubat (Nguyễn Thị Minh Khai): Trong Ban chấp hành nghiệp đoàn các anh Lê Quang Thăng, Trần Văn Luân và chị Phạm Thị Yên. Anh Hồ Đắc Ân và chị Yên đề cử Bùi Quang Tùng tiếp quản kho thuốc để phân phối cho các khu.

Công việc này rất khó vì Tây phá bằng cách xé các nhãn hiệu số thuốc chứa trong phòng

được khoa, bệnh viện Grall (Nhi đồng 2)... Ta phải phân chất các loại thuốc và làm nhãn hiệu mới. Tùng lo về chuyên môn còn anh Ân và chị Yên phụ trách chỉ huy chung. Khi Tây trở qua Sài Gòn, chúng bắt được anh Tùng giam hai tuần tại Catinat rồi đưa qua Khám Lớn cho đến đầu 1946 mới thả. Anh mở tiệm thuốc Tây ở chợ Bình Tây và cùng với chị Yên tiếp tế thuốc men vô chiến khu đồng thời đào tạo bào chế viên đưa vô khu 7.

Còn chị Dược sĩ Phạm Thị Yên là vợ Trần Bửu Kiếm những ngày đầu kháng chiến là chủ nhiệm báo Kèn gọi lính. Tờ báo này có nét độc đáo là cả toà soạn với nhà in được đặt trên một chiếc ghe “cà dom” lưu động trên sông rạch khắp miền. Về sau anh Kiếm là Tổng thư ký Ủy ban Kháng chiến - Hành chánh Nam bộ. Chị Yên vẫn làm công việc chuyên môn của mình là đào tạo bào chế viên đồng thời tiếp tế thuốc men cho các chiến trường.

Người hăm hở nhất trong cuộc họp Quân dân y Nam Bộ năm ấy là chị Yên. Nhân dịp này chị muốn tận mắt quan sát Chiến khu xanh mà chị mới vừa làm quen trên tờ báo Tiền Đạo, số đặc biệt chiến thắng La Ngà. Năm đó cả ba khu đều thi đua đánh lớn, lập chiến công to. Và cả ba khu đều ra ba tờ báo in chữ chì khổ lớn như báo trong thành. Đó là tờ Tiền Đạo của Khu 7, tờ Tổ Quốc của khu 8 và tờ Tiếng súng kháng địch của Khu 9 và cũng là một điều ngẫu nhiên kỳ diệu là cùng lúc cả ba khu đều có chiến công hiển hách. Khu 7 có chiến thắng La Ngà, Khu 8 có trận Giồng Dứa, khu 9 có chiến thắng Tầm Vu cướp được khẩu đại bác 105 ly.

Bài bút ký “Khách đô thành viếng Chiến Khu Xanh” của anh Bùi Thanh Khiết viết về tình cảm của các cô nữ sinh trường đầm Couvent Des Oiseaux Đà Lạt bị kẹt trong trận phục kích đoàn công-voa nhà binh Pháp và được đưa vô chiến khu vài tuần để tránh cuộc truy kích trả đũa của Pháp. Không khí hào hùng của đoàn quân chiến thắng cộng với tâm hồn mơ mộng của các cô gái Việt học trường đầm tạo một ấn tượng khó phai cho những ai thích phiêu lưu vào những chân trời lãng mạn. Còn một điểm này nữa: mến mộ anh em chiến sĩ đã lập chiến công chị Yên còn mến mộ vị chỉ huy các chiến sĩ này. Báo chí gọi là “Thống nhất” đã viết nhiều về Nguyễn Bình.

Báo Việt Bút viết về một vị tướng đơn phương độc mã từ Bắc vô Nam có chặng phi ngựa vượt đèo băng suối giữa muôn vàn hiểm nguy. Với đầu óc lãng mạn, Chị Yên hình dung Nguyễn Bình phải là một “Từ Hải hàm én mày ngài, oai phong lẫm liệt!”.

Tại Bung Kè, giữa rừng già Mỹ Lộc, gặp bác sĩ Võ Cương, bác sĩ Hồ Văn Huê, dược sĩ Hồ Thu, chị Yên hỏi ngay:

- Trung tướng Nguyễn Bình có dự đại hội quân dân y này không?

Võ Cương đáp:

- Trung tướng rất bận, không dự được, nhưng trong ngày đại hội kết thúc, anh Ba Bình sẽ tới nói chuyện với các đại biểu.

Chị Yên nói tiếp:

- Chuyển đi của tôi vô đây cốt là để gặp trung tướng.

Mọi người ngạc nhiên:

- Về việc gì?

Chị Yên cười lớn:

- Chẳng có việc gì hết? Sự thật là tôi mê Nguyễn Bình. Và tôi muốn gặp để xem trông có giống như người kỵ mã tôi thấy trong mộng hay không.

Mọi người cười rộ lên. Ai cũng thích thú về tánh trung thực, nghĩ sao nói vậy của chị Yên. Bác sĩ Huê hỏi nhỏ:

- Chị có dám nói như vậy trước anh Trần Bửu Kiếm?

Chị Yên gật:

- Dám chứ. Anh Kiếm là chồng, còn ông Bình là thần tượng. Hai cái đó khác nhau: chồng thì mình thương mình yêu, còn thần tượng thì mình kính mình phục. Các anh hiểu rõ ý chữ “mê” của tôi chưa?

Chị Yên đã toại nguyện. Trung tướng Nguyễn Bình đã đến chung vui với đại biểu trong liên hoan kết thúc đại hội quân dân y Nam Bộ. Cùng đi với anh Ba có một phụ nữ phốp pháp mà các anh gọi là chị Ba. Sau này chị Yên mới biết là chị Thanh, liên lạc thành kiêm thơ ký của anh Ba Bình.

Khi anh Võ Cương giới thiệu các đại biểu, anh Ba bắt tay từng người, hỏi chuyện công tác rồi chuyện gia đình, thân ái như người trong gia quyến thân tộc.

Đặc biệt với các đại biểu ở thành, anh Ba bắt tay siết mạnh và giữ lâu hơn. Anh có một tình cảm sâu đậm với những gì thuộc về Sài Gòn - Chợ Lớn mà anh đã vài lần đột nhập dưới lốt nhà văn Minh Hương hoặc một phú thương “khách trú”.

Vì có tin Tây tập trung tàu chiến tại Biên Hoà - rất có thể chúng sẽ tấn công chiến Khu Đ nên anh Ba khuyên anh em đại biểu nên trở về đơn vị gấp, các anh Võ Cương, Hồ Thu, Hồ Văn Huê không kịp hỏi chị Yên một câu: “Anh Ba Bình có giống người trong mộng của chị?”

Chương 55

Gặp Nguyễn Đăng Nguyễn Bình ưng

Cuộc họp nào cũng kéo Đảng theo

Kỹ sư Ngô Tấn Nhơn được Trung ương giao chức bộ trưởng Bộ Canh Nông thay ông Huỳnh Thiện Lộc lãnh nhiệm vụ khác. Ông Nhơn giữ kỹ sư Nguyễn Đăng làm phó đồng lý sự vụ Bộ Canh nông. Ông Nhơn tốt nghiệp khoá một còn ông Đăng tốt nghiệp khoá năm. Được đề bạt chức vụ khá cao nhưng ông Đăng không vui. Ông chỉ muốn đánh giặc ngoài mặt trận hơn. Nguyễn Đăng quê ở Suối Đá, một vùng rừng rậm trong tỉnh Tây Ninh, nằm giữa núi Bà và Núi Cậu. (Nay là huyện Dương Minh Châu). Gia đình đủ ăn, Nguyễn Đăng được học bổng nhờ đậu cao lên trung học và đại học. Đậu kỹ sư Nông nghiệp, Nguyễn Đăng được bổ về Cần Thơ làm việc. Đầu 1945 Nguyễn Đăng gặp Thanh Sơn Nguyễn Văn Tây và tiếp tục hoạt động cách mạng. Khi còn là sinh viên ở Hà Nội, Nguyễn Đăng đã hoạt động trong Tổng hội sinh viên và sáng lập đảng Dân Chủ. Kháng chiến bùng nổ, Nguyễn Đăng là một các chỉ huy quân sự trẻ. Khi mặt trận Cần Thơ vỡ sau ba tháng bao vây địch trong thành phố, Thanh Sơn được trung tướng gọi ra Bắc đảm trách việc chi viện cho chiến trường miền Nam. Lúc đó Nguyễn Đăng cũng đi ra Bắc để dự khoá họp đầu tiên của Quốc Hội. Nguyễn Đăng đắc cử đại biểu tỉnh Cần Thơ. Cùng một chuyến đi, Thanh Sơn chọn Nguyễn Đăng làm trợ lý. Ra tới Hà Nội thì tách ra, ai lo việc nấy.

Muốn trở về bộ đội, Nguyễn Đăng điện cho Thanh Sơn bày tỏ nguyện vọng muốn đánh giặc hơn làm văn phòng. Thanh Sơn lúc đó là phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến Miền Nam Việt Nam đóng ở Quảng Ngãi. Thanh Sơn liền can thiệp rút Nguyễn Đăng về giao nhiệm vụ đưa tiểu đoàn Ba Dương vào Nam Bộ.

Đúng ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, Pháp đánh Phú Yên. Đầu tháng 1-1947 Bộ Quốc Phòng điện vào bổ nhiệm Nguyễn Đăng làm tham mưu trưởng khu 6 gồm các tỉnh Nam Trung Bộ từ Phú Yên Darlac trở vào. Nguyễn Đăng được giao nhiệm vụ phối hợp lực lượng của Khu 6 và tiểu đoàn Ba Dương chặn mũi tấn công của Pháp ra thị xã Tuy Hoà. Sau mấy trận chiến đấu ác liệt ngay trong những ngày Tết Đinh Hợi. Pháp bị thiệt hại nặng rút lui vào Núi Hiêm, gần Đèo Cả.

Tháng 4-1947, biết được một đoạn đường trong vùng núi từ Khánh Hoà vào Ninh Thuận còn bị tắc do địch khống chế, làm cho nhiều cán bộ lãnh đạo và nhiều tài liệu quý của Trung ương đưa vào Nam Bộ bị dồn đọng lại Phú Yên, Nguyễn Đăng đề nghị Ủy ban kháng chiến Miền Nam giao cho mình nhiệm vụ mở thông đoạn đường này và sau đó cho được về luôn chiến trường Nam Bộ. Được chấp thuận, Nguyễn Đăng bàn giao ngay nhiệm vụ tham mưu trung Khu 6, nhận một trung đội đi mở đường. Sau hai tháng, đường thông. Đoàn cán bộ Trung ương do ông Thanh Sơn phụ trách hành quân vào Nam có Tiểu đoàn Ba Dương hộ tống. Nhưng vì đoàn đông, đến khu căn cứ tỉnh Khánh Hoà thì bị lộ. Pháp huy động lực lượng từ Nha Trang lên, từ

Ban Mê Thuật xuống. Từ Đà Lạt ra bao vây chặn quân ta. Nguyễn Đăng đề xuất ý kiến chia đôi lực lượng vũ trang, một bộ phận lấy tên là bộ đội Ba Dương do Nguyễn Đăng và một số cán bộ trực tiếp chỉ huy, chủ động tấn công địch để thu hút địch vào mình, tạo điều kiện cho bộ phận còn lại lấy tên là bộ đội Hùng Phước mở đường đưa đoàn ông Thanh Sơn vào Nam an toàn. Trong hai tháng trời Nguyễn Đăng cùng đơn vị chiến đấu liên tục, có ngày đụng địch ba trận. Sau cùng Tiểu đoàn Ba Dương về tới Bà Rịa, rồi Biên Hoà, Nguyễn Đăng lần lượt gặp các chỉ huy Miền Đông như Hứa Văn Yển, Nguyễn Thuận Thảo, Chi đội 16, Huỳnh Văn Nghệ, Nguyễn Văn Lung, Chi đội 10 và tư lệnh Khu 7 Nguyễn Bình.

Lúc đó anh Ba đóng ở Giồng Lức. Nguyễn Đăng báo cáo:

- Sứ mạng tôi đã hoàn thành. Tôi đã đưa Tiểu đoàn Ba Dương về với Đồng Tháp Mười.

Nguyễn Bình gật đầu:

- Tôi đã được điện của anh Tám Nghệ báo trước là ông kỹ sư đã cầm chân địch cho đoàn ông Thanh Sơn vào Nam Bộ an toàn. Về Tiểu đoàn Ba Dương, tôi thấy nên bố trí ở Khu 7 là đúng vị trí, vì Khu 7 là mục tiêu số một của thằng Tây. Ông kỹ sư nghĩ thế nào?

Nguyễn Đăng bảo:

- Vấn đề đó xin đề nghị Khu trưởng bàn với ông Thanh Sơn. Tôi chỉ làm nhiệm vụ đưa Tiểu đoàn về tới Đồng Tháp Mười như đã được định.

Nguyễn Bình gật gù:

- Tôi sẽ bàn với đồng chí Thanh Sơn.

Vài ngày sau Nguyễn Đăng được Nguyễn Bình cho biết:

- Tôi đã thống nhất với đồng chí Thanh Sơn là để Tiểu đoàn ở đây. Ta nên xúc tiến việc bàn giao.

Trong những ngày ở Nam Bộ, Nguyễn Đăng thấy vài việc không ổn như cùng một lúc có hai chức trưởng ban quân sự Nam Bộ tuy danh xưng khác nhau: Thanh Sơn là trưởng ban quân sự Nam Bộ còn Nguyễn Bình là uỷ viên quân sự Nam bộ. Làm sao hai vị này chẳng giẫm chân nhau?

Lúc đó còn có nạn dòm ngó nhau giữa Cộng sản và Dân chủ. Nguyễn Đăng theo Dân chủ. Năm 1944, Nguyễn Đăng là một trong những sinh viên sáng lập ra đảng Dân chủ Việt Nam, trong mặt trận Việt Minh. Năm 1946, tại đại hội Đảng Dân chủ lần đầu tại Hà Nội, Nguyễn Đăng cùng các bạn Huỳnh Văn Tiểng, Trần Bửu Kiếm, Vương Văn Lê, Nguyễn Việt Nam được bầu vào Ban chấp hành Trung ương. Để giải quyết các xung đột giữa hai nhóm, một ban hoà giải được

lập ra gồm có các ông Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Đăng, Vương Văn Lễ bên dân chủ, Ung Văn Khiêm, Thượng Vũ, Nguyễn Văn Kính và Hà Huy Giáp bên Cộng sản.

Nguyễn Bình đã được Vũ Huy Xứng, Phòng chính trị khu 7 kết nạp vào năm 1947 nhưng nhiều người vẫn đinh ninh ông Bình là Nguyễn Phương Thảo, đảng viên Quốc Dân Đảng.

Có chuyện đáng kể là Nguyễn Bình thích Nguyễn Đăng. Trong các cuộc họp, luôn luôn ông Ba Bình đề cử “ông kỹ sư” làm thư ký. Nhiệm vụ của thư ký hội nghị là làm biên bản ngay tại chỗ, tóm tắt các ý kiến phát biểu và kết luận của chủ tọa, xong rồi đọc cho cử tọa nghe để thông qua, sau cùng đưa cho chủ tọa ký.

Với trình độ đại học thì làm thư ký hội nghị thì công việc đó không có gì là khó khăn, nhiều người cười, cho việc trung tướng đề cử Nguyễn Đăng làm thư ký hội nghị là “giết gà mà dùng dao mổ trâu”. Dù vậy không bao giờ Nguyễn Đăng từ chối đề cử của anh Ba. Do vậy mà trong một thời gian một số biên bản hội nghị đều mang chữ ký của chủ tọa Nguyễn Bình và thư ký Nguyễn Đăng. Thế là thiên hạ đồn Nguyễn Đăng đã được “mắt xanh” trung tướng Nguyễn Bình chấm.

Tin này tới tai đồng chí Lê Duẩn lúc bấy giờ là bí thư xứ uỷ. Anh Ba Duẩn, trước đây đã chú ý tới “ông kỹ sư” trong giới chỉ huy quân sự ở Nam Bộ, Nguyễn Đăng là người trí thức say mê đánh giặc sau luật sư Thái Văn Lung hy sinh quá sớm. Anh Ba Duẩn chọn Nguyễn Đăng làm mô hình để nghiên cứu về người trí thức miền Nam trong cuộc kháng chiến chống xâm lăng. Nhận thấy Nguyễn Đăng có đủ điều kiện để trở thành đảng viên cộng sản, anh Ba Duẩn đặc biệt quan tâm tới người cán bộ quân sự trí thức hiếm có này. Nhân đồng chí Dương Minh Châu hy sinh, anh Ba Duẩn tính đưa Nguyễn Đăng về làm chủ tịch Tây Ninh. Việc đề bạt này cũng hợp lý vì tâm lý cử người của địa phương, Nguyễn Đăng là dân Tây Ninh. Nhưng Nguyễn Đăng lại không khoái chức vụ ấy, anh chỉ thích đánh giặc thôi. Khi anh Ba Duẩn gợi ý, Nguyễn Đăng nói rõ ý định của mình. Anh Ba Duẩn bỏ ý định đưa Nguyễn Đăng làm chủ tịch Tây Ninh. Trong việc bố trí lại Bộ Tư lệnh Nam Bộ (bỏ tên cũ là Ban Quân Sự Nam Bộ do Thanh Sơn đảm trách) Nguyễn Bình là tư lệnh, Dương Quốc Chính là chánh uỷ, Nguyễn Đăng làm tham mưu trưởng.

Nguyễn Đăng nói riêng với anh Ba Duẩn: “Tôi thấy không được. Tôi không hợp với trung tướng Nguyễn Bình”. Anh Ba Duẩn lộ vẻ ngạc nhiên: sao tôi nghe nói hai người ăn ý lắm? Nguyễn Đăng cười kể chuyện ông Bình thích đề cử anh làm thư ký hội nghị. Chỉ có thể thôi. Còn về sinh hoạt thì anh không chịu được tác phong huynh trưởng của ông Bình và nhất là chung quanh đám em út của anh Ba Bình có cả người trong thành ra. Là chỉ huy quân sự, Nguyễn Đăng giữ gìn bí mật như giữ gìn con ngươi của mình. Biết bao chiến dịch chuẩn bị chu đáo mà thất bại vì bí mật bị lộ trước giờ nổ súng. Dù Nguyễn Đăng thoái thác vẫn có quyết định bổ

nhiệm Nguyễn Đăng tham mưu trưởng Nam Bộ. Anh Ba Duẩn bảo Nguyễn Đăng: “Cố gắng làm thử đi. Có gì báo cáo với tôi!”.

Hai tháng sống ở Bộ tư lệnh Nam Bộ đóng ở Kinh Bùi, Kinh Dương Văn Dương, sát Nguyễn Bình, Nguyễn Đăng tự thấy không thể hoà đồng với không khí còn nhiều mặt chưa hợp nhau nên xin bố trí lại.

Anh Ba Duẩn đề nghị Bộ Quốc Phòng cử Nguyễn Đăng giữ chức Tư lệnh phó Khu 8. Lúc đó Bộ Tư lệnh Khu gồm có các ông Trần Văn Trà, tư lệnh, Nguyễn Văn Quạn, phó tư lệnh, Nguyễn Văn Vịnh chánh uỷ.

Kỷ niệm khó quên trong đời Nguyễn Đăng là được anh Ba Duẩn kết nạp vô Đảng Cộng sản vì theo nguyên tắc kết nạp một uỷ viên trong Ban Chấp hành Trung ương một đảng khác, phải là cấp Trung ương. Cuối năm 1949, anh Ba Duẩn nói:

- Từ lâu tôi đã chú ý tới đồng chí. Đồng chí là một trí thức mà tinh thần yêu nước đã nảy nở trong thời kỳ tiền cách mạng... Đồng chí vào Đảng Dân Chủ là phải. Nhưng để tiện việc đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng, đồng chí nên đứng vào Đảng của Bác.

Năm 1950, khi chi bộ Đảng họp làm lễ kết nạp Nguyễn Đăng, anh Ba Duẩn dự. Anh Ba đã phát biểu ý kiến, chỉ thị về các mặt phấn đấu để làm tròn nhiệm vụ một đảng viên Cộng sản, hướng dẫn, giáo dục, việc rèn luyện đạo đức, tác phong, gắn chặt với giai cấp công nhân, nhất là mình thuộc giới trí thức Những lời của anh Ba Duẩn đã đi vào lòng Nguyễn Đăng từ ngày ấy.

Chương 56

Về Tháp Mười dự khoá đại đội

Hai Giỏi làm thư ký Nguyễn Bình

Vào cuối năm 49 trung tướng Nguyễn Bình có thư ký mới. Đó là một thanh niên hăm hai tuổi quê ở Long Điền Bà Rịa, tên là Dương Văn Giỏi. Hai Giỏi học tới năm thứ tư trường trung học Pétrus Ký ở Sài Gòn thì đụng Cách mạng tháng Tám. Năm 1944 Giỏi đã gặp thầy giáo Dương Văn Xá viết báo ký tên Nam Dương là tay hoạt động cách mạng nổi tiếng trong tỉnh Bà Rịa. Tháng 7-1944, Nam Dương phổ biến chương trình Việt Minh cho Hai Giỏi. Hai Giỏi kéo nhóm học sinh Pétrus của anh ở Bà Rịa, Long Điền, Đất Đỏ theo Việt Minh. Nhóm này gồm có hai anh em Trần Thượng Thu và Trần Thượng Thủ con của thầy giáo Trần Thượng Tứ, Hoàng Việt, Nghiêm Phú Phi, Nguyễn Văn Tần, ở Vũng Tàu, Nguyễn Văn Tuấn ở Long Hương, Bà Rịa. Giữa 1946 Hai Giỏi gia nhập bộ đội lưu động Hoàng Thọ. Đầu 1949, trên đường từ Bến Cát về Phú Mỹ để rèn cán chỉnh quân, Hai Giỏi bị thương khi băng qua đường sắt cặp con lộ Đông Dương. Bộ đội lưu động Hoàng Thọ được bổ sung để trở thành Tiểu đoàn 303, đơn vị chủ lực

của Khu 7. Lễ ra mắt của Tiểu đoàn là ngày 19-5-1949. Vài tuần sau, Hoàng Thọ tuy vẫn là chỉ huy trưởng bất mãn bỏ ra đi, kéo theo vài người thân tín như Tứ, Kính, Thảo, Giỏi. Kính là chính trị viên đại đội, Giỏi là trung đội trưởng, Tứ là thư ký đại đội, Thảo là trung đội trưởng. Riêng về Giỏi thì khi Hoàng Thọ rủ về Nam Bộ dự khoá đại đội, Giỏi vừa bình phục nên muốn xuống Khu 8 để an dưỡng. Anh thận trọng hỏi ý chính trị viên Tiểu đoàn là Trần Đình Cửu. Anh chín Cửu khuyên Giỏi nên đi dự khoá đại đội ở Khu 8 đồng thời bồi dưỡng để mau phục sức. Việc ra đi bất ngờ của Hoàng Thọ và các cán bộ đại đội làm cả tiểu đoàn xôn xao. Đại đội trưởng Đoàn Duy Ngợi vội báo với anh chín Cửu. Anh Cửu nói: “Chớ làm to chuyện. Hoàng Thọ không chạy ra thành đâu. Hoàng Thọ cũng chẳng lên Khu. Hoàng Thọ về Nam Bộ thôi”. Trần Đình Cửu biết rõ Hoàng Thọ hơn ai hết vì chính anh là người kết nạp Hoàng Thọ một tháng trước khi thành lập Tiểu đoàn 303 chủ lực của Thủ Biên. Anh em chọn cho Hoàng Thọ bí danh Hai Bằng với ngụ ý: Hai là anh Hai, là người anh cả của bộ đội bấy lâu mang tên Hoàng Thọ, còn Bằng là bằng lòng vô Đảng. Hoàng Thọ vô Đảng vì lý chứ không phải vì tình. Là một “tướng lĩnh” chuyên đánh đấm, Hoàng Thọ không khoái chính trị. Anh không ưa nói chuyện đảng. Anh cũng có lý do của anh: sự nghiệp đánh Tây cứu nước là của toàn dân. Bày ra đảng này đảng kia là làm suy yếu lực lượng tác chiến. Sự vụng về của cán bộ chi viện Trần Văn Quán, lấy tên là Hoàng Trường, càng làm cho Hoàng Thọ tin rằng mình nghĩ đúng. Hoàng Thọ đi hội nghị một thời gian về thấy có chuyện lạ trong đơn vị mình. Chuyện lạ đó là một số đội viên sinh hoạt riêng lẻ, bí mật, khi Hoàng Thọ điểm danh thì vắng mặt. Hạch hỏi mới biết họ sinh hoạt Đảng. Hoàng Thọ càng tin chắc đơn vị có sự chia rẽ từ khi có Đảng. Tệ hại hơn nữa là Hoàng Thọ bắt gặp Hoàng Trường lục xét giấy tờ của mình. Thế là cơn giận bấy lâu dồn nén nổ tung: “Hoàng Thọ này đi kháng chiến là vì dân vì nước, đâu có ngờ ngày nay lại có cái nạn đảng này phái nọ. Dem mà bắt cha nó hết ba cái đảng phái này cho nó rồi!”

Cơn thịnh nộ của Hoàng Thọ thấu tới tai tham mưu trưởng khu là Lê Đức Anh. Khi gặp Hoàng Thọ, ông Anh phê bình ngay: “Hoàng Thọ là công nhân mà phản lại công nhân”. Hoàng Thọ bực lắm, cạo đầu để biểu hiện cơn bực của mình. Nhưng hãy trở lại chuyện đi Nam Bộ của Hai Giỏi.

Tháng 6-1949 Giỏi cùng các bạn Thảo, Kính, Hồ dự khoá đại đội. Thời gian sau đó tin Hoàng Thọ được trung tướng Nguyễn Bình giới thiệu về Bắc nhưng Hoàng Thọ đi vài chặng thì đổi ý trở về Mỹ An, sang một quán lá kê bên trạm gác tại ngã tư kinh Nguyễn Văn Tiếp và kinh Tháp Mười. Với số tiền hai ngàn đồng Đông Dương ngân hàng, Hoàng Thọ sống như một Mạnh thường quân, cán bộ nào đi công tác ngang Mỹ An cũng được Hoàng Thọ mời vô quán ăn uống đái đẳng. Hai Giỏi biết Hoàng Thọ đã trở thành một tay bất mãn mà cả “đại huynh” Nguyễn Bình cũng bó tay uốn nắn được nữa. Anh lấy làm buồn cho một tay chỉ huy đã lập nhiều chiến

công vang dội đang tự giết cuộc đời chính trị của mình bằng rượu và sự bất mãn.

Học xong khoá đại đội, Hai Giỏi được giới thiệu về văn phòng trung tướng Nguyễn Bình. Thấy Giỏi có trình độ văn hoá khá, anh Ba thu nhận ngay, giao nhiệm vụ thư ký ghi chép nghe đài phát thanh tiếng Pháp để báo mỗi đêm. Đồng thời đảm trách luôn việc bảo vệ văn phòng trung tướng.

Không bao lâu văn phòng trung tướng dời về Khu 9 vào năm 1950. Thoạt tiên ở Cá Lối, trong quận Long Mỹ, sau về sông ông Dẻo, gần Cầu Đúc, quận Gò Quào. Trong thời gian này anh Ba Bình giải phẫu con mắt trái đã hư từ năm 1935 lúc ở tù Côn Đảo - năm đó còn mang tên Nguyễn Phương Thảo, bị Quốc Dân Đảng thanh trừng về tội phản Đảng.

Bác sĩ Thân, một bác sĩ già theo kháng chiến, đã giải phẫu cho anh Ba. Có một chuyện vui: chị Thanh kề cận săn sóc anh Ba đã phải dứt thức ăn tận miệng vì cả hai mắt đều bị quấn bằng. Không rõ chị Thanh nghĩ ngợi điều gì mà dứt muống vô mũi anh Ba làm anh Ba kêu lên: “Mồm ở đây này, sao cứ dứt vào mũi người ta!”.

Tiếp theo đó là một chuyện bực: Khi vết mổ lành, anh Ba tiếp tục nếp sinh hoạt như thường lệ tức mỗi sáng tập thể dục rồi bơi lội dưới sông. Hai Giỏi có nhiệm vụ ở trên bờ nghe ngóng máy bay. Một hôm có tiếng phi cơ rất gần. Hai Giỏi báo động: “Máy bay nghe anh Ba”. Thay vì lên bờ mặc quần áo, anh Ba lại rầy: “Nó ở tận đâu đâu! Cạn nhát quá!”. Dân đánh giặc mà bị chê “nhát”, Hai Giỏi tự ái:

- Tôi có trách nhiệm bảo vệ anh Ba. Có hơi máy bay thì tôi phải cho anh Ba hay. Vậy thôi! Đâu phải nhát!

Đó chỉ là chuyện nhỏ, nhưng lại là giọt nước làm tràn tách nước. Từ lâu Hai Giỏi không khoái tác phong huynh trưởng của anh Ba. Chung quanh anh rất nhiều em út, mà phần đông là nữ. Có tin đồn là gián điệp trẻ đẹp trà trộn trong số em út ở thành.

Thực hư thế nào chưa biết, nhưng rõ ràng là không khí đó không hợp với Hai Giỏi. Đêm đó anh bỏ ra sóc Miên sau khi viết thư xin trở về đơn vị cũ. Nửa đêm có người của anh Ba đi tìm mời Hai Giỏi về. Anh Ba bắt tay Giỏi cười nói “Hồi sáng mình nóng nẩy làm chàm tự ái cậu. Mình xin lỗi cậu”. Hai Giỏi nuốt giận ở lại với anh Ba.

Không lâu sau, văn phòng trung tướng Nguyễn Bình lại lên miền Đông. Đi lòn khu vực Hoà Hảo thật gian nan, lại phải vượt hai con sông Hậu và Tiền. Hai Giỏi chịu trách nhiệm bảo vệ cả đại đội. Không thể nào quên được những đêm vượt trường giang, trong bóng đêm, bờ bên kia tăm tắp mù mù trong màn sương hơi nước. Hai Giỏi không quên hai anh Thới và Danh là trưởng và phó huyện đội Ô Môn đã bố trí những chiếc ghe đặc biệt bốn chèo, tám gài để

đưa văn phòng Trung ương qua sông. Những chiếc ghe này lướt sóng như ca-nô. Lúc đó Hai Giỏi có một ý nghĩ ngộ nghĩnh: nếu sau này mình còn sống, mình phải phục chế một chiếc ghe như thế để trưng trong viện bảo tàng kháng chiến cho con cháu mình xem cho biết kháng chiến ra làm sao.

Tới Đất Cuốc, Hai Giỏi tính xin trở về đơn vị cũ thì dịp may xảy đến: Có tin Trung ương gọi Nguyễn Bình ra Bắc. Đúng lúc đó Hai Giỏi gặp thiếu tướng Dương Quốc Chính. Anh nói:

- Anh Ba Bình đề nghị tôi cùng đi ra Bắc với anh. Nhưng tôi kém sức khỏe, sợ đi không nổi. Tôi tính xin trở về đơn vị cũ.

Ông Chính nói: “Vậy thì cậu cứ ở đây với tôi”.

Thế là những ngày sống kề cận anh Ba Bình của Hai Giỏi chấm dứt vào lúc đó.

Chương 57

Trong ương gọi Nguyễn Bình ra Bắc

Bao nhiêu đêm thức mắc suy tư

Giữa năm 1951 có tin Trung ương gọi trung tướng Nguyễn Bình ra Bắc. Bức điện rất vắn tắt. Những người ở ngay trong văn phòng anh Ba cũng không hiểu lý do triệu hồi một vị tướng mà Bác Hồ đã giao Nam Bộ trong những ngày “ngàn cân treo sợi tóc”.

Hai Giỏi là thơ ký kiêm bảo vệ của anh Ba cũng không nắm rõ nguồn cơn. Chỉ thấy anh Ba dăm chiêu nghĩ ngợi. Có lẽ anh Ba tính sổ những gì đã làm được và những gì chưa làm được cho Nam Bộ.

Dường như linh tính báo trước là chuyến về Bắc lần này là một khúc quanh quan trọng trong cuộc đời của mình. Sau mấy ngày suy tư, anh Ba quyết định tuân lệnh thượng cấp. Nguyên tắc mà anh tuân thủ suốt đời chẳng phải là kỷ luật đó sao? Rất có thể mình về Bắc rồi lãnh một công tác khác ở đâu đó chứ không được trở vào Nam. Có lẽ Trung ương đã biết những va chạm mà mình đã gặp trong năm sáu năm hoạt động trong Nam. Đánh địch, mình đã lập nhiều chiến công, đặc biệt qua thành tích diệt ác trừ gian của mười đội công tác thành. Bọn bồi bút Hiến Sĩ, tên thực dân De la Chevrotière, tên gian Trần Tấn Phát, con cáo già Bazin lần lượt gục ngã dưới làn đạn của anh em Công tác thành và đội Công an Xung phong.

Rồi hàng chục sĩ quan hải quân, không quân của địch bỏ xác trong rạp chiếu bóng Majestic, các nhà hàng La Pagode, Impérial, Câu lạc bộ sĩ quan không quân... Rồi các trận đốt kho đạn Thị Nghè, kho bom Phú Thọ... Tóm lại Mười Ban công tác Thành là một đội quân tinh

nhuệ gieo kinh hoàng trong sào huyết dịch. Đúng là một sáng tạo độc đáo của Nguyễn Bình: đem chiến tranh du kích vào tận trung tâm Sài Gòn-Chợ Lớn. Nhưng bên cạnh những chiến công lại là những mất mát, những hy sinh lớn lao của nhiều đồng chí trung kiên ở cơ sở bí mật. Vấn đề thứ hai là việc thu phục giới giang hồ Bình Xuyên. Kéo được các bộ đội Ba Dương - Năm Hà, Tám Mạnh - Hai Vĩnh, Bảy Viễn, Mười Trí là cả một nghệ thuật, kết hợp bản lĩnh sáng tạo. Giang hồ là con dao hai lưỡi, không khéo sử dụng có thể đứt tay như chơi. Thế mà mình đã sử dụng được, Nhưng vấn đề Bình Xuyên chỉ hay có khúc đầu còn khúc đuôi thì thật đáng tiếc. Bảy Viễn đã đầu Tây. Việc này chắc phải có thời gian để đánh giá.

Còn gì nữa nào? À, còn vụ Hoàng Thọ. Mình đã quá nuông chiều cậu này. Nuông chiều vì một lẽ: Nó là thằng em út đồng hương có nhiều điểm giống mình: anh hùng hảo hớn, trung thực ăn nói ngay thẳng. Khi Hoàng Thọ bất mãn bỏ về tiểu đoàn 303 về tìm mình, mình đã khuyên nó về Bắc lập lại sự nghiệp. Mình đã ký giấy giới thiệu và cho tiền lộ phí.

Tưởng đã giúp được thằng em khỏi nghịch cảnh, nào ngờ đi vài chặng, gặp bạn bè xúi bậy, nó lại đổi ý, trở lại Mỹ An mở quán làm đủ thứ chuyện “ba-gai” trên đời. Đến khi nhận yêu cầu phải ký giấy bắt Hoàng Thọ, mình hết sức khổ tâm. Nó đã nhiều lần cứu mình thoát hiểm, vụ Sáu Section mưu sát mình ở Lò Đường, rồi vụ Vũ Tam Anh, Bùi Hữu Phiệt, không có Hoàng Thọ thì Nguyễn Bình đã xanh cỏ từ lâu. Mình suy nghĩ mấy ngày trước khi hạ bút ký bắt Hoàng Thọ. Mình dư biết đó là hạ sách, vì với Hoàng Thọ, chỉ dùng tình cảm mới thu phục được nó. Cho nên ký giấy bắt Hoàng Thọ cũng đồng nghĩa với ký bản án tử hình Hoàng Thọ. Đau xót quá! Nỡ lòng nào đẩy một thằng em út như Hoàng Thọ vào chỗ chết!

Nhưng biết làm sao đây? Không ký thì càng mang tiếng Nguyễn Bình bao che đàn em, thậm chí xúi đàn em khinh thường và coi rẻ thượng cấp.

Chuẩn bị lên đường. anh Ba viết thư tạm biệt các bạn từng sống chết với nhau trên chiến trường miền Đông gian lao mà anh dũng. Anh nhớ ngay tới luật sư Nguyễn Thành Vĩnh và luật gia Lê Đình Chi. Ông Chi không may bị máy bay bắn chết, còn ông Vĩnh là người trí thức Sài Gòn đã tạo điều kiện cho anh Ba đột nhập Sài Gòn lần đầu tiên vào đầu năm 1946. Ông Vĩnh đã khiến anh Ba khâm phục khi nhà trí thức tư sản này đã yêu cầu anh cho một tiểu đội hộ tống ông về ngôi nhà tổ phụ ở Trung Lương đào hai trăm lượng vàng để làm công quỹ lúc Nam Bộ cạn tiền nuôi quân. Nhờ số vàng đó ta mở được các chiến dịch Cầu Kè, Trà Vinh... Anh Ba soạn một số ảnh có anh và ông Vĩnh - chụp trong các hội nghị lễ tấn phong trung tướng bên bờ kinh Dương Văn Dương, dán vào album nhỏ gọi là có quà mọn lúc chia tay. Trong thư anh Ba cũng nhắc vụ về thành ba ngày ở ngay trong nhà ông Vĩnh, 35 đường Pierre Đakao và không quên chúc sức khỏe bạn để tiến mạnh trên đường giải phóng dân tộc và nhân loại khỏi tham tàn bóc

lột của tư bản đế quốc.

Người thứ hai được anh viết thư là ông Lâm Thái Hoà, phụ trách pháo binh. Anh Ba viết đến năm sáu trang, bày tỏ nỗi lòng của người đi xa mà không biết có hy vọng còn gặp lại những người thân.

Tất nhiên anh Ba không thể quên Tám Nghệ là vị “tướng trời” theo lối nói của người dân Tân Hoà, Mỹ Lộc, còn anh thì gọi Tám Nghệ là thi tướng vì Tám Nghệ có biệt tài vừa đánh giặc vừa làm thơ. Làm sao quên được bài thơ “Bờ sông xanh chiều hôm buộc ngựa, kiếm gối đầu theo gió thả hồn cao”. Khi quyết định về Bắc, anh Ba đã yêu cầu Trung ương cho Khu trưởng Khu 7 Huỳnh Văn Nghệ cùng đi. Nhưng không rõ vì lý do gì đề nghị đó không được Trung ương chấp nhận. Người được chọn để cùng đi với anh là chánh văn phòng Bộ tư lệnh Nam Bộ Võ Bá Nhạc.

Với anh Ba thì ông Nhạc là người phụ tá thân thiết, làm việc với anh ngay từ đầu, lúc anh Ba tới Bến Vĩnh là vàm Sông Bé đổ ra sông Đồng Nai. Ông Nhạc bấy giờ là quản đốc sở cao su Bến Vĩnh. Ông đã hiến sở cao su cho anh Ba làm văn phòng chỉ huy, còn ông thì phụ trách văn phòng đó luôn. Cũng được? Trên đường thiên lý có bạn tâm đồng thì đường dài cũng hoá ngắn...

Thấm thoát đã đến ngày lên đường. Bài thơ nhớ Bắc của Tám Nghệ lại vang vọng bên tai:

Ai về Bắc, ta đi với

Thăm lại non sông giống Lạc Hồng

Từ độ mang gươm đi mở cõi

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long.

Chương 58

Công tác thành về tận Sa Đéc

Diệt Chanson, thủ hiến Nam Phần

Tháng 7-1951, đúng vào lúc trung tướng Nguyễn Bình sửa soạn lên đường ra Bắc thì một chiến công của Ban công tác Thành tới tai người anh cả của binh chủng tinh nhuệ này. Một cảm tử của ta đã diệt được Thủ hiến Nam phần Thái Lập Thành và tướng Chanson, uỷ viên cộng hoà Pháp (tương đương Thống đốc Nam Kỳ trước kia). Chiến công này xảy ra tại thị xã Sa Đéc, ngay lễ đài dựng trước toà hành chánh tỉnh.

Hãy nghe chị Lưu Hồng Cúc báo cáo nội vụ:

- Tôi là Lê Thị Chấn sanh đẻ tại Phú Hữu, Cái Tàu Hạ, Sa Đéc nhưng quê nội ở ngã tư Long Hồ, Vĩnh Long. Mười sáu tuổi lên Sài Gòn làm mướn và được anh Bảy Khám gốc Vĩnh Long giới thiệu vô đội cảm tử thành. Về sau được điều về đội 963 hoạt động trong thị xã Vĩnh Long. Tại đây tôi lấy bí danh Lưu Hồng Cúc. Tôi thứ mười nên anh em gọi là Mười Cúc.

Tổ của tôi chỉ có bốn người tôi là tổ trưởng; ba người kia là các anh Mười Kiên quê ở Trà Vinh, Hùng quê ở Vĩnh Long và Hạnh cũng ở Vĩnh Long. Chỉ huy đội 963 lúc đó là anh Võ Quốc Quân người đồng hương với tôi (Cái Tàu Hạ). Khi anh Quân hy sinh, anh Trần Xuân Vỹ quê ở Bến Tre lên thay. Để tiện hoạt động, tôi dựa vào đạo Cao Đài. Tôi giao thiệp với lễ sanh Thanh Châu Ôn là người “có máu mặt” trong tỉnh Vĩnh Long. Ông này là chức sắc cao cấp trong đảng Việt Nam Phục Quốc Hội. Tôi thầu chở muối cho Cao Đài để bí mật chở súng giấu dưới muối đưa về Cái Tàu Hạ, từ đó đưa xuống ghe vô căn cứ. Một lần bị lính gác cầu Lầu chặn xét, tôi cho người gọi lễ sanh Thành Châu Ôn can thiệp “qua truông” được.

Ba ngày trước vụ mưu sát, trinh sát ta được tin tướng Chanson và Thủ hiến Nam phần Thái Lập Thành đi kinh lý Sa Đéc để trấn an tinh thần dân chúng sau những tổn thất dồn dập: ngày 28-4-1951, tướng Harteman, tư lệnh không quân Pháp đi máy bay B26 bị mất tích ở Tiên Yên. Ngày 30-5-1951 con tướng De Lattre là trung uý Jean de Lattre tử trận ở Ninh Bình.

Hay tin này, anh Trần Xuân Vỹ bàn với tôi mưu sát hai nhân vật quan trọng này. Đơn vị có hai trái lựu đạn OF. Chỉ cần một người cảm tử dám mang hai trái lựu đạn này tới lễ đài. Anh Mười Kiên xung phong lãnh trách nhiệm này. Tôi bàn bạc mọi việc với “Kinh Kha” mấy ngày và lo kiếm bộ đồ sắc phục Phục Quốc với phù hiệu để anh Mười Kiên cải trang mà vô lọt khán đài danh dự tiếp cận tướng Chauson và Thái Lập Thành.

Ngày trọng đại đã đến. Cả tổ cùng đi để động viên anh Mười Kiên. Bất ngờ làm sao, vào phút chót anh Kiên “sợ dừa”, Hùng đi kèm bực mình nói: “Không dám làm thì đưa hai trái đó cho tôi”. Anh rút chốt cả hai trái thọc vô hai túi quần xăm xăm đi tới khán đài danh dự. Nhờ có bộ sắc phục Cao Đài mà anh Hùng không bị lính gác ngăn chặn. Cách tướng Chanson ba thước, Hùng đưa tay lên chào theo kiểu nhà binh. Lựu đạn nổ tung tức khắc. Trái thứ hai nổ tiếp theo. Tất cả nhốn nháo. Cuộc lễ tự động giải tán. Thái Lập Thành chết tại trận còn Chanson chết trên đường bay về Sài Gòn.

Chúng lục xét các hồ sơ của Phục Quốc Hội thấy có tên Cúc, Kiên và Hạnh. Tôi bị bắt nguội. Chúng giải tôi về Toà Thánh Tây Ninh cột dưới gốc cau tra tấn ác liệt. Tôi cắn răng chịu đau, không hề khai rồi bí mật nhắn lễ xanh Thanh Châu Ôn lên Tây Ninh xin lãnh về “để giáo dục”.

Rất tiếc là về tráng sĩ Kinh Kha Việt Nam đã hy sinh vì đại nghĩa, chị Cúc chỉ biết anh tên

Hùng, thậm chí họ của Hùng chị cũng quên. Đúng Hùng là một chiến sĩ vô danh mà thị xã Sa Đéc phải dựng tượng để hậu thế noi gương.

Trong lịch sử kháng chiến, chưa có một vụ ám sát nào mà cả Phòng Nhì lẫn Cơ quan Tình báo Trung ương (CIA) đều mù tịt như vụ cảm tử thành tên là Hùng diệt tướng Chanson và thủ hiến Thái Lập Thành tại thị xã Sa Đéc ngày 31-7-1951. Báo chí Sài Gòn đều đổ tội cho Cao Đài và đảng Việt Nam Phục Quốc Hội.

Tin diệt tướng Chanson, uỷ viên Cộng Hoà Pháp ở Nam Phần đến với anh Ba Bình khi anh rời chiến khu Dương Minh Châu. Đây là một an ủi, là một món quà quý báu tiền chân anh. Tướng Chanson là uỷ viên Cộng hoà Pháp thứ hai bị Ban công tác Thành “giữ sổ”. Uỷ viên Cộng hoà Pháp thứ nhất bị diệt là đại tá Hanh Imfelt, một người Pháp gốc Thụy Sĩ làm uỷ viên Cộng Hoà tại Lào nhưng lại lấy Sài Gòn làm trung tâm hoạt động. Anh thợ hớt tóc trẻ - chưa tới hai mươi tuổi - Võ Hồng Tâm đã diệt tên này trong phòng số 28 khách sạn Hôtel des Nations, đường Charner (Nguyễn Huệ), giữa Sài Gòn...

Với nhưng tin chiến thắng ấy anh Ba Bình ra đi trong niềm vui của người đã gieo hạt giống, tin tưởng mùa màng sẽ tốt tươi sau khi mình nằm xuống. Trước tình cảm cao đẹp ấy, các va chạm về nhân tình thế thái bỗng trở nên nhỏ nhen không đáng bận tâm.

Chương 59

Đêm cuối cùng vợ chồng ngăn cách

Chị Thanh buồn ông khách vô duyên

Đêm nay là đêm cuối cùng, sáng mai anh Ba sẽ lên đường. Đường xa vạn dặm, từ Nam ra Bắc, biết bao giờ mới tới? Và có được trở vào Nam không? Vợ chồng chẳng nào tái hợp? Đó là những thắc mắc lo âu của chị Thanh. Chị tính trong đêm sẽ nói tất cả những lo toan của mình, nhưng một sự kiện bất ngờ làm đảo lộn chương trình của chị. Có một ông khách tới thăm bất ngờ.

Cuộc chia tay lẽ ra phải có rượu “tống hành” nhưng anh Ba không uống được rượu nên đành uống trà vậy. Thấy chị Thanh có vẻ buồn ông khách nói:

- Chị Ba cứ yên tâm. Chúng tôi đã chuẩn bị chu đáo cho anh Ba. Có đội bảo vệ chăm sóc sức khỏe anh Ba, có ngựa cho anh Ba cưỡi. Có người đi tiền trạm từng chặng để nắm rõ tình hình. Sẽ không có bất trắc trên đường hành quân đâu!

Chị Thanh được dịp tỏ bày:

- Đường đi nguy hiểm, nhưng là tướng, anh Ba biết đi đứng an toàn. Tôi chỉ thắc mắc là ra Trung ương rồi anh Ba có trở vào Nam không? Vợ chồng tôi có còn gặp lại...?

Ông khách nói ngay:

- Chuyện đó do Trung ương quyết định. Phân công cho một vị trung tướng phải do Bộ Tổng tư lệnh. Còn chuyện thứ hai thì chúng tôi sẽ bố trí cho chị Ba về thành để đi theo đường công khai ra Bắc. Chị có giấy tờ hợp pháp thì đi ra Hà Nội dễ dàng, từ đó sẽ bắt liên lạc về vùng giải phóng không khó.

Chị Thanh gật gù nghĩ ngợi, nỗi lo âu của chị đã được giải toả. Chị tính chừng ông khách ra về chị sẽ bàn thêm với anh Ba. Nhưng ông khách lại nảy ra sáng kiến giăng võng nằm đàm đạo trong đêm với anh Ba. Nhiều lần chị nháy mắt làm ám hiệu nhưng anh Ba không có phản ứng, có thể vì mắt kém, mà cũng có thể anh Ba không tiện cắt đứt cuộc đàm đạo. Vì vậy ông khách vô tình nghỉ đêm tại nhà anh Ba. Chỉ tội cho chị Ba ấm ức không được tự do tâm sự với chồng trong đêm cuối.

Trong đêm chị nghe hai người trao đổi. Ông khách cho chị Ba biết về tiểu đội bảo vệ: Có Vũ Tùng trước ở Ban công tác thành. Vũ Tùng là người Bắc, một thiện xạ chuyên bắn súng Colt 12, ngoài ra còn thủ một tiểu liên Ý Mosquito, nòng dài có nhiều lỗ hãm nhiệt, báng súng có khắc chữ "bộ đội Hoàng Thọ" chứng tỏ cây súng này do Vũ Tùng cướp được của địch lúc còn ở trong bộ đội Hoàng Thọ. Chỉ có bộ đội này mới có sáng kiến khắc tên vào chiến lợi phẩm: Kế đó là Nguyễn Văn Bốn. Chị Thanh nghe nói Bốn theo bảo vệ anh Ba thì yên trí. Bốn là thanh niên khá ái mà chính chị đã làm mai cưới con nuôi của ông bà luật sư Lê Đình Chi là Ngân. Ngân về ở với chị Thanh trước khi được ông bà Chi gả cho Bốn. Người thứ ba được chọn đi trong đoàn là y tá Liên, là người Miền Nam. Đó là ba người có trách nhiệm săn sóc anh Ba trong chuyến đi. Ngoài ra trong đoàn còn có ông Võ Bá Nhạc, chánh văn phòng của anh Ba trong nhiều năm. Ông Nhạc lớn tuổi nên cũng được cấp một con ngựa như anh Ba. Người được giao chức trưởng đoàn là ông Nguyễn Văn Sĩ cũng được gọi là Sĩ Kiếng. Ông còn là cán bộ trung đoàn được chọn ra Bắc học khoá quân sự trung cao cấp. Tiện dịp, anh Sĩ được giao nhiệm vụ trưởng đoàn với nhiệm vụ bảo vệ anh Ba...

Đêm trong rừng Đất Cuốc vào đầu thu khá lạnh. Chị Thanh cứ thao thức. Niềm kia nỗi nọ cứ ẩn hiện trong đầu! Bỗng chị nhớ tới Hoàng Thọ. Chị không thể nào quên ngày thấy có giấy bắt Hoàng Thọ, yêu cầu anh Ba ký. Lúc đó anh Ba vô cùng khổ tâm. Hoàng Thọ là đầu bò đầu bấu, tuy nói năng lung tung nhưng là người trung thực. Đã có lần cứu anh Ba tại Cần Giờ, khi Vũ Tam Anh và Sáu Section mưu sát anh Ba tại Lò Đường. Anh Ba đã không ký và tìm cách cứu Hoàng Thọ. Anh khuyên Hoàng Thọ ra Bắc "làm lại cuộc đời". Rất tiếc Hoàng Thọ đi được ba

chặng, lại nghe lời bạn bè đổi ý quay trở về Đồng Tháp. Trong cơn phần chí, Hoàng Thọ đã làm lung tung lên, nói năng chửi bới bừa bãi. Đến nước đó thì khó thể bao che cho em út được nữa rồi. Lần này thì anh Ba phải ký giấy bắt Hoàng Thọ. Vào trại quân lao - gọi là đề lao binh - Hoàng Thọ lại đánh lính gác. Vậy là bị đưa ra toà. Với những tội ấy, không ai ngờ toà Quân khu 9 lại kết án tử hình. Tin này tới tai anh Ba vào tháng 4-1951, hai tháng trước khi có điện gọi anh Ba về Bắc. Anh Ba buồn vô hạn. Làm sao cứu được Hoàng Thọ? Anh đã nhiều lần uốn nắn Hoàng Thọ như có lần Hoàng Thọ lấy dao sẵn toan khử chánh uỷ Hai Trí mà Hoàng Thọ cho là "tay mưu sĩ không chơi được". Anh Ba đã quắc mắt điểm mặt:

- Chú đã nhiều lần làm cho tôi mang tai tiếng. Người ta đã tố tôi dung túng chú làm nhiều điều xằng bậy. Hãy bỏ tánh ngông muốn làm đao phủ ấy đi. Công việc đó đã có ngành tư pháp đảm trách, không phải việc của chú.

Hoàng Thọ thấy anh Ba nổi nóng, lặng lẽ bỏ đi. Nhưng sau đó Hoàng Thọ nói riêng với chị Thanh:

- Tôi đã nói với anh Ba là phải nhìn đời bằng hai con mắt mới thấy rõ kẻ tốt người xấu, kẻ nịnh người trung.

Chị biết anh Ba đã nghĩ ngợi nhiều về ngã rẽ quan trọng trong đời mình. Nhưng anh Ba không để lộ ra ngoài cho bất cứ người nào, kể cả chị. Anh chỉ nói mí mí thôi. Chị nhất định phải tìm hiểu đằng sau bức điện gọi anh Ba ra ngoài ấy là cái gì. Chị tính sẽ hỏi anh Ba trong đêm nay. Nhưng anh Ba và ông khách cứ mãi miết trò chuyện như một đôi bạn chí thân trong đêm cuối cùng trước chuyến viễn du không hẹn ngày về.

Gà rừng đã gáy, đêm sắp tàn, ngày gần rạng. Chị Thanh ăm ức nuối tiếc cái đêm cuối cùng anh Ba ra Bắc vợ chồng không sao tâm tình được. Chị hoàn toàn không ngờ đây là đêm cuối cùng chị sống bên anh Ba Bình.

Khởi thảo 1978 tại Tân Uyên (chiến khu Đ)

Hoàn chỉnh 1995 tại Đông Triều (Đệ Tứ chiến khu)

Tài liệu tham khảo

- *Quần đảo Côn Nôn của Sơn Vương (Trương Văn Thoại)*
- *Lịch sử Đảng bộ Quảng Ninh - Tỉnh uỷ Quảng Ninh*
- *Đệ Tứ Quân Khu - Nxb Quân đội Nhân Dân*
- *Một trang đáng nhớ - Trần Cung.*
- *Tiếng Chuông Bắc Mã - Hải Thanh*

- *Nhớ về chiến khu xưa* - Hải Thanh
 - *Tổng tập văn học Việt Nam (35)* - Nxb Khoa học Xã hội
 - *Ai giết Nguyễn Bình* - Trần Kim Trú
 - *Mười Ban công tác Thành* - Nguyễn Danh Khôi
 - *Thơ Đồng Nai* - Huỳnh Văn Nghệ
 - *Lược sử Biên Hoà 9 năm kháng Pháp* - Nguyễn Văn Lung
 - *Hồ sơ của Uỷ ban Hành Chánh Nam Bộ (1945 - 54)*
 - *Les guerres d Indochine* - Philippe Franchini *The Struggle for Indochina* - Helen Hammer
- 1954
- *Background to Betrayal* - Hilaire du Berrier 1965
 - *Historia (Guerres d'indochine (1945-1954))*
-

Các nhân chứng lịch sử

- Trần Văn Trà, thượng tướng, thời kháng Pháp là khu trưởng khu 8
- Tô Ký, thiếu tướng, Chi đội trưởng Chi đội 12
- Đào Sơn Tây, thiếu tướng - Chi đội trưởng Chi đội 6.
- Huỳnh Kim Trương, Chi đội trưởng Chi đội 1
- Huỳnh Văn Một, Chi đội trưởng Chi đội 15.
- Dương Văn Hà, Chỉ huy trưởng Liên Chi 2-8
- Mai Văn Vinh, Chi đội trưởng Chi đội 7
- Nguyễn Văn Lung (Hai Lung), Chi đội trưởng Chi đội 3
- Nguyễn Văn Lung (Ba Lung), Chi đội trưởng Chi đội 10
- Hứa Văn Yên - Thứ trưởng Bộ Xây dựng, chi đội 6, 16
- Nguyễn Văn Bứa (Nguyễn Hồng Lâm), thiếu tướng, Chi đội 12.
- Hồ Thị Bi, đại tá, chi đội 12
- Nguyễn Văn Trân (Bấy Trân), Chủ tịch tỉnh Chợ Lớn

- Lương Văn Trọng, Bí thư của Nguyễn Bình
- Nguyễn Danh Khôi, Trưởng ban công tác 10
- Vũ Hải Sơn; Tham mưu trưởng Tiểu đoàn Quyết Tử.
- Kỹ sư Lê Tâm, Cố vấn phá hoại của Nguyễn Bình
- Dược sĩ Bùi Quang Tùng
- Dược sĩ Hồ Thu
- Bác sĩ Trần Nam Hưng, Quân y viện trưởng khu 8
- Bác sĩ Võ Cương, Chính trị viên Chi đội 10
- Bác sĩ Ngô Văn Quý, Thư ký của Nguyễn Bình
- Nữ Bác sĩ Ngọc Kha, Thư ký của Nguyễn Bình
- Võ Bá Nhạc, Chánh văn phòng BTL Nam Bộ
- Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh, uỷ viên tài chính Nam Bộ
- Giáo sư Phạm Thiều, uỷ viên Tuyên truyền Nam Bộ
- Giáo sư Hồ Văn Lái, uỷ viên Tuyên truyền Đặc khu Sài Gòn-Chợ Lớn
- Nguyễn Xuân Diệu, Giám đốc Trường quân chính Khu 7
- Vũ Huy Xứng, Phòng chính trị Nam Bộ
- Nguyễn Đức Hình, Phòng chính trị Nam Bộ
- Trần Xuân Độ, Chính trị bộ chủ nhiệm Khu 7
- Nguyễn Văn Sĩ (Sĩ Kiềng), thiếu tướng, Tiểu đoàn 307
- Trần Văn Đẩu (Tur Đẩu), Chi đội phó Chi đội 11
- Huỳnh Thế Phương Chi đội phó Chi đội Trần Phú
- Phan Trọng Tuệ, Chánh uỷ khu 7
- Cao Văn Bồ, Tỉnh đội trưởng Biên Hoà
- Lê Minh Xuân, Trưởng ty công an Tân An
- Vũ Đình Thiệp, Thư ký của Nguyễn Bình ở chiến khu Đông Triều
- Hoàng Thị Thanh, Liên lạc thành của Nguyễn Bình
- Vương Thị Trinh, Trưởng phòng mật mã Nam Bộ.

- Trần Văn Quới, Bộ đội An Điền (Chi đội 25)
- Ung Văn Khiêm, uỷ viên Nội vụ Nam Bộ
- Thanh Sơn Nguyễn Văn Tây, Trưởng ban quân sự Nam Bộ
- Nguyễn Đăng, Tham mưu trưởng quân Khu 8
- Dương Văn Giải, Tiểu đoàn 303
- Lưu Hồng Cúc, Cẩm tử Thành
- Nguyễn Văn Tuồng, Quân nhu Khu 8
- Nguyễn Thế Trường (cháu gọi Nguyễn Bình bằng chú), Bần Yên Phú, huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên

Phụ lục

Nguyễn Bình, huyền thoại và sự thật là truyện dài tư liệu lịch sử hiện đại với những nhân vật và sự kiện có thật trên chiến trường Nam Bộ từ đầu đến cuối cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954).

Các tư liệu dưới đây được xếp theo thứ tự thời gian chung quanh vấn đề Bảy Viễn đầu Tây:

1 - Biên bản hội nghị ngày 25 -3-1948

Về việc ông Mười Trí được cử đại diện Bình Xuyên trong UBKC-HC thành Sài Gòn - Chợ Lớn

2 - Biên bản hội nghị ngày 26 -5 -1948 để giải quyết vấn đề Khu 7

3 - Bài nói chuyện của Trung tướng Nguyễn Bình về bộ đội Bình Xuyên ngày 26 -4 -1948

4 - Tuyên ngôn của chiến sĩ Bình Xuyên về việc Bảy Viễn đầu giặc Pháp

5 - Thanh minh của ông Mười Trí

6 - Châu Tri của UBKC-HC Nam Bộ ngày 29-6-1948 về việc Bảy Viễn đầu Tây.

7 - Thông cáo của UBKC-HC Nam Bộ ngày 20-7-1948 về việc Bảy Viễn đầu Tây

8 - Thư gửi ông Nguyễn Thành Vĩnh số 688-QS của trung tướng Nguyễn Bình

9 - Thư từ biệt của Trung tướng Nguyễn Bình gửi ông Nguyễn Thành Vĩnh ngày 30-4-1950

Tác giả xin trân trọng cảm ơn Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh nguyên là uỷ viên Tài chánh trong Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ đã cung cấp tư liệu trên để giúp tác giả hoàn chỉnh bản thảo này.

Thư Nguyễn Bình

Trung tướng Nguyễn Bình gửi thư từ biệt ông bạn thân Nguyễn Thành Vĩnh

Bạn Nguyễn Thành Vĩnh

Tìm bạn để chào bạn trước khi đi xa mà tiếc không được gặp.

Trong mấy năm trời trên đường cứu quốc, chúng ta quen nhau, hiểu nhau và kính nể nhau, quý mến nhau.

Xa bạn tôi không quên được những cử chỉ thanh cao và thành thật của bạn - và cũng không bao giờ quên được ngày đầu tiên gặp bạn tại nhà bạn ở Đa Kao Sài Gòn ngày Nam Bộ điều linh và gian khổ nhất.

Hôm nay phải xa bạn, xin chúc bạn đầy sức khỏe và mạnh tiến trên đường giải phóng cho dân tộc và nhân loại khỏi ách tham tàn bóc lột của tư bản đế quốc

Thân ái siết tay bạn.

Bình

Nguyễn Bình

30-4-1950

T.B. Không có gì để lại làm kỷ niệm tặng bạn. Xin tặng bạn cuốn album nhỏ kỷ niệm ngày lễ thụ phong của tôi có bạn tham dự.

Bình

Vụ Tướng Nguyễn Bình

Nhật báo Nhân Dân ở Hà Nội số 347 ra ngày 7.3.2000 có đăng một bản tin dưới đầu đề “Tìm thấy hài cốt Tướng Nguyễn Bình” nguyên văn như sau: “Đảng ủy Quân sự Trung ương - Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Thành ủy, UBND TP Hồ Chí Minh và gia đình báo tin:

Liệt sĩ Trung tướng Nguyễn Bình, nguyên Chỉ huy Chiến khu Đông Triều, Khu trưởng Khu 7,

Tư lệnh chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Nam Bộ (Tư lệnh Nam Bộ); sinh năm 1908; quê quán xã Tịnh Tiến, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; tham gia cách mạng năm 1925; Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng nhất, Huân chương Chiến thắng hạng nhất. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông đã hy sinh ngày 29.9.1951, tại tỉnh Ra-ta-na-ki-ri, Cambodia. Được sự quan tâm của Đảng, Chính phủ và sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của Chính phủ Hoàng gia Cambodia, Đội công tác của Bộ Quốc phòng đã tìm được hài cốt Trung tướng Nguyễn Bình và đưa về nước ngày 29.2.2000.

“Lễ truy điệu và mai táng hài cốt liệt sĩ Trung tướng Nguyễn Bình tổ chức trọng thể theo nghi thức quân đội tại Hội trường Quân khu 7, vào hồi 8 giờ ngày 11.3.2000 và tổ chức an táng cùng ngày tại Nghĩa trang liệt sĩ TP Hồ Chí Minh.”

Các hoạt động Tướng Nguyễn Bình và cái chết của ông đã gây nhiều tranh luận gần 50 năm qua. Tướng Nguyễn Bình là ai và đã đóng vai trò gì trong các cuộc chính biến tại Việt Nam? Tại sao có nhiều tranh luận chung quanh các hoạt động và cái chết của ông? Tướng Nguyễn Bình đã chết ngày 29.9.1951 tại Cambodia. Việt Cộng biết rất rõ nơi ông bị bắn, tại sao đến lúc này Hà Nội mới cho đi tìm xác ông đem về, truy tặng huân chương và tôn vinh như một anh hùng? Khi dùng mấy chữ “Tư lệnh chỉ huy Quân Đội Quốc Gia” (viết hoa), nhà cầm quyền Hà Nội muốn gì? Đây là những bí mật cần được khai phá để làm sáng tỏ hơn những trang sử cận đại của chúng ta.

1.- Những tài liệu liên quan đến Tướng Nguyễn Bình. Trong bộ “Những Bí Ẩn Lịch Sử Đảng Sau Cuộc Chiến Việt Nam”, Quyển I, chúng tôi đã đề cập đến Tướng Nguyễn Bình trong các biến cố xảy ra từ 1945 đến 1947. Phần tiếp theo sẽ được đề cập trong Quyển II sắp xuất bản. Ngoài ra, chúng ta có thể tham khảo các tài liệu sau đây để tìm hiểu về Tướng Nguyễn Bình:

- Hồ sơ của Mật Thám Pháp.
- Hai tập nhật ký của Tướng Nguyễn Bình và Vũ Bắc Nhạc do Mật Thám Pháp tịch thu được sau khi Tướng Nguyễn Bình bị bắn chết ở Cambodia
- “Ai giết Nguyễn Bình?”, Cờ Việt Tử, xuất bản tại Saigon vào thập niên 1950.
- “Tôi giết Nguyễn Bình”, Trần Kim Trúc, nhà xuất bản Đồng Nai, Saigon năm 1972.
- “The Quicksand War: Prelude to Vietnam” của sử gia Lucien Bodard, 1965.
- “Nguyễn Bình, huyền thoại và sự thật”, Nguyễn Hùng, xuất bản tại Saigon năm 1995.

Năm 1992, Nguyễn Hùng đã viết bài “Chuyến đi cuối cùng của Trung tướng Nguyễn Bình” đăng trên báo Tuổi Trẻ số 29. Nhưng nội dung của bài này chỉ nhằm mục đích biện minh cho

Đảng Cộng Sản Đông Dương về những dư luận không tốt chung quanh cái chết của Tướng Nguyễn Bình nên không có giá trị bao nhiêu. Mới đây, ngày 8.3.2000 tác giả Huy Toàn đã phóng lên diễn đàn social.culture.vietnamese trên Internet một bài dưới nhan đề “Ai giết Tướng Nguyễn Bình” với một số tài liệu có giá trị, nhưng vì bài viết thiên về tuyên truyền chính trị nên tính cách khách quan có phần giảm đi. Có lẽ tác giả phải viết như vậy để tránh bị chụp mũ. Đây là một khó khăn lớn của người Việt hải ngoại khi muốn viết những bài nghiên cứu lịch sử. Chúng tôi mong tác giả sẽ có những bài nghiên cứu khác về Tướng Nguyễn Bình.

2.- Con người và những hoạt động của Nguyễn Bình. Dưới đầu đề “Tiểu sử Trung tướng Nguyễn Bình”, nhật báo Nhân Dân số nói trên đã viết về tiểu sử của Tướng Nguyễn Bình như sau:

“Trung tướng Nguyễn Bình, tức Nguyễn Phương Thảo, sinh năm 1908 tại xã Tịnh Tiến, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Từ năm 1925 đến năm 1927, tham gia hoạt động trong phong trào học sinh. Năm 1928 gia nhập Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Năm 1929 bị thực dân Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Trong nhà tù đế quốc, được những người cộng sản giác ngộ, ông đã kiên quyết từ bỏ Quốc dân Đảng, đi theo đường lối Đảng Cộng sản. Năm 1935 ra tù, tiếp tục hoạt động cách mạng trong phong trào bình dân, bị địch bắt ở Thái Nguyên (năm 1936) và Hưng Yên (năm 1938). Năm 1942, hoạt động ở Lai Châu. Năm 1943, được Trung ương giao phụ trách binh vận, mua sắm vũ khí cho cách mạng ở Hà Nội, Hải Phòng. Tháng 3-1945, ông tổ chức đánh địch ở Hải Phòng, Đông Triều, Uông Bí, tham gia tổ chức và chỉ huy Chiến khu Đông Triều. Tháng 7-1945, ông chỉ huy đánh chiếm giải phóng thị xã Quảng Yên; trong Cách mạng Tháng Tám, tham gia chỉ huy giành chính quyền ở Hải Phòng, Kiến An, Hải Dương; sau đó được Trung ương chỉ định làm Khu trưởng Khu Duyên hải Bắc Bộ (nay thuộc Quân khu 3).

“Tháng 10-1945, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp giao nhiệm vụ vào Nam Bộ. Tháng 11-1945, ông là Khu trưởng Khu 7. Năm 1946, được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1948 được bổ nhiệm làm Tư lệnh chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Nam Bộ (Tư lệnh Nam Bộ.) Ngày 25.1.1948, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh phong quân hàm Trung tướng.

Năm 1951, Trung tướng Nguyễn Bình được Trung ương triệu tập ra Bắc báo cáo, trên đường thi hành nhiệm vụ, ông bị địch phục kích và hy sinh ngày 29.9.1951 tại tỉnh Ra-ta-na-ki-ri, Cambodia.

Do công lao đối với sự nghiệp cách mạng, ông liệt sĩ Trung tướng Nguyễn Bình đã được Đảng, Nhà nước truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng nhất, Huân chương Chiến thắng hạng nhất.”

Bản tiểu sử được công bố này không hoàn toàn đúng sự thật và có nhiều sự kiện đã bị bóp méo một cách nghiêm trọng.

Căn cứ vào những tài liệu nói trên, chúng ta được biết lúc nhỏ Nguyễn Bình học tại Hưng Yên. Năm 1926, tức lúc 18 tuổi, ông tham gia lễ truy điệu Phan Chu Trinh nên bị đuổi học. Ông được một nhóm hoạt động cách mạng đưa xuống làm các công việc lật vật ở dưới tàu để trốn qua Trung Quốc. Tại đây, ông đã gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng và trở về Việt Nam hoạt động. Năm 1929, sau khi vụ khởi nghĩa Yên Bái thất bại, ông bị Pháp bắt và giam ở Hỏa Lò, bị tuyên án 5 năm tù ở và bị đày ra Côn Đảo cùng một lần với Nhưộng Tống, Nghiêm Toản... Hết hạn tù, năm 1935 Nguyễn Bình trở về và đi theo nhóm Đệ Tứ Quốc Tế. Trong thời gian đó, hai nhóm Đệ Tam Quốc Tế và Đệ Tứ Quốc Tế tại Việt Nam đang hoạt động chung với nhau. Đến khi xảy ra sự xung đột giữa Staline và Trotsky ở Nga, nhóm Đệ Tam và Đệ Tứ ở Pháp cũng chống đối nhau, Mặt Trận Bình Dân tan rã. Ngày 19.5.1937 Đảng Cộng Sản Pháp ra lệnh cho Đệ Tam Quốc Tế ở Việt Nam chấm dứt hợp tác với nhóm Đệ Tứ. Nguyễn Bình nhảy qua hoạt động với nhóm Đệ Tam Quốc Tế, tức nhóm Đảng Cộng Sản Đông Dương. Là một người nhanh nhẹn, tháo vát, can đảm và có nhiều mưu lược, Nguyễn Bình được giao cho phụ trách Chiến Khu Đông Triều. Sau cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945, Nguyễn Bình được Việt Minh cử làm Khu Trưởng Khu Duyên Hải Bắc Bộ, rồi Tư Lệnh Đệ Tứ Quân Khu gồm Mông Cái, Cẩm Phả và Hòn Gai. Tài liệu của Pháp cho biết Nguyễn Bình đã gia nhập đảng Đảng Cộng Sản vào năm 1940, nhưng theo tài liệu của Đảng Cộng Sản Việt Nam vừa công bố, Nguyễn Bình vào Đảng năm 1946(?).

Ngày 7.7.1945, Vũ Kim Thành thuộc Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội (Việt Cách) từ Trung Hoa trở về, đã đánh đuổi quân Nhật ra khỏi thành Mông Cái, nhưng ngày 21.7.1945 Nhật phản công trở lại, Việt Cách yếu thế phải rút về huyện Phong Thành, cách Mông Cái khoảng 60 cây số. Khi Nhật đầu hàng Đồng Minh, Vũ Kim Thành trở về chiếm Mông Cái, cử Vệ An Quốc (tức Vi Văn Lưu) làm Đệ Nhất Sư Trưởng. Vệ An Quốc đã từng được Nhật cử giữ chức Giám Đốc Bảo An Binh tại Mông Cái. Tổng số quân của Vệ Quốc An lúc đó chỉ mới khoảng 400 người, được chia ra đóng ở các đồn Hà Hồi, Đầm Hà, Tiên Yên, Cửa Ông và Cẩm Phả. Ngày 9.9.1945, Vũ Kim Thành ra lệnh tập trung quân tại Quảng Yên để đánh quân Pháp. Khi Vệ An Quốc mới đem quân tới Hòn Gai thì Nguyễn Bình đến đề nghị hợp tác chống xâm lăng. Sau khi hai bên đồng ý hợp tác, Nguyễn Bình ra lệnh phân tán lực lượng của Vệ An Quốc đi mỗi nơi một ít. Biết bị lừa, Vệ An Quốc không tuân lệnh thì Nguyễn Bình ra lệnh bắt Vệ Quốc An và đưa về giam ở trại giam Hải An, Hải Phòng. Ít ngày sau, Vệ An Quốc trốn được và quay trở về Hòn Gai. Tháng 9 năm 1945, Nguyễn Bình đánh nhau với quân Trung Hoa ở Quảng Yên và Hải Phòng. Bị Tướng Lư Hán khiêu nại, Hồ Chí Minh phải cất chức Nguyễn Bình và giả cho bắt giam ông. Tháng 10

năm 1945, Hồ Chí Minh cử Nguyễn Bình vào miền Nam thay thế Trần Văn Giàu. Tại đây, Nguyễn Bình được phong làm Khu Trưởng Khu 7, gồm các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Mới nhận chức, Nguyễn Bình thấy ngay các bộ đội Việt Minh do Huỳnh Tấn Chùa, Đào Sơn Tây và Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy quá nhỏ bé về quân số cũng như vũ khí, trong khi đó, các tổ chức chống Pháp khác như các lực lượng của hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, Bộ Đội An Điền của Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đệ Tam Sư Đoàn của Việt Quốc... khá lớn mạnh, nên Nguyễn Bình tìm cách kết hợp để sử dụng các lực lượng này.

Sau khi Chính Phủ Liên Hiệp Kháng Chiến được thành lập tại Hà Nội, ngày 2.4.1946 Nguyễn Bình đã triệu tập một phiên họp tại xã Mỹ Lộc, Tân Uyên, nơi Nguyễn Bình đang đặt Tổng Hành Dinh của Khu 7, để thành lập Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Nam Bộ (gọi tắt là Ủy Ban Hành Kháng Nam Bộ) và mời các giáo phái và đảng phái đến tham dự. Ủy Ban bầu Luật sư Phạm Ngọc Thuần làm Chủ Tịch với một số Ủy Viên là Phạm Thiều, Đặng Ngọc Tốt, Nguyễn Thành Vĩnh và Kha Vạn Cân. Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ có tham dự cuộc họp này

Nhận thấy chỉ liên hiệp về quân sự thôi không đủ để liên kết các tổ chức tranh đấu tại miền Nam lại và tạo sức mạnh để chống Pháp, Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ đã quyết định thành lập một mặt trận rộng lớn hơn. Công việc này được giao phó cho ông Vũ Tam Anh (tức Nguyễn Ngọc Nhan). Vũ Tam Anh triệu tập một hội nghị vào ngày 20.4.1946 gồm hầu hết các đoàn thể đấu tranh tại miền Nam. Việt Minh đã gửi bốn đại diện tới tham dự, đó là Mai Thọ Trân, Phạm Thiều, Phan Đình Công và Huỳnh Tấn Chùa. Hội nghị quyết định lập Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp do Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ làm Chủ Tịch, dưới bí danh Hoàng Anh. Vũ Tam Anh làm Phó Chủ Tịch, Mai Thọ Trân (Việt Minh) làm Thư Ký, Huỳnh Văn Trí (tức Mười Trí) làm Ủy Viên Quân Sự. Sau đó, các lực lượng kháng chiến ngoài Việt Minh đã được tái phối trí lại như sau:

Huỳnh Văn Trí (tức Mười Trí), Tư Lệnh Trung Đoàn 4 Bình Xuyên; Phạm Hữu Đức, Tư Lệnh Trung Đoàn 5 (tức Đệ Tam Sư Đoàn cũ); Bùi Hữu Phiệt, Tư Lệnh Trung Đoàn 25 (tức Bộ Đội An Điền cũ của Đại Việt) và Trịnh Minh Thế, Chỉ Huy Trưởng Cao Đài kháng chiến.

Ngày 27.5.1946, Hồ Chí Minh cho thành lập Hội Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam, gọi tắt là Mặt Trận Liên Việt, Nguyễn Bình và Phạm Thiều tuyên bố rút khỏi Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ và yêu cầu các tổ chức gia nhập Mặt Trận Liên Việt, nhưng không ai đồng ý. Ngày 20.8.1946, Nguyễn Bình ra lệnh giải tán Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp. Mặt Trận này quyết định rút về hoạt động tại Hậu Giang, lập Chiến Khu 8 ở Đồng Tháp và Chiến Khu 9 ở U Minh. Nguyễn Bình đi tới quyết định một mất một còn với Mặt Trận này

Trước hết, Nguyễn Bình chỉ định Tư Ty làm Tư Lệnh Phó Trung Đoàn 25 để kiểm chế Bùi Hữu Phiệt. Huỳnh Văn Trí và Bùi Hữu Phiệt biết được âm mưu này, nhưng chưa biết phải đối

phó cách nào. Một hôm, có cuộc họp tại Khu 7, Huỳnh Văn Trí, Tư Lệnh Trung Đoàn 4, không đi được, đã phái Sáu Xếch Xong, Tư Lệnh Phó đi. Sở dĩ gọi là Sáu Xếch Xong vì trước đây anh ta là “chef de section”, tức tiểu đội trưởng của Pháp. Sau khi đi họp về, Sáu Xếch Xong tiết lộ rằng trong kỳ họp trước Nguyễn Bình đã biệt đãi anh và giữ anh lại. Sau đó Nguyễn Bình đề nghị anh bắt trọn Bộ Tham Mưu Trung Đoàn 25, và hứa nếu việc này thành công sẽ thưởng 20.000 đồng và phong cho làm Tư Lệnh Trung Đoàn 25. Nguyễn Bình trao cho anh một khẩu súng “ngựa bay” và 5.000 đồng tiền cọc trước. Hôm nào trả lời dứt khoát sẽ đưa số tiền còn lại. Trong kỳ họp vừa qua, anh đã trả lời dứt khoát nên Nguyễn Bình đã trao hết số tiền còn lại cho anh. Nghe tin này, Huỳnh Văn Trí đi báo tin cho Bùi Hữu Phiệt biết và cùng lập kế thanh toán Nguyễn Bình. Cuộc bố trí hạ sát Nguyễn Bình đã diễn ra tại một ngôi miếu, gần Lò Đường, bên Vàm Cỏ Đông. Nguyễn Bình bị thương rất nặng, được cận vệ khiêng đi, nhưng không chết. Sau đó Nguyễn Bình tìm cách trả đũa, cho lực lượng Việt Minh phục kích, hạ sát Bùi Hữu Phiệt và Bộ Tư Lệnh Trung Đoàn 25 rồi biến Trung Đoàn này thành lực lượng của Việt Minh. Với những công trạng trên, ngày 25.1.1948, Hồ Chí Minh phong cho Nguyễn Bình lên Trung Tướng và cử làm Tư Lệnh Nam Bộ.

3.- Tướng Nguyễn Bình bị loại

Năm 1949, quân Mao Trạch Đông chiếm được Trung Quốc, quân Tưởng Giới Thạch chạy qua Đài Loan. Ngày 1.10.1949, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc. Kể từ đây, cuộc chiến Việt Nam bắt đầu xoay chiều. Lịch sử kháng chiến của Việt Minh từ tháng 12 năm 1946 đến giữa năm 1949 chỉ là những cuộc tháo chạy. Sau khi Mao Trạch Đông chiếm Trung Hoa, Việt Minh bắt đầu nhận sự viện trợ của Đảng Cộng Sản Trung Quốc và phục hồi lại. Nhiều cấp chỉ huy của quân đội Việt Minh được đưa qua Trung Quốc huấn luyện về chính trị và quân sự, nhất là du kích chiến. Kèm theo sự viện trợ, Mao Trạch Đông khuyến cáo Đảng Cộng Sản Đông Dương phải “chỉnh Đảng”, loại trừ các thành phần tư sản và các thành phần trước đây đã ở trong phe địch hay đã từng làm phản gián cho địch. Chính trong đợt “chỉnh Đảng” này, Hoàng Hữu Nam (Thứ Trưởng Nội Vụ), Lê Giản (Giám Đốc Công An), Chu Đình Xương, Nguyễn Văn Ngọc... là các đảng viên được tình báo Mỹ giải thoát và đưa về giúp Việt Minh, đã bị loại và bị thanh toán. Các thành phần Việt Nam Quốc Dân Đảng rút theo Việt Minh năm 1946 và 1947 bị cho giải ngũ, bị đấu tố hay bị giết. Hai tướng nổi danh nhất đã giúp Việt Minh kháng cự lại với Pháp trong những ngày khó khăn nhất là Tướng Nguyễn Sơn ở Liên Khu IV và Tướng Nguyễn Bình, Tư Lệnh Nam Bộ, cũng bị loại. Tướng Nguyễn Sơn bị trả về Trung Quốc, còn Tướng Nguyễn Bình bị triệu tập ra Bắc báo cáo. Vào tháng 5 năm 1951, Lê Duẩn đã đưa cho Tướng Nguyễn Bình một lá thư của Võ Nguyên Giáp, trong đó có đoạn như sau:

“Đồng chí thân mến,

“Đồng chí sẽ được một toán hộ tổng gồm 30 nhân viên tùy tùng. Tôi tin rằng đồng chí sẽ hoàn thành được sứ mạng giao phó. Điều đó rất quan trọng cho chúng ta. Đồng chí sẽ đi dò dẫm một con đường trong rừng, băng qua các tỉnh Cam Bốt như Kompong Cham, Kratié, Stung Treng.”

Mặc dầu đang bị sốt rét nặng, ngày 26.7.1951 Nguyễn Bình vẫn phải lên đường ra Bắc đi theo ngã Cambodia với 30 quân hộ vệ. Ngày 28.7.1951 Nguyễn Bình lên cơn sốt dữ dội, phải dừng lại ở Bến Re. Ngày 10.8.1951 Nguyễn Bình bắt đầu vượt biên giới bằng đường bộ qua Cambodia. Ngày 29.9.1951, toán quân của Nguyễn Bình bất thần chạm súng với một tiểu đội tuần thám của Tiểu đoàn 4 Miên tại một làng trong núi Romphé, thuộc thung lũng sông Srépok. Tiểu đội này do Trung sĩ nhứt Sang Saroun chỉ huy. Trong cuộc chạm súng này, Nguyễn Bình đã bị tử thương. Lính Miên đuổi theo những người bỏ chạy, bắt được một sĩ quan. Tên sĩ quan bị bắt cho biết người bị chết chính là Tướng Nguyễn Bình. Khi được báo tin, Pháp liền ra lệnh cho toán tuần thám chặt hai tay của người chết gửi về Saigon để giải nghiệm. Sau khi lấy dấu tay, ngày hôm sau Pháp công bố người bị giết là Tướng Nguyễn Bình. Ngoài ra, trong ngày 30.10.51, quân Pháp còn thu được một tập nhật ký của Nguyễn Bình viết trên giấy vở học trò từ ngày từ 26.7.1951 đến 29.9.1951, và một tập nhật ký của Vũ Bắc Nhạc, chỉ huy phó của toán quân hộ tổng Nguyễn Bình. Chính nhờ hai cuốn nhật ký này, người ta đã khám phá ra việc Tướng Nguyễn Bình bị loại. Lucien Bodard đã ghi lại trong cuốn “The Quicksand War: Prelude to Vietnam” như sau:

“Đó là một nười đàn ông vóc dáng trung bình, mặc áo may-ô thể thao, quần gabardine màu xanh, đã chết. Trên cổ tay của ông ta có đeo một đồng hồ hiệu Movado. Gương mặt ông ta ẩn sau cặp kính mát to lớn của Mỹ. Trên bao da đựng cây súng colt có viết chữ “Bình”. Toán tuần tiểu truy kích đám quân Việt Minh bắt được một người sĩ quan của họ. Người này ban đầu còn chối, cho biết là họ là dân ở gần đi lạc. Nhưng sau cùng đã khai thật: tử thi của người đàn ông mặc quần gabardine chính là Nguyễn Bình, Trung tướng Tư lệnh Lực lượng Kháng chiến ở Nam Bộ... Người sĩ quan trên còn nêu ra những chi tiết lạ lùng: Trong khi hai bên giao tranh, Nguyễn Bình chỉ bị thương nhẹ, nhưng tên chính ủy đã ra lệnh kết liễu ông ta bằng 2 phát súng bắn vào đầu. Một người đã bắn vào sọ ông ta bằng súng lục, rồi tất cả tẩu thoát mất dạng.”

4.- Một vài nhận xét

Nhận xét thứ nhất là về con người của Nguyễn Bình. Ai cũng nhìn nhận rằng Nguyễn Bình là một người có lòng yêu nước rất cao và sẵn sàng chấp nhận mọi gian khó khi đấu tranh. Ông lại là người rất thông minh và mưu lược. Tuy không tốt nghiệp trường quân sự nào, ông đã điều

binh khiến tướng không thua gì các danh tướng. Tướng Salan của Pháp đã từng nhìn nhận rằng tài quân sự của Nguyễn Bình còn hơn cả Võ Nguyên Giáp. Tuy nhiên, sau khi sống và làm việc chung với những người cộng sản, ông cũng lưu manh không kém gì những người này. Kế hoạch thanh toán các đơn vị Việt Quốc và Việt Cách ở miền Bắc hay các đơn vị giáo phái ở miền Nam của Nguyễn Bình cũng vô cùng thâm độc và kinh hoàng. Nhận xét thứ hai là Trung Cộng đã đóng vai trò rất lớn trong cuộc chiến Việt Nam. Không có chiến thắng của Mao Trạch Đông ở Trung Quốc sẽ không bao giờ có chiến thắng của Việt Cộng ở Việt Nam. Nhận viện trợ của Trung Cộng, Việt Cộng phải rập theo phần nào khuôn mẫu cách mạng của Trung Cộng gây nên những thảm khốc và điều tàn trên đất nước.

Nhận xét thứ ba về cái chết của Tướng Nguyễn Bình. Đa số các sách báo của người Việt hải ngoại thường quyết đoán rằng Việt Minh đã báo tin cho Pháp phục kích và giết Tướng Nguyễn Bình, nhưng chưa tìm thấy tài liệu nào cho thấy mật thám Pháp có nhận được sự báo tin đó từ bất cứ đâu đến. Về việc tên chính ủy ra lệnh cho một thuộc cấp giết Nguyễn Bình khi ông bị thương không nặng lắm, đa số quyết đoán rằng bộ chỉ huy Việt Minh đã ra lệnh cho tên chính ủy này hạ sát Nguyễn Bình khi có cơ hội. Cũng chưa có tài liệu nào chứng minh có lệnh đó. Giả thiết thứ hai cũng cần phải lưu ý: Hồ Chí Minh không muốn giết Nguyễn Bình mà chỉ muốn đưa ông ra Bắc để theo dõi hay kiểm soát mà thôi. Nếu muốn giết ông, Việt Minh có thể cho ông tử trận tại miền Nam một cách dễ dàng, không cần phải giả gọi ra Bắc rồi giết. Tuy nhiên, bộ chỉ huy Việt Minh đã ra lệnh cho toán hộ vệ đừng để Nguyễn Bình rơi vào tay Pháp, vì sợ nếu Pháp bắt được ông sẽ xử dụng ông để chống lại Việt Minh. Do đó, khi gặp quân Pháp phục kích, nếu thấy Nguyễn Bình khó thoát được thì phải giết đi để trừ hậu họa. Đây là lý do khiến tên chính ủy đã ra lệnh bắn Nguyễn Bình khi bị truy đuổi, mặc dầu ông bị thương không nặng lắm.

Nhận xét sau cùng là việc Hà Nội bỗng nhiên ra lệnh đi tìm hài cốt của Tướng Nguyễn Bình đưa về an táng và truy tặng huy chương. Đây là một việc làm có hậu ý. Trong suốt 50 năm qua, kể từ 1945, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã cho viết nhiều tài liệu thóa mạ nặng nề Nhà Nguyễn, các tổ chức và các nhà lãnh đạo chống Pháp không theo Cộng Sản. Nhưng trong những năm gần đây, bỗng nhiên Hà Nội cho xuất bản vô số sách báo ca tụng công trình của nhà Nguyễn và các nhà cách mạng Việt Nam không cộng sản như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... và ngay cả nhóm Tự Lực Văn Đoàn, một nhóm đã bị kết án là phản động. Đây là một nỗ lực chứng minh đang có chính sách hòa giải giữa các thành phần dân tộc khi bước vào giai đoạn lịch sử mới. Hòa giải thật hay chỉ là chiến thuật thì chưa biết được. Vụ đưa hài cốt của Nguyễn Bình về tuyên dương cũng nằm trong nỗ lực nói trên. Những sự nghiên cứu lịch sử cận đại một cách khách quan sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn những diễn biến phức tạp trên đất nước trong hơn nửa thế kỷ qua. Chúng tôi mong có nhiều người tham gia vào công trình này

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>